

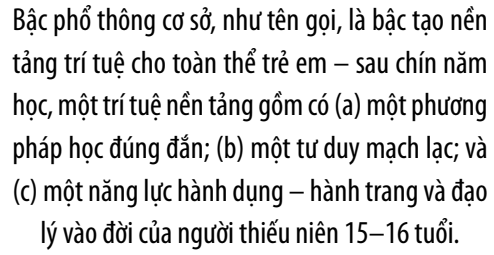


Tập thể tác giả
Nhóm Cánh Buồm

Bậc Phổ thông cơ sở, như tên gọi, là bậc tạo nền tảng trí tuệ cho toàn thể trẻ em – sau chín năm học, một trí tuệ nền tảng gồm có (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành dụng – hành trang và đạo lý vào đời của người thiếu niên 15-16 tuổi.

VĂN 9

Nghiên cứu nghệ thuật



VĂN 9

NGHIÊN CỨU NGHỆ THUẬT

VĂN 9

© Nhóm Cánh Buồm, 2016

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử không có sự cho phép của nhóm Cánh Buồm là vi phạm bản quyền.

Email: lienhe@canhbuom.edu.vn | Website: www.canhbuom.edu.vn

BIÊN SOẠN:

Bài mở đầu: Nội dung và cách học Văn Lớp 9 (Phạm Toàn)

PHẦN 1 TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

Bài nhập: Một cách học *Truyện Kiều* (Nguyễn Thế Anh)

Bài 1: Tổng quan về *Truyện Kiều* (Nguyễn Thế Anh)

Bài 2: Cách thức *Truyện Kiều* lan tỏa trong đông đảo nhân dân (Nguyễn Thế Anh)

Bài tập lớn 1: Chơi đồ Kiều

Bài tập lớn 2: Chơi bói Kiều

Bài 3: Cách thức *Truyện Kiều* lan tỏa trong giới trí thức (Nguyễn Thế Anh)

Bài 4: *Truyện Kiều* một giá trị văn hóa Việt Nam đặc sắc (Nguyễn Thế Anh)

Bài 5: *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* của Phan Ngọc (Phạm Anh Tuấn)

Bài 6: Ngôn ngữ nhân vật trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Lộc)

PHẦN 2 TÁC PHẨM FAUST CỦA GOETHE

Bài nhập: Tại sao học *Faust*? (Dương Tường và Phạm Anh Tuấn)

Bài 7: Đến với tiến sĩ *Faust* (Quang Chiến)

Bài 8: *Màn giáo đầu ở Nhà hát* (Quang Chiến)

Bài 9: *Khúc dạo đầu trên Thiên đường* (Quang Chiến)

PHẦN 3 TỔNG KẾT CON ĐƯỜNG HỌC VĂN BẬC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Chín năm giáo dục phổ thông: biết cách học Văn để tạo năng lực nghệ thuật (Phạm Toàn)

Bài học cuối năm: Đánh giá và tự đánh giá (Phạm Toàn)

Các tác giả soạn văn bản chính, các bài tập đều do ban Biên tập nhóm Cánh Buồm soạn

Tổ chức bản thảo: Phạm Toàn, Nguyễn Thị Minh Hà, Lê Thời Tân và Nguyễn Thị Thanh Hải

Hỗ trợ đọc bản thảo cuối cùng: Bùi Văn Nam Sơn, Phạm Khiêm Ích, Đặng Tiến,

Hoàng Trọng Phiến, Mạc Văn Trang, Lê Thời Tân

Chịu trách nhiệm cuối cùng: Nhóm Cánh Buồm

(Các hình ảnh sử dụng trong sách này được chúng tôi lấy xuống từ Internet)

Bộ sách Phổ thông cơ sở Cánh Buồm

Dùng chung tên gọi các bậc học với hệ thống giáo dục đương thời, nhóm Cánh Buồm chỉ thay đổi *cách học* sao cho tự thân từng học sinh có thể đến với những điều *cao hơn, xa hơn, và dễ tự học hơn* so với một nền giáo dục lấy bục giảng làm trung tâm. Nhiệm vụ bậc học, cũng là mục tiêu trông chờ ở cuối bậc Phổ thông cơ sở Cánh Buồm là một nền tảng trí tuệ làm hành trang vào đời cho toàn thể thanh thiếu niên – (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành động.

Bậc Phổ thông cơ sở chín năm là một thể thống nhất, chia ra hai giai đoạn với nhiệm vụ khác nhau nhưng nối tiếp nhau và đã được thể hiện trong sách Văn và sách Tiếng Việt Cánh Buồm:

- Giai đoạn Tiểu học Cánh Buồm năm năm có nhiệm vụ rèn luyện *phương pháp học* mà mục tiêu là sở hữu cách tự học;
- Giai đoạn Trung học cơ sở Cánh Buồm bốn năm có nhiệm vụ giúp các em dùng phương pháp học đã có để *tự tìm đến các tri thức* cần thiết;

Từ đó có thể suy ra: nhiệm vụ của bậc Phổ thông Trung học là *tập nghiên cứu* để chuẩn bị cho cách *tập độc lập nghiên cứu* ở bậc Đại học (và cách *độc lập nghiên cứu* ở bậc sau Đại học).

Đi theo định nghĩa trên, bộ sách Tiểu học Cánh Buồm (đột phá với hai môn Tiếng Việt và Văn) thể hiện rõ tính chất *tập tự học*. Đến bộ sách Trung học cơ sở Cánh Buồm này, hoạt động học được tập trung vào hành động *tự học*. Việc học tiến hành bằng tự nghiên cứu, trao đổi nhóm, viết tiểu luận, hội thảo khoa học, xuất bản kỷ yếu xem như công trình tự đánh giá của cả lớp, cũng là cái mốc tham khảo cho các bạn năm học sau.

Tiếp nối cách học từ bậc Tiểu học Cánh Buồm, người dạy (bao gồm giáo viên và những người đỡ đầu trí tuệ khác) sẽ dắt dẫn học sinh đi dần vào con đường tự học. Cụ thể là, với mỗi bài học, người dạy vẫn nên hướng dẫn ngắn gọn về chủ đề, nội dung và cách học; rồi khi đi vào chi tiết, sau một “câu hỏi suy ngẫm”, hoặc sau “lời gợi ý thảo luận”... người dạy cần phải đòi hỏi học sinh viết ý tưởng của mình thành đoạn văn năm câu – năng lực đã được rèn từ Lớp 4 và Lớp 5.

Sẽ dễ dàng cho học sinh nếu các em được học sách Tiểu học Cánh Buồm

trước khi dùng sách Trung học cơ sở Cánh Buồm – ít ra cũng phải học hai tập sách tự học *Tiếng Việt* và *Văn* dành cho các em trên mười tuổi.

Trong tiến trình giáo dục này, giáo viên có cơ hội đồng hành cùng học sinh thân yêu của mình. Theo cách tổ chức học này, uy tín của thầy cô giáo và tình nghĩa nhà giáo với học trò sẽ được tạo dựng theo cách khác, dân chủ, cởi mở và thẳng thắn.

Mong các bạn thành công.

Nhóm Cánh Buồm

BÀI MỞ ĐẦU

NỘI DUNG VÀ CÁCH HỌC VĂN LỚP 9

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Theo lộ trình học Văn theo chương trình Cánh Buồm, năm nay là năm cuối cùng giáo dục phổ thông cơ sở trước khi các bạn vào đời tự kiếm sống, hoặc học trường nghề, hoặc học lên bậc trên để đi vào con đường tập nghiên cứu (quen gọi là bậc Phổ thông trung học) để lên bậc đại học tập độ lập nghiên cứu.

Đây là lúc các bạn cùng Cánh Buồm nhìn lại *cách học Văn* những năm qua để bước vào giai đoạn “nước rút” công cuộc tự học – tự giáo dục của mình.

Tám năm qua, các bạn đã học Văn như thế nào theo con đường đã được bộ sách Cánh Buồm dắt dẫn?

Trước hết, mục đích học Văn của các bạn không nhằm đào tạo các bạn thành những nhà văn, những nhà thơ hoặc những nhà viết kịch. Mục đích học Văn trong cuộc giáo dục phổ thông bậc cơ sở chỉ nhằm tổ chức tạo năng lực con người trưởng thành trong từng bạn. Con người trưởng thành đó phải có năng lực gì? Ngay trên trang bìa tất cả các sách Trung học cơ sở Cánh Buồm đã ghi rõ: *“Bậc Phổ thông cơ sở, như tên gọi, là bậc tạo nền tảng trí tuệ cho toàn thể trẻ em – sau chín năm học, một trí tuệ nền tảng gồm có (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành động – hành trang và đạo lý vào đời của người thiếu niên 15-16 tuổi.”*

Trong hành trang và đạo lý vào đời của người trưởng thành phải có năng lực Văn, hiểu như là năng lực xúc cảm nghệ thuật. Quá trình học Văn để tạo năng lực xúc cảm nghệ thuật từ Lớp 1 đến Lớp 9 không diễn ra theo con đường “nghe giảng về cái Đẹp nghệ thuật” mà diễn ra theo con đường *làm lại những thao tác chất lọc nhất của người nghệ sĩ* khi họ làm ra tác phẩm nghệ thuật. Những thao tác đó có cơ sở đầu tiên là lòng đồng cảm được học ngay từ Lớp 1 và hành dụng kéo dài suốt những năm sau – rồi thể hiện lòng đồng cảm là nhờ những thao tác nghệ thuật *tưởng tượng, liên tưởng, sắp xếp* (hoặc bố cục).

Khi học xong môn Văn của bậc Tiểu học, từng học sinh đã khá thành thạo trong *cách tạo ra tác phẩm nghệ thuật* bằng những thao tác nghệ thuật mà nhiều khi chính các nghệ sĩ cũng ít chú ý. Tuy “ít chú ý”, thậm chí “không chú ý” đến

cái nền tinh thần là lòng đồng cảm với con người, càng gần như không cần chú ý đến các thao tác nghệ thuật, song các nghệ sĩ lớn vẫn tạo ra những tác phẩm tuyệt vời, còn người học – người “đi sau” – thì cần phải học *một cách có ý thức* về những điều người đi trước đã tiến hành theo một cung cách nhiều khi như là bản năng, như là vô thức.

Lấy một ví dụ trong việc học tiếng Việt để làm rõ điều vừa nói. Người đời xưa, và cả trẻ em ba bốn tuổi, khi nói năng (và nói năng không sai) không hề nghĩ mình nói một câu phải có chủ ngữ và vị ngữ, không cần biết hai mệnh đề trong một câu có logic cần gắn với nhau theo công thức *Nếu... thì...* Nhưng người đi sau, khi học nói năng đúng, cần biết rõ một cách *có ý thức* về cấu tạo chủ ngữ và vị ngữ của câu, và muốn câu nói có logic thì cần chú ý đến công thức *Nếu... thì...*

Người nghệ sĩ cũng vậy. Khi sáng tác, họ không cần nghĩ mình đang có lòng đồng cảm, mình đang *tưởng tượng* ra và đang xây dựng một hình tượng, và mình đang tạo *liên tưởng* từ hình tượng đã tạo ra, và mình đang *sắp xếp* các chi tiết để có một tác phẩm trọn vẹn mang một ý nghĩa nhất định. Nhưng người đi sau, *người học*, thì cần học *có ý thức*, không mò mẫm, về lòng đồng cảm cùng những thao tác nghệ thuật.

Người đi sau, những học sinh phổ thông chúng ta, sẽ không học vì mục đích trở thành những con người cả đời chuyên môn tạo ra các tác phẩm nghệ thuật. Người đi sau học *cách làm ra tác phẩm* bằng cách “làm lại” tâm hồn và kỹ năng của người đi trước – các nghệ sĩ – nhưng học theo cách đó để không rơi vào cách học nghệ thuật bằng cách nghe tán dương về cái Đẹp nghệ thuật. Cách học nghệ thuật của chương trình Cánh Buồm là *làm lại những thao tác chất lọc của người nghệ sĩ khi làm ra cái Đẹp nghệ thuật* để tự mình am tường nghệ thuật qua cách làm ra tác phẩm nghệ thuật.

Dĩ nhiên, rồi các bạn có thể sẽ thành người nghệ sĩ, như các bậc đàn anh nhà thơ, nhà văn, kịch sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ... Nhưng trước mắt, khi còn trên ghế nhà trường phổ thông, mục tiêu đào tạo chỉ là tạo năng lực cho những con người trưởng thành bình thường nhưng có tâm hồn của người nghệ sĩ, không vô cảm trước nỗi đau và niềm vui của con người, và biết cách tận hưởng cái Đẹp nghệ thuật nhờ hiểu biết và cảm nhận được cách tạo ra cái Đẹp đó.

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Hết năm học Lớp 9 này các bạn sẽ vào đời. Năm học Lớp 9 này, các bạn sẽ

học trên tinh thần *nghiên cứu nghệ thuật* một tác phẩm lớn của dân tộc Việt Nam chúng ta và một tác phẩm lớn của dân tộc Đức nhưng đã được thừa nhận là di sản văn chương và triết học của loài người: *Truyện Kiều* của thi hào Nguyễn Du, và *Faust* của thi hào Johann Wolfgang von Goethe.

Chúng ta không tự khẳng định *Truyện Kiều* là tác phẩm lớn của loài người. Nhưng cho đến nay đã có tới trên 30 bản dịch *Truyện Kiều* ra hơn 20 thứ tiếng khác nhau như Pháp, Anh, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga, Hungari, Tiệp Khắc, Ba Lan, Phần Lan, Ả Rập, Đức, Bungari, Rumani, Mông Cổ, Thái Lan, Lào, Tây Ban Nha... Có thể nói, trên phương diện văn bản, *Truyện Kiều* đã được dịch ra hầu hết các thứ tiếng phổ cập nhất và đã đến được với đông đảo công chúng bạn đọc ở tất cả các nền văn hóa lớn trên thế giới.

Việc học *Truyện Kiều* sẽ đi theo cả hướng hàn lâm, bác học và hướng dân gian. Sách này sẽ giúp các bạn yêu và sẽ thuộc thuộc *Truyện Kiều* thông qua những sinh hoạt dân gian xung quanh *Truyện Kiều* như đố kiều, bói kiều, và cả những cách thức vừa dân gian vừa bác học như lấy kiều, vịnh Kiều. Sách này cũng sẽ giúp các bạn cách hiểu sâu hơn về phong cách *Truyện Kiều* để yêu *Truyện Kiều* một cách có ý thức hơn.

Tác phẩm *Faust* thì dường như đã được thừa nhận rộng rãi là tài sản của nhân loại. *Faust* là kiệt tác của văn học cổ điển Đức được phổ biến rộng rãi trong nước, được đưa vào chương trình giảng dạy ở nhà trường, được dịch ra nhiều tiếng nước ngoài, trong đó có tiếng Việt. Nhiều câu thơ của *Faust* đã trở thành châm ngôn, ngôn ngữ, những “lời hay ý đẹp” được xuất bản nhiều lần. Nhà thơ người Đức Heinrich Heine (1797–1856) đánh giá *Faust* là “*Kinh thánh cuộc đời của dân tộc Đức*”.

Việc học *Faust* cũng tiến hành tương tự như vậy, trừ việc yêu cầu các bạn sẽ thuộc *Faust* như thuộc *Truyện Kiều*.

Chủ đề *nghiên cứu nghệ thuật* của sách *Văn Lớp 9* này được hiểu theo tinh thần đó. Xin đừng nghĩ “*nghiên cứu nghệ thuật*” sẽ là cặm cụi nghe giảng những bài dài dòng cao xa lạ lẫm. *Nghiên cứu nghệ thuật* ở đây chỉ là nhìn lại và củng cố cách tự học và tự giáo dục năng lực nghệ thuật của mình. Hai công trình nghệ thuật quý giá của dân tộc ta và của loài người – *Truyện Kiều* và *Faust* – là những vật liệu để tiến hành việc nghiên cứu hành dụng đó.

Mời các bạn bắt đầu.

PHẦN 1

***Truyện Kiều* của Nguyễn Du**

BÀI NHẬP

MỘT CÁCH HỌC *TRUYỆN KIỀU*

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Nhóm Cánh Buồm chủ trương đợi cho trình độ tiếng Việt của các bạn đã đến độ phát triển cao, đợi cho trình độ am tường nghệ thuật của các bạn đã đến độ chín – đợi các bạn học đến Lớp 9 – mới đưa ra hai công trình nghệ thuật văn chương bậc cao, để các bạn nghiên cứu: *Truyện Kiều* của thi hào Nguyễn Du, và *Faust* của thi hào người Đức Johann Wolfgang von Goethe. Một công trình *Truyện Kiều* là bậc nhất của dân tộc Việt Nam, và một công trình *Faust* được thừa nhận khắp nơi là bậc nhất của loài người.

Các bạn bắt đầu trước với việc học *Truyện Kiều*. Sách này đưa ra cho các bạn một *cách học Truyện Kiều* khác. Cách học này giúp các bạn được đọc *Truyện Kiều* từ câu đầu tới câu cuối. Cách học này còn khuyến khích các bạn trong năm học này còn học thuộc *Truyện Kiều* nữa. Thời lượng dành cho việc học *Truyện Kiều* năm nay sẽ vào khoảng năm tháng (chừng hai tháng dành cho tác phẩm *Faust*). Các bạn sẽ có một kho vật liệu *Kiều* trong tâm trí mình để rồi chính các bạn sẽ đồng hành với những nhà nghiên cứu nghệ thuật *Truyện Kiều*. Một cách học *Truyện Kiều* khác đưa ra cho các bạn trong sách này sẽ lưu giữ *Truyện Kiều* trong tâm hồn và trí tuệ các bạn một cách tự nhiên.

Cách học khác để đến với *Truyện Kiều* vẫn theo cách học nghệ thuật của chương trình Cánh Buồm, đó là *làm lại các thao tác đã làm ra Truyện Kiều*. Dĩ nhiên chúng ta không hiểu một cách thô thiển về “làm lại” tác phẩm đó. *Truyện Kiều* đã làm xong. *Truyện Kiều* đã đi vào lịch sử của dân tộc. Không ai có thể làm lại công trình nghệ thuật đồ sộ đó. Nhưng người học sẽ “làm lại” tác phẩm đó theo cách *sống lại* tâm tình Nguyễn Du khi làm ra tác phẩm đó. Người học

sẽ sống lại những vui buồn sướng khổ của các nhân vật của *Truyện Kiều*, cũng chính là những vui buồn sướng khổ của người làm ra các nhân vật cùng các tình huống các nhân vật đó đã trải qua trong *Truyện Kiều*. Hơn nữa, người học sẽ còn sống lại cả những vui buồn sướng khổ của những con người đã từng thưởng thức *Truyện Kiều*.

Các bạn sẽ “làm lại” *Truyện Kiều* qua những cách học sau.

1. Các bạn sẽ cùng nghiên cứu *Tổng quan về Truyện Kiều*. “Tổng quan” là từ Hán-Việt, mà “tổng” có nghĩa là “bao quát”, “chung nhất”, còn “quan” có nghĩa là “nhìn”. Bài *Tổng quan về Truyện Kiều* này (do nhà giáo Nguyễn Thế Anh năm nay 90 tuổi soạn) sẽ cho chúng ta biết những điều chung nhất, bao quát nhất, liên quan đến *Truyện Kiều*: Tác giả Nguyễn Du là ai? Nguyễn Du đã có cuộc sống như thế nào? Nguyễn Du đã làm ra tác phẩm *Truyện Kiều* khi nào? Cấu tạo của *Truyện Kiều* như thế nào?

Bài *Tổng quan về Truyện Kiều* này sẽ dẫn các bạn đến hai cách đọc (và học) *Truyện Kiều*. Một cách đọc xưa nay ta vẫn gặp qua những nghiên cứu phân tích, diễn giải *Truyện Kiều* qua con mắt nhà nghiên cứu, vẫn được xếp vào dạng gọi là “hàn lâm”. Còn một cách đọc và học *Truyện Kiều* khác ít được chú ý hơn sẽ là nội dung quan trọng của một cách học *Kiều* khác được trao cho các bạn trong sách *Văn Lớp 9* này, và được giới thiệu tiếp theo sau đây.

2. Tiếp theo bài *Tổng quan về Truyện Kiều*, các bạn sẽ nghiên cứu cách đọc *Truyện Kiều* khiến cho tác phẩm này được lan tỏa và bắt rễ trong lòng người Việt Nam qua nhiều thế kỷ ngay từ khi đông đảo người dân Việt vẫn còn chưa đọc được chữ Nôm, do đó chưa đọc được *Truyện Kiều*. Cách đọc và học *Truyện Kiều* này đã khiến cho *Truyện Kiều* sống cuộc đời bất tử trong đất nước ta qua những sinh hoạt dân gian xoay quanh tác phẩm này, mà hình thức vui nhất, hồn nhiên nhất là đố *Kiều* và tinh nghịch nhất là bói *Kiều* sau khi cùng nhau nghe người đã thuộc hoặc biết chữ Nôm kể lại *Truyện Kiều*.

Qua nghe đọc hoặc nghe kể *Truyện Kiều* và ghi nhớ *Truyện Kiều*, người dân bình dị thấm thía câu chuyện bằng văn vần thấm đượm chất trữ tình, rồi người nghe tự “củng cố” trí nhớ của mình bằng những trò chơi dân gian đố *Kiều*, bói *Kiều*, và cả lấy *Kiều*, vịnh *Kiều*... như vừa kể.

Các bạn sẽ làm lại công việc người dân Việt đọc *Kiều* và học *Kiều* theo cách đó trước khi sang cách đọc hàn lâm. Các bạn có lợi thế hơn người xưa là đã có bản *Truyện Kiều* bằng chữ Quốc ngữ để đọc và tìm hiểu từng điển tích, hiểu

từng câu Kiều, rung cảm với từng tình tiết của *Truyện Kiều*. Các bạn cũng học *Truyện Kiều* qua đố Kiều và bói Kiều vừa vui vừa thấm thía từng tâm trạng nhân vật sau khi đọc đủ hơn ba nghìn câu văn vần. Tốt nhất là các bạn học thuộc *Truyện Kiều* qua cách đọc và qua những trò chơi này. Thời lượng học *Truyện Kiều* kéo dài trên dưới năm tháng, đủ để các bạn tự mình hiểu cách đọc *Truyện Kiều* ở dạng hàn lâm tiếp theo.

3. Một con đường học *Truyện Kiều* tiếp theo ở dạng hàn lâm sẽ được đưa tới các bạn qua hai tài liệu nghiên cứu chọn lọc.

- a. Trước hết, đó là một bài tóm tắt giúp bạn công trình nghiên cứu của giáo sư Phan Ngọc về *Phong cách Truyện Kiều*. Đây là công trình nghiên cứu *Truyện Kiều* cho tới nay vẫn được giới nghiên cứu coi là khá đầy đủ.
- b. Tiếp theo là bài nghiên cứu *Ngôn ngữ nhân vật trong Truyện Kiều* của giáo sư Nguyễn Lộc. Bài nghiên cứu này giúp các bạn, nhất là những bạn rồi sẽ muốn đi sâu hơn nữa vào *Truyện Kiều*, có hướng đi tìm những công trình tương tự và cả hướng tự mình tìm tòi nghiên cứu *Truyện Kiều* như một công việc của đời mình.

Đó là *cách học Truyện Kiều* do chương trình Cánh Buồm đề xuất. Mục đích của cách học này nhằm thúc đẩy các bạn tiếp tục con đường tự học, cùng học cùng suy ngẫm và cùng chia sẻ thông qua *hệ thống việc làm* thay cho thông qua những tiết học ngồi nghe giảng thụ động và sau đó là những bài thi mỗi một vì thiếu hứng thú học tập cho mình.

Sau thời gian năm tháng tập trung học *Truyện Kiều* theo cách này, mục tiêu cần đạt là: (a) Thuộc *Truyện Kiều* (b) Hiểu *Truyện Kiều* và (c) Yêu *Truyện Kiều*. Thuộc *Truyện Kiều* thay cho cách học hời hợt về tác phẩm đồ sộ này. Hiểu *Truyện Kiều* nhờ làm lại những sinh hoạt dân gian xung quanh *Truyện Kiều* thấm đậm tình yêu *Truyện Kiều*. Cũng hiểu sâu thêm *Truyện Kiều* qua các nghiên cứu hàn lâm – những công trình nghiên cứu nghệ thuật mà bạn chỉ có thể hiểu được nếu bản thân bạn đã thâm nhập dần vào công cuộc nghiên cứu đó do chính bạn thực hiện trong quá trình học thuộc *Truyện Kiều* và đắm mình trong những trò chơi dân gian xung quanh *Truyện Kiều*. Và cuối cùng, các bạn sẽ yêu *Truyện Kiều* để thực sự hiểu những lời tâm huyết “*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn – tiếng ta còn, nước ta còn*”.

Chúc các bạn thành công.

Luyện tập nhanh

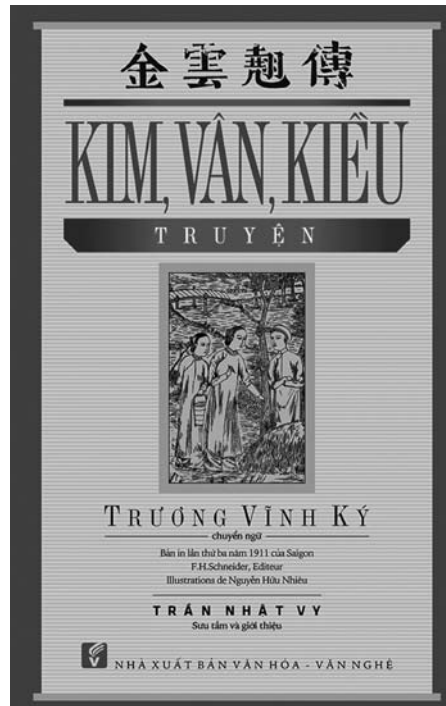
1. Thảo luận: Bài nhập này đưa ra cho các bạn thấy có mấy cách đọc (cũng là cách học) *Truyện Kiều*? Chúng ta đặt tên mỗi cách đó là gì cho dễ hiểu và dễ nhớ?
2. Thảo luận: Cách đọc và học *Truyện Kiều* của đông đảo người dân không biết chữ Nôm kể từ khi *Truyện Kiều* ra đời diễn ra trong vài trăm năm qua như thế nào? Cách học dân gian đó có dẫn đến việc người dân bình thường cũng hiểu được và cảm nhận được ý tứ sâu xa của *Truyện Kiều* không?
3. Thảo luận: Ngày nay, các bạn tự đặt mình vào người dân bình thường để học *Truyện Kiều* (tuy các bạn có ưu thế hơn là đã đọc được *Truyện Kiều*) có cần thiết không để các bạn hiểu được và cảm nhận được ý tứ sâu xa của *Truyện Kiều*? (Nhắc các bạn thỉnh thoảng hãy nghĩ lại câu hỏi thảo luận này. Vì sao, chính các bạn rồi sẽ tự rút ra kết luận!).
4. Thảo luận: Cách đọc *Truyện Kiều* của giới trí thức thể hiện thành những sản phẩm gì? Những công trình nghiên cứu đó sẽ giúp gì cho các bạn hiểu được kỹ hơn và cảm nhận được sâu hơn ý tứ của *Truyện Kiều*?
5. Thảo luận: Bạn nghĩ gì khi sách này lại chỉ nói “**Một cách học** *Truyện Kiều*” mà không nói chắc “**Cách học** *Truyện Kiều*”? Sách này có định áp đặt cách học tự cho là duy nhất đúng hay không? Còn có thể có cách học nào nữa cho thanh thiếu niên trưởng thành về tâm hồn qua việc học *Truyện Kiều*?

BÀI 1

TỔNG QUAN VỀ *TRUYỆN KIỀU*

Hướng dẫn học

Trong Bài 1 *Tổng quan về Truyện Kiều* này, các bạn sẽ cần phải biết những điều chung nhất liên quan đến *Truyện Kiều*. Để học bài này các bạn nên chuẩn bị sẵn mỗi bạn (hoặc vài bạn chung nhau) một cuốn *Truyện Kiều* – nếu không có sách in, các bạn có thể lên mạng và chép văn bản *Truyện Kiều* rồi tự in ra để luôn luôn có văn bản tra cứu. Nhưng cách tốt nhất là mỗi bạn nên có một cuốn *Truyện Kiều* in đẹp làm bầu bạn.



Bản chuyển ngữ *Truyện Kiều* từ tiếng Nôm sang tiếng Quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký, 1875.

Sau đó, các bạn cùng đọc cả bài trước khi đọc kỹ từng phần của bài *Tổng quan về Truyện Kiều* này. Các bạn cũng chú ý đọc cả những Bài đọc thêm để bổ sung tư liệu cho bài *Tổng quan về Truyện Kiều* này.

1. Trước hết, các bạn cần đọc, tự mình nắm vững và có thể kể lại được trong nhóm, trả lời các câu hỏi: Tác giả Nguyễn Du là ai? Nguyễn Du đã sống một cuộc đời như thế nào? Nguyễn Du đã làm ra tác phẩm *Truyện Kiều* khi nào? Cùng nhau tìm hiểu về cuộc đời Nguyễn Du, các bạn sẽ hình dung được tấm lòng của nhà thơ, và tấm lòng đó sẽ giúp ta lý giải vì sao tác giả đã viết *Truyện Kiều*.

2. Tiếp theo, qua bài đọc thêm, các bạn cũng cần biết và kể lại được cấu tạo của *Truyện Kiều* như thế nào. Đó chính là câu chuyện kể về cuộc đời cô gái tên là Vương Thúy Kiều. Cô Kiều vốn là con gái một gia đình như thế nào? Gia đình đó đang sống yên lành như thế nào và bỗng gặp hoạn nạn như thế nào? Cuộc lưu lạc của cô Kiều trong mười lăm năm đã diễn ra qua những đoạn đời như thế nào? Kết thúc câu chuyện như thế nào?

3. Sau hết, và đây là điều rất quan trọng: Các bạn nên nhớ rằng “câu chuyện về nàng Kiều” được kể bằng thơ lục bát, thể thơ chỉ có của dân tộc Việt Nam chúng ta. Thể thơ lục bát không hề dễ làm. Thể thơ đó có những lề luật bó buộc. Và trong hơn ba nghìn câu thơ để kể một câu chuyện, làm cách gì để không nhàm chán, làm cách gì để hấp dẫn đông đảo bạn đọc và bạn “nghe chuyện” – nghĩa là tác giả phải có tài năng rất lớn khi dùng các từ và ngữ thuần Việt và các từ và ngữ Hán-Việt.

Tiểu sử Nguyễn Du

Nguyễn Du, tên chữ là Tố Như, hiệu Thanh Hiên, ra đời ở phường Bích Câu, Thăng Long (Hà Nội) vào năm Ất Dậu (1765). Cha là tiến sĩ, tể tướng, sử gia, nhà thơ Nguyễn Nghiễm (1708–1775). Gia tộc họ Nguyễn vốn có quê tổ ở làng Canh Hoạch (nay thuộc xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai, ngoại thành Hà Nội). Nhưng Nguyễn Nghiễm sinh ra ở làng Tiên Điền, tổng Phan Xá (nay thuộc xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh), nên Nguyễn Du dù sinh ra ở Hà Nội nhưng vẫn coi quê nhà là ở Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh –



Làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An nay là xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

nơi hiện nay có nhà thờ và lăng mộ Nguyễn Nghiễm cha ông cùng nhiều người trong dòng họ Nguyễn. Mẹ là Trần Thị Tần (1740–1778), quê làng Hoa Thiều (nay thuộc xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Mặc dù tuổi thơ từng có cuộc sống phong lưu nơi đế đô nhưng lên mười tuổi mất cha, mười ba tuổi mất mẹ, Nguyễn Du phải sống dựa vào hai người anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản (1734–1786) và Nguyễn Điều (1745–?). Năm 1780, Nguyễn Du được Đoàn Nguyễn Tuấn (1750–?) đón về quê ở làng Hải An, tổng Tang Thác (nay thuộc xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình), sau đỗ kỳ thi Hương, lấy em gái họ Đoàn rồi được tập ấm chức Chánh thủ hiệu quân Hùng hậu của cha nuôi họ Hà ở Thái Nguyên,

Năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Huệ kéo quân ra Thăng Long lần thứ nhất, triều Lê–Trịnh tan rã, Nguyễn Du lánh về quê vợ sống “mười năm gió bụi”. Năm Ất Mão (1796), người vợ qua đời, không còn chỗ dựa, năm sau ông đưa con trai tên Nguyễn Tứ, khi ấy mới vài tuổi, về quê Hà Tĩnh, mặc dù biết “*Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán*” (Hong Lĩnh không còn nhà, anh em ly tán). Ông sống ở Tiên Điền sáu năm, đến năm Nhâm Tuất (1802) mới ra làm quan dưới triều Gia Long. Ông từng giữ các chức Tri huyện Phù Dung, Tri phủ Thường Tín, Cai bạ Quảng Bình và Tham tri Bộ Lễ ở kinh đô Phú Xuân. Từ tháng 2 năm 1813 đến tháng 4 năm 1814, ông làm Chánh sứ trong đoàn sứ đi “*tuế cống*” nhà Thanh. Ông mất ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn (16–9–1820) ở Phú Xuân (Huế).

Xuất thân trong một dòng họ khoa bảng, có truyền thống văn học, Nguyễn Du là người: “*Học sâu, hiểu rộng, am tường cả Nho, Lão, Phật, đọc cả văn chương cổ kim của Việt Nam và Trung Quốc*” (Bùi Kỷ), để lại nhiều tác phẩm văn chương bất hủ. Về chữ Hán có ba tập thơ *Thanh Hiên thi tập*, *Nam Trung tạp ngâm* và *Bắc hành tạp lục* với tổng số 250 bài. Về chữ Nôm có *Thác lời trai phường nón*, *Văn tế thập loại chúng sinh* và đặc biệt là *Truyện Kiều* (tức *Đoạn trường tân thanh*)...

Nguyễn Du với kiệt tác *Truyện Kiều*

Truyện Kiều – kiệt tác của nhà thơ thiên tài Nguyễn Du, là ngôi sao chói lóa nhất trong nền văn học cổ điển Việt Nam. Giá trị hiện thực sâu sắc, tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa trong sáng, và hình thức nghệ thuật đậm đà tính dân tộc độc đáo biểu hiện tập trung ở tác phẩm này.

Dựa vào cốt truyện của cuốn tiểu thuyết Trung Quốc *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân, Nguyễn Du đã sáng tạo nên kiệt tác này.

Trong nhiều thập kỷ qua, nhiều nhà nghiên cứu, nhà sưu tầm đã dày công tìm hiểu, nghiên cứu *Truyện Kiều*, có những người gần như dành hẳn cả cuộc đời cho *Truyện Kiều*. *Truyện Kiều* là tác phẩm kỳ lạ bậc nhất trong văn học Việt Nam, và mỗi trang Kiều đã phải chịu sức nặng của hàng trăm, hàng nghìn trang tranh luận, chú thích, lý giải. Mỗi từ trong Kiều trĩu nặng bởi hàng vạn từ dùng để khai thác, tìm hiểu, suy ngẫm về nó... Không thể kể hết những bài viết, bài nghiên cứu đa dạng về *Truyện Kiều* – từ dạng những tổng thuyết, tổng từ viết bằng chữ Hán của các vị vua Minh Mệnh, Tự Đức, đến các dạng đề từ, bài tựa, bài bình viết bằng Hán văn của các vị học giả cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, rồi đến các bài nghiên cứu viết bằng chữ Quốc ngữ của các nhà nghiên cứu, nhà thơ, nhà văn, nhà báo, nhà chính trị trong thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 với đủ lý thuyết thời thượng... Cho tới nay đã có hàng trăm ngàn bài viết, bài nghiên cứu, đầu sách về *Truyện Kiều* kể từ khi nó ra đời, *Truyện Kiều* đã khơi lên biết bao cuộc tranh luận hội thảo khoa học sôi nổi gay gắt, đến giờ vẫn còn nhiều vấn đề chưa ngã ngũ, và dưới ánh sáng thời đại còn hé mở thêm những điều lý thú mới về nhân học, xã hội học, lịch sử, tôn giáo, v.v... Do ảnh hưởng sâu rộng và đa dạng của *Truyện Kiều* nên việc nghiên cứu tác phẩm cũng trải rộng và lan tỏa đến nhiều lĩnh vực, nhiều phạm trù và nhiều ngành khoa học khác nhau, được nghiên cứu ở nhiều góc độ: Văn bản học, ngôn ngữ học, thi pháp học, so sánh văn bản, văn hóa học, triết lý nhân sinh... Đặc biệt, từ những năm đầu của thế kỷ 21 tới nay, *Truyện Kiều* là tác phẩm đã ngốn giấy mực nhiều nhất. Chưa bao giờ việc tìm in lại các bản Kiều cổ, việc tìm lại các bản Kiều Nôm lại nở rộ như hiện nay. Sự tái xuất văn bản Kiều Nôm và Quốc ngữ phong phú như thế đã kéo theo việc khảo dị văn bản, chú thích *Truyện Kiều* cũng trở nên sôi động hơn bao giờ hết.

Với kiệt tác *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã khẳng định được vị trí số một của mình trong nền văn học Việt Nam và từng bước chiếm lĩnh văn đàn thế giới.

Ngay từ cuối thế kỷ 19, *Truyện Kiều* đã được Abel des Michel dịch ra tiếng Pháp. Cho đến nay đã có tới trên 30 bản dịch *Truyện Kiều* ra hơn 20 thứ tiếng khác nhau như Pháp, Anh, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga, Hungari, Tiệp Khắc, Ba Lan, Phần Lan, Ả Rập, Đức, Bungari, Rumani, Mông Cổ, Thái Lan, Lào, Tây Ban Nha... Có thể nói, trên phương diện văn bản, *Truyện Kiều* đã được dịch ra hầu hết các thứ tiếng phổ cập nhất và đã đến được với đông đảo công chúng bạn đọc ở tất cả các nền văn hóa lớn trên thế giới. Sở dĩ *Truyện Kiều* có

sức sống mãnh liệt và khả năng lan tỏa rộng như vậy bởi chính những giá trị tự thân của tác phẩm về nội dung nhân đạo và nghệ thuật sáng tạo thi ca bậc thầy của Nguyễn Du. Trên tất cả, Nguyễn Du đã cất lên tiếng nói nhân văn cao cả về thân phận con người, niềm cảm thông sâu sắc với mọi kiếp chúng sinh thuộc mọi thời đại ở khắp mọi nơi.

Tại hội thảo khoa học quốc tế *Đại thi hào dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du: Di sản và các giá trị xuyên thời đại*, do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, UBND tỉnh Hà Tĩnh tổ chức ở Hà Nội đầu tháng 8 năm 2015, các học giả, các nhà nghiên cứu của Việt Nam và nhiều nước đã gửi gần 130 tham luận tới hội thảo. Qua Hội thảo này, những giá trị của di sản Nguyễn Du càng thêm sáng tỏ, và đông đảo công chúng yêu *Truyện Kiều* càng thấy rõ hơn ảnh hưởng sâu rộng của *Truyện Kiều* đối với thế giới.

Ở Mỹ, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du được đưa vào nhà trường để giảng dạy, với ba bản dịch bằng tiếng Anh. Giáo sư John Swensson từng là một đại tá quân đội Mỹ có thời gian tham chiến ở Việt Nam, hiện là phó chủ tịch Đại học cộng đồng De Anza, bang California đã mê *Truyện Kiều* qua một bản dịch như vậy, và tìm thấy ở *Kiều* một giá trị để hoàn thiện con người. Năm 1998, GS. Swensson chính thức đưa *Truyện Kiều* vào giảng dạy tại đây cho khoảng 30 sinh viên Việt Nam và sinh viên Mỹ.

Trong các Trường Đại học ở Liên Xô trước đây và ở Liên bang Nga hiện nay, *Truyện Kiều* là trọng tâm trong chương trình giảng dạy tiếng Việt và văn học Việt Nam trong các khoa tiếng Việt và bộ môn văn học phương Đông. Bản dịch lại toàn bộ *Truyện Kiều* do nhóm dịch giả Nga và Việt thực hiện đã được Nxb Khoa học xã hội Việt Nam ấn hành năm 2015 trong dịp kỷ niệm 250 năm sinh Đại thi hào Nguyễn Du. Sau đó dịch giả Vũ Thế Khôi lại cho ra mắt một bản dịch nữa (Nxb Thế giới) ra thể thơ tự do Nga và cũng được giới chuyên môn đánh giá cao.

Ở Đức, *Truyện Kiều* cũng được hai vợ chồng người Đức là Irene và Franz Faber dịch sang tiếng Đức trong thời gian bảy năm, đặt tên là: *Cô gái Kiều*. Và Johan Dichman, một dịch giả khác, trong lời đề tựa bản *Kiều* tiếng Đức cũng đã nói: “Với tác phẩm này, độc giả Đức tìm thấy một thế giới văn học mà cho tới nay họ chưa từng biết tới”.

Anh Komárek, sinh viên đại học ở Praha mới 23 tuổi đã trở thành người đầu tiên dịch *Truyện Kiều* từ nguyên bản Tiếng Việt sang tiếng Séc.

Với công trình này, anh vừa được Cộng hòa Séc trao giải thưởng dịch giả trẻ trước 35 tuổi.

Ở Trung Quốc, *Truyện Kiều* nhiều lần được dịch sang Hán văn, từ đầu thế kỷ 20 cho đến nay, ít nhất đã có 10 bản dịch. Nhiều nhà nghiên cứu ở Trung Quốc đánh giá *Truyện Kiều* là “Việt Nam đệ nhất văn nghệ kỳ thư”. GS. Triệu Ngọc Lan, trường Đại học Bắc Kinh nói: xuất phát từ sự tôn sùng và cảm phục đại thi hào Nguyễn Du, bà đã nghiên cứu *Truyện Kiều* khá sâu sắc và đã dịch *Truyện Kiều* sang tiếng Trung, để độc giả Trung Quốc được thưởng thức tuyệt tác kinh điển của Nguyễn Du.

Ở Hàn Quốc, Hội Giao lưu văn hóa Hàn-Việt, Hội Việt Nam học Hàn Quốc và Hội Kiều học Việt Nam phối hợp với Trường Đại học Chosun đã tổ chức Hội thảo quốc tế chuyên đề *Nguyễn Du và Truyện Kiều*. Trước đó, từ năm 2004, hai giáo sư Ahn Kyong Hwan nói: “Tôi ý thức sâu sắc rằng công việc tôi làm không chỉ đơn giản là chuyển ngữ một tác phẩm thơ mà còn là truyền đạt tâm hồn, bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam tới dân tộc tôi, với ước mong đưa hai dân tộc đến gần nhau hơn thông qua cây cầu văn học”.

Ở Việt Nam, *Truyện Kiều* đã sớm bước vào cửa học đường từ năm 1914 trong chương trình Việt văn của các trường Trung học Pháp-Việt. Cuốn *Việt văn hợp tuyển giảng nghĩa* của Lê Thành Ý, Nguyễn Hữu Tiến in năm 1925 giảng sáu trích đoạn *Truyện Kiều*. Cuốn *Việt Nam thi văn hợp tuyển* của Dương Quảng Hàm có bảy trích đoạn *Truyện Kiều*. Trong hệ thống giáo dục của Việt Nam hiện nay *Truyện Kiều* cũng được trích giảng ở các cấp phổ thông (Trung học cơ sở bốn trích đoạn, Trung học phổ thông bốn trích đoạn). Trong các trường Đại học thuộc khối xã hội – nhân văn cũng học *Truyện Kiều* và một số bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du.

Tiếng Việt trong *Truyện Kiều*

Mọi người đến với *Truyện Kiều* và yêu *Truyện Kiều* không vì cái cốt truyện có những nét bi thương không khác lắm với vô số cốt truyện khác. *Truyện Kiều* xuất sắc vì cách diễn đạt không dễ dàng, nếu không gọi là rất khó, bằng một thể thơ lục bát du dương, êm tai, đầy biểu cảm. Đào Nguyên Phổ trong lời tựa cho quyển *Đoạn trường tân thanh* (tức *Truyện Kiều*) in năm 1902 đã đánh giá *Truyện Kiều* là “Một khúc Nam âm tuyệt xướng” (“bài hát tuyệt hay cất lên bằng tiếng nước Nam”). Còn Tiên Phong Mộng Liên Đường chủ nhân, người dày công tổ

chức khắc chữ và xuất bản *Truyện Kiều* thì nhận xét: “Ông Tố Như dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy”⁽¹⁾.

Thật vậy, đó chỉ là một thời bình yên như bao thời:

Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng...

Ở vào cái thời yên bình đó có một gia đình như bao gia đình:

Gia tư nghị cũng thường thường bậc trung.
Một trai, con thứ rất lòng
Vương Quan là chữ nối dòng Nho gia.
Đầu lòng hai ả tố nga
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân...

Các bạn sẽ tiếp tục theo dõi bằng thơ lục bát câu chuyện gia đình này đang sống yên lành thì bị tan nát vì bọn bất lương như thế nào, cô con gái lớn tài sắc vẹn toàn đã bán mình chuộc tội cho cha ra sao, cô gái đó đã chia tay người yêu và người thân để sống cuộc đời lưu lạc suốt mười lăm năm ra sao, cô đã gặp người tốt cưu mang mình và gặp nhiều kẻ xấu làm hại đời mình... đến độ phải hạ xuống để đi làm con đòi người ở cũng không xong, đi tu không trót, rồi nếm trải chút hạnh phúc khi làm vợ của tướng cướp Từ Hải nhưng rồi chính mình lại làm rơi hạnh phúc đó, chính mắt mình thấy Từ Hải bị lừa và chết rồi mà vẫn đứng sừng sững không đổ, phải chờ giọt nước mắt của Thúy Kiều, người vợ yêu nhẹ dạ thì Từ Hải mới đổ xuống... và rồi nàng cũng đành đi ra song chọn cái chết:

Thôi thì một thác cho rồi,
Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông!
Trông vời con nước mệnh mông
Đem mình gieo xuống giữa dòng trường giang.

Tự tử mà vẫn không chết được, hoặc như là Trời không cho chết, lại bị vớt lên, sống nhưng chết đến trọn cuộc đời...

* * *

Truyện Kiều đã đem lại lòng tin cho mọi người về khả năng phong phú của tiếng Việt. Cũng như nhiều tác phẩm văn học đương thời, *Truyện Kiều* cũng

1 Trích trong lời tựa của bản *Kiều* đem in năm 1820.

sử dụng nhiều từ Hán-Việt, đó là một phong cách có tính chất thời đại, theo thống kê của Viện Ngôn ngữ học thì trong *Truyện Kiều* từ Hán-Việt chiếm tỉ lệ 35% (khoảng 3.412 từ), nếu so với những tác phẩm khác như *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều chẳng hạn thì tỉ lệ đó chưa hẳn là cao, mà vấn đề quan trọng ở đây là cách sử dụng từ Hán-Việt như thế nào. Trong tác phẩm của mình, Nguyễn Du thường dùng những từ Hán-Việt đã được phổ biến rộng rãi nên thường không xa lạ đối với bạn đọc đương thời, Nguyễn Du đã có sáng kiến dựa vào từ Hán để tạo ra từ mới, cách nói mới cho tiếng Việt, chẳng hạn nhà thơ đã dịch *bach nhật* là *ngày bạc*, *hoàng tuyền* là *suối vàng*, *minh tâm khắc cốt* thành *khắc xương ghi dạ*, *hồng diệp xích thằng* thành *lá thắm chỉ hồng*, *thiên nhai hải giác* thành *chân trời góc bể*... Vấn đề dịch của Nguyễn Du cũng rất linh hoạt và sáng tạo, ông không dịch cả cụm từ mà chỉ dịch một chữ và tạo ra một kết cấu theo trật tự từ của ngữ pháp tiếng Việt, chẳng hạn: *nguyệt cầm* – *cầm trăng*, *hoa chúc* – *đuốc hoa*, *hà bôi* – *chén hà*, *xuân miên* – *giấc xuân*, *công môn* – *cửa công*...

Ngoài cách tạo ra những kết cấu mới như vừa đề cập, Nguyễn Du còn sáng tạo ra hàng loạt từ đồng nghĩa làm cho ngôn ngữ không bị trùng lặp khi phải sử dụng nhiều lần cùng một từ hoặc cùng một nội dung, tránh cho câu thơ không bị đơn điệu về từ ngữ. Các từ đồng nghĩa do đa dạng và phong phú về âm sắc, có âm vực rộng đáp ứng được nhu cầu phối hợp về âm vận, về vần điệu về nhạc điệu của câu thơ nên gieo vần dễ uyển chuyển, tạo cho câu thơ có âm hưởng dồi dào, sinh động trong diễn tả, bài thơ có tính gợi cảm và lan tỏa cao. Nguyễn Du đã sử dụng linh hoạt và sinh động các từ đồng nghĩa ví như khi phải thay thế cho các từ thường hay dùng trong thơ Kiều như: *nước mắt*, *giấc ngủ*, *đàn bà*, *mặt trăng*, *đường đi*, *chén rượu*, *cửa sổ*, *tấm lòng*...

Nước mắt (Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa). *Lệ* (Lệ rơi thấm đá), *Lệ hoa* (Thêm hoa một bước lệ hoa mấy hàng), *Giọt lệ* (Tươi xin giọt lệ cho người thác oan), *Giọt châu* (Giọt châu lã chã), *Giọt hồng* (chưa phai giọt hồng), *Giọt ngọc* (Nàng càng giọt ngọc như chan), *Giọt sương* (Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt sương), *Giọt ngắn giọt dài* (Nhìn nhau giọt ngắn giọt dài ngổn ngang), *Dòng châu* (Theo lời càng chảy dòng châu), *Dòng thu* (Dòng thu như xối cơn sầu).

Giấc ngủ: *Giấc hòe* (Tiếng sen sẽ động giấc hòe), *Giấc chiêm bao* (Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì), *Giấc hương quan* (Giấc hương quan luống lẩn mơ canh dài), *Giấc mai* (Giật mình thoát tỉnh giấc mai), *Giấc mộng* (Còn mơ giấc mộng đêm xuân mơ màng), *Giấc nồng* (Xuân huyền chợt tỉnh giấc nồng), *Giấc*

tiên (Nàng thì bần bật giấc tiên), *Giấc vàng* (Nàng còn thêm thiếp giấc vàng chưa phai), *Giấc xuân* (Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân).

Đàn bà (Đầu đốn thay phận đàn bà), *Hồng nhan* (Phận hồng nhan có mong manh/ Rằng hồng nhan tự thuở xưa), *Hồng quần* (Phong lưu rất mực hồng quần/ Hồng quần với khách hồng quần), *Nữ nhi* (Nữ nhi thường tình), *Gái* (Canh khuya thân gái dặm trường), *Phận gái* (Nàng rằng: phận gái chữ tòng), *Gái tơ* (Gái tơ mà đã ngựa ghề gối sao), *Gái thuyền duyên* (Trai anh hùng gái thuyền duyên).

Mặt trăng (Tuần trăng khuyết đĩa dầu hao), *Trăng bạc* (Còn vằng trăng bạc, còn lời nguyên xưa), *Trăng già* (Trăng già độc địa làm sao), *Trăng gió* (Trước còn trăng gió sau ra đá vàng), *Trăng mới* (Mây ai trăng mới in ngần), *Trăng tà* (Lần đường theo bóng trăng tà về tây), *Trăng tàn* (Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa), *Trăng trâu* (Nửa rằm tuyết ngậm, bốn bề trăng trâu), *Trăng thể* (Trăng thể còn đó trơ trơ), *Chị Hằng* (Chủ trương đành đã chị Hằng ở trong), *Cung mây* (Trăng tròn như gởi cung mây), *Cung Quảng ả Hằng* (Liều như cung Quảng ả Hằng), *Cung trăng* (Vả trong thềm quế cung trăng), *Nga* (Gương nga vằng vặc đầy song/ Một mình lặng ngắm bóng nga).

Chén rượu (Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh), *Chén đồng* (Tưởng người dưới nguyệt chén đồng), *Chén hà* (Chén hà sánh giọng quỳnh tương), *Chén mối* (Động phòng diu dặt chén mối), *Chén mừng* (Chén mừng xin đợi ngày này năm sau), *Chén quan hà* (Tiễn đưa một chén quan hà), *Chén quỳnh* (Cùng nhau lại chúc chén quỳnh giao hoan), *Chén thể* (Khi ngày quạt ước khi đêm chén thể), *Chén vàng* (Thể hoa chưa ráo chén vàng).

Cửa sổ, song (Gương nga vằng vặc đầy song), *Song đào* (Đêm thu gió lọt song đào), *Song hồ* (Song hồ nửa khép cánh mây), *Song mai* (Nàng từ chiếc bóng song mai), *Song sa* (Giã chàng nàng mới kíp dời song sa), *Song the* (Mây Tần tỏa kín song the), *Song thu* (Song thu đã khép cánh ngoài), *Song trăng* (quạnh quẽ vách mưa rã rời).

Tắm lòng (Được lời như cởi tấm lòng), *Tắm riêng* (Tắm riêng riêng những nặng vì nước non), *Tắm son* (Tắm son gột rửa bao giờ cho phai), *Tắm thành* (Tắm thành đã thấu đến trời), *Tắm thương* (Non vàng chưa dễ đền bồi tắm thương), *Tắc cỏ* (Liệu đem tắc cỏ quyết đền ba xuân), *Tắc riêng* (Nỗi riêng riêng chạnh tắc riêng một mình), *Tắc son* (Được lời như cởi tắc son), *Tắc thành* (Khuôn thiêng dù phụ tắc thành), *Tắc vàng* (Dầu mơn bia đá dăm sai tắc vàng).

Các từ đồng nghĩa được Nguyễn Du sáng tạo theo quy tắc mỹ học chứ không theo nguyên tắc phối ghép thông thường.

Một đặc điểm nữa trong ngôn ngữ *Truyện Kiều* là Nguyễn Du đã dùng rất nhiều thành ngữ và tục ngữ, có tài liệu đã thống kê được hơn bốn trăm đơn vị. Có nhiều câu tác giả đã dựa vào những kết cấu có sẵn để tạo ra những câu mới dựa trên quy luật biến âm, biến điệu, chơi chữ, tách chữ, ghép vần vô cùng phong phú của tiếng Việt để tạo ra vô vàn thành ngữ văn học kiểu mới trong *Truyện Kiều*. Mỗi thành ngữ thường gồm có bốn chữ đối xứng với nhau từng cặp hai chữ một lại đem tách ra rồi ghép xen kẽ lại theo kiểu chơi chữ đối nhau như:

Ăn gió nằm mưa (câu 554)
Ăn trả nghĩa đền (2.865)
Bàn ra nói vào (2.488)
Bán hùm buôn sói (2.122)
Bèo trôi sóng vỗ (3.020)
Bể rộng sông dài (2.110)
Bể sâu sóng cả (1.882)
Bóng chim tắm cá (2.944)
Buôn phấn bán hương (814)
Bướm chán ong chường (1.238)
Bướm lả ong lơ (1.229)
Cá chậu chim lồng (2.184)
Cá nước chim trời (3.166)
Chân trời mặt bể (2.607)
Chỉ non thề biển (1.368)
Chọc trời khuấy nước (2.471)
Cỏ nội hoa hèn (2.107)
Con ong cái kiến (1.758)
Của dấn tay trao (1.377)
Cửa đóng then cài (271)
Cười phấn cột son (1.591)
Dãi gió dầm mưa (3.080)
Dày gió dạn sương (1.237)
Đầu mày cuối mắt (498)
Đầu trâu mặt ngựa (578)

Đổ quán xiêu đình (1.302)
 Đổi trắng thay đen (690)
 Đội trời đạp đất (2.171)
 Đường kia nổi nọ (1.628, 2.246)
 Giá áo túi cơm (2.446)
 Gìn vàng giữ ngọc (545)
 Gió táp mưa sa (403)
 Gió thảm mưa sầu (2.569)
 Hoa thải hương thừa (1.413)
 Hoa trôi bèo dạt (219)
 Hoa xưa ong cũ (3.144)
 Hồn lạc phách xiêu (2.363)
 Kẻ đoái người hoài (91)
 Kẻ ngược người xuôi (1.973)
 Kẻ ở người đi (781)
 Kẻ thang người thuốc (761)
 Kết tóc xe tơ (1.532, 3.111)
 Kín cổng cao tường (267)
 Lặt phấn phai hương (1.337)
 Lên thác xuống ghềnh (1.951)
 Mặt ủ mày chau (2.113)
 Mặt dạn mày dày (1.223)
 Mây trôi bèo nổi (2.902)
 Miệng hùm nọc rắn (2.016)
 Mèo mả gà đồng (1.713)
 Nhả ngọc phun châu (405)
 Ngựa ghẻ hờn ghen (1.609)
 Nhặt phấn nhặt hương (1.337)
 Ong qua bướm lại (3.098)
 Phượng chạ loan chung (83)
 Phách lạc hồn xiêu (1.823)

...

Bảng liệt kê có thể kéo dài thêm nữa.

Ngoài những thành ngữ thuần Việt cấu tạo theo cách trên, Nguyễn Du cũng dùng một số thành ngữ có gốc Hán-Việt như: *Túc trái tiền oan – Ngộ biển tông quyền – Quốc sắc thiên hương – Thệ hải minh sơn* hoặc một số thành ngữ có điển cố như: *Chiếc bách giữa dòng – Chín chữ cao sâu – Mưa Sở mây Tần*.

Nguyễn Du đã thu tóm được trong tác phẩm của mình tinh hoa của ngôn ngữ bác học với tinh hoa của ngôn ngữ bình dân, đã nhào nặn lại và góp phần nâng lên một đỉnh cao mới.

Trong không khí cởi mở hiện nay, chúng ta có thể mạnh dạn nhắc lại câu nói nổi tiếng của học giả Phạm Quỳnh trong diễn văn đọc tại lễ giỗ cụ Nguyễn Du ngày mùng 8 tháng 9 năm 1924 ở Hà Nội trước 2.000 hội viên Hội Khai trí Tiến đức: “*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn nước ta còn*”.

Trong kho tàng văn học cổ nước ta, *Truyện Kiều* quả là một tác phẩm “*Thì treo giải nhất chi nhường cho ai*”. Cách đây 50 năm (1965) Hội đồng hòa bình thế giới đã chính thức quyết nghị Kỷ niệm 200 năm sinh đại thi hào Nguyễn Du cùng với tám danh nhân văn hóa thế giới: nhà thơ La Mã Horace, nhà thơ Ý Dante, nhà bác học và nhà thơ Nga Lomonosov... Năm 2015, chúng ta lại đón nhận thêm một tin vui là UNESCO đã quyết định cùng với Việt Nam kỷ niệm 250 năm ngày sinh của đại thi hào Nguyễn Du (1765–1820). Như vậy Nguyễn Du đã chính thức được vinh danh trên toàn thế giới. Đó là niềm tự hào của mọi người dân Việt Nam, đặc biệt đối với những người yêu mến và say mê *Truyện Kiều*.

* * *

Các bạn Lớp 9 thân mến,

Sau khi nghiên cứu kỹ bài *Một cách học Truyện Kiều* và bài *Tổng quan về Truyện Kiều*, trước khi thực hiện các bài luyện tập, các bạn hãy cùng nhau đọc các tài liệu *Phụ lục* như những gợi ý đầu tiên cho công trình học *Truyện Kiều* của các bạn.

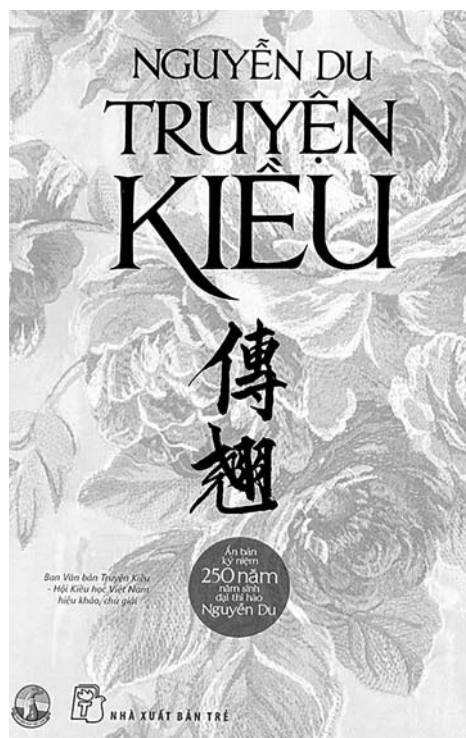
Luyện tập

1. Chuẩn bị cá nhân: Các bạn hãy ghi vắn tắt những điều đã thu hoạch sau khi đọc thâm kỹ bài *Tổng quan về Truyện Kiều* này: Nguyễn Du là ai? Quê hương Nguyễn Du? Cuộc đời Nguyễn Du có những nét gì đáng chú ý? Ghi một ý nghĩ của bạn sau khi đọc những nét dù còn sơ sài về Nguyễn Du.
2. Thảo luận: Chia sẻ với nhau những ý nghĩ và những ước đoán của từng bạn về cuộc đời của Nguyễn Du và tác phẩm bạn đang học. Hãy nhớ lại khái niệm “đồng cảm” mà các bạn đã được luyện tập từ Lớp 1 và áp dụng vào cuộc đời Nguyễn Du và cho biết các bạn trông chờ sẽ được học một tác phẩm như thế nào?
3. Chuẩn bị cá nhân: Mỗi bạn hãy tìm năm (hoặc nhiều hơn càng tốt) ví dụ về *Tiếng Việt trong Truyện Kiều*. Cách làm: Tra cứu xem cái từ thuần Việt hoặc Hán-Việt được tác giả giới thiệu nằm ở câu thơ nào. Trích cả hai câu mà một câu có chứa từ được khen hay đó. Ghi vào vở học Kiều và học thuộc từng hai câu đó.
4. Thảo luận: Chia sẻ với nhau những ý nghĩ xung quanh những từ ngữ dùng trong *Truyện Kiều* mà từng bạn đã tự sưu tầm qua bài tập 3 bên trên.
5. Viết tiểu luận: Tự chọn một chủ đề xuất hiện trong ý nghĩ của bạn qua việc sưu tầm, chia sẻ và thảo luận. Lập hồ sơ riêng của bạn để sưu tập các ghi chép, các ý nghĩ tản mạn của riêng bạn và các ý kiến của các bạn qua thảo luận cùng với các bài viết của bạn.

Dặn các bạn: Hãy tiếp tục đọc thâm từng *Phụ lục* in dưới đây với tinh thần củng cố những kết quả đã đọng lại trong tư liệu và trong ý nghĩ của các bạn xoay quanh nội dung *Tổng quan về Truyện Kiều*.

PHỤ LỤC 1

Một bản *Truyện Kiều* mới nhất các bạn nên có trong thư viện của trường và tủ sách gia đình.



Sách này in năm 2015, kỷ niệm 250 năm ngày sinh Nguyễn Du, do Nhà xuất bản Trẻ cùng Hội Kiều học Việt Nam ấn hành – dùng bản Kiều Nôm năm Tự Đức thứ 19 của nhà sách Liễu Văn Đường – 1866, do một nhóm soạn giả phiên âm, chú giải.

Cuốn Kiều Nôm do Liễu Văn Đường in năm Tự Đức thứ 19 (1866), hiện đang được lưu giữ tại Khu di tích Nguyễn Du ở huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh – là bản Kiều khắc in cổ nhất tính tới thời điểm hiện nay (trước đây người ta coi bản Liễu Văn Đường in năm Tự Đức 24 (1871) có niên đại cổ nhất).

Cuốn *Truyện Kiều* bản in năm 2015 dày 466 trang, chia ra thành những phần như sau:

(a) Phần Dẫn nhập có cả Niên biểu Nguyễn Du đánh số La Mã từ trang I đến trang XXVI.

(b) Phần phiên âm, chú giải đánh số từ trang 1 đến trang 431. Phần này còn được chia thành nhiều phần để bạn đọc tiện dùng: (1) Từ câu 1 đến câu 38; (2) Từ câu 39 đến câu 568; (3) Từ câu 569 đến câu 776; (4) Từ câu 777 đến câu 1.526; (5) Từ câu 1.527 đến câu 2.032; (6) Từ câu 2.033 đến câu 2.648; (7) Từ câu 2.649 đến câu 2.738; (8) Từ câu 2.739 đến câu 3.254.

(c) Phần Phụ lục gồm một số Phụ bản Kiều qua các thời kỳ, một số bài tựa *Truyện Kiều*...

Luyện tập

1. Từng bạn chuẩn bị rồi chia sẻ: Phụ lục 1 giới thiệu cho bạn nội dung gì? Hãy chuẩn bị để có thể nói lại trước các bạn trong lớp về nội dung đó.
2. Thảo luận: Tác phẩm *Truyện Kiều* ngày xưa in ra công phu như thế nào? Có in ra bằng chữ Quốc ngữ không? In ra bằng chữ Nôm thì cách in như thế nào? In ở những nhà sách nào? Có dùng máy tính để in rất nhanh như ngày nay không?
3. Thảo luận: Bản Kiều được in năm 2015 ở Nhà xuất bản Trẻ nhằm mục đích gì? Toàn bộ *Truyện Kiều* có mấy phần?

PHỤ LỤC 2

Bài thơ *Long Thành cầm giả ca* của Nguyễn Du

Tiểu dẫn của tác giả

Người gảy đàn đất Long Thành không rõ họ tên là gì. Nghe nói thuở nhỏ, nàng học đàn Nguyễn (đàn nguyệt cầm do Nguyễn Hàm, người đời Tấn ở Trung Quốc chế ra) trong đội nữ nhạc ở cung vua Lê. Quân Tây Sơn kéo ra, các đội nhạc cũ người chết, kẻ bỏ đi. Nàng lưu lạc ở các chợ ôm đàn hát rong. Những bài nàng gảy đều là những khúc cung phụng gảy cho vua nghe, người ngoài không hề được biết, cho nên tài nghệ của nàng nổi tiếng hay nhất một thời.

Hồi còn trẻ (1792–1793?), tôi đến kinh đô thăm anh tôi (Nguyễn Nễ), ở trọ gần hồ Giám. Cạnh đó các quan Tây Sơn mở cuộc hát lớn, con hát đẹp có đến vài chục người. Nàng nổi tiếng nhờ ngón đàn Nguyễn. Nàng hát cũng hay và khéo nói khôi hài, mọi người say mê, đua nhau ban thưởng từng chén rượu lớn, nàng uống hết ngay, tiền thưởng nhiều vô kể, tiền và lụa chồng đầy mặt đất. Lúc ấy tôi nấp trong bóng tối, không thấy rõ lắm. Sau được gặp ở nhà anh tôi. Nàng người thấp, má bầu, trán giô, mặt gầy, không đẹp lắm, nhưng nước da trắng trẻo, thân hình đầy đặn, khéo trang điểm, lông mày thanh, má đánh phấn, áo màu hồng, quần lụa cánh chả, có vẻ phong nhã. Nàng hay uống rượu, hay nói pha trò, con mắt long lanh, không coi ai ra gì. Khi ở nhà anh tôi mỗi lần uống rượu thì nàng uống say đến nổi nôn bữa bãi, nằm lăn ra đất, các bạn có chê trách cũng không lấy làm điều.

Sau đó vài năm, tôi rời nhà về Nam (Thái Bình), mấy năm liền không trở lại Long Thành. Mùa xuân năm nay (1813) tôi lại phụng mệnh sang sứ Trung Quốc, đi qua Long Thành. Các bạn mở tiệc tiễn tôi ở dinh Tuyên phủ, có gọi tất cả vài chục nữ nhạc, tôi đều không biết mặt biết tên. Chị em thay nhau múa hát. Rồi nghe một khúc đàn Nguyễn trong trẻo nổi lên, khác hẳn những khúc thường nghe, tôi lấy làm lạ, nhìn người gảy đàn thì thấy một chị gầy gò, vẻ tiêu tụy, sắc mặt đen sạm, xấu như quỷ, áo quần mặc toàn vải thô bạc thếp, vá nhiều mảnh trắng, ngồi im lặng ở cuối chiếu, chẳng hề nói cười, hình dáng thật khó coi. Tôi không biết nàng là ai, nhưng nghe tiếng đàn thì dường như đã quen biết, nên động lòng thương. Tiệc xong, hỏi thì chính là người trước kia đã gặp.

Than ôi! Người ấy sao đến nỗi thế! Tôi bồi hồi, không yên, ngừng lên cúi xuống, ngậm ngùi cho cảnh xưa và nay. Người ta trong cõi trăm năm, những sự vinh nhục buồn vui thật không lường được. Sau khi từ biệt trên đường đi, cảm thương vô hạn nên làm bài ca sau, để ghi lại mối cảm hứng.

Long Thành cầm giả ca **(Bài ca về người gảy đàn đất Long Thành)**

Dịch nghĩa:

Người đẹp đất Long Thành
Không nghe tên họ
Riêng thạo đàn Nguyễn¹.
Người trong thành bèn lấy chữ Cầm mà đặt tên.
Nàng học được khúc Cung Phụng trong cung tiền triều²
Đó là những khúc đàn hay nhất trời đất.
Tôi nhớ lúc thiếu thời đã gặp một lần
Bên bờ hồ Giám³ trong một cuộc dạ yến,
Lúc đó nàng khoảng hai mươi mốt tuổi,
Áo hồng ánh lên mặt hoa đào,
Má hừng rượu, vẻ ngây thơ, rất dễ thương,
Năm cung réo rắt, theo ngón tay mà thay đổi điệu.
Tiếng khoan như gió thoảng qua rừng thông,
Tiếng trong như đôi hạc kêu trên cao thẳm,
Tiếng lạnh như sét đánh tan bia Tiến Phúc⁴

-
- 1 Đàn Nguyễn (Nguyễn cầm) tức đàn nguyệt. Tục truyền đàn nguyệt do Nguyễn Hàm, một trong thất hiền vườn trúc đời Tấn (Trung Quốc) sáng chế nên gọi là đàn Nguyễn.
 - 2 Tiền triều: Chỉ triều nhà Lê, vì lúc đó thuộc triều Tây Sơn.
 - 3 Hồ Giám (Giám hồ): hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội).
 - 4 Bia Tiến Phúc: Tên tấm bia dựng ở một ngôi chùa cổ ở Nhiêu Châu, tỉnh Giang Tây (Trung Quốc). Tương truyền dưới triều nhà Tống, Phạm Trọng Yêm lúc làm quan ở Bá Dương, có người học trò nghèo dâng bài thơ hay, ông muốn giúp đỡ, cho rập một nghìn bản để bán lấy tiền. Chưa rập xong thì một đêm kia bia bị sét đánh vỡ tan.

Tiếng buồn như Trang Tích¹ ngâm tiếng Việt lúc bệnh,
 Người nghe say sưa không biết mỗi,
 Đó là những khúc đàn trong đại nội Trung Hòa²
 Các quan Tây Sơn trong tiệc đều say mê điên đảo,
 Mãi vui suốt đêm không biết chán.
 Bên tả bên hữu tranh nhau vãi thưởng³
 Tiền bạc coi rẻ như đất bùn.
 Ý khí đào hoa át cả các bậc vương hầu,
 Đám thiếu niên đất Ngũ Lãng⁴ không đáng kể.
 Tưởng chừng ba mươi sáu cung xuân⁵
 Chung đúc một vật báu vô giá đất Trường An⁶.
 Nhớ lại từ bữa tiệc ấy đến nay đã hai mươi năm,
 Sau khi Tây Sơn bại vong, tôi vào Nam,
 Long Thành trong gang tấc không được thấy lại,
 Huống hồ tiệc múa hát ở trong thành.

-
- 1 Trang Tích: sống ở thời Xuân Thu, Trung Quốc. Ông là người nước Sở. Khi ông ốm, Sở Vương hỏi cận thần: “Tích là kẻ tầm thường ở đất Việt, nay làm quan nước Sở, được phú quý rồi, thì còn nhớ nước Việt nữa không?”. Viên thị ngự đáp: “Phàm người ta có nhớ nước cũ hay không, thường tỏ ra trong lúc đau ốm. Nếu lúc này ông ta nói tiếng Việt tức là nhớ nước Việt, bằng không thì nói tiếng nước Sở”. Sở Vương sai người lên nghe thì thấy Trang Tích nói tiếng Việt. Dẫn tích này để ám chỉ người không quên quê hương, đất nước.
 - 2 Đại nội Trung Hòa: tên một tòa điện trong hoàng thành nhà Lê.
 - 3 Vãi thưởng: dịch thoát chữ triển đầu. Đời Đường trong yến tiệc vua đãi, ai đứng dậy múa được ban gấm để quần đầu như vật tặng thưởng. Về sau các món tiền thưởng cho người ca múa được gọi là triển đầu.
 - 4 Ngũ Lãng: một vùng đất ngoại ô phía tây kinh thành Trường An (Trung Quốc), ở đó có năm lăng mộ của năm vua nhà Hán. Về sau nơi này, quan lại, quý tộc cấp cao và dân hào hoa phú quý thường ở. Ngũ Lãng thiếu niên, chỉ những con nhà quyền quý, giàu sang. Bài *Ti bà hành* của Bạch Cư Dị có câu: “Ngũ Lãng niên thiếu tranh triển đầu”.
 - 5 Ba mươi sáu cung xuân (Tam thập lục cung): trong cung điện vua chúa ngày xưa bên Trung Quốc có 36 cung chứa đầy mỹ nữ.
 - 6 Trường An hay Tràng An là kinh đô của hơn mười triều đại Trung Quốc. Trường An (長安) nghĩa là an bình lâu dài. Thời Tây Chu được gọi là Phong Kinh (豐京). Thời Tây Hán được gọi là Trường An. Thời nhà Tấn, được gọi là Thường An (常安) nghĩa là luôn an bình. Từ thời nhà Minh được gọi là Tây An. Và nay được gọi là Tây An, thủ phủ tỉnh Thiểm Tây.

Quan Tuyên Phủ¹ vì tôi bày cuộc mua cười,
Trong đám ca kỹ đều trẻ tuổi.
Duy ở cuối chiếu có một nàng tóc đã hoa râu.
Mặt gầy thân khô hình bé nhỏ,
Đôi mày phờ phạc không điểm tô,
Ai biết đó là người trước kia nổi danh tài hoa đệ nhất trong một thời,
Khúc xưa đàn lên, tôi tuôn nước mắt ngâm theo từng tiếng.
Tai lắng nghe mà lòng chua xót!
Bỗng nhớ lại chuyện hai mươi năm xưa
Đã từng thấy trong chiếu tiệc bên hồ Giám.
Thành quách suy đời, việc người đổi,
Bao ruộng dâu đã biến thành biển xanh.
Cơ nghiệp Tây Sơn tiêu tan sạch,
Trong làng múa hát còn sót lại một người!
Trăm năm thấm thoát trong một hơi thở một nháy mắt
Cảm thương việc cũ lệ thấm áo
Từ Nam trở về, đầu tôi bạc trắng!
Không trách người đẹp nhan sắc suy tàn.
Hai mắt trừng trừng luống tưởng lại chuyện cũ
Khá thương gặp mặt nhau mà không nhận được nhau!
(Quách Tấn dịch)

Dịch thơ:

Đất Long Thành khách giai nhân nọ,
Không nhớ ra tên họ là gì.
Nguyễn Cầm nổi tiếng đương thì,
Tên Cầm mượn của đàn kia gọi người,
Khúc cung phụng những đời vua trước,
Tưởng quân thiên nhã nhạc khôn bì.
Nhớ hồi tuổi trẻ xưa kia,
Đêm bên hồ Giám một kỳ tiệc vui.

1 Chỉ quan trấn thủ Bắc Thành, vào lúc Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc mùa xuân 1813.

Xuân độ ấy đương hồi ba bảy,
Ánh hồng trang lộng lẫy mặt hoa.
Nào người vẽ rượu ngà ngà,
Năm cung diu dặt này qua phím đàn.
Tiếng khoan thoảng thông ngàn gió thổi,
Tiếng trong như hạc gọi xa xăm
Mạnh như Tiến Phúc sét gầm,
Buồn như tiếng Việt, Trang nằm đau rên.
Ai nấy nghe nhường quên mệt mỏi,
Rõ tiếng đàn đại nội Trung Hoà.
Tây sơn quan khách la đà,
Mãi vui quên cả tiếng gà tan canh.
Tả lại hữu tranh giành gieo thưởng,
Tiền như bùn ước lược qua loa,
Vương hầu thua vẽ hào hoa,
Ngũ Lãng chàng trẻ ai mà kể chi.
Băm sáu cung xuân kia chung đúc,
Đất Trường An hạt ngọc liên thành.
Hai mươi năm, tiệc qua nhanh,
Tây Sơn sụp đổ thì mình về Nam.
Chốn Long Thành tắc gang chẳng tới,
Còn nói chi những buổi đàn ca.
Nặng tình quan sứ tiễn ta,
Tiệc hoa kén những bông hoa nói cười.
Mé cuối tiệc một người nho nhỏ,
Tóc hoa râm mặt võ mình gầy.
Bơ phờ chẳng sửa đôi mày,
Tài hoa ai biết đất này không hai!
Thoảng mấy tiếng, thâm rơi giọt lệ,
Lọt tai mà như xé tắc son!
Giật mình hai chục năm tròn,
Tiệc bên hồ Giám người còn chưa quên.
Cuộc thương hải tang điền thấm thoát,
Cõi nhân gian thành quách đổi đời,

Tây Sơn cơ nghiệp đâu rồi,
Mà làng ca vũ một người còn trơ!
Ngàn trăm năm thì giờ chớp mắt,
Lệ thương tâm ướt vạt áo là
Nam về đầu bạc ngẫm ta,
Trách gì hương phấn bông hoa chẳng tàn!
Trùng trùng đôi mắt mơ màng,
Quen mà hoá lạ nghĩ càng thêm thương.
(Hoàng Tạo dịch)

Bài ca người gảy đàn ở Long Thành

Người đẹp Long Thành,
Họ tên không ai rõ.
Riêng thạo ngón đàn cầm,
Người trong thành biết tên Cầm từ đó.
Học được khúc cung phụng trong cung cấm triều xưa,
Khúc tuyệt xứng nức danh trời người chưa dễ có.

Nhớ xưa ta đã một lần trông,
Hồ Giám đang đêm mở tiệc nồng.
Tuổi nàng lúc ấy vừa ba bảy,
Áo hồng óng ánh mặt đào hồng.
Ngà say yếu điệu mê hồn khách,
Một tay đàn dấy suốt năm cung.

Khoan như tiếng gió giữa rừng thông lướt thổi,
Trong như tiếng hạc lưng chừng trời u tối.
Mạnh như tiếng sét làm bia Tiến Phúc vỡ tan,
Buồn như Trang Tích ốm đau nằm ngâm ngợi.
Người nghe quên mệt nghe bồn chồn,
Ấy khúc nhạc điện Trung Hòa trong đại nội.

Khanh tướng Tây Sơn trên tiệc đều ngất ngây,
Trắng đêm không chán cuộc vui say,
Tả hữu tranh nhau cùng gieo thưởng,

Bạc tiền như đất ném liền tay.
Hào hoa át hết bạc vương giả,
Bọn trẻ Ngũ Lăng đâu sánh tày.
Ba sáu cung xuân đồn hết lại,
Đúc nên vật báu Tràng An này.

Hai chục năm qua từ buổi đó,
Ta chuyển về Nam, Tây Sơn đổ.
Long Thành gang tấc chẳng ngó ngang,
Huống gì một người con hát nọ.

Nay quan Tuyên phủ vì ta mở cuộc chơi,
Ca kỹ trong tiệc đều xinh tươi.
Cuối chiếu một nàng tóc đốm bạc,
Mặt gầy, sắc võ hình nhỏ nhoi.
Phờ phạc đôi mày không tô điểm,
Ai hay chính người kỳ diệu bậc nhất Kinh đô thuở đương thời.

Khúc xưa trong trẻo thâm rơi lệ,
Lặng nghe từng tiếng lòng đau xé.
Thốt nhiên bừng dậy chuyện hai chục năm qua,
Chuyện bên hồ Giám còn như vẽ.

Thành quách đổi thay người chuyển dời,
Bãi biển nường dâu biết mấy nơi,
Cơ nghiệp Tây Sơn tiêu tán sạch,
Luống còn một người con hát thôi.

Trăm năm thấm thoát là bao tá,
Đau lòng việc cũ lệ tầm tã.
Từ Nam trở lại trắng phơ đầu,
Trách gì nhan sắc chẳng tàn tạ.

Đăm đăm hai mắt luống mơ màng,
Gặp mặt... thương ôi như xa lạ.

(Nguyễn Huệ Chi dịch, 1987)

Thảo luận

1. Cùng giảng nghĩa với nhau: *Tiểu dẫn* nghĩa là gì? Tại sao làm bài thơ xong lại viết lời *tiểu dẫn* đó? *Long Thành cầm giả ca* nghĩa là gì? Hãy tóm tắt nội dung “câu chuyện” về cô Cầm và ý nghĩa câu chuyện được Nguyễn Du kể lại.
2. Thảo luận: Câu chuyện trong bài thơ *Long Thành cầm giả ca* này có thể là một nguồn hứng để Nguyễn Du sáng tác *Truyện Kiều* không? Hãy tìm trong bài thơ *Long Thành...* câu thơ nào giống với hai câu Kiều đầu tiên:

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

và bốn câu này:

*Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới xa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.*

3. Thảo luận: Hãy tìm đọc trong *Truyện Kiều* những câu nào khác nữa có ý tương tự nói đến “đàn bà” như hai câu sau:

*Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*

4. Viết tiểu luận: Chọn một trong các đề tài sau:
 - a. Trải nghiệm của Nguyễn Du, trải nghiệm đã tạo cảm hứng cho ông viết *Truyện Kiều*?
 - b. Suy nghĩ của bạn sau khi đọc câu chuyện *Long Thành cầm giả ca*.
 - c. Hãy tưởng tượng bạn là Nguyễn Du. Bạn hãy quan sát cuộc đời người phụ nữ ngày nay (bắt đầu từ những người phụ nữ thân cận trong gia đình, họ hàng, xóm giềng của bạn) và những quan sát đó đã dẫn bạn đến những nung nấu bắt buộc bạn viết ra *Truyện Kiều*.

PHỤ LỤC 3

Bài thơ Văn tế thập loại chúng sinh¹

của Nguyễn Du

Tiết tháng Bảy mưa dầm sùi sụt,
Toát hơi may lạnh buốt xương khô,
Nỗi người thay buổi chiều thu,
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng.

Đường bạch dương bóng chiều man mác,
Ngọn đường lê lác đác sương sa,
Lòng nào là chẳng thiết tha,
Cõi dương còn thế nữa là cõi âm.

Trong trường dạ tối tăm trời đất,
Có khôn thiêng phảng phất u minh,
Thương thay thập loại chúng sinh,
Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người.

Hương khói đã không nơi nương tựa,
Hồn mồ côi lần lửa đêm đen,
Còn chi ai quý ai hèn,
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu?

Tiết đầu thu lập đàn giải thoát
Nước tịnh bình rưới hạt dương chi
Muôn nhờ đức Phật từ bi,
Giải oan, cứu khổ, hồn về tây phương.

Cũng có kẻ tính đường kiêu hãnh,
Chí những lắm cướp gánh non sông,
Nói chi những buổi tranh hùng
Tuởng khi thế khuất vận cùng mà đau.

Bỗng phút đầu mưa sa ngồi lở
Khôn đem mình làm đũa sắt phu,

1 Bài này còn gọi là Văn chiêu hồn hay Văn tế chiêu hồn.

Lớn sang giàu nặng oán thù,
 Máu tươi lai láng, xương khô rã rời.
 Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc,
 Quỷ không đầu than khóc đêm mưa
 Cho hay thành bại là cơ
 Mà cô hồn biết bao giờ cho tan!
 Cũng có kẻ màn lan trướng huệ,
 Những cây mình cung quế Hằng Nga,
 Một phen thay đổi sơn hà,
 Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu?
 Trên lầu cao dưới cầu nước chảy
 Phận đã đành trâm gãy bình rơi,
 Khi sao đông đúc vui cười,
 Mà khi nhắm mắt không người nhật xương.
 Đau đớn nhẽ không hương không khói,
 Luống ngẩn ngơ dòng suối rừng sim.
 Thương thay chân yếu tay mềm
 Càng năm càng héo, một đêm một rầu.
 Kìa những kẻ mũ cao áo rộng,
 Ngọn bút son thác sống ở tay,
 Kinh luân găm một túi đầy,
 Đã đem Quân Cát lại ngày Y Chu.
 Thịnh mãi lắm oán thù càng lắm,
 Trăm loài ma mồi nắm chung quanh,
 Nghìn vàng khôn đổi được mình
 Lầu ca, viện hát, tan tành còn đâu?
 Kẻ thân thích vắng sau vắng trước
 Biết lấy ai bát nước nén nhang?
 Cô hồn thất thế dọc ngang,
 Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hoá sinh.
 Kìa những kẻ bài binh bố trận
 Đem mình vào cướp ấn nguyên hung.

Gió mưa sấm sét ùng ùng,
Dãi thây trăm họ nên công một người.
Khi thất thế tên rơi đạn lạc,
Bãi sa trường thịt nát máu rơi,
Bơ vơ góc bể chân trời,
Năm xương vô chủ biết vùi nơi nao?
Trời thăm thẳm mưa gào gió thét,
Khí âm huyền mờ mịt trước sau,
Ngàn mây nội cỏ rầu rầu,
Nào đâu diều té, nào đâu chường thường?
Cũng có kẻ tính đường trí phú,
Mình làm mình nhịn ngủ kém ăn,
Ruột rà không kẻ chí thân
Dẫu làm nên để dành phần cho ai?
Khi nằm xuống không người nhấn nhủ,
Của phù du dẫu có như không,
Sống thời tiền chảy bạc ròng,
Thác không đem được một đồng nào đi.
Khóc ma muốn, thương gì hàng xóm
Hòm gỗ đa bó đóm đưa đêm
Ngẩn ngơ trong quăng đồng chiêm,
Nén hương giọt nước, biết tìm vào đâu?
Cũng có kẻ rắp cầu chữ quý
Dấn mình vào thành thị lân la,
Mấy thu lìa cửa lìa nhà,
Văn chương đã chắc đâu mà trí thân?
Dọc hàng quán phải tuần mưa nắng,
Vợ con nào nuôi nắng khem kiêng,
Vội vàng liệm sắp chôn nghiêng,
Anh em thiên hạ láng giềng người dưng.
Bóng phần tử xa chường hương khúc
Bãi tha ma kẻ dọc người ngang,

Cô hồn nhờ gửi tha phương,
Gió trắng hiu hắt, lửa hương lạnh lòng.

Cũng có kẻ vào sông ra bể,
Cánh buồm mây chạy xế gió đông
Gặp cơn giông tố giữa dòng,
Đem thân vùi rấp vào lòng kinh nghê.

Cũng có kẻ đi về buôn bán,
Đòn gánh tre chín dạn hai vai,
Gặp cơn mưa nắng giữa trời,
Hồn đường phách sá lạc loài nơi nao?

Cũng có kẻ mắc vào khoá lính,
Bỏ cửa nhà đi gánh việc quan,
Nước khe cơm ống gian nan,
Dãi dầu nghìn dặm lằm than một đời.

Buổi chiến trận mạng người như rác,
Phận đã đành đạn lạc tên rơi.
Lập lòe ngọn lửa ma trời,
Tiếng oan văng vẳng tối trời càng thương.

Cũng có kẻ nhờ nhàn một kiếp,
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa,
Ngẩn ngơ khi trở về già,
Đâu chồng con tá biết là cây ai?

Sống đã chịu một đời phiền não
Thác lại nhờ hộp cháo lá đa,
Đau đớn thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?

Cũng có kẻ nằm cầu gối đất,
Đôi tháng ngày hành khát ngược xuôi,
Thương thay cũng một kiếp người,
Sống nhờ hàng xứ, chết vùi đường quan!

Cũng có kẻ mắc oan tù rạc
Gửi mình vào chiếu rách một manh.

Nắm xương chôn ráp góc thành,
Kiếp nào cớ được oan tình ấy đi?
Kìa những đứa tiểu nhi tám bé,
Lỗi giờ sinh là mẹ là cha.
Lấy ai bỗng bế vào ra,
U ơ tiếng khóc thiết tha nỗi lòng.
Kìa những kẻ chìm sông lạc suối,
Cũng có người sẩy cối sa cây,
Có người leo giếng đứt dây,
Người trôi nước lũ kẻ lây lửa thành.
Người thì mắc sơn tinh thủy quái
Người thì sa nanh sói ngà voi,
Có người hay để không nuôi,
Có người sa sẩy, có người khốn thương.
Gặp phải lúc đi đường lỡ bước
Cầu Nại Hà kẻ trước người sau
Mỗi người một nghiệp khác nhau
Hồn xiêu phách tán biết đâu bây giờ?
Hoặc là ẩn ngang bờ dọc bụi,
Hoặc là nương ngọn suối chân mây,
Hoặc là bụi cỏ bóng cây,
Hoặc nơi quán nọ cầu này bơ vơ.
Hoặc là nương thân từ, Phật tự
Hoặc là nơi đầu chợ cuối sông
Hoặc là trong quăng đồng không,
Hoặc nơi gò đồng, hoặc vùng lau tre.
Sống đã chịu nhiều bề thảm thiết,
Gan héo khô dạ rét căm căm,
Dãi dầu trong mấy mươi năm,
Thở than dưới đất, ăn nằm trên sương.
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,
Lặn mặt trời lẩn thẩn tìm ra,

Lôi thôi bông trẻ dất già,
 Có khôn thiêng nhẽ lại mà nghe kinh.
 Nhờ phép Phật siêu sinh tịnh độ,
 Phóng hào quang cứu khổ độ u,
 Rấp hoà tứ hải quần chu,
 Nào phiền rũ sạch, oán thù rửa không.
 Nhờ đức Phật thần thông quảng đại,
 Chuyển pháp luân tam giới thập phương,
 Nhơn nhơn Tiêu Diện đại vương,
 Linh kỳ một lá dẫn đường chúng sinh.
 Nhờ phép Phật uy linh dũng mãnh,
 Trong giấc mê khuya tỉnh chiêm bao,
 Mười loài là những loài nào?
 Gái trai già trẻ đều vào nghe kinh.
 Kiếp phù sinh như hình bào ảnh,
 Có chữ rằng: “Vạn cảnh giai không”
 Ai ơi lấy Phật làm lòng,
 Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.
 Đàn chẩn tế vâng lời Phật giáo,
 Của có chi bát cháo nén nhang,
 Gọi là manh áo thoi vàng,
 Giúp cho làm của ăn đường thẳng thiên.
 Ai đến đây dưới trên ngời lại,
 Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu.
 Phép thiêng biến ít thành nhiều,
 Trên nhờ Tôn Giả chia đều chúng sinh.
 Phật hữu tình từ bi phổ độ
 Chớ ngại rằng có có không không.
 Nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng
 Độ cho nhất thiết siêu thăng thượng đài.

(Nguồn: Văn tế cổ và kim, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1960)

Gợi ý suy ngẫm và chia sẻ sau khi đọc thầm Phụ lục 3

1. Các bạn hãy đọc từng khổ bốn câu và cùng giải nghĩa các từ Hán-Việt để hiểu từng khổ và cả bài văn (Ví dụ Trong trường dạ tối tăm trời đất).
2. Các bạn nghĩ gì về các loại chúng sinh nhiều hơn con số *thập loại* được đặt tên cho văn tế này:
 - a. Những kẻ “tính đường kiêu hãnh” tham danh vọng mà quên mạng sống.
 - b. Những kẻ giàu sang sống trong “màn loan trướng huệ” tự kiêu, tự mãn về nhan sắc.
 - c. Những kẻ làm quan to “mũ cao áo rộng” cầm ngọn bút sinh sát trong tay.
 - d. Những tướng sĩ “bài binh bố trận” đem mình vào cướp ấn nguyên nhung” phơi thầy trăm họ để giành công cho bản thân mình.
 - e. Những kẻ tính đường trí phú bôn ba lìa bỏ quê nhà để mong được giàu sang.
 - g. Những kẻ “rắp cầu chữ quý”.
 - h. Những kẻ vào sông ra bể, trong sóng gió hiểm nguy.
 - i. Những kẻ thương buôn đường xa.
 - k. Những kẻ phải đi lính.
 - l. Những kẻ sa cơ thất thế rơi vào “buôn nguyệt bán hoa”.
 - m. Những người hành khất “sống nhờ hàng xứ, chết vùi đường quan”.
 - n. Những kẻ mắc vòng tù ngục oan khiên.
 - o. Những kẻ hữu sinh vô dưỡng.
 - p. Những trẻ sơ sinh mất mẹ cha.
 - q. Những kẻ chết vì các loại nạn tai: thủy, hỏa, ác thú.
 - r. Những kẻ vô tự tức không con cái, thân thuộc.

Luyện tập chung cuối Bài 1

1. Thảo luận: Trong tiểu sử Nguyễn Du, có sự pha trộn văn hóa của nhiều vùng miền của đất nước. Cũng trong cuộc đời Nguyễn Du, có thể nhận thấy sự pha trộn của nhiều hoàn cảnh, khi lên rất cao, khi xuống rất thấp. Các bạn hãy chia sẻ với nhau ấn tượng ban đầu của bạn về đặc điểm cuộc đời nhà thơ Nguyễn Du.
2. Thảo luận, chia sẻ: Sau khi đọc các tài liệu *Phụ lục*, bạn có ý nghĩ gì về tác phẩm *Truyện Kiều*? Các bạn có những sưu tầm riêng như thế nào dựa theo gợi ý của các *Phụ lục* đó? Hãy chia sẻ các sưu tầm riêng với các bạn trong nhóm và trong lớp. Hãy nói ý nghĩ gì đã thúc đẩy bạn thực hiện sưu tầm riêng của mình? Những bạn đã được chia sẻ tài liệu sưu tầm của các bạn khác cùng lớp hãy cho biết ý nghĩ của mình trước các tài liệu sưu tầm đó?
3. Thảo luận: Sau khi đọc phần sau của bài *Tổng quan về Truyện Kiều*, các bạn nhận được những gợi ý ban đầu gì về *ngôn ngữ* trong *Truyện Kiều*? Các bạn hãy tự đọc dẫn văn bản *Truyện Kiều* và tìm một số câu thơ trong *Truyện Kiều* có chứa những *cách dùng ngôn từ* và nói về việc mình đã *hiểu* những ngôn từ đó như thế nào?
4. Thảo luận và viết tiểu luận: Hãy nói ra những suy nghĩ ban đầu chung nhất đối với tác phẩm *Truyện Kiều*. Các bạn có thấy hứng thú học tiếp tác phẩm *Truyện Kiều* không? Vì lẽ gì các bạn muốn tiếp tục công việc tìm hiểu sâu hơn nữa vào tác phẩm *Truyện Kiều*?

CÁCH THỨC *TRUYỆN KIỀU* LAN TỎA TRONG ĐÔNG ĐẢO NHÂN DÂN

Các bạn hãy nhìn sáu câu thơ mở đầu *Truyện Kiều*. Đó là mấy câu Trăm năm trong cõi người ta... viết bằng chữ Nôm.

𪛗𪛘𪛙𪛚𪛛𪛜𪛝𪛞𪛟𪛠𪛡𪛢𪛣𪛤𪛥𪛦𪛧
𪛨𪛩𪛪𪛫𪛬𪛭𪛮𪛯𪛰𪛱𪛲𪛳𪛴𪛵𪛶𪛷𪛸𪛹𪛺𪛻𪛼𪛽𪛾𪛿
𪜀𪜁𪜂𪜃𪜄𪜅𪜆𪜇𪜈𪜉𪜊𪜋𪜌𪜍𪜎𪜏𪜐𪜑𪜒𪜓𪜔𪜕𪜖𪜗𪜘𪜙𪜚𪜛𪜜𪜝𪜞𪜟𪜠𪜡𪜢𪜣𪜤𪜥𪜦𪜧𪜨𪜩𪜪𪜫𪜬𪜭𪜮𪜯𪜰𪜱𪜲𪜳𪜴𪜵𪜶𪜷𪜸𪜹𪜺𪜻𪜼𪜽𪜾𪜿𪝀𪝁𪝂𪝃𪝄𪝅𪝆𪝇𪝈𪝉𪝊𪝋𪝌𪝍𪝎𪝏𪝐𪝑𪝒𪝓𪝔𪝕𪝖𪝗𪝘𪝙𪝚𪝛𪝜𪝝𪝞𪝟𪝠𪝡𪝢𪝣𪝤𪝥𪝦𪝧𪝨𪝩𪝪𪝫𪝬𪝭𪝮𪝯𪝰𪝱𪝲𪝳𪝴𪝵𪝶𪝷𪝸𪝹𪝺𪝻𪝼𪝽𪝾𪝿𪞀𪞁𪞂𪞃𪞄𪞅𪞆𪞇𪞈𪞉𪞊𪞋𪞌𪞍𪞎𪞏𪞐𪞑𪞒𪞓𪞔𪞕𪞖𪞗𪞘𪞙𪞚𪞛𪞜𪞝𪞞𪞟𪞠𪞡𪞢𪞣𪞤𪞥𪞦𪞧𪞨𪞩𪞪𪞫𪞬𪞭𪞮𪞯𪞰𪞱𪞲𪞳𪞴𪞵𪞶𪞷𪞸𪞹𪞺𪞻𪞼𪞽𪞾𪞿𪟀𪟁𪟂𪟃𪟄𪟅𪟆𪟇𪟈𪟉𪟊𪟋𪟌𪟍𪟎𪟏𪟐𪟑𪟒𪟓𪟔𪟕𪟖𪟗𪟘𪟙𪟚𪟛𪟜𪟝𪟞𪟟𪟠𪟡𪟢𪟣𪟤𪟥𪟦𪟧𪟨𪟩𪟪𪟫𪟬𪟭𪟮𪟯𪟰𪟱𪟲𪟳𪟴𪟵𪟶𪟷𪟸𪟹𪟺𪟻𪟼𪟽𪟾𪟿𪠀𪠁𪠂𪠃𪠄𪠅𪠆𪠇𪠈𪠉𪠊𪠋𪠌𪠍𪠎𪠏𪠐𪠑𪠒𪠓𪠔𪠕𪠖𪠗𪠘𪠙𪠚𪠛𪠜𪠝𪠞𪠟𪠠𪠡𪠢𪠣𪠤𪠥𪠦𪠧𪠨𪠩𪠪𪠫𪠬𪠭𪠮𪠯𪠰𪠱𪠲𪠳𪠴𪠵𪠶𪠷𪠸𪠹𪠺𪠻𪠼𪠽𪠾𪠿𪡀𪡁𪡂𪡃𪡄𪡅𪡆𪡇𪡈𪡉𪡊𪡋𪡌𪡍𪡎𪡏𪡐𪡑𪡒𪡓𪡔𪡕𪡖𪡗𪡘𪡙𪡚𪡛𪡜𪡝𪡞𪡟𪡠𪡡𪡢𪡣𪡤𪡥𪡦𪡧𪡨𪡩𪡪𪡫𪡬𪡭𪡮𪡯𪡰𪡱𪡲𪡳𪡴𪡵𪡶𪡷𪡸𪡹𪡺𪡻𪡼𪡽𪡾𪡿𪢀𪢁𪢂𪢃𪢄𪢅𪢆𪢇𪢈𪢉𪢊𪢋𪢌𪢍𪢎𪢏𪢐𪢑𪢒𪢓𪢔𪢕𪢖𪢗𪢘𪢙𪢚𪢛𪢜𪢝𪢞𪢟𪢠𪢡𪢢𪢣𪢤𪢥𪢦𪢧𪢨𪢩𪢪𪢫𪢬𪢭𪢮𪢯𪢰𪢱𪢲𪢳𪢴𪢵𪢶𪢷𪢸𪢹𪢺𪢻𪢼𪢽𪢾𪢿𪣀𪣁𪣂𪣃𪣄𪣅𪣆𪣇𪣈𪣉𪣊𪣋𪣌𪣍𪣎𪣏𪣐𪣑𪣒𪣓𪣔𪣕𪣖𪣗𪣘𪣙𪣚𪣛𪣜𪣝𪣞𪣟𪣠𪣡𪣢𪣣𪣤𪣥𪣦𪣧𪣨𪣩𪣪𪣫𪣬𪣭𪣮𪣯𪣰𪣱𪣲𪣳𪣴𪣵𪣶𪣷𪣸𪣹𪣺𪣻𪣼𪣽𪣾𪣿𪤀𪤁𪤂𪤃𪤄𪤅𪤆𪤇𪤈𪤉𪤊𪤋𪤌𪤍𪤎𪤏𪤐𪤑𪤒𪤓𪤔𪤕𪤖𪤗𪤘𪤙𪤚𪤛𪤜𪤝𪤞𪤟𪤠𪤡𪤢𪤣𪤤𪤥𪤦𪤧𪤨𪤩𪤪𪤫𪤬𪤭𪤮𪤯𪤰𪤱𪤲𪤳𪤴𪤵𪤶𪤷𪤸𪤹𪤺𪤻𪤼𪤽𪤾𪤿𪥀𪥁𪥂𪥃𪥄𪥅𪥆𪥇𪥈𪥉𪥊𪥋𪥌𪥍𪥎𪥏𪥐𪥑𪥒𪥓𪥔𪥕𪥖𪥗𪥘𪥙𪥚𪥛𪥜𪥝𪥞𪥟𪥠𪥡𪥢𪥣𪥤𪥥𪥦𪥧𪥨𪥩𪥪𪥫𪥬𪥭𪥮𪥯𪥰𪥱𪥲𪥳𪥴𪥵𪥶𪥷𪥸𪥹𪥺𪥻𪥼𪥽𪥾𪥿𪦀𪦁𪦂𪦃𪦄𪦅𪦆𪦇𪦈𪦉𪦊𪦋𪦌𪦍𪦎𪦏𪦐𪦑𪦒𪦓𪦔𪦕𪦖𪦗𪦘𪦙𪦚𪦛𪦜𪦝𪦞𪦟𪦠𪦡𪦢𪦣𪦤𪦥𪦦𪦧𪦨𪦩𪦪𪦫𪦬𪦭𪦮𪦯𪦰𪦱𪦲𪦳𪦴𪦵𪦶𪦷𪦸𪦹𪦺𪦻𪦼𪦽𪦾𪦿𪧀𪧁𪧂𪧃𪧄𪧅𪧆𪧇𪧈𪧉𪧊𪧋𪧌𪧍𪧎𪧏𪧐𪧑𪧒𪧓𪧔𪧕𪧖𪧗𪧘𪧙𪧚𪧛𪧜𪧝𪧞𪧟𪧠𪧡𪧢𪧣𪧤𪧥𪧦𪧧𪧨𪧩𪧪𪧫𪧬𪧭𪧮𪧯𪧰𪧱𪧲𪧳𪧴𪧵𪧶𪧷𪧸𪧹𪧺𪧻𪧼𪧽𪧾𪧿𪨀𪨁𪨂𪨃𪨄𪨅𪨆𪨇𪨈𪨉𪨊𪨋𪨌𪨍𪨎𪨏𪨐𪨑𪨒𪨓𪨔𪨕𪨖𪨗𪨘𪨙𪨚𪨛𪨜𪨝𪨞𪨟𪨠𪨡𪨢𪨣𪨤𪨥𪨦𪨧𪨨𪨩𪨪𪨫𪨬𪨭𪨮𪨯𪨰𪨱𪨲𪨳𪨴𪨵𪨶𪨷𪨸𪨹𪨺𪨻𪨼𪨽𪨾𪨿𪩀𪩁𪩂𪩃𪩄𪩅𪩆𪩇𪩈𪩉𪩊𪩋𪩌𪩍𪩎𪩏𪩐𪩑𪩒𪩓𪩔𪩕𪩖𪩗𪩘𪩙𪩚𪩛𪩜𪩝𪩞𪩟𪩠𪩡𪩢𪩣𪩤𪩥𪩦𪩧𪩨𪩩𪩪𪩫𪩬𪩭𪩮𪩯𪩰𪩱𪩲𪩳𪩴𪩵𪩶𪩷𪩸𪩹𪩺𪩻𪩼𪩽𪩾𪩿𪪀𪪁𪪂𪪃𪪄𪪅𪪆𪪇𪪈𪪉𪪊𪪋𪪌𪪍𪪎𪪏𪪐𪪑𪪒𪪓𪪔𪪕𪪖𪪗𪪘𪪙𪪚𪪛𪪜𪪝𪪞𪪟𪪠𪪡𪪢𪪣𪪤𪪥𪪦𪪧𪪨𪪩𪪪𪪫𪪬𪪭𪪮𪪯𪪰𪪱𪪲𪪳𪪴𪪵𪪶𪪷𪪸𪪹𪪺𪪻𪪼𪪽𪪾𪪿𪫀𪫁𪫂𪫃𪫄𪫅𪫆𪫇𪫈𪫉𪫊𪫋𪫌𪫍𪫎𪫏𪫐𪫑𪫒𪫓𪫔

Một tác phẩm nghệ thuật lan tỏa trong công chúng nhờ giá trị nghệ thuật của nó. Công chúng phải thưởng thức để nhận ra giá trị nghệ thuật đó. Cách thưởng thức góp vào sự lan tỏa rộng hay hẹp, mạnh hay yếu, ngắn hạn hay kéo dài.

Qua Bài 1, chúng ta đã biết rằng tác phẩm *Truyện Kiều* lan tỏa trong đời sống qua hai cách thưởng thức. Đó là cách thưởng thức của tầng lớp trí thức

và cách thưởng thức của đông đảo dân chúng phần lớn là không biết đọc chữ Nôm.

1. Cách thưởng thức của tầng lớp trí thức

Tầng lớp trí thức đọc được chữ Nôm. Họ đọc được *Truyện Kiều* và nhanh chóng nhận biết cái hay cái đẹp của tác phẩm *Truyện Kiều*. Họ ngâm ngợi tác phẩm rồi đem *Truyện Kiều* truyền bá cho mọi người xung quanh. Chính họ bày đặt ra những thú vui chơi xung quanh *Truyện Kiều* để vui chơi với nhau như *tập Kiều*, *đố Kiều*, *lấy Kiều*, *bói Kiều*, *vịnh Kiều*. Cách thức tiến hành như sau: khi rảnh rỗi họ kể thuộc lòng (có sách cũng không đem ra đọc) từng đoạn *Truyện Kiều* cho người dân nghe, khiến người nghe cũng nhập tâm ngay và có thể kể lại được ngay theo mẫu của người kể chuyện. Tiếp theo họ đem những trò chơi đã sáng kiến ra cho người dân cùng thưởng thức *Truyện Kiều*. Công việc này có lợi cho cả đôi bên: Người dân không biết chữ Nôm cũng được “đọc” và thưởng thức *Truyện Kiều* qua các trò chơi Kiều; Mặt khác, qua trò chơi Kiều dân gian, qua sự hưởng ứng và phổ cập *Truyện Kiều* trong những người dân bình thường, chính các nhà trí thức cũng hiểu sâu thêm giá trị *Truyện Kiều* – những công trình khảo cứu đầu tiên của giới trí thức về *Truyện Kiều* bắt đầu từ đó với những cách thức đọc đáo, thi vị, sáng tạo như *tập Kiều*, *lấy Kiều* và nhất là *vịnh Kiều*. Những công trình nghiên cứu *Truyện Kiều* của các nhà trí thức đời hiện đại đều dựa trên các “nghiên cứu” sơ sài nhưng sâu xa và tinh tế thuở ban đầu đó.

2. Cách thưởng thức của đông đảo nhân dân

Người dân bình thường thời xưa qua nhiều thế kỷ đều không biết chữ, vì chữ Hán và chữ Nôm rất khó học. Vì thế, tuy đã có *Truyện Kiều* nhưng phải qua những tối vui nghe kể *Truyện Kiều* và những trò chơi như *đố Kiều*, *bói Kiều*, *lấy Kiều*, *vịnh Kiều*... do người trí thức nông thôn bày đặt ra và cùng tham gia, nên đã làm lan tỏa *Truyện Kiều* một cách hết sức tự nhiên. Những người có học đọc trước *Truyện Kiều* rồi họ kể từng đoạn *Truyện Kiều* cho dân chúng nghe. Người dân nhanh chóng tiếp thu, thuộc *Truyện Kiều* theo những người kể chuyện. Rồi khi nhiều người đã thuộc đoạn Kiều vừa nghe kể, khi đó họ cũng có vật liệu để cùng vui chơi *đố Kiều* và *bói Kiều*. Thế rồi, chính những trò chơi Kiều này lại củng cố chắc chắn sự ăn sâu bám rễ của *Truyện Kiều* trong đông đảo nhân dân.

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Thuộc vào thế hệ sinh sau, các bạn sẽ học kỹ *Truyện Kiều* theo hai bước, học theo cách của đông đảo nhân dân mù chữ Nôm trước, sau đó các bạn sẽ có vốn vật liệu *Truyện Kiều* để học tiếp theo cách hàn lâm. Nếu đi ngược quy trình đó, các bạn sẽ chóng chán vì phải nghe những phân tích lý thuyết về *Truyện Kiều*. Còn học theo quy trình tự nhiên như từng xảy ra trong quá khứ, từ cách học *Truyện Kiều* lối dân gian đến cách học *Truyện Kiều* lối hàn lâm, các bạn sẽ có vật liệu *Kiều* để tự mình tham gia vào cách thưởng thức hàn lâm. Theo chương trình Cánh Buồm, đó cũng là cách học theo đường lối *tự học – tự giáo dục* mà chúng ta vẫn theo từ Lớp 1.

Các bạn sẽ bắt đầu học *Truyện Kiều* theo cách của những người dân bình thường – học một cách giản dị, hồn nhiên. Hãy coi như chúng ta cũng “mù chữ Nôm” nên chưa đọc được toàn văn bản *Truyện Kiều* – mà thực sự chúng ta cũng chưa đọc *Truyện Kiều* bao giờ mặc dù tác phẩm đó đã được in ra dưới dạng chữ Quốc ngữ và bày bán khắp nơi.

Cách học của chúng ta theo Bài 2 này sẽ diễn ra như sau:

Việc 1 – Các bạn tự đọc thầm bài viết về các trò chơi dân gian xung quanh *Truyện Kiều* để hiểu rõ *đố Kiều* là gì và *bói Kiều* là gì. Một vài tiết học là đủ cho công việc này, bao gồm cả việc thực hành luyện tập nhanh trò chơi đó.

Việc 2 – Các bạn cùng nhau học thuộc từng đoạn ngắn của *Truyện Kiều*. Khi học mỗi đoạn ngắn, các bạn sẽ cùng nhau tìm hiểu ý nghĩa thực sự của từng câu *Kiều* để thực sự hiểu cả đoạn *Kiều*. Sau đó chính các bạn sẽ tạo ra những câu *đố Kiều* (và *bói Kiều*) để cùng chơi vui với nhau và qua đó củng cố việc thuộc *Truyện Kiều*. Giai đoạn hai này kéo dài cả tháng, có khi lâu hơn, nhưng buổi học nào cũng sẽ rất hấp dẫn, càng học càng hấp dẫn.

Kết quả của hai bước học *Truyện Kiều* theo lối dân gian này sẽ giúp các bạn thuộc *Truyện Kiều* và nhờ đó mà có đủ vật liệu để chuyển sang giai đoạn nghiên cứu *Truyện Kiều* theo lối hàn lâm.

Toàn bộ *Truyện Kiều* được chia ra làm tám phần, mỗi phần có nhiều đoạn.

Để hỗ trợ các bạn chơi *đố Kiều*, Ban biên tập sẽ giúp các bạn những câu *đố* gợi ý cho Phần 1 và Phần 2 của *Truyện Kiều* với hơn 500 câu *Kiều*. Các bạn sẽ căn cứ vào những gợi ý đó mà tạo ra những câu *đố* của mình. Tiếp theo, trong các phần còn lại, Ban biên tập sẽ chỉ gợi ý một hai đoạn thôi, còn lại là hoàn toàn do các bạn tự làm ra câu *đố* và chơi với nhau.

Các bạn thân mến,

Khi nhà thơ Nguyễn Du làm ra *Truyện Kiều*, chính Nguyễn Du cũng chưa tin rằng sau khi ông chết, tác phẩm của ông vẫn còn sống mãi. Ông đã “hoang mang” tự hỏi: “*Bất tri tam bách dư niên hậu / Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?*” – “Chẳng biết hơn ba trăm năm sau liệu có còn ai thán nhỏ lệ cho chàng Tố Như này không?”

Thế mà Nguyễn Du – Tố Như vẫn còn mãi mãi! *Truyện Kiều* đã lan truyền đi khắp nơi vì đông đảo người Việt Nam đã yêu tiếng Việt vì biết cách yêu *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Và càng yêu *Truyện Kiều* của Nguyễn Du thì càng yêu tiếng Việt. Tình yêu và sự cảm nhận giá trị *Truyện Kiều* đã được tạo ra qua cách thưởng thức và nghiên cứu hàn lâm theo chiều sâu và qua cả cách lan tỏa dân gian vừa sâu vừa rộng.

Đến nay thì đã đủ cơ sở để nói rằng *Truyện Kiều* và Nguyễn Du đều đang sống và còn sống mãi. Nhưng thế hệ sinh sau như chúng ta phải biết cách học thì *Truyện Kiều* mới có thể sống mãi. Các bạn hãy vui vẻ tham gia học tác phẩm lớn này, để giải tỏa nỗi lo lắng cho đất nước như học giả Phạm Quỳnh đã nói: “*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn.*”

Chúng ta bắt đầu.

Mở đầu

Trong kho tàng văn học Việt Nam chưa có một tác phẩm nào được quảng đại quần chúng từ các bậc tao nhân mặc khách đến những người lao động bình thường yêu thích và ca ngợi như *Truyện Kiều* bất hủ của đại thi hào Nguyễn Du. Có thể nói đây là một cuốn bách khoa thư của muôn vàn tâm trạng. Từ khi ra đời, *Truyện Kiều* đã tạo ra xung quanh nó một loạt hình thức sinh hoạt văn hóa độc đáo và sinh động. Người ta vịnh Kiều, bình Kiều, lấy Kiều, tập Kiều, bói Kiều, đố Kiều, làm câu đối Kiều, ru con bằng Kiều, thậm chí cả viết thư tình bằng thơ Kiều nữa... *Truyện Kiều* còn được chuyển thể thành các tiết mục sân khấu. Ngoài Bắc có chèo Kiều, trong Nam có tuồng Kiều, quê hương xứ Nghệ có trò Kiều.

Hoàng giáp Đào Nguyên Phổ trong lời tựa cho cuốn *Đoạn trường tân thanh* đã không tiếc lời ca ngợi: “*Lời lẽ xinh xắn mà văn hoa, âm điệu ngân vang mà tròn trịa... Nói tình thì vẽ được hình trạng hợp ly cam khổ, mà tình không rời cảnh, tả cảnh thì bày hết thú vị tuyết, nguyệt, phong, hoa, mà cảnh tự vương tình, mực muốn múa mà bút muốn bay, chữ hay phô mà câu hay nói, khiến người cười, khiến người*

khóc, khiến người vui, khiến người buồn, khiến người giở đi giở lại ngàn lần, càng đọc thuộc lại càng không biết chán, thật là một khúc Nam âm tuyệt xướng, một điệu tình phổ bậc đầu vậy”⁽¹⁾

Để các bạn hình dung được một cách cụ thể hơn, tôi xin tóm tắt một số hình thức sinh hoạt văn hóa xung quanh *Truyện Kiều*.

1. Đố Kiều

Là một trò chơi ra đố – giải đố dân gian (thường gọi tắt là chơi đố–giải) dựa trên chất liệu ngôn từ và nội dung *Truyện Kiều*. Có nhiều cách thức chơi đố Kiều.

1.1. Cách đố để kiểm tra sự hiểu biết về Kiều

Một loại ra đố để kiểm tra sự hiểu biết về *Truyện Kiều* từ câu chữ đến nội dung cốt truyện. Loại đố này thường xuất hiện trong các cuộc hát ví đối đáp của dân ca xứ Nghệ. Chẳng hạn bên nữ hát thách:

Truyện Kiều anh thuộc đã lâu

Đố anh biết được câu nào toàn Nôm

Lời giải đố phải chọn từ trong *Truyện Kiều* những câu thơ dùng toàn chữ Nôm như:

- *Chén đưa nhớ bữa hôm nay*
Chén mừng xin đợi ngày này năm sau
 - *Lo gì việc ấy mà lo*
Kiến trong miệng chén có bỏ đi đâu
 - *Tha ra thì cũng may đời*
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.
- v.v...

Nhưng có lẽ câu sau đây là nôm na nhất và một chàng trai bên nam đã lên tiếng: *Truyện Kiều* có một câu hoàn toàn Nôm, em dũng tai lên anh đọc thử em nghe:

Này chồng, này mẹ, này cha

Này là em ruột, này là em dâu

1 Lời dịch của Trần Lê Nhân trong cuốn *Đoạn trường tân thanh*, NXB Văn học, 2013.

Câu đáp thật tuyệt, khó có thể tìm ra trong *Truyện Kiều* một câu nô nôm na hơn. Thế nhưng bên nữ vẫn chưa buông tha mà vẫn còn đố tiếp:

Truyện Kiều anh thuộc đã lâu

Đố anh biết được câu nào toàn Nho (chữ Hán)

Câu đố khó quá, bên nam gần như bất lực chịu thua, nhưng bỗng một chàng trai cất cao tiếng hát đáp lại:

Hồ công quyết kế thừa cơ

Lễ tiên, binh hậu, khắc cờ (kỳ) tập công

Bên nữ lại một phen ngỡ ngàng, phục tài bên giải đố.

1.2. Cách đố về sự vật, hiện tượng trong cuộc sống

Còn một loại đố khác là mượn câu chữ, chi tiết, sự kiện trong *Truyện Kiều* để đố về các sự vật, hiện tượng trong cuộc sống. Những câu đố vui đùa theo kiểu chơi chữ chiếm một tỉ lệ rất lớn. Loại câu đố này chỉ mượn *Truyện Kiều* để mang lại tiếng cười sảng khoái như nghe chuyện tiếu lâm. Đó là *Truyện Kiều* của những người thích đùa:

Hỏi: Chập chờn cơn tỉnh cơn mê
Nghe đâu Kiều có làm nghề tráng gương?

Đáp: Mười lăm năm bấy nhiêu lần
Làm gương cho khách hồng quần thử soi

Hỏi: Nổi danh tài sắc đủ điều
Tại sao lại bảo nàng Kiều sứt răng?

Đáp: *Hở môi* ra những thẹn thùng
Sứt răng nàng sợ chúng trông, bạn cười

Hỏi: Song thu đã khép cánh ngoài
Nàng Kiều chung chạ có thai bao giờ?

Đáp: Lỡ từ lạc bước bước ra
Thất kinh nàng chữa biết là làm sao!

Hỏi: Thời Kiều đã có ngân hàng
Em đây chưa tỏ nhờ chàng chỉ cho?

Đáp: *Nhà băng* đưa mối rước vào
Tiền nong thanh toán việc nào chẳng xong

Hỏi: Đến đây hỏi khách cự giao
Chàng Kim đau bụng thế nào chàng ơi?

Đáp: Khi tựa gối, khi cúi đầu
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày

1.3. Cách đố về các đồ vật

Còn một nội dung đố Kiều khác nữa, là người đố dùng những câu Kiều để đố xem ý câu đó nói gì. Người giải phải có óc suy xét mới giải được và ở loại này người ta thường trả lời trực diện mà không dùng thơ:

Đố: Trên vì nước dưới vì nhà
Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng
(là cái gì?)

Giải: Cái máng nước nằm giữa hai mái nhà

Đố: Vàng trắng vàng vạc giữa trời
Đình ninh hai miệng một lời song song
(là cái gì?)

Giải: Sáo diều đêm trăng

Đố: Đêm ngày giữ mực giấu quanh
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời
(là con gì?)

Giải: Con chó mực

Đố: Cửa hàng buôn bán cho may
Tắc riêng như cát gánh đầy đổ đi
(là cái gì?)

Giải: Nhà vệ sinh

1.4. Đố Kiều trong cuộc sống ngày nay

Cách đây vài năm, Đài Tiếng nói Việt Nam trong chương trình *Tìm trong kho báu* có giới thiệu *Truyện Kiều* và mở ra mục *Đố Kiều* kéo dài suốt 18 tháng và đã có hàng ngàn lượt người tham gia từ khắp mọi miền Tổ quốc. Đây thực sự là một đợt sinh hoạt văn hóa sâu rộng và có ý nghĩa. Những người yêu mến *Truyện Kiều* đã làm công việc thống kê để biết thêm được nhiều điều: Từ việc ăn, mặc, phương tiện đi lại, số lần chia ly, tái ngộ của Thúy Kiều đến trăng, gió ra sao; Những ai từng nói dối, những ai không hề nói một câu nào; Bao nhiêu loài cây, loài vật được nhắc tới trong *Truyện Kiều*; Bao nhiêu lần Kiều gảy đàn... Và có những kết quả khá ngạc nhiên: Hồ Tôn Hiến không hề nói dối

và người khen Thúy Kiều nhiều nhất chẳng phải ai khác mà lại chính là Hoạn Thư! (Theo thông tin của nhà thơ Vương Trọng).

Sau đây là một số câu đố và lời giải trong mục *Đố Kiều* thuộc chương trình *Tìm trong kho báu*:

Câu đố: Không nói

Người đời tính nết khác nhau
Kẻ thì luôn miệng trước sau nói lời
Người thì kín tiếng im hơi
Chân tay làm lụng không ngơi sớm chiều
Vậy xin được hỏi một điều:
Chỉ làm không nói trong Kiều, những ai.

Lời giải:

Ngẫm xem những kẻ trong Kiều
“Chỉ làm không nói”, có điều nghiệm ra:
Phần nhiều phục dịch người ta
Làm theo lệnh chủ, hoặc là đám đông
Trẻ con *vài đứa tiểu đồng*
Chàng Kim đi hội, lòng vòng theo sau
Gia đồng sang chuyển tin đau
Việc làm chăm chỉ, chứ đâu cần lời.

Quan Âm Các, đấy là nơi
Xuân, Thu hai ả buồn vui với Kiều
Hương, trà ngày tháng lo đều
Lặng yên cửa Phật, kỵ điều nói năng.

Hai ông ngư phủ chài giăng
Đón nàng, đợi vớt được nàng mới thôi
Bao lâu chẳng thốt một lời
Mặc cho sóng vỗ, nước trôi Tiền Đường.
Khuyển, Ưng hai đứa vô lương
Thuốc mê tưới đẫm hỏi nàng biết chi?
“*Vực ngay lên ngựa tức thì*”
Mưu nhà họ Hoạn thực thi, miễn bàn.

Bị Hồ Tôn Hiến chơi gian
Ép duyên người đẹp, *Thổ Quan* tưởng hời
Vui chưa kịp thốt nên lời
Sông sâu nhảy xuống biết rồi ra sao?

“*Ba quân chỉ ngọn cờ đào*
Đạo ra Vô Tích, đạo vào Lâm Tri”
Lệnh nghiêm, họ chẳng nói gì
Để cho đội ngũ uy nghi, chỉnh tề.
Lặng im làm, lặng im nghe
Tay sai mụ Tú bắt về Kiều nhi.
Những người khênh kiêu lắm lý
Im hơi đưa đón nàng đi bao lần.
“*Dưới hoa dật lữ ác nhân*”
Tôi đòi họ Thúc thất thần trốn đi.
Nhà họ Hoạn, *lữ thanh y*
Ra vào sao chẳng nói gì với nhau?
Hai tên thế nữ Hồ trao
Theo Kiều lặng lẽ để hầu nàng thôi.
Vợ *Vương Quan* mới lạ đời
“*Bà quan*” mà lại kiếm lời thế sao?
Độc Kiều suy ngẫm trước sau:
“Chỉ làm không nói” phải đâu người tài!
(*Vương Trọng*)

Câu đố: Hoa không mọc từ cây

Cành xuân trắng điểm hoa lê
“*Đầu tường lửa lựu*” báo hè đã sang
Trà mi đêm ấy ngậm trăng
Ngày thu mấy độ cúc vàng ngất ngây...
Kể chi những thứ hoa này
Hoa nào không mọc từ cây, trong Kiều?

Lời giải:

Trong Kiều có một thứ hoa

Mang nhiều sắc thái, mượt mà chữ, câu
Lệ hoa, êm dịu giọt sầu
Thề hoa tình đẹp hơn câu thề bồi
Vườn hoa tô điểm chốn nơi
Dưỡng thân viên ngoại thay người tình xưa
Bút hoa diễn giải tài thơ
Đuốc hoa – đèn, nến sáng giờ tân hôn
Nét hoa thanh thản tâm hồn
Động trên khuôn mặt luôn luôn vui cười
Kiệu hoa bóng bảy rạng ngời
Nhưng người ngồi kiệu khi vui, khi buồn
Kiệu hoa giục giã: châu tuôn
Kiệu hoa cất gió: thả hồn sánh đôi
Sân hoa sao chẳng chiều người
Bất nàng quỳ lạy ở nơi phủ đường?
Thềm hoa mang vẻ cao sang
Là nơi người đẹp dịu dàng đưa chân
Tiệc hoa trang trọng thêm phần
Tiệc mừng sinh nhật, tiệc thân gia đình
Then hoa cài cửa rành rành
Tường hoa nàng đã liễu mình vượt ngang
Tờ hoa: văn tự bán nàng
Viết trên giấy đẹp, cân vàng đổi trao
Trướng hoa gọi cảm biết bao
Màn thêu tha thướt treo vào phòng khuê
Hoa nô cùng với hoa tỳ
Gọi tên hầu gái, dễ nghe quá chừng
Hoa đèn – bắc cháy đỏ trưng
Trông hoa đèn những thẹn thùng Kiều nương
Thêm hoa, thơ chỉ bốn dòng
Phun châu nhả ngọc, tranh từng thêm tươi
Có khi, hoa chính là người:
Tiểu thư họ Hoạn thét lời: “Con Hoa”
Hoa rằng: “Tôi đã thấy bà

Từ lâu đứng nép xa xa ghé nhìn”
 Bẻ hoa, họ Mã trước tiên
 Bạo hành tuổi trẻ, nhận chìm tơ vương
 Yêu Kim, đêm vắng, cách tường
 Vì hoa, Kiều phải đánh đường tìm hoa
 Trời Liêu non nước khuất xa
 Lời thề, Kiều đã với hoa phụ phàng
 Sở Khanh, háo sắc, thềm hương
 Trong Kiều, giả bộ cảm thương, giải bày:
 “Từ đâu lạc bước tới đây
 Hoa sao hoa khéo đọa đầy lấy hoa”
 Ôi! người thi sĩ tài ba
 Bao tình tứ, một từ hoa tuyệt vời!
 (Nguyễn Mạnh Hồ)

Tóm lại, tác phẩm *Truyện Kiều* bất hủ của Nguyễn Du vừa mang tính hàn lâm, bác học lại vừa mang tính phổ cập bình dân. Các vị nho sĩ trí thức thì *vịnh Kiều, bình Kiều...*, còn tầng lớp bình dân thì lại dựa vào văn chương *Truyện Kiều* để tạo ra cho mình một sân chơi văn nghệ dân gian lý thú dưới nhiều hình thức sinh động, độc đáo và có sức lan tỏa rộng.

2. Bói Kiều

Trong lời tựa cho cuốn *Đoạn trường tân thanh* của Kiều Oánh Mậu, Đào Nguyên Phổ đã viết: “... Còn một điều tôi lấy làm lạ hơn nữa là người đời dùng để bói thì thấy ứng nghiệm như thần, mà xem tựa linh kinh *Quỷ Cốc*, là bởi làm sao? Há chẳng phải tại *Thúy Kiều* có tài sắc không hai, làm một bậc tình nhân tuyệt đỉnh ngàn đời, mười lăm năm lịch duyệt phong trần,... người đã kỳ, việc lại kỳ, văn lại càng kỳ, nên chi chẳng những làm say người đọc mà lại có thể thông cảm thần minh nữa chăng?”¹

Thật vậy, *Truyện Kiều* là cuốn sách ẩn chứa muôn vàn tâm trạng mà ở trang nào ta cũng thấy bóng dáng của thực tiễn cuộc đời, lại thêm yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo được đưa vào chuyện một cách hợp lý, nên người đời đã xem đó là một

1 Lời dịch của Trần Lê Nhân trong cuốn *Đoạn trường tân thanh*, sđd.

cuốn sách thiêng (linh kinh). Khi gặp những điều trắc trở trong cuộc sống hoặc dự định làm một công việc gì đó, người ta thấp hương, thành kính khấn vái các nhân vật chính diện trong *Truyện Kiều*. Bài văn khấn đại loại như sau:

“Lạy vua Từ Hải
Lạy vãi Giác Duyên,
Lạy tiên Thúy Kiều”

Con tên là... ở... xin chư vị tiên linh cho xin một quẻ để xem gia sự cát hung (hoặc công việc làm ăn kinh doanh, con cái học hành, thi cử ra sao...) con xin được 3 (hoặc 4, 5...) câu đầu (hoặc giữa, cuối) trang.

Và theo luật nam tả (nam lấy trang bên trái), nữ hữu (nữ lấy trang bên phải) nhắm mắt, mở một trang bất kỳ rồi chọn câu đã xin. Sau khi chọn xong, nếu chủ nhân là người có kiến thức, biết suy luận thì tự mình đưa ra lời giải thích, nếu không thì nhờ người khác hoặc bạn bè giải giùm. Thực ra đây là một trò chơi vui, những người cùng tụ tập chơi bói Kiều đều có thể đoán cho nhau, trêu ghẹo nhau, tán rộng ra để cùng vui đùa (vì những trò chơi này thường diễn ra vào lúc rảnh rỗi).

Ví dụ: có một người vợ ở quê, xa chồng lâu ngày không có thư từ tin tức bèn đem cuốn Kiều ra bói, xin được bốn câu:

*Người về chiếc bóng năm canh
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi
Vầng trăng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.*

Được bốn câu đó, những người cùng chơi bói Kiều có thể tán rộng để trêu chọc cho cô vợ đến phát khóc, vì chị ta chắc hẳn chồng mình ở xa đã “có chuyện” với ai đó hoặc đã có vợ bé cũng nên.

Vì sao trò chơi bói Kiều lại hấp dẫn và những lời đã “xin được” của quẻ bói đều đúng (hoặc làm cho người bói tin là đúng)? Đó là vì trong *Truyện Kiều* chúng ta bắt gặp đủ các hạng người trong cuộc đời và cũng có thể gặp vô số hoàn cảnh khác nhau trong cuộc đời. Và bất cứ ai bói Kiều đều có thể bắt gặp một hoàn cảnh với những con người y như thật. Vì thế mới nói *Truyện Kiều* là cuốn *bách khoa thư tâm trạng*. Bất cứ ai đang mang một tâm trạng nào đó đi bói Kiều đều có thể gặp những tình huống y như thật đang giăng bày trước mặt mình.

Bói Kiều là một trò chơi vui lành mạnh. Nhưng khi chơi cũng nên có mức độ. Bất kỳ thú vui nào nếu bị lạm dụng đều có thể có tác dụng không hay.

Vài kết luận – Buồn vui với *Truyện Kiều*

Khi *Truyện Kiều* ra đời, người dân nước ta phần lớn đều không biết đọc chữ Nôm. Người đọc được văn bản *Truyện Kiều* không nhiều. Ấy thế nhưng *Truyện Kiều* vẫn được lan truyền rộng rãi. Vì sao?

Đó là vì *Truyện Kiều* thỏa mãn tâm trạng mọi người, nhất là đối với người đàn bà. Cuộc đời vất vả, người đàn bà gánh chịu trước nhất. Xã hội đầy bất an, những hiểm nguy rình rập khắp nơi, người đàn bà là kẻ đầu tiên chịu đau khổ. Ngay trong gia đình cũng có thể có những hiểm họa phổ biến do chồng gây ra cho vợ, do bố mẹ chồng gây ra cho con dâu. Cho nên ai ai (nhất là người đàn bà) cũng cảm thấy thân phận cô Kiều cũng giống như thân phận mình.

Truyện Kiều lại được lan truyền từ ban đầu và kéo dài theo lối truyền miệng. Cách lan tỏa theo cách truyền miệng này khiến con người thoát khỏi cảnh mỗi nhà mỗi phận để tìm đến với nhau, chia sẻ vui buồn lo âu sầu não với nhau. Người có tâm trạng như cô Kiều đều được người tốt bụng như vãi Giác Duyên an ủi, cảm thông.

Và trong cuộc phổ cập *Truyện Kiều* như vậy, các trò chơi đố Kiều, bói Kiều, ru Kiều, lấy Kiều, vịnh Kiều... sẽ là những niềm vui được nhân lên trong khi những nỗi buồn được san sẻ khiến *Truyện Kiều* sống mãi trong lòng người.

Luyện tập

1. Làm việc theo nhóm: Cùng nhau học thuộc lòng đoạn mở đầu *Truyện Kiều* từ câu 1 (*Trăm năm trong cõi người ta*) đến hết câu 38 (*Tường đông ong bướm đi về mặc ai*). Các bạn đặt tên cho đoạn 38 câu Kiều này. Cùng nhau đọc và cùng giải nghĩa những chữ khó hiểu ở từng câu. Sau đó, các bạn hãy dùng nhiều hình thức khác nhau để học thuộc cả đoạn đó.

Các hình thức nên dùng: (a) Đọc nối nhau mỗi bạn một câu; (b) Đọc nối nhau mỗi bạn hai câu; (c) Một bạn đọc một câu trước (sau nâng lên hai câu) rồi chỉ định bạn khác đọc nối vào; (d) Rút thăm bốn tiếng đầu của câu sáu tiếng rồi đọc thuộc phần còn lại của hai câu, tiến lên bốn câu; (e) Thi đọc thuộc cả đoạn.

2. Làm việc theo nhóm: Lập sơ đồ câu chuyện của cả *Truyện Kiều*. Trình tự lập sơ đồ như sau: chia lớp thành bảy nhóm. Mỗi nhóm đọc và lên sơ đồ câu chuyện của phần đó (Nhóm 1 phần 2 từ câu 39 đến câu 568; Nhóm 2 phần 3 từ câu 569 đến câu 776; Nhóm 3 phần 4 từ câu 777 đến câu 1.526; Nhóm 4 phần 5 từ câu 1.527 đến câu 2.032; Nhóm 5 phần 6 từ câu 2.033 đến câu 2.648; Nhóm 6 phần 7 từ câu 2.649 đến câu 2.738; Nhóm 7 phần 8 từ câu 2.739 đến câu 3.254).

Cả lớp cùng khớp sơ đồ các phần đã được lập sơ đồ từng đoạn nhỏ với nhau. Chú ý quan trọng: Mỗi đoạn ngắn của cả phần dài kể một vụ việc nhỏ của cả câu chuyện được ghi bằng tên của đoạn nhỏ kèm theo hai câu Kiều, ví dụ:

Phần 2 – Đặt tên đoạn 1 “Chơi xuân” kèm theo:

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi

Đặt tên đoạn 2 “Chơi xuân ra về” kèm theo

Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về

Đặt tên đoạn 3 – “Chuyện nàng Đạm Tiên” kèm theo

Vương Quan mới dẫn gần xa
Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi

(tiếp tục cho đến hết phần)

3. Thảo luận, sơ kết: Sau khi cùng nhau lập sơ đồ câu chuyện xảy ra trong *Truyện Kiều*, hãy thống kê xem trong *Truyện Kiều* có bao nhiêu nhân vật. Sau khi từng bạn và từng nhóm thống kê thì đối chiếu với bảng nhân vật dưới đây xem thừa thiếu ra sao.

Tên các nhân vật *Truyện Kiều*:

- **Vương ông** (nghĩa là “ông họ Vương”): cha của Vương Thuý Kiều, Vương Thuý Vân và Vương Quan.
- **Vương bà** (nghĩa là “bà họ Vương”, gọi theo họ của chồng): vợ của Vương ông.

- **Thúy Kiều** (họ tên đầy đủ là Vương Thúy Kiều). Trưởng nữ của Vương ông, Vương bà, chị cả của Vương Thúy Vân và Vương Quan. Khi Thúy Kiều làm nữ tì trong Hoạn phủ được Hoạn phu nhân đặt cho tên là Hoa Nô (nghĩa là con nô tì tên là Hoa). Khi Kiều vào ở trong Quan Âm các có đạo hiệu là Trạc Tuyền. Tên Trạc Tuyền là do Thúc Sinh đặt cho Thúy Kiều theo yêu cầu của Hoạn Thư.
- **Thúy Vân** (họ tên đầy đủ là Vương Thúy Vân). Thứ nữ của Vương ông, Vương bà, em gái của Vương Thúy Kiều, chị hai của Vương Quan.
- **Vương Quan** con trai út của Vương ông, Vương bà, em của Vương Thúy Kiều và Vương Thúy Vân.
- **Đạm Tiên** (cô gái xấu số nằm dưới nấm mộ vô chủ bên đường).
- **Kim Trọng** người yêu đầu tiên của Thúy Kiều.
- **Thằng bán tơ** (kẻ vu oan cho Vương ông khiến Vương ông bị trói, đánh đập, và Thúy Kiều phải bán mình để có tiền chuộc cha).
- **Mã giám sinh** (nghĩa là “giám sinh họ Mã”). Mã giám sinh là người mua Kiều bán cho Tú Bà.
- **Tú bà** (có nghĩa là “bà Tú”). Tú bà là chủ lầu xanh nơi Kiều bị bán vào lần thứ nhất.
- **Sở Khanh**: người đàn ông lừa tình những cô gái chân yếu tay mềm, trong đó có Thúy Kiều.
- **Thúc sinh** (nghĩa là “học sinh họ Thúc”). Còn được gọi là “chàng Thúc”, “Thúc sinh viên” (nghĩa là “sinh viên họ Thúc”), “Thúc lang” (nghĩa là “chàng Thúc”). Trong “Truyện Kiều” có câu “Kỳ Tâm họ Thúc cũng nòi thư hương”. Thúc sinh đã đem tiền chuộc Kiều khỏi lầu xanh (lần 1) và cưới nàng làm vợ lẽ.
- **Hoạn thư** (có nghĩa là “chị Hoạn”). Vợ của Thúc sinh. Hoạn thư được gọi là “Hoạn tiểu thư” nghĩa là “tiểu thư họ Hoạn, hoặc “Hoạn thị” nghĩa là “họ Hoạn”.
- **Hoạn phu nhân** mẹ của Hoạn thư, có chồng làm quan.
- **Thúc ông** (nghĩa là “ông họ Thúc”, cha của Thúc sinh)
- **Khuyển** (nghĩa đen là “con chó”). Theo *Kim Vân Kiều truyện*, Khuyển có họ tên đầy đủ là Hoạn Khuyển (nghĩa là con chó hoặc tay chân của nhà họ Hoạn).

- **Ứng** (nghĩa đen là loài chim săn mồi, ăn thịt sống). Theo *Kim Vân Kiều truyện*, Ứng có tên đầy đủ là Hoạn Ứng (nghĩa là con chim săn mồi tay chân của nhà họ Hoạn). Khi ghép Khuyển Ứng với nhau, có thể hiểu nghĩa như là “chó săn chim mồi”.
 - **Giác Duyên** (sư nữ trông coi Quan Âm các là một căn gác nhỏ đặt tên là “Quan Âm” trong ngôi chùa riêng dựng ngay trong vườn nhà họ Hoạn). Đây là nơi Hoa nô được Hoạn Thư cho ra tu ở đó.
 - **Bạc bà** (nghĩa là “bà họ Bạc”). Chủ lầu xanh nơi Kiều bị bán vào lần 2.
 - **Bạc Hạnh** (chồng của Bạc bà). Bạc Hạnh giúp vợ trong công việc kinh doanh thân xác các cô gái bị bán vào đó, như Thúy Kiều.
 - **Từ Hải**: Một chỉ huy cướp biển, đối kháng với nhà Minh. Đã đem tiền chuộc Kiều khỏi lầu xanh (lần 2) và cưới nàng làm vợ, sau đó giúp Thúy Kiều báo thù những người đã hãm hại nàng cũng như đền ơn (báo ân) những người đã giúp đỡ Kiều.
 - **Hồ Tôn Hiến**: Tổng đốc nhà Minh, đem quân triều đình đi tiêu phạt và lừa giết được Từ Hải, bắt sống Thúy Kiều. Hồ Tôn Hiến lợi dụng tính ôn hòa và tâm trạng mệt mỏi của Thúy Kiều để xui Kiều khuyên chồng đầu hàng triều đình. Thúy Kiều cả tin khuyên Từ Hải đầu hàng và sau khi bị giết, chết rồi mà Từ Hải vẫn không ngã, vẫn *đứng trên trời* và chỉ ngã xuống khi Kiều gục khóc bên chân mình.
5. Tự sơ kết và ghi vở riêng: Bạn nghĩ gì về sự lan tỏa của *Truyện Kiều* trong người dân Việt Nam qua những cách thưởng thức của người dân bình thường? Tại sao lại có cách thưởng thức *Truyện Kiều* theo lối dân gian đó? Cách thưởng thức *Truyện Kiều* lối dân gian đã góp phần duy trì sự sống của tác phẩm *Truyện Kiều* như thế nào?
 6. Tự sơ kết và viết tiểu luận: Hãy giải thích về trò chơi *đố Kiều*. Có mấy cách *đố Kiều*? Bạn thích kiểu chơi *đố Kiều* nào? Hãy nhớ lại một số dẫn chứng về trò chơi *đố Kiều*. Hãy bình luận về trí thông minh của người dân bình thường thời xưa khi họ chơi *đố Kiều*. Bạn thấy trò chơi *đố Kiều* có ích gì cho bạn khi học thật kỹ *Truyện Kiều* ở Lớp 9?
 7. Thảo luận sơ kết và viết tiểu luận: Năng lực am hiểu và sử dụng tiếng Việt thể hiện như thế nào trong trò chơi *đố Kiều* dân gian? Trò chơi *đố Kiều* có tác dụng gì tới lòng yêu tiếng Việt của bạn?

BÀI TẬP LỚN 1

CHƠI ĐỐ KIỀU

Hướng dẫn học

Qua Bài 2 về các trò chơi dân gian xung quanh *Truyện Kiều*, Bài tập lớn 1 này hướng dẫn các bạn chơi đố Kiều là dạng trò chơi phổ biến hơn cả và hấp dẫn nên các bạn sẽ được đi dần từ dễ đến khó.

Mục tiêu phải đạt sau vài bốn tuần lễ chơi đố Kiều là:

1. Hiểu nghĩa đen mỗi câu Kiều và sau đó học thuộc lòng từng đoạn Kiều, tiến tới học thuộc lòng *Truyện Kiều* càng nhiều càng tốt. Chưa cần các bạn hiểu ý nghĩa sâu xa của từng đoạn Kiều, chỉ cần các bạn hiểu nghĩa đen và thuộc cách biểu đạt từng đoạn *Truyện Kiều* ở dạng văn vần.

2. Biết cách chơi đố Kiều. Các bạn sẽ được gợi ý rất nhiều câu đố Kiều qua hai phần 1 và phần 2 của *Truyện Kiều* để rồi chính các bạn tự làm lấy các câu đố Kiều và chơi vui với nhau. Sau hai phần của *Truyện Kiều* thì sẽ chỉ đưa ra một vài gợi ý cho những phần còn lại của *Truyện Kiều* vì các bạn đã quen chơi đố Kiều rồi.

3. Lưu ý: Các bạn chớ quan tâm làm những câu đố Kiều hay như trong Bài 2 đã đưa ra cho các bạn nghiên cứu. Hãy làm những câu đố bình thường, ngô nghê (như những câu gợi ý của Ban biên tập cũng được). Giả định là hồi thế kỷ 19 người dân bình thường cũng đã làm ra những câu đố Kiều bình thường như tất cả chúng ta bây giờ. Như thế mới vui. Như thế càng vui. Như thế càng kích thích các bạn học thuộc *Truyện Kiều*, thuộc càng nhiều càng tốt để làm vật liệu chuyển sang Bài 3 học những bài nghiên cứu về *Truyện Kiều*.

Bài tập lớn 1 này gửi những cách học đơn giản nhất, không quá cao so với năng lực người học *Truyện Kiều* thuộc thế hệ đến sau. Các bạn đừng coi thường cách chơi có thể bị coi là quá dễ trong Bài tập lớn 1 này.

Xin mời bắt đầu.

Cùng chơi đố Kiều

Việc 1: Ôn lại để thuộc *Truyện Kiều*. Dùng các kỹ thuật ở phần luyện tập cuối Bài 2 để nhớ kỹ hơn một đoạn Kiều trong một phần *Truyện Kiều* (Chú ý tiến hành dần với từng phần, từng đoạn trong mỗi phần và không ôn lại theo lối cóc nhảy).

Việc 2: Chuẩn bị câu đố. Từng bạn chuẩn bị một hoặc vài câu đố kiểm tra sức nhớ những câu Kiều trong đoạn Kiều đang dùng làm vật liệu đố (Chú ý: Khuyến khích không mở sách khi ra câu đố).

Việc 3: Chơi đố Kiều. Xin cùng đồng hành với các bạn để gợi ý những cách ra câu đố Kiều – phần giải đố do các bạn trả lời tùy sức và tùy thích. Khi ra đố và giải đố, nhất thiết phải là hai câu lục bát, nhưng bên ra đố hoặc bên giải đố đều có thể bổ sung bằng vài lời không thành thơ, để làm rõ ý phần đố và phần giải, và cốt sao cho vui.

Lưu ý: Cách học Cánh Buồm không chấm điểm, nhưng khi chơi đố Kiều thì nên cho điểm. Mỗi câu đố được cả lớp công nhận là hay được tính 10 điểm cho người ra đố. Mỗi câu trả lời hay cũng được ghi 10 điểm. Mỗi lần chơi đều ghi công khai điểm lên bảng. Tổng số điểm sau một thời gian chơi được ghi lại để nhận quà tặng. Quà tặng lấy ở đâu ra? Các bạn hãy tự tìm cho quỹ học *Truyện Kiều* của lớp.

Một số gợi ý chơi Đố Kiều

Gợi ý cho phần 1 – Từ câu 1 đến câu 38

Nhắc việc phải làm trước khi chơi đố Kiều với từng đoạn nhỏ: Đọc thầm, đọc to, cùng giải nghĩa những chữ khó, hiểu hết nghĩa đen từng câu và cả đoạn. Cùng nhau đọc thuộc lần nữa rồi chuyển sang chơi đố Kiều.

Đoạn 1 – Mở đầu (Câu 1-8)

1. Trăm năm trong cõi người nào
Có hai chữ khó ghép vào với nhau?
 2. Cái gì bãi bể nương dâu
Cái gì lại khiến phải đau đớn lòng?
 3. Câu thơ nào có màu xanh
Lại còn có cả lạnh chanh màu hồng?
 4. Truyện Kiều bạn học bao lâu
Thách bạn đọc thuộc mấy câu mở màn!
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 2 – Nhà họ Vương (Câu 9–38)

1. Ở đâu chỉ có ông Vương
Mà sao không thấy bà Vương đi cùng?
2. Có ông Vương không Vương bà
Thế mà cũng để được ba cái gì?
Đố bạn kể đủ tức thì
Ba con ông ấy tên gì, ra sao!
3. Cậu Vương đã có vợ chưa?
Làm gì sớm tối cho vừa lòng cha?
4. Nhà nào hai ả tố nga
Ai là cô chị ai là cô em?
5. Truyện Kiều là áng thơ vàng
Đố bạn mô tả hai nàng tố nga!
6. Cô nào có cái mặt tròn
Tuổi đã mười sáu vẫn còn thơ ngây?
7. Cô chị hơn đứt cô em
Bạn thử mô tả ra xem thế nào?
8. Truyện Kiều bạn thuộc từ lâu
Đố bạn kể được những câu tài tình
Về thời Gia Tĩnh triều Minh
Về lời mô tả gia đình họ Vương.
Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Gợi ý cho phần 2 – Từ câu 39 đến câu 568

Nhắc việc phải làm trước khi chơi đố Kiều với từng đoạn nhỏ: Đọc thầm, đọc to, cùng giải nghĩa những chữ khó, hiểu hết nghĩa đen từng câu và cả đoạn. Cùng nhau đọc thuộc lần nữa rồi chuyển sang chơi đố Kiều.

Đoạn 1 – Vui vẻ chơi xuân (Câu 39–50)

1. Trên trời chim én rong chơi
Dưới đất cảnh vật, con người ra sao?
2. Không được giẫm cỏ vật hoa
Cớ sao lại có tên là “đạp thanh”?
3. Vương ông có đi chơi xuân
Hay là nhường nhịn dành phần cho con?

4. Ngày xuân có khói ngoài đồng
Đố bạn kể đủ những giòng vui xuân.
5. Truyện Kiều bạn thuộc từ lâu
Đố bạn lần lần tả cảnh Thanh minh
Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Đoạn 2 – Gặp năm mồ hoang (Câu 51-60)

1. Khi nào chị em ra về
Cả bọn vội vã hay lê dọc đường?
2. Ba người cùng rủ nhau về
Vừa đi vừa ngắm cảnh quê, thấy gì?
3. Bên đường có một người nằm
Không hương khói chẳng ai thăm hỏi gì...
4. Thúy Kiều xúc động ra sao
Dừng chân mới hỏi thế nào với em?
Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Đoạn 3 – Nàng Đạm Tiên (Câu 61-80)

1. Hai ả tố nga lơ ngơ
Riêng Vương Quan biết nắm mồ của ai?
2. Đạm Tiên thuở xưa làm gì
Người đẹp hay xấu trước khi qua đời?
3. Người nào kiếp sống mong manh
Khi nào thì bị gãy cành thiên hương
4. Người nào tìm đến Đạm Tiên
Gặp nhau có được nên duyên nghĩa tình?
5. Truyện Kiều bạn học sâu xa
Đố bạn tả được ngôi nhà Đạm Tiên.
6. Truyện Kiều bạn học đã tinh
Đố bạn tả được tấm tình người viễn phương.
Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Đoạn 4 – Thúy Kiều với Đạm Tiên (Câu 81-104)

1. Thúy Kiều nghe chuyện Đạm Tiên
Nghĩ gì trong bụng, buồn phiền nói ra?

2. Thúy Kiều nhỏ lệ xót xa
Còn làm gì nữa hay là khóc thôi?
 3. Truyện Kiều bạn học đã lâu
Thi nhau đọc lại hai câu tuyệt vời.
 4. Truyện Kiều bóng gió xa xôi
Thi nhau đọc lại cuộc đời Đạm Tiên.
 5. Truyện Kiều đầy những ưu phiền
Thi nhau đọc đoạn Đạm Tiên xem nào!
 6. Truyện Kiều đầy những thanh cao
Thúy Kiều suy nghĩ thế nào bạn ơi?
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 5 – Ba chị em trước mộ Đạm Tiên (Câu 105–118)

1. Đạm Tiên ở đó nằm yên
Thúy Kiều mua nỏ chuốc phiền nghĩ nao.
Thúy Vân trách Kiều ra sao?
Thúy Kiều cãi lại thế nào bạn ơi?
 2. Vương Quan cũng góp đôi lời
Thúy Kiều liệu có chịu dời chân đi?
 3. Thúy Kiều ngẫm nghĩ thân mình
Đạm Tiên nàng hỏi hiển linh xem nào!
 4. Thúy Kiều suy nghĩ thấp cao
Đời mình sao lại vạ vào Đạm Tiên?
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 6 – Đạm Tiên hiển linh (Câu 119–132)

1. Đạm Tiên hiển linh thế nào
Bạn mà tả đúng thì trao giải liền!
 2. Mặt nhìn ai nấy đều kinh,
Riêng Kiều thì vẫn một mình không lo.
Lại còn nói nhỏ nói to,
Lại làm thơ khắc nơi mộ, bạn hê?
 3. Truyện Kiều bạn đã thuộc chưa?
Thách bạn đọc cả đoạn vừa đố nhau!
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 7 – Kim Trọng (Câu 133–146)

1. Dừng dằng nửa ở nửa đi
Bỗng đứng lại có chuyện gì xảy ra?
 2. Có chàng đang đến từ xa
Văn nhân cưỡi ngựa hay là cưỡi xe?
 3. Chàng Kim du ngoạn một mình
Hay là có những mấy mình đi theo?
 4. Đất trời cây cỏ núi sông
Cái gì như thể một vùng quỳnh dao?
 5. Vương Quan tươi tỉnh bắt tay
Nàng nga ả tố trốn ngay chỗ nào?
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 8 – Lai lịch Kim Trọng (Câu 147–170)

1. Kim Trọng nhà ở đâu à?
Đố bạn biết được là xa hay gần?
 2. Tả chàng Kim chỉ bốn câu
Đố bạn đọc thuộc lâu lâu nghe coi!
 3. Hôm nay Kim mới gặp Kiều
Nhờ Vương Quan đã biết nhiều, tại sao?
 4. Kim Trọng biết gì về Kiều?
Văn nhân chừng đã thâm yêu ai rồi?
 5. Đố bạn giảng nghĩa “rốn ngòi”
Vì sao chẳng tiện, sau rồi “chỉn khôn”?
 6. Bóng chiều tà giục cơn buồn
Ai không dám ở ai không muốn về?
 7. Truyện Kiều bạn biết những ai
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e?
 8. Hai câu buông lửng rất hay
Đọc lên thì đoán được ngay tâm tình?
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 9 – Kiều nhớ Kim Trọng (Câu 171–184)

1. Thúy Kiều khi đã về nhà

- Không đèn không đuốc có là tối tăm?
 Vì sao chưa chịu đi nằm?
 Lại ngồi thơ thẩn đắm đắm u buồn?
2. Bóng trăng soi tỏ sân vườn
 Thúy Kiều có thấy nhện vương tơ sầu?
 3. Bốn câu có hai chữ “người”
 Chữ thời Kim Trọng, chữ thời Đạm Tiên.
 Thúy Kiều nghĩ ngợi liên miên
 Làm gì cho bớt ưu phiền bạn ơi?
 4. Truyện Kiều thi đọc một hơi
 Bạn mà đọc thuộc thì tôi theo cùng!
Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Đoạn 10 – Kiều gặp Đạm Tiên (Câu 185–222)

1. Thúy Kiều ngồi đó thiu thiu
 Nửa chiều như tỉnh nửa chiều như mơ...
2. Có người tới thăm Thúy Kiều
 Bạn hãy mô tả là yêu hay người?
3. Hai người có nhận ra nhau?
 Có cùng trao đổi những câu ân tình?
4. “Đoạn trường” là Hội thế nào?
 Gửi thơ cho Hội gồm bao nhiêu bài?
5. Đây là lời của Đạm Tiên
 Nói lời Hội trưởng ngợi khen Thúy Kiều?
6. Cái gì sạch bức màn hồng
 Khiến cho Kiều biết là mình chiêm bao?
7. Bạn kể cả đoạn đi nào
 Thúy Kiều đã thấy chiêm bao những gì?
8. Thúy Kiều nghĩ ngợi khóc than
 Đố bạn thuộc đủ mấy hàng thơ hay.
Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Đoạn 11 – Kiều mơ thấy gặp Đạm Tiên (Câu 223–244)

1. Nàng Kiều khóc lóc trong buồn
 Nhà huyên (mẹ đẻ) tìm đường hỏi han...?

2. Thúy Kiều kể lại những gì?
Nhà huyền tức thì giảng giải cho khuây?
 3. Bạn ơi giải nghĩa “mạch Tương”
Chữ gì mà lại bất thường lắm thay?
 4. Thúy Kiều tình nghĩa ra sao
Những câu thơ nào nói nghĩa tình kia?
 5. Thúy Kiều thương mẹ nhớ cha
Kim Trọng có là người được nhớ không?
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 12 – Tâm sự Kim Trọng (Câu 245–264)

1. Chàng Kim trở lại nhà mình
Chàng Kim có những tâm tình ra sao?
 2. Thơ hay bạn chọn vài câu
Nói lên đầy đủ mối sầu chàng Kim.
 3. Thơ hay tình cảm chàng Kim
Kể về câu chuyện đi tìm người thương?
 4. “Nơi kỳ ngộ” ấy nơi nao?
Câu thơ nào nói đủ bao nhiêu tình?
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 13 – Kim Trọng tìm ở trọ sát nhà Kiều (Câu 265–300)

1. Kim Trọng lần tới tìm Kiều
Đến cổng nhưng có dám liều bấm chuông?
 2. Kim Trọng cũng khôn như ranh
Lên la tìm trọ ở quanh nhà Kiều.
 3. Trọ nhà Ngô Việt thương gia
Bạn xem cách đó có là tối ưu?
 4. Kim Trọng khắp khởi mừng thầm
Nghĩ bụng bảo dạ ý thâm những gì?
 5. Ngày ngày ra ngóng vào trông
Ngơ ngơ ngẩn ngẩn bóng hồng thấy chẳng?
 6. Tình cờ nhặt được vật gì?
Chàng Kim giữ lấy ích chi sau này?
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 14 – Kim Trọng trả của rơi cho Kiều (Câu 301–362)

1. Bóng ai ngơ ngẩn áo dài
Kim Trọng cố ý đợi ai bên tường?
 2. Kim Trọng lên tiếng ướm lòng
Thả “trâu” Hợp Phố ai mong “trâu” về?
 3. Nàng Kiều đối đáp dễ thương
Ôn người quân tử coi thường con “trâu”
 4. Kim Trọng được thể làm gì
Tặng cho Kiều nữ vận vi trong lòng?
 5. Nàng Kiều còn chút rụt rè
Ai nhìn rõ mặt ai e cúi đầu?
 6. Kim Trọng quyết chí đánh liều
Anh chàng “xin một hai điều” ra sao?
 7. Thúy Kiều đồng ý hay chưa?
Cúi đầu e lệ nói thưa thế nào?
 8. Hai bên thề thốt ra sao
Thêm quà trao tặng thế nào nữa đây?
 9. Chuyện gì khiến dứt cuộc thề?
Ai về thư viện ai dời lầu trang?
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 15 – Kiều trốn nhà sang chơi với Kim Trọng (Câu 363–428)

1. Bạn ơi “đá biết tuổi vàng”
Là câu thành ngữ cao sang thế nào?
2. Truyện Kiều bạn đã thuộc lâu
Nhớ nhau thì có những câu thế nào?
3. Cả nhà đi vắng hôm nay
Thúy Kiều tranh thủ dịp may làm gì?
4. Thúy Kiều dặng hắng bên này
Bên kia Kim Trọng loay hoay làm gì?
5. Kim Trọng có biết vẽ tranh?
Trên tường có bức đậm thanh thế nào?
6. Thơ mình viết tặng tranh ai
Thúy Kiều lại được khen tài ra sao?

7. Thúy Kiều thổ lộ cùng chàng
Khen rằng chỉ liếc dung quang, nghĩ gì?
 8. Có thầy tướng số cho Kiều
Bảo nàng bạc mệnh, có điều ấy chẳng?
 9. Kim Trọng thề thốt rất to
Có làm Kiều nữ hết lo hết sầu?
 10. Vì sao chẳng tiện ngồi dai
Kiều đành từ biệt anh giai ra về?
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 16 – Kiều lại sang chơi với Kim Trọng (Câu 429–454)

1. Tuyệt vời cá tính cô Kiều
Đã yêu thì cứ phải liều ra sao?
 2. Kim Trọng tựa gối thiu thiu
Tưởng đâu mơ ngủ: Nàng Kiều đó chẳng?
 3. Thúy Kiều giải thích ra sao
Đêm hôm lại dám vượt rào qua chơi?
 4. Tiên thề là cái chi chi?
Dao vàng cắt tóc làm gì bạn ơi?
 5. Truyện Kiều bạn đã thuộc chưa?
Thì nhau đọc thuộc cho vừa lòng nhau!
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 17 – Kiều chơi đàn cho Kim Trọng nghe (Câu 455–488)

1. Kim Trọng muốn được một điều
Anh chàng nói với cô Kiều ra sao?
 2. Cô Kiều tưởng chuyện gớm ghê
Hóa ra Kim Trọng muốn nghe tiếng đàn!
 3. Truyện Kiều bạn đọc vang vang
Đoạn nào tả được tiếng đàn Kiều nhi?
 4. Tiếng đàn đậm nhói qua tim
Câu nào tả cảnh chàng Kim nghe đàn?
- Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.*

Đoạn 18 – Kiều và Kim Trọng vui cả ngày (Câu 489–524)

1. Tiếng đàn hay thật là hay
Nhưng Kim Trọng vẫn thấy ngay điều gì?
2. Nói rằng mình có “nét đàn”
Nàng Kiều giải thích luận bàn ra sao?
3. Kim Trọng chỉ nghe gảy đàn
Trong lòng có nghĩ chuyện sàm sỡ không?
4. Thúy Kiều trong sáng vô cùng
Nàng khuyên bảo người đàn ông thế nào?
5. Câu nào chứng tỏ chàng Kim
Lắng nghe theo tiếng trái tim nàng Kiều?

Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Đoạn 19 – Kim Trọng nhận tin dữ (Câu 525–534)

1. Tin dữ có chực dòng trôi
Đố bạn đọc thuộc một hơi thì tài!
2. Tin buồn ai chết biết chưa?
Chết tha hương chết chơ vợ xa nhà?

Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Đoạn 20 – Kiều thề thốt khi chia biệt (Câu 535–558)

1. Nhận tin thì cũng kinh hoàng
Kim Trọng vẫn cố qua nàng làm chi?
2. Hai người than thở cùng nhau
Hai người thề thốt hồi lâu những gì?
3. Truyện Kiều đã thuộc nhiều rồi
Bạn nhớ những lời Kim Trọng nhắn nhe?
4. Kiều yêu Kim Trọng thật rồi
Ngập ngừng nàng lại giải lời ra sao?

Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Đoạn 21 – Kim Kiều chia biệt (Câu 559–568)

1. Đoạn này chỉ có mười câu
Từng bạn đọc thuộc lầu lầu cùng nghe!

2. Mười câu thành năm cặp đôi
Cặp nào bạn thích xin mời đọc to!
Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Luyện tập sau phần 1 và phần 2

1. Cùng học thuộc *Truyện Kiều*: Chơi lần thứ nhất: Cả lớp ngồi vòng tròn đọc nối tiếp nhau, mỗi bạn đọc hai câu. Hết áp ứng thì được các bạn nhắc bằng một hai tiếng để bạn đó đọc nối. Chơi lần thứ hai: Mỗi bạn đọc bốn câu.
2. Cùng học thuộc *Truyện Kiều*: Cả lớp ngồi vòng tròn rút thăm rồi đọc theo yêu cầu do các bạn soạn sẵn, ví dụ: (1) Con cái nhà họ Vương; (2) Tiết thanh minh cảnh xuân; (3) Nhân vật Đạm Tiên; (4) Thúy Kiều thương xót Đạm Tiên; (5) Kim Trọng xuất hiện; (6) Kim Trọng nhớ Thúy Kiều; (7) Kim và Kiều gặp gỡ tình tự; (8) Kim và Kiều ngâm thơ nghe đàn; (9) Thúy Kiều Kim Trọng gắn bó; (10) Thúy Kiều Kim Trọng chia biệt (Các bạn có thể thêm những đề nhỏ để cùng nhau vui chơi mà vẫn thuộc *Truyện Kiều*).
3. Thảo luận rồi viết tiểu luận: Bạn học được gì qua cách dùng tiếng Việt qua Phần 1 của *Truyện Kiều*? Chú ý: Khi lấy dẫn chứng từ *Truyện Kiều*, nên đọc theo trí nhớ từng cặp đôi câu hoặc bốn câu, và không nên nhìn vào giấy (dù đã có chuẩn bị trên giấy).
4. Thảo luận và viết tiểu luận: Người bình dân Việt Nam tuy không biết chữ Nôm nên không đọc được *Truyện Kiều* nhưng tác phẩm này vẫn lan tỏa khắp đất nước. Trò chơi đố Kiều có tác dụng gì trong việc đó?
5. Thảo luận: Các bạn có thể tự tổ chức tiếp trò chơi đố Kiều và học thuộc hết tác phẩm *Truyện Kiều* không?

Hướng dẫn chơi tiếp trò đố Kiều

Kể từ đây, do đã được gợi ý quá chi tiết cách chơi đố Kiều ở phần 1 và phần 2, các bạn đã quen với cách học của lớp người dân bình thường. Từ đây, sẽ chỉ gửi các bạn những gợi ý cho vài đoạn đầu cho vài phần sau. Công việc của các bạn là tự đọc, cùng nhau giải nghĩa từ khó để hiểu nốt *Truyện Kiều* và học thuộc dần dần đến hết *Truyện Kiều*.

Nào, cùng chơi cùng học!

Gợi ý cho phần 3 – Từ câu 569 đến câu 776

Nhắc việc phải làm trước khi chơi đố Kiều với từng đoạn nhỏ: Đọc thầm, đọc to, cùng giải nghĩa những chữ khó, hiểu hết nghĩa đen từng câu và cả đoạn. Cùng nhau đọc thuộc lần nữa rồi chuyển sang chơi đố Kiều.

Đoạn 1 – Gia đình Kiều gặp họa (Câu 570–598)

1. Kiều đang tha thân nhớ ai
Đoàn người vui vẻ bên ngoài ra sao?
2. Hàn huyên chưa kịp đôi hồi,
Nhà ngoài bỗng có lũ người thế nao?
3. Vương ông cùng với Vương quan
Hai người thân thể nát tan thế nào?
4. Gia sản của nhà họ Vương
Bị bọn ăn cướp không thương tiếc gì!
Mời bạn hãy kể lại đi!
5. Kẻ nào vu cáo nhà Kiều?
Vì sao đặt điều tan nát họ Vương?

Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Đoạn 2 – Thúy Kiều nghĩ cách chuộc cha (Câu 599–620)

1. Câu nào thương nhớ người đi?
Câu nào nghĩ chuyện cứu nguy gia đình?
2. Câu nào nghĩ đến bạn tình?
Câu nào nghĩ đến phận mình éo le?
3. Truyện Kiều bạn thuộc lâu lâu
Khúc nào gan ruột những câu Thúy Kiều?
4. Câu nào lo lốt khắp nơi
Để cho gia cảnh thoát hồi nát tan?

Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Đoạn 3 – Thúy Kiều chấp nhận bán mình (Câu 622–684)

1. Bằng nhân làm những việc gì?
Vấn danh là chuyện chi chi bạn à?

2. Truyện Kiều bạn đã thuộc rồi
Hãy kể về người tên Mã Giám sinh!
3. Chuyện chi cân sắc cân tài
Giờ lâu ngã giá mua người bao nhiêu?
4. Bà mối khen Kiều thế nào
Đôi bên mặc cả ra sao hả mình?
5. Cha con bàn bạc tối lui
Đố bạn kể được những lời đôi bên?

Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Đoạn cuối:

1. Cậy em, em có chịu lời,
Ngồi trên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
Câu này bạn nhớ hay chưa?
Xin mời giải đố cho vừa lòng nhau!
2. Mai sau dù có bao giờ
Đốt lò hương ấy so tơ phím này
Trông ra nhìn đó nhìn đây
Thấy gì trong gió thì hay chị về?
3. Đoạn nào Kiều gọi “Kim lang”
Câu nào Kiều bảo “phụ chàng từ đây?”

Gợi ý cho phần 4 - Từ câu 777 đến câu 1526

Nhắc việc phải làm trước khi chơi đố Kiều với từng đoạn nhỏ: Đọc thầm, đọc to, cùng giải nghĩa những chữ khó, hiểu hết nghĩa đen từng câu và cả đoạn. Cùng nhau đọc thuộc lần nữa rồi chuyển sang chơi đố Kiều.

Đoạn 1 - Mã Giám sinh rước Kiều đi (Câu 777-804)

1. Đau lòng kẻ ở người đi
Lệ rơi thấm đá tơ chia rũ tằm.
Cái gì vạ vật tối tăm
Cái gì tươi tốt đầm đầm cảnh sương?
2. Tâm tư Kiều nữ ra sao
Khi nàng thủ sẵn con dao trong người?
3. Biết thân đến chốn lạc loài
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.

Hai câu này có hay không
Nó nằm ở đoạn nào trong truyện Kiều?
Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Đoạn 2 – Âm mưu hèn hạ của Mã Giám sinh (Câu 805–844)

1. Chân dung tên Mã Giám sinh
Câu thơ nào đã hiện hình hẳn ra?
2. Mã Giám sinh với Tú Bà
Hai kẻ quan hệ rõ ra thế nào?
3. Mã sinh kia có thực lòng
Định bụng đào bòng cùng với Kiều nương?
Bạn hãy thêm những câu ra đố của bạn.

Mẫu luyện tập cho các phần tiếp theo

1. Ôn lại cho thuộc những đoạn trong các phần đã học bằng hai cách: Thi đọc thuộc lòng và dùng cách hỏi lại những câu đố Kiều và giải đố đã có (nếu thêm câu đố mới càng vui).
2. Thảo luận đố nhau những câu Kiều có cách biểu đạt bằng điển tích, bằng từ Hán-Việt, và cả bằng từ và ngữ, nhất là cách dùng thành ngữ thuần Việt. Công việc này sẽ chuẩn bị cho các bạn đi sâu vào cách học nâng cao trong nhiều bài tiếp theo.
3. Tiếp tục trò chơi đố Kiều: Thực hành làm những câu đố Kiều theo mẫu đã cho.
4. Trò chơi ngoài giờ học: Đố chữa đúng câu Kiều sai. Bạn tìm một câu Kiều và đọc sai một hoặc vài từ để bạn chữa lại. Có thể chơi từng cặp hoặc chơi chung. Ví dụ, ra đố tả Từ Hải đúng hay sai: *Râu hùm hàm sỏi mày ngài, Vai ba thước rộng thân mười tấc cao*? Người giải đố chữa lại câu thơ cho đúng và giải thích vì sao.
5. Viết tiểu luận: Bàn về trò chơi đố Kiều và sự lan tỏa của tác phẩm *Truyện Kiều* trong dân chúng phần lớn không đọc được chữ Nôm.
6. Viết tiểu luận về một chủ đề hội thảo của lớp sau một giai đoạn ngắn tập trung vào cách biểu đạt trong *Truyện Kiều*.

BÀI TẬP LỚN 2

CHƠI BÓI KIỀU

Ba điều ghi nhớ trước khi chơi bói Kiều

1. Bói Kiều là một trò chơi ngôn ngữ, không phải là trò mê tín dị đoan. Mặc dù bói Kiều là trò chơi dân gian ai cũng thích, nhưng cần thấy rằng từ xưa nhân dân ta chưa bao giờ tin vào trò bói toán hết. Chứng cứ là trích đoạn *Hề chào* các bạn đã học trong phần Kịch nghệ của sách *Văn Lớp 7 Cánh Buồm*. Trong đoạn đó, nhân dân ta trêu chọc để đả kích cay nghiệt trò “bói toán quàng xiên” (thành ngữ Việt đã xác nhận) thông qua những mẹo vặt kiểu “thầy bói nói dựa” (cũng là xác nhận của thành ngữ Việt). Thành ngữ và tục ngữ của người Việt đều xác định rằng “bói ra ma, quét nhà ra rác”, “hòn đất mà biết nói năng, thì thầy địa lý hàm răng chẳng còn”!

Khi chơi trò bói Kiều, những người chơi, nhất là người tham gia giải quẻ bói, cũng vẫn phán theo lối “nói dựa”, nhưng không nói dựa theo lối nói mò, mà nói dựa trên cơ sở phân tích nét nghĩa của ngôn từ tiếng Việt. Việc thực hành thủ thuật “nói dựa ngôn ngữ” này phải dựa trên phân tích ngôn ngữ *Truyện Kiều* và áp dụng những nét nghĩa tinh tế của tiếng Việt được dùng trong *Truyện Kiều* vào hoàn cảnh và tâm trạng của người đặt quẻ để “phán” những điều đúng “y như thật”. Muốn làm cho người đặt quẻ tin là đã giải câu bói Kiều đúng y như thật, phải phân tích xác đáng ngôn ngữ *Truyện Kiều*.

2. Bói Kiều là một trò chơi tâm lý bổ sung cho trò chơi ngôn ngữ. Chỉ giỏi phân tích ngôn ngữ mà không chuẩn bị về tâm lý thì cũng bớt vui. Vì thế trong công việc chuẩn bị chơi bói Kiều phải cố gắng có đủ lệ bộ là một quyển *Truyện Kiều* (thêm hương hoa nữa càng ly kỳ). Khi mọi người tham gia chơi bói Kiều chứng giám cảnh một người đặt quẻ khẩn vái xin quẻ, sẽ tạo niềm tin mơ hồ rằng đã khẩn vái chân thành, thế nào cô Kiều cũng “hiện về” và “ban cho” mấy câu dù ngắn nhưng đủ giải đáp những điều thuộc tâm trạng riêng mà mình mong được gỡ rối.

Chúng ta hãy hình dung, mỗi buổi chơi đố Kiều giải đáp tâm trạng người đặt quẻ, những cuốn sách *Truyện Kiều* được mở ra rồi đọc lên rồi đóng lại để rồi

lại mở ra và đọc... những người tham gia chơi *bói Kiều* đã được ôn luyện để học thuộc biết bao nhiêu “lời” của cô Kiều, của cô Vân, của Hoạn Thư, của Từ Hải... của tất cả các nhân vật *Truyện Kiều*, đó thực sự có đúng là lớp học *Truyện Kiều* của người dân bình thường không?

3. *Bói Kiều* là một trò chơi tinh tế gắn kết con người với nhau bằng một sợi dây liên kết tinh vi là *năng lực đồng cảm* và chia sẻ vui buồn với nhau trong cộng đồng. Khi chơi *đố Kiều*, mọi người gặp gỡ nhau, dựa vào câu Kiều xin được mà “phán” – nghĩa là làm công việc giải đáp thắc mắc cho người xin quẻ, giải tỏa tâm trạng cho người đặt quẻ. Phải có lòng đồng cảm chân tình trong sáng mới tham gia được vào trò chơi này. Trò chơi *bói Kiều* không chấp nhận người đoán quẻ nhận tiền hoặc bất cứ quyền lợi vật chất nào của người xin đặt quẻ – không thể có “thầy *bói Kiều*” chuyên nghiệp!

Nên nhớ, vì đây là *trò chơi bói Kiều*, nên cũng phải chấp nhận sự tình nghịch, đùa giỡn có khi oái oăm có thể tạo thêm thắc mắc cho người đặt quẻ, nhưng như vậy chỉ càng làm cho cuộc chơi thêm vui. *Bói* mà không *bói*, nên đã không coi *bói Kiều* vào hạng “*bói toán quàng xiên*”, nên người chơi giả vờ chấp nhận như *bói Kiều* là đúng, thực ra là một dịp cùng nhau học thuộc thêm tác phẩm *Truyện Kiều* yêu mến của mình và củng cố thêm sự yêu mến tiếng Việt.

Một số bài tập chơi *bói Kiều*

Thao tác *bói mẫu*

Khấn và xin. Cần bắt đầu khấn vái long trọng trước vong linh “cô Kiều” nằm trong cuốn *Truyện Kiều* đã chuẩn bị sẵn.

Nhận quẻ. Mở *Truyện Kiều* vào đúng trang đã xin và được cô Kiều ban cho, ví dụ như những dòng này:

Người đâu gặp gỡ làm chi

Trăm năm biết có duyên gì hay không?

Giải quẻ. Bạn cần biết hai câu đó nằm ở đoạn nào trong *Truyện Kiều* và có ý nghĩa gì thì mới đoán được số mệnh cho người xin quẻ. Chúng ta đều biết đó là hai câu sau khi Kiều gặp Kim Trọng trong ngày đầu xuân. Đó là tâm trạng băn khoăn lo lắng không biết “mình với anh ta” sẽ như thế nào! Vậy bạn sẽ đoán (và tán cho vui nữa) ra sao nếu đó là:

- Một cô gái chưa chồng?
- Một chàng trai chưa vợ?

- Một người chưa chồng chưa vợ đang háo hức nghĩ đến chuyện yêu đương?
- Một người góa chồng hoặc góa vợ?

Những hoàn cảnh đó đều dễ. Ngộ nhỡ một cụ già được hai câu đó thì sao? Bạn sẽ phải huy động các tin tức liên quan đến cụ đó, ví dụ cụ đang lo chuyện vợ chồng cho cháu cụ? Chuyện có người mời cụ mua nhà, mua xe, kể cả mua mảnh đất cho cụ xây mộ? Khi đó cần tán chữ “duyên” không chỉ là duyên vợ chồng, mà còn là cái sự “hợp” – mà đã nói đến “hợp” thì có vô vàn điều để “hợp” hoặc “không hợp”.

Thực hành theo thao tác bói mẫu

Các bạn tiếp tục bói Kiều khi mở ra và được cô Kiều ban cho những dòng này.

Ngoài việc chơi bói Kiều như thật, bạn hãy tưởng tượng (kể ra và viết thành văn) về một người được bạn đoán quẻ cho khi người đó nhận được một trong những câu Kiều dưới đây (bạn tự chọn câu được Kiều ban cho):

*Ngón ngang trăm mối bên lòng
Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình.*

*

*Một mình lưỡng lự canh chầy
Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh.*

*

*Sầu đông càng lắc càng đầy
Ba thu dồn lại một ngày dài ghê.*

*

*Mành tương phát phát gió đàn
Hương gậy mùi nhớ trà khan giọng tình.*

*

*Gió chiều như giục cơn sầu
Vi lô hiu hắt như mầu khơi trêu.*

*

*Rằng: trăm năm, kể từ đây
Của tin gọi một chút này làm ghi.*

*

Bây giờ rõ mặt đôi ta
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao.

*

Gìn vàng giữ ngọc cho hay
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.

*

Trăng thề còn đó trơ trơ
Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng.

*

Ông tơ ghét bỏ chi nhau
Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi.

*

Trong tay đã sẵn đồng tiền
Dù lòng đổi trắng thay đen khó gì.

*

Đau lòng kẻ ở người đi
Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm.

*

Đoạn trường thay lúc phân kỳ
Vó câu khắp khểnh, bánh xe gặp ghềnh.

*

Thôi con còn nói chi con
Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người.

*

Từ đây góc bể bên trời
Nắng mưa thui thui quê người một thân.

*

Vi lô san sát hơi may
Một trời thu để riêng ai một người.

*

Cũng liêu nhắm mắt đưa chân
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.

Hoạt động sau phần Tổng quan về Truyện Kiều
Cách thức *Truyện Kiều* lan tỏa trong đông đảo nhân dân
và hai Bài tập lớn

1. Hội thảo khoa học *Truyện Kiều* đi vào lòng người. Gợi ý các đề tài tự nhận để viết tiểu luận:
 - a. Tôi đã biết gì về thi hào Nguyễn Du. Có thể viết chung về tiểu sử, nhưng cũng có thể viết thu hoạch ấn tượng nhất của bạn về Nguyễn Du (qua bài thơ *Long Thành cầm giả ca*, *Văn tế thập loại chúng sinh* hoặc những sưu tầm riêng của bạn).
 - b. Tôi đã biết gì về *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.
 - c. Tôi nghĩ gì và hiểu biết được gì qua trò chơi *đố Kiều* và *bói Kiều*?
2. Tiểu phẩm do nhóm hai ba bạn diễn. Đề tài gợi ý:
 - a. Hỏi đáp chung về tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Người hỏi bằng lời nói thường, người đáp bằng câu thơ Kiều.
 - b. Hỏi đáp về một nhân vật trong *Truyện Kiều*. Có thể hỏi bằng lời nói thường, hoặc hỏi kiểu *đố Kiều*, người đáp bằng câu thơ Kiều.
 - c. Hỏi đáp về một tình huống trong *Truyện Kiều*. Có thể hỏi bằng lời nói thường, người đáp bằng câu thơ Kiều.
3. Diễn trò với đề tài *Truyện Kiều*. Đề tài tự chọn:
 - a. Hoạt cảnh *bói Kiều*.
 - b. Chuyển thể một đoạn kịch từ *Truyện Kiều*.

BÀI 3

CÁCH THỨC *TRUYỆN KIỀU* LAN TỎA TRONG GIỚI TRÍ THỨC

Hướng dẫn học

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Trong Bài 2, các bạn đã học về hành vi tiếp nhận *Truyện Kiều* của những người dân bình thường – những nghiên cứu trước đây thường gọi đó là giới bình dân đối lập với giới bác học. Những người dân bình thường này thời xưa là rất đông đảo. Nông dân không biết đọc sách bằng chữ Nôm nên chỉ có thể tiếp nhận *Truyện Kiều* theo con đường truyền khẩu. Trong thành phần những người bình thường này, thì phụ nữ nông dân Việt Nam là một thành phần “bạn đọc” hết sức quan trọng. Đời sống của họ, những tâm trạng đau lòng của họ, những ước mơ bị vùi dập của họ... đã được giải tỏa khi tiếp nhận *Truyện Kiều*.

Họ ao ước một mối tình trong sáng (đầy chân thành, đầy liêu lĩnh, và đầy thủy chung) như của Thúy Kiều và Kim Trọng. Họ hóa thân vào Thúy Kiều để yêu, để hy sinh tình yêu khi phải bán mình chuộc cha... Họ hóa thân vào Thúy Kiều khi phải chấp nhận cảnh vào ở chốn lầu xanh. Họ hy vọng theo Thúy Kiều khi có người cứu vớt mình để có cuộc đời đổi thay – và trong khi thả mình theo dòng đời như thế, có khi gặp kẻ lưu manh lừa đảo (như Mã Giám sinh, Tú bà, Sở Khanh, Bạc bà, Bạc Hạnh), có khi gặp người chân tình nhưng nhát gan (như Thúc sinh), có khi gặp người hiền hòa (như vãi Giác Duyên) và có khi gặp người hùng ngang tàng (như Từ Hải)... mỗi cuộc “đổi thay” là một lần hy vọng, và mỗi lần hy vọng lại là một lần trải nghiệm sự thất vọng. Họ hóa thân theo Kiều trong cuộc sống ảo của tác phẩm.

Bên cạnh cách đọc *Truyện Kiều* của những người bình thường, có cách đọc *Truyện Kiều* của người trí thức. Những bạn đọc trí thức đó là ai? Rất đông những trí thức đó là những người thi trượt trở về làng làm ông đồ dạy chữ Nho cho con trẻ. Còn có những trí thức đỗ đạt ra làm quan rồi khi về hưu thì về làng sinh sống. Cũng có những ông quan nửa chừng quan thoát gây cảnh quan lộ thì cũng về làng sống và làm thơ phú. Chính những nhà trí thức này là những người đầu

tiếp nhận *Truyện Kiều* rồi chép tặng nhau, rồi làm lan tỏa *Truyện Kiều* theo nhiều cách khác nữa.

Những nhà trí thức này đều đọc *Truyện Kiều* bằng cả tấm lòng của mình. Những nhà trí thức đó phần lớn cũng từ cuộc sống nông thôn và gia tộc nông dân mà ra, và cho dù sự học thức có khiến họ đổi đời, thì vẫn còn đó những người trong họ hàng, làng mạc với đầy rẫy những bi kịch mà người trí thức không bao giờ bỏ qua. Chính rung cảm của các nhà trí thức đã khiến họ mang *Truyện Kiều* đến với đông đảo “bạn đọc” nông dân. Ngay một người đại trí thức như vua Tự Đức mà còn hả hê với kiệt tác của Nguyễn Du bằng lời phán lục bát này: “*Làm trai biết đánh tổ tôm / Uống chè mạn hảo, ngâm Nôm Thúy Kiều*”, thì đủ biết *Truyện Kiều* đã đi vào lòng người đến đâu!

Song người trí thức còn có cách đọc khác nữa, đó là cách đọc phân tích, cách đọc nghiên cứu, cách đọc suy lý ngẫm ngợi. Các nhà trí thức xưa, sau khi đọc xong *Truyện Kiều* cho riêng mình đến độ thuộc lòng, sẵn sàng đem *Truyện Kiều* đọc hoặc kể cho những đồng bào không biết chữ nghe, rồi họ còn bày đặt ra và cùng tham gia những trò chơi đố *Kiều*, bói *Kiều* như mọi người bình thường. Ngoài ra, họ còn đúc kết những vấn đề về triết lý của *Truyện Kiều*, rồi mặc dù không viết thành bài nghiên cứu như về sau, họ vẫn phát biểu ngắn gọn thành những trò *lấy Kiều*, *vịnh Kiều*, cách thức độc đáo để “làm mới” *Truyện Kiều* trong lòng mình.

Sang thời hiện đại, những nhà trí thức có thêm nhiều phương tiện nghiên cứu hơn nên càng có điều kiện đào sâu rồi viết ra và phổ biến các giá trị *Truyện Kiều* đi xa hơn, rộng hơn và sâu hơn. Có học giả như Phạm Quỳnh còn nghiên cứu để giới thiệu di sản văn hóa *Truyện Kiều* với những người Pháp đang còn nhìn dân tộc Việt Nam như một lớp dân cần được “bảo hộ” và dạy dỗ.

Bài 3 này được soạn để giới thiệu cách đọc cùng với cách nghiên cứu *Truyện Kiều* của cả người trí thức thời xưa và thời hiện đại.

Một là, đọc và nghiên cứu nguồn gốc *Truyện Kiều* để thấy tuy được gợi hứng từ câu chuyện tự sự của Thanh Tâm Tài Nhân người Trung Hoa, nhưng *Truyện Kiều* là một tác phẩm hoàn toàn khác, thuần túy Việt Nam.

Hai là, nghiên cứu giá trị của tiếng Việt đã được Nguyễn Du dùng làm vật liệu để xây nên công trình *Truyện Kiều* nguy nga mà vô cùng Việt Nam, trồn không lẫn.

Càng nghiên cứu giá trị của tiếng Việt trong *Truyện Kiều* ta sẽ hiểu vì sao

tác phẩm đó đã sống mãi ở một xứ sở còn rất nhiều người dân chưa đọc được nó. *Truyện Kiều* nâng cao giá trị tiếng Việt và tiếng Việt đủ sức làm nên giá trị *Truyện Kiều*. Tác phẩm thành món ăn tinh thần không thể thiếu của người Việt Nam. Khi *Truyện Kiều* đã thành gạo ngô khoai sắn tinh thần, thì người Việt Nam sẽ vun trồng *Truyện Kiều* như gạo ngô khoai sắn đã nuôi họ cả nghìn đời.

Mời các bạn cùng học.

Mở đầu

Sinh ra trong một thời đại loạn lạc với những cuộc nội chiến và ngoại xâm (đây là thời tàn của triều đình nhà Lê – Trịnh với loạn kiêu binh, cuộc khởi nghĩa của nhà Tây Sơn, sự trỗi dậy của nhà Nguyễn, cuộc chiến chống quân Mãn Thanh), gia đình Nguyễn Du cũng theo đó mà trải qua bao tai biến (cha mẹ mất sớm, các anh làm quan lúc thăng lúc giáng, bản thân lưu lạc theo thời thế).

Một người trung thành với nhà Lê, bất hợp tác với nhà Tây Sơn, rồi lại ra làm quan triều Nguyễn, chiếu theo quan niệm phong kiến “tôi trung không thờ hai chủ”, Nguyễn Du đã phải chất chứa trong lòng những nỗi niềm không thể giải bày trước định kiến của thời đại, nhưng văn chương của ông đã phần nào bày tỏ được không khí và tâm thế của kẻ sĩ thời đại loạn, giống như một câu Kiều ông viết:

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Nguồn gốc của *Truyện Kiều*

Bản thảo chính thức của *Truyện Kiều* cho đến nay vẫn chưa được tìm thấy và công bố, hai bản in xưa nhất hiện còn là bản của Liễu Văn Đường (1871) và bản của Duy Minh Thị (1872), đều ở thời Tự Đức.

Truyện Kiều được lấy cảm hứng từ tác phẩm *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân, một tiểu thuyết chương hồi, ra đời vào cuối đời nhà Minh, đầu đời nhà Thanh ở Trung Quốc. Nguyễn Du đã mượn bối cảnh và cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân để sáng tạo ra tác phẩm của mình. Ngay tên truyện cũng cho ta biết nội dung tiểu thuyết kể về những sự kiện, những biến cố xoay xung quanh ba nhân vật chính: Kim Trọng, Vương Thúy Vân, Vương Thúy Kiều. Bối cảnh xã hội trong truyện cũng chính là bối cảnh lịch sử đương

thời: vào năm Gia Tĩnh triều Minh, có cô gái nhà lành tên là Vương Thúy Kiều đã gặp gỡ và hẹn thề với chàng thư sinh Kim Trọng, nhưng nhân lúc Kim Trọng phải đi xa, cha Thúy Kiều bị bắt giam, nàng đã phải bán mình chuộc cha, bị đẩy vào lầu xanh. Ở chốn lầu xanh, nàng gặp gỡ Thúc Sinh, được chàng chuộc ra khỏi lầu xanh, nhưng sau đó bị vợ cả của Thúc Sinh ghen tuông, giam lỏng ở nhà. Thúy Kiều bỏ trốn, nương nhờ sư bà Giác Duyên, sau đó lại bị lừa bán làm gái lầu xanh, nhưng may được một tướng cướp tên là Từ Hải giải phóng một lần nữa. Nhờ Từ Hải, Thúy Kiều trả được thù, sau đó nàng khuyên Từ Hải quy hàng quan phủ, Từ Hải nghe theo nhưng quan phủ trở mặt, Từ Hải chết, Thúy Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường tự vẫn, nhưng lại được sư Giác Duyên cứu sống. Nói về Kim Trọng, tuy đã kết duyên với Thúy Vân nhưng vẫn đi khắp nơi hỏi thăm tin tức Thúy Kiều, tình cờ gặp sư Giác Duyên mới biết Thúy Kiều còn sống, Kim Trọng đã đón nàng về đoàn tụ. Câu chuyện kết thúc bằng lời chấp nhận của Thúy Kiều nối lại duyên tri kỷ chứ không phải là duyên vợ chồng với Kim Trọng.

Xung quanh việc Nguyễn Du mượn cốt truyện của *Kim Vân Kiều truyện* để viết ra *Truyện Kiều*, rất nhiều người đã lấy việc so sánh từng đoạn, từng chi tiết trong hai tác phẩm này làm đối tượng đánh giá, định giá *Truyện Kiều*, nhiều lúc việc so sánh này không tránh khỏi cực đoan, nâng cao *Truyện Kiều* và hạ thấp giá trị *Kim Vân Kiều truyện*. Việc so sánh cũng làm che mờ các xu hướng nghiên cứu muốn khai thác giá trị *Truyện Kiều* từ chính nội tại của nó, một trong đó là vấn đề về thời điểm tác phẩm ra đời.

Về thời điểm Nguyễn Du viết *Truyện Kiều*, từ trước đến nay vẫn tồn tại nhiều ý kiến không thống nhất:

Đào Duy Anh cho rằng *Truyện Kiều* được viết trước khi đi sứ Trung Quốc, tức là khoảng những năm 1805–1809. Hoàng Xuân Hãn sau nhiều năm nghiên cứu khẳng định rằng Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* từ đời Tây Sơn, Nguyễn Tài Cẩn thì cho rằng “Có khả năng *Truyện Kiều* được sáng tác trước đời Gia Long” (Tạp chí Kiến thức ngày nay, số 529, ngày 20–4–2005). Gần đây, Mai Quốc Liên và Nguyễn Quảng Tuân khẳng định lại quan điểm của quyển *Đại Nam chính biên liệt truyện* ghi rằng: “Nguyễn Du có tài về thơ chữ Hán lại giỏi về thơ chữ Nôm, từ khi đi sứ nhà Thanh về, có Bắc hành thi tập cùng với truyện *Thúy Kiều* ra đời”, đồng thời bằng cách chỉ ra các từ ký hủ trong tác phẩm *Truyện Kiều* (bài *Có thể căn cứ vào các chữ ký hủ để xác minh thời điểm Nguyễn Du viết Truyện Kiều*,

Tạp chí Hồn Việt điện tử, ngày 13/11/2013) đã cho rằng *Truyện Kiều* được viết sau chuyến đi sứ của Nguyễn Du.

Tuy nhiên, các kết luận đều ở dạng phỏng đoán, ngoại suy mà không có chứng cứ xác thực, bởi sự thiếu thốn về sử liệu văn học và văn bản học.

Các cách đọc *Truyện Kiều*

Ngay từ khi ra đời, *Truyện Kiều* đã nhận được sự quan tâm của mọi tầng lớp nhân dân, từ những người dân kể Kiều và học Kiều dù không biết chữ đến những tầng lớp trí thức tinh hoa, từ đứa trẻ con học vỡ lòng đến những cụ già không còn đủ trí nhớ tình tường.

Nhà nghiên cứu Trương Tửu đã tóm tắt cho chúng ta không khí “*Kiều học*” ấy ở phần mở đầu của quyển Văn chương *Truyện Kiều*: “Trong giới trí thức xưa ta, chưa có tác phẩm văn chương nào làm bận rộn dư luận một cách phiền phức bằng *Truyện Kiều* của thi sĩ Nguyễn Du. Hơn trăm năm nay, hết lớp nhà nho quý tộc này đến lớp nhà nho lạc ngữ khác, hết loại học giả tư sản nọ đến loạt văn nhân trung lưu kia, kẻ trước người sau, kẻ xướng người hoạ, kẻ đánh người đỡ, đua nhau, thi nhau hùa nhau bàn về thơ Kiều, luận về nàng Kiều, phê phán tác giả *Truyện Kiều*, hát tuồng Kiều, chiếu phim Kiều, kỷ niệm Kiều... bày ra một cảnh tượng văn chương náo nhiệt, mới thoạt nhìn tưởng như chỉ thuần một tính cách thẩm mỹ mà xét kỹ thì thấy chứa đựng nhiều tính cách tâm lý xã hội rất sâu xa, phức tạp.

Đồng thời với Nguyễn Du, có Phạm Lập Trí, Mộng Liên Đường chủ nhân; tiếp theo sau là Minh Mạng, Hà Tôn Quyền, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Công Trứ, Tự Đức; sau nữa là Nguyễn Khuyến; Chu Mạnh Trinh; rồi đến Trương Vĩnh Ký, Đào Nguyên Phổ, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Phan Kế Bính, Trần Trọng Kim, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng; Bùi Kỷ, Dương Bá Trạc, Tản Đà, Nguyễn Văn Tố, Dương Quảng Hàm, v.v. Gần đây hơn nữa, Nguyễn Tường Tam, Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư, Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn, Đinh Gia Trinh, Nguyễn Mạnh Tường... bấy nhiêu nhà trí thức, văn nhân, thi sĩ, thị hiếu không đồng nhau, tài lược không giống nhau, tư tưởng phần nhiều trái nhau, tâm hồn tiêu biểu cho những cốt tình đẳng cấp nghịch nhau mà đều lần lượt nối lời nhau bàn luận về *Truyện Kiều*, bàn khoăn về *Truyện Kiều*, dù khen hay chê, tâng bốc hay mạt sát cũng đều chan chứa một lòng hăng hái nhiệt thành – đủ tỏ rằng vấn đề *Truyện Kiều* không phải chỉ là một vấn đề văn chương thuần túy mà đã biến thành một vấn đề văn hoá.”

Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai cũng đã từng kết luận: “Dù từ xưa đến nay,

các thể hệ nhà văn, nhà thơ đều có thể đồng thanh về giá trị văn nghệ của Truyện Kiều, thì mỗi một thời đại, mỗi một giai tầng xã hội đều đã nhận xét tác phẩm của Nguyễn Du theo một quan niệm riêng biệt” (Đặng Thai Mai: “Đặc sắc của văn học cổ điển Việt Nam qua nội dung Truyện Kiều”, Tập san Đại học sư phạm Hà Nội, số 3, tháng 8-9-10-1955, in lại trong Đặng Thai Mai: Trên đường nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm văn chương. Nxb. Giáo dục, H., 2002, tr.316).

Các cách đọc Truyện Kiều vô cùng phong phú đó vừa thể hiện được tính phổ quát của một tác phẩm nghệ thuật, vừa cho thấy được chiều sâu trong bút pháp nghệ thuật của Nguyễn Du, nhưng cũng đồng thời hé lộ không khí học thuật của các thời đại.

Gạt ra bên ngoài những lời bình phẩm Truyện Kiều từ góc độ luân lý, đạo đức theo góc nhìn của các nhà Nho xưa, khối lượng đồ sộ của các tên tuổi, các công trình nghiên cứu Truyện Kiều có thể quy lại được trong một số xu hướng chính như sau:

- (1) Nghiên cứu sự sáng tạo về nội dung và nghệ thuật của Truyện Kiều (trong đối sánh với tác phẩm Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân và trong đối sánh với các truyện Nôm đương thời);
- (2) Nghiên cứu ngôn ngữ Truyện Kiều;
- (3) Nghiên cứu tâm lý học sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Du.

Tiêu biểu cho xu hướng nghiên cứu thứ nhất và thứ hai, nhà nghiên cứu Đào Duy Anh trong cuốn Khảo luận về Truyện Thúy Kiều đã tìm hiểu từ tiểu sử Nguyễn Du, lai lịch Truyện Kiều rồi nhấn mạnh sự khác biệt của tác phẩm này với Kim Vân Kiều truyện từ nội dung đến hình thức nghệ thuật. Ông cho rằng “đại khái Nguyễn Du giữ đúng sự tích và tầng thứ của nguyên văn”, nhưng “Nguyễn Du đã hoán cốt đoạt thai Kim Vân Kiều truyện mà tạo thành một tác phẩm hoàn toàn mới. Nguyên văn thì tự thuật rất tỷ mỉ mà khô khan, chú ý đến những chi tiết không quan hệ và hay tả thực những cảnh tượng dễ động tai mắt người ta. Nguyễn Du thì tự sự rất văn vắt, gọn gàng, chỉ kể những việc quan trọng, mà vừa tự thuật vừa nghị luận, khiến văn có hứng thú luôn.”.

Bên cạnh việc chỉ ra giá trị nghệ thuật của văn chương Nguyễn Du trong bút pháp tả người, tả cảnh, tả tình, bút pháp tự sự trữ tình, cách dùng điển cố, thành ngữ, tục ngữ... của Nguyễn Du, nhà nghiên cứu Đào Duy Anh chứng minh tài năng của người sáng tạo: “Vô luận là tả người, tả cảnh, tả tình, Nguyễn Du khéo chọn những chữ có nhịp điệu thích đáng nhất, có thể gây trong tâm hồn

người đọc những rung động đặc biệt, khiến người đọc có thể thấy người, thấy cảnh, hay cảm động thiết tha như chính người trong cuộc vậy.”; “Nguyễn Du lại còn có cái tài biến hóa những chữ cũ rích thành mới mẻ tươi tắn. Nguyễn Du lại còn có tài biến hóa những chữ tầm thường và thô tục thành ra thú vị hay thanh tao nữa...” (Trích theo Trịnh Bá Đình (tuyển chọn và giới thiệu), Nguyễn Du, về tác gia và tác phẩm, NXB Giáo dục, 2008).

Cùng xu hướng nghiên cứu sáng tạo của Nguyễn Du trong đối sánh với thể loại truyện Nôm thịnh hành đương thời, Phan Ngọc đã ghi dấu điểm nhìn của mình ở công trình *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* (1985). Theo Phan Ngọc, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã không nối tiếp tư tưởng “tình” và “khổ” của Thanh Tâm Tài Nhân mà thay vào đó là triết lý “tài mệnh tương đố”. Ông cũng phân tích tính chất tự sự của *Truyện Kiều* thông qua bố cục đầy tính kịch, ngôn ngữ tác giả, ngôn ngữ nhân vật và phương pháp phân tích tâm lý tàn nhẫn để kết luận *Truyện Kiều* là một cuốn tiểu thuyết tâm lý.

Cũng nghiên cứu *Truyện Kiều* trong đối sánh với các tác phẩm khác thuộc thể loại truyện Nôm, nhà nghiên cứu Trần Đình Sử trong *Thi pháp Truyện Kiều* đã xác định *Truyện Kiều* là đỉnh cao của mạch văn tự tình (vừa có yếu tố tự sự, vừa có yếu tố trữ tình), là sản phẩm chín muồi về thể thơ lục bát, của tiếng Việt nghệ thuật.

Hai xu hướng nghiên cứu này cho đến nay vẫn còn đang được nối dài, và có thể nói, chưa có một tác phẩm văn học Việt Nam nào khiến người ta phải công phu so sánh với “nguyên tác” của nó đến thế, và đặc biệt, một trong những “định kiến” nghiên cứu tiên quyết là: *Truyện Kiều* là tác phẩm sáng tạo, độc lập, với nội dung và nghệ thuật vượt xa cái tiểu thuyết chương hồi tình cảm *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân.

Xu hướng nghiên cứu thứ ba, tuy đôi khi bị coi là “ngoại biên”, kết quả nghiên cứu thường bị coi là “ngoài văn chương”, nhưng sức hấp dẫn của nó hiện vẫn còn đang mở rộng. Tiên phong và hiện vẫn đang là nghiên cứu tiêu biểu của xu hướng này là công trình *Văn chương Truyện Kiều* của Nguyễn Bách Khoa (Trương Tửu). Trong cuốn sách này, Trương Tửu đã nghiên cứu những yếu tố huyết thống, quê hương, thời đại sống của Nguyễn Du để tìm hiểu những nền tảng đã tạo nên cá tính sáng tạo của Nguyễn Du, bởi “Cá tính đó mới là cái phần cốt lõi riêng của nhà văn đem dâng trong linh từ văn học”. Theo ông, Nguyễn Du là người mang tâm bệnh, một người đa sầu đa cảm: “Trong đời sống thì cá

tính ấy là một tính lãng mạn, trầm muộn, thích cô liêu, thềm an nhàn, mộng mị, ghét những hoàn cảnh mới lạ. Trong văn chương thì nó là sự rung động thành thực và mãnh liệt, sự tưởng tượng dồi dào, sự cảm xúc ủy mị và bi thương, sự cảm thông với đồng loại đau khổ và thần linh”, từ đó làm nên một Truyện Kiều phản chiếu được đầy đủ sự ốmers yếu của thời đại và tâm sự của con người Nguyễn Du trước thời đại ấy: “Toàn quyển truyện là một chuỗi dài những sự bị thua, không phải của một mình Thúy Kiều mà của tất cả các nhân vật.”, “Truyện Kiều quả đã chứa đựng một trời sâu thẳm và ai oán không bờ bến.”.

Tuy nhiên, vì Trương Tửu đi quá sâu vào nghiên cứu tâm thần, bệnh lý, xã hội học nên nhiều kết luận của ông mang tính cực đoan, máy móc, chưa kết nối được với quy luật sáng tạo nghệ thuật trong trường hợp Nguyễn Du, ví dụ như kết luận về giá trị Truyện Kiều sau đây của ông: “Truyện Kiều chỉ là một sản phẩm của quý tộc phong kiến đang tàn lụn. Giá trị của nó ở đương thời là một giá trị phản tiến hóa. Cái đẹp của nó là một cái đẹp nghịch với sức đi tới của xã hội đương thời. Mọi người trong xã hội mà ngâm nga nó cũng chẳng khác gì họ đã phải ca tụng luân lý của sĩ phiệt – của đẳng cấp thống trị.”; hay: “Truyện Kiều là một thứ văn chương đã ở một vị trí phản tiến hóa lúc đương thời của Nguyễn Du. Nó chứa chan một chất tàn héo, tiêu ma (chất thơ). Nó là kết tinh phẩm của một chặng đường suy đồi nhất trên tràng kỳ tiến hóa của cá tính Việt Nam. Cái đẹp của Truyện Kiều ngày nay chỉ những tâm hồn muốn thụt lùi mới có thể thưởng ngoạn được.”.

Tất cả những cách đọc Truyện Kiều, từ cách đọc bằng cảm xúc, bằng bình giá những nét hay nét đẹp rất truyền thống, rất chủ quan đến cách đọc bằng lý thuyết văn học, lý thuyết sáng tạo nghệ thuật, các phê bình từ nội dung phản ánh đến hình thức nghệ thuật, 3254 câu Kiều vẫn còn chờ đợi những cảm nhận mới, những cách tiếp cận mới của bạn đọc sau Nguyễn Du hai thế kỷ.

Nghiên cứu tiếng Việt độc đáo

Các nhà trí thức (các nhà nho) xưa đã có cách nghiên cứu tiếng Việt trong Truyện Kiều hết sức độc đáo. Các vị không giảng giải cái hay cái đẹp của tiếng Việt trong Truyện Kiều mà thể hiện cái đẹp của tiếng nói đó trong những cách cùng sáng tạo được đặt tên là tập Kiều, lấy Kiều và vịnh Kiều – trong đó hình thức vịnh Kiều còn bàn luận cả những khía cạnh tư tưởng, triết học ở Truyện Kiều.

1. Tập Kiều

Là chọn những câu Kiều khác nhau trong số 3.254 câu có thể nối vãn lại với nhau để tạo ra một bài thơ mới theo một chủ đề đã định.

Tập Kiều có nhiều cách khác nhau:

– Lấy nguyên câu sáu ở chỗ này ghép với câu tám ở chỗ khác có thể nối vãn được với nhau để làm thành một bài thơ mới.

Sau đây là bài thơ tập Kiều của Nguyễn Bính có nhan đề *Kính tặng Nguyễn Du và Truyện Kiều*:

*Cảo thơm lần giở trước đèn
Là nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa
Trăm năm trong cõi người ta
Một thiên tuyệt bút gọi là để sau
Khen tài nhả ngọc phun châu
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình
Mấy lời ký chú đình ninh
Rằng tài nên trọng mà tình nên thương
Khen rằng giá đáng Thịnh Đường
Thì treo giải nhất chi nhường cho ai
Ngẫu âu người ấy bấu này
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào
Nặng vì chút nghĩa xưa sau
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay
Thương vui bởi tại lòng này
Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời
Lòng thơ lai láng bồi hồi
Tuởng người nên lại thấy người về đây.*

Bài tập Kiều này Nguyễn Bính viết cho số báo Tết năm Bính Ngọ 1966 cách đây vừa đúng 50 năm. Hôm duyệt bài, Ban biên tập khen là bài thơ hay, nhưng có người nhận xét là những câu cuối của bài thơ sao nghe sái quá, và thật bất ngờ đúng ngày 30 Tết năm đó, Nguyễn Bính bị cảm và mất đột ngột tại nhà người bạn.

– Sử dụng câu chữ của *Truyện Kiều*, nhưng có sự đảo lộn, thêm bớt hoặc thay thế:

*Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là **khác nhau***

Trải qua một cuộc **Á, Âu**
Những điều trông thấy mà đau đớn **đường**
Lạ gì **công tử công nương**
Ngày xanh quen thói **ra đường** đánh ghen.

– Sử dụng câu chữ, ý tứ trong *Truyện Kiều* kết hợp với câu chữ của tác giả để sáng tác một chủ đề mới:

Rõ nền phú quý bậc tài danh
Lần bước hài văn bước dặm xanh
Trên gác Quan Âm mây phủ tán
Trước lầu Ngưng Bích gió lay màn
Khen tài nhả ngọc thơ lưng túi
Sánh giọng quỳnh tương rượu một bình
Gặp hội trường văn xuân bảng chiếm
Làm cho đổ quán lại xiêu đình
(Tập Kiều theo thể thất ngôn – Khuyết danh)

2. Lấy Kiều

Đọc mãi, ngâm nga mãi *Truyện Kiều*, người ta dần dần thuộc Kiều và khi hứng người ta thường chọn những câu mình thích rồi ngâm nga lên cho khuây khỏa nỗi lòng. *Lấy* tức là *chọn* ra, *lấy* ra những câu hợp với tâm trạng, với hoàn cảnh của mình. Ví dụ trong một bữa liên hoan tiễn bạn đi công tác xa, một bạn đồng nghiệp nâng cốc và đọc câu Kiều:

Chén đưa nhớ buổi hôm nay
Chén mừng xin đợi ngày này năm sau

Cuộc gặp gỡ thật vui vẻ, ấm cúng.

Lấy Kiều rất đa dạng, có khi dùng nguyên cả cặp lục bát (6/8) như trường hợp trên đây, nhưng cũng có khi chỉ dùng một câu sáu như:

- Mừng thăm cờ đã đến tay
- Mập mờ đánh lận con đen
- Ra tuồng mèo mả gà đồng...

hoặc một câu tám:

- Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao
- Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa
- Chữ tài liền với chữ tai một vần...

hoặc lấy một câu lục ghép với một câu bát cùng vần nhưng ở một chỗ khác trong *Truyện Kiều*. Cũng có khi người ta chắp một cụm từ của câu này với một cụm từ của câu khác, hoặc thay một cụm từ của câu Kiều bằng một cụm từ khác không có trong *Truyện Kiều*.

Trong thời thiếu hàng hóa (vẫn gọi là thời bao cấp) cách đây chưa xa, hàng hóa phải chia nhau mua, hoặc mua theo phiếu, chia nhau từ cái áo lót (áo may ô) ta cũng bắt gặp những câu lấy Kiều vừa vui, vừa mang tính chất phê phán:

Bắt phanh trần, phải phanh trần

Cho may ô, mới được phần may ô

đó là “lấy ra” từ câu Kiều 3.243–3.244:

Bắt phong trần phải phong trần

Cho thanh cao mới được phần thanh cao

Để phê phán việc tách, nhập một cách khá tùy tiện của các địa phương và cơ quan trước đây, trong nhân dân đã xuất hiện câu lấy Kiều:

Tách ra rồi lại nhập vào như chơi

Nguyên văn câu Kiều được “lấy ra” là:

Chém cha cái số hoa đào

Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi

(câu 2151–2152)

Lấy Kiều không những được phổ biến ở Việt Nam mà còn lan rộng và tỏa rộng ra trong lĩnh vực ngoại giao hiện đại. Vào năm 2000, Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton trong đáp từ Chủ tịch nước ta tại Hà Nội đã lấy hai câu Kiều rất hợp tình hợp cảnh: “Nhân dân Hoa Kỳ vui mừng đã đến lúc chúng ta có thể trở thành đối tác, như trong *Truyện Kiều* đã nói:

Sen tàn cúc lại nở hoa

Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân

Nay những ký ức băng giá về quá khứ đã bắt đầu tan. Những phác thảo của một tương lai ấm áp chung đã bắt đầu hình thành. Cùng nhau chúng ta hãy tận hưởng mùa xuân ấm áp này.” (Các báo ra ngày 18/11/2000).

3. Vịnh Kiều

Vịnh Kiều là một thú vui của các độc giả có học thời xưa. Có thể coi như đó là bài nói hoặc viết ghi cảm tưởng của người đọc muốn chia sẻ với đông đảo bạn đọc khác.

Mời các bạn nghiên cứu mẫu:

1. Bài vịnh Kiều của nhà thơ Nguyễn Khuyến.
2. Vài bài ngẫu hứng với Kiều của nhà thơ Chu Mạnh Trinh.
3. Một bài văn xuôi có giá trị như vịnh Kiều (vịnh Kiều thường là thơ hoặc phú hoặc hát nói).

Vịnh Kiều

Kiều nhi giấc mộng, bật như cười
Tỉnh dậy: xuân xanh quá nửa rồi!
Số kiếp bởi đâu mà lận đận?
Sắc tài cho lắm cũng lồi thoi.
Cành hoa vườn Thúy duyên còn bén,
Giọt nước sông Tiền nợ chưa xuôi.
Không trách chàng Kim đeo đẳng mãi,
Khăng khăng vớt lấy một phần đuôi.
(Nguyễn Khuyến)

Kiều chơi Tết thanh minh

Mùa xuân ai khéo vẽ nên tranh,
Nô nức đua nhau hội đạp thanh.
Phận bạc ngậm ngùi người chín tuổi,
Duyên nay dun dủi khách ba sinh.
Dây hoa nép mặt gương lồng bóng,
Ngàn liễu rung cương sóng gợn tình.
Man mác vì đâu thêm ngán nỗi!
Đường về chiêng đã gác chênh chênh.
(Chu Mạnh Trinh)

Hội ngộ vườn thúy

Hết nghĩ gần thôi lại nghĩ xa,
Hiu hiu án sách ngọn đèn tà.
Gương loan phảng phất hồn cung quế,
Giấc bướm mơ màng khách trưởng xa.
Mười vạn sầu tuôn đôi giọt nước,
Trăm năm duyên bén một cành thoa.

Mái tây bỏ lúc chờ trăng đứng,
Rày đã vườn xuân tỏ mặt hoa.
(Chu Mạnh Trinh)

Kiều thể nguyên với Kim Trọng

Dan díu vì ai luống ngẩn ngơ,
Để ai gió đón lại trăng chờ.
Đào tơ đã ngỏ đường ong bướm,
Liều yếu còn e trận gió mưa.
Lựa mối tơ tình năm ngón dạo,
Lập lò lửa đục một lời thưa.
Giá trong muốn vẹn niềm băng tuyết,
Nào phải trăng hoa khéo ốm ờ.
(Chu Mạnh Trinh)

Kiều cậy em thay lời

Sự đâu sóng gió nổi cơn đen,
Chín chữ cù lao phải báo đền.
Ân nặng quản chi liều phận thiếp,
Tình thân âu sẽ chấp duyên em.
Nước non nghìn dặm đôi hàng lệ,
Tâm sự năm canh một bóng đèn.
Uớm hỏi Liêu Dương người có biết?
Này là trâm quạt của làm tin.
(Chu Mạnh Trinh)

Kiều bán mình chuộc cha

Thử đem tình hiếu bắc đồng cân,
Trăm thảm nghìn sầu góp một thân.
Bèo dạt mây trôi đành với phận,
Đào tơ liễu yếu ngán cho xuân.
Giọt sương trĩu nặng hoa lìa gốc,
Vạ gió gây nên nước đến chân.
Nông nổi hợp tan lời gấn bó,

Trời già âu cũng mở đường nhân.

(Chu Mạnh Trinh)

(Nguồn: *Truyện Kiều và các nhà nho thế kỷ 19*, Phạm Đan Quế, NXB Thanh Niên, in lần thứ ba, 2003)

Luyện tập

1. Thảo luận: Cách thưởng thức *Truyện Kiều* của các nhà trí thức có chỗ nào giống và chỗ nào khác với cách thưởng thức *Truyện Kiều* của người dân bình thường?
2. Thảo luận: Các nhà trí thức nghiên cứu *Truyện Kiều* đi vào những khía cạnh gì và nhằm mục đích gì?
 - a. Nghiên cứu nguồn gốc *Truyện Kiều* nhằm mục đích gì? Có những tác phẩm nào đi vào đề tài này?
 - b. Nghiên cứu ngôn ngữ *Truyện Kiều* nhằm mục đích gì? Có những tác phẩm nào đi vào đề tài này?
 - c. Thi nhau nhớ được những tên các nhà nghiên cứu *Truyện Kiều* đã giới thiệu trong bài học.
3. Thảo luận: Cùng giảng nghĩa hình thức *tập Kiều* là gì? Muốn viết được một bài *tập Kiều* ngắn cần có những điều kiện gì? Các bạn có ý định thử làm *tập Kiều* không? Bạn nào thích, hãy làm *tập Kiều* và chia sẻ với nhau rồi đóng thành *tập tư liệu tập Kiều* của lớp mình.
4. Thảo luận: Cùng giảng nghĩa hình thức *lấy Kiều* là gì? Muốn bật ra một hoặc vài câu *lấy Kiều* đúng lúc, đúng chỗ, đúng người, đúng hoàn cảnh, cần có những điều kiện gì? Hãy lấy một câu *lấy Kiều* đã có trong sách để chứng minh ý kiến của bạn.
5. Trò chơi: Cho một đề tài, thi xem bạn nào làm được câu *lấy Kiều* nhanh nhất? Câu nào hay hơn cả? Chú ý ghi điểm đầy đủ để khen thưởng). Đề tài:
 - a. Hẹn bạn nhưng bạn không đến, hoặc đến trễ giờ;
 - b. Đang vào mạng thì mất điện đột ngột;
 - c. Trời nắng to mà vỡ ống nước, mất nước, không có nước tắm;

- d. Giữa đường, gặp một em bé ngã; một em bé nghèo; một cụ già lang thang; một bà bán hàng khó tính lại bán đắt.. (các bạn nghĩ thêm đề tài cùng loại này);

Nghe tin lũ lụt;

Nghe tin chiến tranh nhiều người chết;

Các bạn nghĩ thêm đề tài để cùng chơi lấy Kiều tiếp.

6. Thảo luận: Cùng giảng nghĩa hình thức *vịnh Kiều* là gì? *Vịnh Kiều* có giống với hình thức nghiên cứu phê bình *Truyện Kiều* thời nay không? Giống và không giống ở chỗ nào? Cho ví dụ.
7. Thảo luận rồi viết tiểu luận: Muốn viết được một bài *vịnh Kiều* ngắn hoặc bài nghiên cứu phê bình *Truyện Kiều* cần có những điều kiện gì? Các bạn có ý định thử làm *vịnh Kiều* không? Bạn nào thích, hãy làm *vịnh Kiều* và chia sẻ với nhau rồi đóng thành tập tư liệu *vịnh Kiều* của lớp mình.
8. Viết tiểu luận. Gợi ý đề tài:
- a. Giới thiệu chung giá trị *Truyện Kiều*;
 - b. Giới thiệu một nhân vật trong *Truyện Kiều*;
 - c. Giới thiệu một cảnh đẹp được mô tả bằng tiếng Việt trong *Truyện Kiều*;
 - d. Giới thiệu một cảnh đời vui buồn được mô tả bằng tiếng Việt trong *Truyện Kiều*;
 - e. Cho ý kiến của bạn vì sao người dân thường Việt Nam tuy không đọc được chữ Nôm và *Truyện Kiều* nhưng vẫn yêu *Truyện Kiều*;
9. Viết một bài theo tưởng tượng của bạn mô tả y như thật một trong những cảnh này:
- a. Hai nhà nho đến thăm nhau tặng nhau bản in mới của *Truyện Kiều*;
 - b. Một nhà nho đến với người dân xóm mình và đọc *Truyện Kiều* cho bà con nghe;
 - c. Chính bạn gặp một người bạn nước ngoài và trả lời người đó về *Truyện Kiều* theo cảm nhận của bạn.

BÀI 4

TRUYỆN KIỀU

MỘT GIÁ TRỊ VĂN HÓA VIỆT NAM ĐẶC SẮC

(Trích diễn văn của Phạm Quỳnh)

Lời dẫn

Trong những năm từ 1932 đến 1942, học giả Phạm Quỳnh (1892–1945) viết một loạt nhiều tiểu luận bằng tiếng Pháp với dụng ý rõ rệt là để người Pháp đọc, qua đó mà “mở mắt” cho các quan cai trị thực dân Pháp (cả ở bên chính quốc cũng như ở “xứ bảo hộ” bên nước Nam) thấy người Việt Nam không hề là một dân tộc hèn kém, chưa phát triển (Nhà xuất bản Tri thức năm 2007 đã dịch và in những tiểu luận này thành sách mang tựa đề *Tiểu luận viết bằng tiếng Pháp*).

Ngay từ phần mở đầu, Phạm Quỳnh đã viết về dòng văn chương dân gian Việt Nam với những hình thức ngôn ngữ đẹp, mặc dù được tác giả dịch sang tiếng Pháp, nhưng chỉ để thấy là tiếng Việt rất khó dịch sang tiếng nước khác mà vẫn giữ được vẻ đẹp của thứ ngôn ngữ du dương và đầy hình ảnh đó.

Tiếp theo, Phạm Quỳnh đã chọn kiệt tác *Truyện Kiều* của Nguyễn Du để giới thiệu với công chúng Pháp. Văn phong giản dị nhưng lôi cuốn người nghe người đọc, đủ thuyết phục đông đảo công chúng Pháp, cả những người trí thức cũng như giới bình dân, có cảm tình với văn hóa Việt Nam.

Xin mời các bạn đọc và học đoạn văn này như một minh họa cho cách thưởng thức *Truyện Kiều* của giới trí thức Việt Nam.

Các bạn nên nhớ học giả Phạm Quỳnh chính là người từng nói để nhắc nhở mọi người Việt chúng ta: “*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn.*”.

[...]

Tôi sẽ giới thiệu với các bạn một vài bông hoa khác, nhưng bông hoa này là loại được trồng trọt chăm sóc, và hầu như còn được chăm sóc trong những nhà kính, do những bàn tay thiện nghệ.

Như ở trên tôi đã nói, những nhà nho của chúng tôi suốt đời chỉ bình luận những bản cổ văn Trung Hoa, họ rất ít trau dồi tiếng mẹ đẻ. Nhưng thỉnh thoảng cũng có vài người, và coi như để giải lao sau những nghiên cứu nghiêm túc hơn, đã bằng lòng sáng tác vài khúc hát nhỏ, hoặc làm vài bài thơ nhỏ bằng thứ ngôn ngữ bình dân, những tác phẩm ít nhiều hoàn chỉnh. Nhưng phải đến đầu thế kỷ 19, mới thấy nổi lên một thi sĩ thực sự vĩ đại viết bằng tiếng mẹ đẻ.

Tên nhà thơ này là Nguyễn Du. Quê gốc ông ở tỉnh Hà Tĩnh. Ở triều đình, ông làm quan ở bộ Lễ. Ông nổi tiếng có kiến thức rộng về văn hóa Trung Hoa, và có tài năng văn học lớn. Ông được vua Gia Long cử đi sứ sang triều đình Bắc Kinh. Chính trong cuộc du hành sang Tàu, ông đã biết câu chuyện đau khổ của một nàng kỹ nữ xinh đẹp tên là Thúy Kiều. Sau một cuộc đời tình ái và trải qua nhiều phiêu lạc đủ loại, Kiều đã trầm mình xuống sông Tiền Đường. Câu chuyện này làm ông xúc động vô cùng, đến nỗi khi về nước, Nguyễn Du đã sáng tác bằng tiếng nước Nam một bài thơ dài hơn 3.000 câu thơ về cuộc đời và những khổ đau của nàng Thúy Kiều xinh đẹp.

Người ta bảo rằng câu chuyện này, đối với ông, chỉ là cái cớ để ông tự mô tả chính bản thân mình thông qua nhân vật; bởi vì, cũng như mọi thi sĩ, Nguyễn Du đã đau đớn nhiều trong cuộc đời, và cũng như mọi con người thiên tài, ông ít được người cùng thời biết tới, người này ghen ghét với ông, người khác còn tìm cách làm hại ông. Ông mang cá tính rất độc lập, là kẻ thù của những kẻ sùng thần và những kẻ nịnh bợ. Ông không được cảm tình từ những đồng sự và cấp trên, bản thân Hoàng đế đối với ông cũng vậy. Nên một thời gian sau chuyến đi sứ sang Tàu, ông xin từ quan về ở ẩn tại quê nội để toàn tâm vui với thiên nhiên và chữ nghĩa.

Chính tại nơi hưu trí, Nguyễn Du đã sáng tác cuốn truyện thơ dài này. Không hề nói quá, *Truyện Kiều* đã được những người có học trong nước cũng như những người nước ngoài thông hiểu ngôn ngữ và văn chương nước chúng tôi đồng thanh công nhận đó đích thực là một kiệt tác.

Tất cả những nhà phê bình đều đồng ý và công nhận nó là một tác phẩm hoàn hảo ở cả hai mặt: nội dung và hình thức. Và ai ai cũng cho rằng những câu thơ trong đó hoàn hảo đến mức ta không thể di chuyển đổi chỗ dù một chữ, cũng không thể thay đổi dù một âm tiết.

Truyền thuyết dân gian thậm chí đã lý tưởng hóa ngay cả sự thai nghén tác phẩm này: theo dân gian, Nguyễn Du bằng một thi hứng thiên tài, đã sáng

tác nó chỉ trong một đêm; nhưng sự cố gắng tinh thần mà Nguyễn Du bỏ ra đã lớn đến nỗi hôm sau tóc ông hoàn toàn bạc trắng.

Cái gì đã làm nên sự độc đáo vô cùng của quyển Kiều; điều đó chính là cuốn sách đã được viết bằng một thứ ngôn ngữ vô cùng bác học và văn chương; cuốn sách đồng thời được cả tầng lớp tinh hoa có học và cả bình dân tán thưởng.

Ta có thể nói rằng tất cả người nước Nam, từ người kéo xe tay cho đến những vị quan cao, từ người bán hàng rong đến người đàn bà cao sang, đều thuộc lòng những câu thơ trong *Truyện Kiều*.

Có lẽ, trong văn chương, không có một ví dụ nào về một tác phẩm đã trở thành một đối tượng được khâm phục đến mức ấy, thậm chí tôi có thể nói nó được cả một dân tộc hâm mộ.

Sự hâm mộ ấy đôi khi đi tới chỗ sùng bái, bởi vì đối với đa số người dân nước tôi, quyển Kiều là một thứ sách bói toán; người ta dùng nó để bói trong mọi trường hợp của cuộc đời.

Và có điều kỳ lạ, là hiếm khi ta hú họa mở cuốn Kiều ra mà lại không bắt gặp một vài câu thơ có thể nói là ứng một cách chính xác với trạng thái tâm hồn của ta khi ấy, và những câu thơ này lại gần cái đẹp về hình thức với cái giọng điệu của sự chân thành rất người; đó là đặc điểm của thi ca đích thực.

Khi vào cái đêm trước ngày chồng mình lên đường đi xa, một người đàn bà trẻ đã bói Kiều, và ví dụ chị ta được bốn câu thơ:

Người về chiếc bóng năm canh.

Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.

Vầng trăng ai xẻ làm đôi?

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Vào cái đêm sắp phải ly biệt một thời gian dài, khi người vợ trẻ bắt gặp những câu thơ này, những câu thơ da diết do cái giọng điệu sầu thương vô hạn toát ra, và những câu thơ thật đẹp, hấp dẫn và duyên dáng; làm sao người vợ trẻ ấy có thể cầm được nước mắt?

Hơn nữa, đoạn dịch sang tiếng Pháp này không hoàn hảo, nó không thể lột tả hết những điều trong những câu thơ không sao bắt chước được này, những điều dịu dàng và hài hòa cộng thêm vào cái duyên dáng u buồn của những câu thơ. Tôi xin thử đọc chúng lên bằng ngôn ngữ nước tôi; đối với những người biết thưởng thức âm nhạc, chắc chắn sẽ bị ấn tượng bởi nhạc điệu êm tai của những từ ngữ:

[Je rentre seule dans notre chambre, seule avec mon ombre
pour y passer les cinq veilles de la nuit;
Et vous, vous allez par la vaste terre,
dans des régions lointaines, seul, vous aussi.
Qui s’amuse ainsi à couper le disque de la lune?
Une moitié se pose sur ma couche solitaire
et l’autre moitié éclaire la longue route que vous suivez!]

Trong một bài nói chuyện ở Trường Thuộc địa, tôi đã nói về vị trí của *Truyện Kiều* trong lịch sử ngôn ngữ và văn học ở đất nước tôi. Tôi đã đem cuốn sách này so sánh trên phương diện phục hưng ngôn ngữ và lịch sử văn học với cuốn *Mireille* của Mistral và tôi không tin rằng tôi đã nói quá lời. Cũng giống như nhà thơ lớn xứ Provence đã làm được cho “ngôn ngữ phương Nam”¹, nhà thơ Nguyễn Du của chúng tôi đã làm được cái điều như thể là phục hồi lại ngôn ngữ nước Nam, và đã nâng nó lên địa vị một ngôn ngữ văn học đích thực. Khi sáng tác ra một kiệt tác, ông đã chứng tỏ ngôn ngữ dân tộc chúng tôi có khả năng thế nào, khi nó được một nhà văn có tài vun trồng.

Nhưng tôi nhận thấy rằng tôi đã nói với các bạn về *Truyện Kiều* cứ như thể các bạn đã biết rõ quyền thơ của dân tộc tôi. Tôi thật có lỗi và xin được thứ lỗi. Bởi vì không thật sự là lỗi của chúng tôi, nếu từ năm mươi năm rồi nước Pháp đã cai trị chúng tôi, năm mươi năm rồi đã có những người Pháp nghiên cứu ngôn ngữ của chúng tôi, mà kiệt tác của văn học thi ca của chúng tôi vẫn chưa được biết đến ở nước Pháp. Thật không thể tin nổi, tuy nhiên điều ấy là có thật: cứ trong một trăm công chức và vị thực dân sống ở nước chúng tôi, thì chỉ có chưa tới mười người nói được gần thạo tiếng nước tôi, là những người vẫn được

1 Ngôn ngữ phương Nam nói ở đây là *langue d’oc* hoặc tiếng địa phương vùng Provence quê hương của nhà thơ Frédéric Mistral. *Mireille* là truyện về Mireille, con gái một chủ nông trại giàu có vùng Crau, và Vincent, một anh trai nghèo làm nghề đan lát, hai anh chị yêu nhau say đắm nhưng không thể lấy được nhau. Tiền bạc cùng những chàng trai giàu sang ngấp nghé Mireille và luật lệ xã hội chia cách hai anh chị. Tuyệt vọng vì cha nàng cũng từ chối cho nàng lấy Vincent, nàng bỏ trốn ra mỏ các thánh để cầu nguyện. Nàng cầu nguyện mãi cho tới khi bị cảm nắng và chết, mặt vẫn còn nhìn đắm đắm ra biển, bỏ lại Vincent trong tuyệt vọng. Chúng tôi tóm tắt sơ qua câu chuyện để bạn đọc thấy ở đây khi đem so sánh *Truyện Kiều* với *Mireille*, hình như Phạm Quỳnh có hơi mắc bệnh nể nang! (BT).

gọi là *Annamitisant* (đã “thành người nước Nam”) rồi đấy. Và trong mười người “Nam hóa” đó, có lẽ không có lấy một người từng đọc *Truyện Kiều*, hoặc đã từng tìm đọc quyển sách đó để hiểu nó.

Sự không tò mò nói chung đối với những sáng tạo tinh thần bản xứ thật sự là cái gì đó không thể tưởng tượng nổi. Có thể, đó là sự thờ ơ; có thể, đó là sự khinh thường. Dù sao chẳng nữa, đã từ năm mươi năm, hầu như chỉ có độc nhất một người Âu châu đã nghiên cứu hơi sâu về *Kiều*. Đó là Abel des Michels, cựu giáo sư Trường Sinh ngữ Đông phương. Ông đã cho ta bản dịch sang tiếng Pháp đầu tiên của quyển *Kiều*. Bản dịch này còn được xuất bản trong một sưu tập đặc biệt, song song với văn bản tiếng Nam, thành hai tập dày với đầy những bình luận và ghi chú, và mặc dù có thứ công cụ bác học này, hai tập sách này vẫn có không ít những sai lầm trong lý giải và vô khối chỗ phản nghĩa; nên cuốn sách này rất ít được phổ biến và chỉ có một vài chuyên gia hiếm hoi biết đến thôi¹.

Tôi xin các vị thứ lỗi cho sự lan man cần thiết này để cho công luận chính quốc được biết về những vấn đề hơi đặc biệt này; chúng không có tầm quan trọng về mặt chính trị, tôi xin quay trở lại với cuốn thơ của chúng tôi.

Đề tài là một đề tài chung cho mọi thi sĩ lớn: thiên tài và số phận; thiên tài đấu tranh với số phận và thông thường bị thua số phận; con người thiên tài, vĩ nhân hay người đàn bà đẹp (*tài-sắc*) bị buộc phải gánh chịu mọi nỗi đau khổ mà những con người bình thường không phải gánh chịu, hay là như thi sĩ của chúng tôi đã nói: “tạo hóa ghen với những thiên tài và những người đẹp”, bởi lẽ những người đàn bà thực sự đẹp, đều gắn kết cái đẹp tinh thần vào cái đẹp vật thể, gắn cái thiên tư về tấm lòng và về tinh thần với cái duyên dáng của cơ thể, họ cũng là những thiên tài; nghĩa là những con người đặc biệt mà tạo hóa đã sáng tạo ra, và tạo hóa hình như hối tiếc vì sự sáng tạo ấy, nên thông thường con tạo đã ghen tức.

Vậy nên *Truyện Kiều* đã mở đầu bằng những câu thơ như sau:

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*

1 Từ hồi đó, ông Crayssac (*Mặt Giăng*) đã dịch *Kiều* sang thơ tiếng Pháp. Cuốn sách in ở nhà xuất bản Lê Văn Tân. Trên tổng thể, bản dịch tốt, và cho ta một ý tưởng chính xác về *Truyện Kiều* (Chú thích của Phạm Quỳnh – BT).

Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng
Lạ gì bỉ sắc tư phong
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.
 [De tout temps, dans le monde des hommes,
 Le génie et la destinée sont toujours en lutte;
 Et dans le court espace d'une vie,
 Tout ce qui s'offre à notre vue est sujet de souffrances.
 La nature qui favorise les uns et défavorise les autres,
 A la fâcheuse habitude d'être jalouse des belles femmes].

Kể từ những nhà bi kịch Hi Lạp cho đến những nhà lãng mạn hiện đại, những Vigny và Musset, chủ đề muôn thuở này về thiên tài phải chịu cảnh là nạn nhân của cuộc sống và của số phận đã luôn luôn cảm dỗ các thi sĩ. Nhưng trong khi những nhà thơ Tây phương xử lý chủ đề này theo phương thức trữ tình và huyền bí, thì nhà thơ nước Nam xử lý nó làm thành một thứ chủ đề quán xuyến về cuộc đời một người đàn bà đau khổ vì chính cái sắc đẹp của mình, vì chính sự cao đẹp tinh thần của mình và vì cái tình cảm về bốn phận của mình. Nguyễn Du đã sáng tác cả một cuốn tiểu thuyết dựa trên cái mô-típ chính yếu này, cuốn tiểu thuyết vô cùng bi thiết, trong đó một người con gái được trời ban cho tất cả những vẻ duyên về tinh thần và cơ thể, một bản chất ưu tú, đã bị đặt trước tình yêu và đạo hiếu, cô đã chọn lựa một cách có ý thức con đường mà đối với cô là khắc nghiệt nhất; cô đã tự bán mình để cứu cha mình; và từ ngày hôm đó cô lăn trôi từ nỗi khốn cùng này sang nỗi khốn cùng khác, đến tận chốn bùn lầy ti tiện nhất, nhưng cũng giống như đóa hoa sen, chính trong chốn ti tiện ấy, cô vẫn luôn luôn giữ được thứ hương thơm trong trắng của sự cao đẹp nguyên sơ.

Trong cuốn truyện thơ này, có những hoàn cảnh bi thiết sâu xa và những câu thơ tuyệt đẹp. Tôi tiếc là không thể đọc chúng lên hết cho các bạn. Tôi chỉ muốn nói với các bạn, kiệt tác này ngoài giá trị văn học cao, cũng còn mang một đạo lý sâu sắc; từ hơn một thế kỷ, nó đã làm công việc như giáo dục tình cảm và chất thơ cho nhiều thế hệ phụ nữ và con gái trẻ ở đất nước tôi.

Trước khi kết thúc, tôi muốn rút ra một kết luận về cuộc dạo chơi nhanh đi qua nền thi ca nước Nam.

Theo một ý kiến, buồn thay nó lại khá phổ biến, thì tiếng nước Nam chỉ là một thổ ngữ, và nó bị đòi hỏi phải dần dần biến đi để nhường chỗ cho tiếng Pháp, ngôn ngữ này sẽ là ngôn ngữ chính thống của đất nước, cũng như tiếng Hán ngày xưa. Nhiều người tốt đã tiếp tục nghĩ rằng vào cái ngày mọi trẻ nhỏ nước Nam đều nói tiếng Pháp, thì đất nước chúng tôi cũng tiến một bước dài trên con đường tiến bộ.

Chúng tôi cho rằng ý kiến này, dù có cao thượng đến đâu thì cũng vẫn là ý kiến sai lầm, xét về mặt nào thì cũng thấy ý kiến này thật đơn giản chủ nghĩa và nó đã không đếm xỉa đến thực tiễn.

Một ngôn ngữ được ít nhất mười lăm triệu người nói, trong nhiều thế kỷ nó đã kháng cự thắng lợi với sự chi phối của Trung Hoa mặc dù nó đã vay mượn nhiều chữ Hán, dĩ nhiên thôi vì nó cũng phái sinh một phần từ chữ Hán, cũng như tiếng Pháp phái sinh từ tiếng Latin, nhưng ngôn ngữ ấy đã bảo tồn được cá tính riêng của mình, dù rằng nó không sản sinh ra được một nền văn chương phong phú, bởi vì những phần tử tinh hoa của dân tộc đã thiếu vun trồng chăm sóc nó và đã quá gắn bó với nền cổ học Trung Hoa, tuy nhiên, như tôi đã cố gắng chỉ ra với các bạn, ngôn ngữ ấy vẫn có tính độc đáo, có sự duyên dáng, có nét đẹp của nó; thưa các bạn, ngôn ngữ đó không phải một thổ ngữ không hình không dạng. Nó xứng đáng được sống. Nó xứng đáng có một vị trí to lớn hơn, vị trí phải trở về với nó trong nền giáo dục mà ta trao cho nhân dân đã nói thứ ngôn ngữ ấy, một nền giáo dục cho đến lúc này vẫn còn hơi quá coi thường cái ngôn ngữ ấy.

Nếu một dân tộc sống bằng ngôn ngữ của mình thì chúng tôi quyết sống, tức là quyết bảo vệ sự vẹn toàn, quyết làm giàu thêm trong chừng mực có thể cái ngôn ngữ dân tộc của chúng tôi.

Hẳn nhiên, giới tinh hoa nước Nam sẽ không phật lòng khi thấy việc giáo dục tiếng Pháp càng ngày càng được phổ quát; trái lại thì đúng hơn. Tất cả những ai trong chúng tôi đã làm việc để làm tái sinh ngôn ngữ và văn chương của nước mình đều là những người nhiệt tình thán phục ngôn ngữ văn học Pháp, rất nhiều người đã uống ngon lành cái nguồn nước tươi mát và sáng sủa ấy, và mãi mãi còn lưu giữ cái vị tuyệt vời của nó.

Điều mà chúng tôi muốn, đó là sự phổ biến ngôn ngữ Pháp không nên tiến hành mà lại gây thiệt hại cho ngôn ngữ dân tộc chúng tôi.

Sẽ có lợi gì cho chúng tôi, nếu như mọi trẻ nhỏ nước Nam biết nói lúng búng gần đúng ngữ pháp dăm bảy từ tiếng Pháp, – bởi lẽ, ngay những người tốt

bụng mà tôi nói ở trên cũng hiểu rõ rằng muốn nắm chắc một ngoại ngữ khác biệt nhiều với tiếng nước ta như tiếng Pháp, thì cần phải có nhiều cố gắng, ý chí, lao động và năng lượng, là những điều không trong tầm tay của mọi năng lực trí tuệ, mà chỉ là đặc quyền của một số nhỏ những người tinh hoa, – vậy nếu mọi trẻ nhỏ nước Nam chỉ hơi biết nói lúng búng tiếng Pháp, và nếu đồng thời chúng lại quên mất tiếng mẹ đẻ của mình, bởi vì thời gian mà chúng dành để nắm được những khái niệm không đầy đủ của một ngoại ngữ sẽ là thời gian mất mát đối với việc học tập ngôn ngữ của chính bản thân chúng, thì sẽ có lợi gì cho chúng tôi?

Nếu mục đích cao cả của mọi nền giáo dục là để đóng góp vào sự phát triển đầy đủ nhân cách con người, và nếu như nhân cách con người trước tiên bao giờ cũng phụ thuộc tùy theo chủng tộc và môi trường, rồi sau mới phụ thuộc vào cái nền tảng nhân loại và phổ quát, là điều ở mọi thời đại và trong mọi đất nước đã cấu thành nên con người cụ thể, chính là cái đã tạo nên cơ sở của nền văn hóa Pháp, thì chúng tôi yêu cầu nền giáo dục Pháp hãy đào tạo nên những người nước Nam đích thực, những người nước Nam đầy đủ, và không phải là những một nửa hay những một phần tư người nước Nam.

Không phải là những dạng người nước Nam què quặt ấy, những người chỉ có một cơ sở văn hóa phiến diện, sẽ phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp của nền văn minh Pháp trong đất nước chúng tôi như người ta thường vẫn nghĩ, vì rằng chừng nào mà họ không nói được ngôn ngữ của đồng bào họ, thì làm cách gì mà họ gây được chút ảnh hưởng nào đó với đồng bào mình kia chứ?

Chỉ có những người nước Nam hoàn chỉnh, nếu tôi có thể nói như vậy, bắt đầu nghiên cứu khoa học và bắt đầu nghiên cứu văn minh hiện đại, luôn luôn gắn bó với ngôn ngữ và truyền thống của đất nước họ, thì mới có thể phục vụ đắc lực nhất Tổ quốc mình và nước Pháp.

Cần phải làm gì để đào tạo những con người như vậy?

Cần phải có một nền giáo dục tiểu học tốt, dạy bằng tiếng nước Nam, xin mở ngoặc, tiếng nước Nam hoàn toàn có khả năng cung cấp một nền giáo dục như vậy. Nền giáo dục này sẽ là cơ sở cho mọi công cuộc giáo dục khác. Chỉ khi học xong tiểu học người ta mới sẽ tiến hành việc chọn lựa nghiêm túc; đối với những chủ thể tinh hoa có khả năng đẩy xa hơn việc học tập, ta sẽ dạy tiếng Pháp như ngoại ngữ thứ nhất để chuẩn bị cho họ theo học những trường trung học, kỹ thuật hay cao đẳng ở Đông Dương và ở Pháp. Những người này, khi học

xong, sẽ là những người có năng lực tốt nhất, thông qua cơ sở giáo dục tiểu học và quốc gia mà họ đã thu nhận được, nó làm họ gắn gũi với đồng bào của họ, để rồi sẽ dẫn dắt những người này tới nền văn hóa mới.

Bởi lẽ, và đó cũng hãy còn là điều lẩn lộn và một nhầm lẫn cần xóa bỏ, ngôn ngữ là một chuyện và văn hóa lại là một chuyện khác; không nhất thiết cần phải biết tiếng Pháp để có được văn hóa Pháp; văn hóa này có thể được chuyển nhanh chóng hơn và cũng hiệu quả hơn bằng phương tiện truyền bá nhờ ngôn ngữ dân tộc.

Bằng hệ thống giáo dục đã được khuyến nghị như trên, mọi người nước Nam học xong những trường Pháp sẽ đủ khả năng phổ cập hoá rồi phổ biến rộng rãi bằng phương tiện ngôn ngữ dân tộc những tri thức mà anh ta có được bằng tiếng Pháp, thay cho cách làm vào lúc này là chỉ có một thứ giải pháp đào tạo từ thấp lên cao những người đồng hương trẻ tuổi của chúng tôi, giải pháp này có khuynh hướng tách hoàn toàn những người trẻ tuổi này ra khỏi môi trường của họ.

Công cuộc cải cách này không khó lắm, và chính phủ bảo hộ chắc chắn sẽ quan tâm để thực hiện điều đó khi chính phủ hiểu rõ tầm quan trọng gắn với chuyện này.

Nhưng ta không thể chỉ thoả mãn với việc đào tạo thích hợp những người nước Nam có khả năng hiểu rõ tư tưởng và văn minh Pháp và đưa họ đi khắp nơi, sống giữa đồng bào của họ. Cũng mong rằng có nhiều người Pháp quan tâm tới sự phát triển của chúng tôi, với không thành kiến nào họ sẽ nghiên cứu ngôn ngữ, văn chương, lịch sử, nền văn minh của chúng tôi. Nói tóm lại, cũng mong rằng, về phía người Pháp ở nước Pháp và ở Đông Dương, sẽ bớt đi sự thờ ơ, và nhiều thêm sự tò mò tích cực và thiện cảm đối với mọi sản phẩm tinh thần và tư tưởng của người nước Nam.

Chính vì vậy nên chúng tôi thực hiện, đối với cả hai phía, cái chính sách cộng tác và liên kết mà những con người nổi tiếng vẫn thường công bố bằng những lời khá là hùng biện, những con người nổi tiếng đó, cho đến nay, vẫn gánh ở trên vai trách nhiệm đối với số phận của đất nước tôi.

(Nguồn: *Tiểu luận viết bằng tiếng Pháp*, NXB Tri thức, 2007)

Luyện tập

1. Thảo luận và viết tiểu luận: Nhà trí thức Phạm Quỳnh có cách đọc *Truyện Kiều* như thế nào? Phạm Quỳnh có dừng lại ở những ngâm vịnh không? Ông còn thấy *Truyện Kiều* như là một tài sản văn hóa dùng vào việc thuyết phục người Pháp hãy chung sống đồng thuận với người Việt Nam như thế nào?
2. Thảo luận và viết tiểu luận: Học giả Phạm Quỳnh dùng những dẫn chứng gì xung quanh *Truyện Kiều* để thuyết phục về giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam? Bạn nghĩ gì về thái độ đó? Thái độ đó mang tính khoa học hay chỉ thể hiện tình cảm dân tộc?
3. Thảo luận và viết tiểu luận: Tại sao học giả Phạm Quỳnh không thể dùng những cách *tập Kiều*, *lấy Kiều*, *vịnh Kiều* để giúp công chúng Pháp yêu thích tác phẩm *Truyện Kiều*?

BÀI 5

TÌM HIỂU PHONG CÁCH NGUYỄN DU TRONG TRUYỆN KIỀU CỦA PHAN NGỌC MỘT DẪN NHẬP NGẮN

Nhập đề

Tác phẩm *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* được Phan Ngọc viết xong năm 1965, nhưng đến năm 1985 tác giả mới cho xuất bản. Điều này một phần là vì ngay từ khi còn ở dạng bản thảo, tác phẩm đã không được đón nhận một cách tích cực (chẳng hạn, tác giả trích một phần tác phẩm dùng làm tham luận hội thảo về Nguyễn Du năm 1965 và bài bị gạt vì đi theo lối nghiên cứu xa lạ). Khi cuốn sách ra mắt năm 1985 thì cũng “kẻ khen, người chê, kẻ yêu người ghét ồn ào” (lời tác giả Phan Ngọc).

Cho tới nay ở Việt Nam đã có rất nhiều công trình nghiên cứu riêng biệt tác phẩm *Truyện Kiều* cùng với những công trình nghiên cứu tác giả Nguyễn Du với *Truyện Kiều*.

Các tác giả “nghiên cứu” đầu tiên là những nhà nho sống gần cùng thời với Nguyễn Du hoặc trẻ hơn Nguyễn Du đôi chút. Những tác giả này chưa có công trình nghiên cứu quy mô và kỹ lưỡng đối với mảng nghiên cứu về Nguyễn Du và về *Truyện Kiều* đó. Các vị nhà nho này mới chỉ nói lên những ý nghĩ lẻ tẻ của mình đối với *Truyện Kiều* qua những tập *Kiều*, *vịnh Kiều*... và chưa có công trình nào về Nguyễn Du.

Sang thời cận đại, đã bắt đầu có nhiều công trình nghiên cứu với đề tài tập trung vào tư tưởng, ngôn ngữ, nghệ thuật của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*. Về phương pháp nghiên cứu, ít nhất cho tới thời điểm năm 1985, khi Phan Ngọc xuất bản cuốn sách này, các nghiên cứu về *Truyện Kiều* đều hầu như mang tính chất mô tả, cảm tính, “nghiên cứu một mình *Truyện Kiều*, rồi căn cứ vào nhận thức của riêng mình mà khen hoặc chê” (lời tác giả Phan Ngọc). Cách nghiên cứu này thực chất là kéo dài lối bình văn để tìm hiểu *Truyện Kiều* qua những chi tiết ở *Truyện Kiều*. Cách nghiên cứu này đi vào những bộ phận và chưa bao giờ phục dựng lại được *Truyện Kiều* như một toàn thể.

Tác giả Phan Ngọc chọn một *phương pháp nghiên cứu* khác. Phương pháp nghiên cứu đó được tác giả Phan Ngọc nói ngắn gọn là “*Ta phải tìm những cống hiến nghệ thuật của riêng nhà thơ Nguyễn Du mà trước đó không ai làm được, và sau đó cũng khó có ai làm được*”. “Cống hiến nghệ thuật riêng” ấy được tác giả Phan Ngọc gọi là *phong cách riêng* của tác giả Nguyễn Du.

Đường lối nghiên cứu theo cấu trúc luận

Đường lối về phương pháp nghiên cứu đó của tác giả Phan Ngọc đi theo lý thuyết *cấu trúc*. Thuyết cấu trúc ra đời vào những năm 1950 thế kỷ trước cùng với bộ sách *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương* của Ferdinand de Saussure. Đó là những bài giảng về ngôn ngữ học được sinh viên ghi lại và công bố sau khi Ferdinand de Saussure đã chết. Nội dung của giáo trình này tập trung xem xét ngôn ngữ của con người như *một hệ thống* với các bộ phận liên quan với nhau *trong một cấu trúc*. Chữ “cấu trúc” dùng theo một khái niệm mới dẫn tới “*chủ nghĩa cấu trúc*” hoặc “*cấu trúc luận*”.

Cấu trúc luận đề ra cách nghiên cứu các đối tượng theo đường lối “*toàn thể*” – tiếng Anh là *whole* và do từ này phát âm là [hol] nên người ta dùng chữ *holistic* (tiếng Anh) và *holiste* (tiếng Pháp) với nghĩa (phương pháp hoặc tư duy) mang tính *toàn thể*. Đó cũng là cách dùng để chỉ *cấu trúc luận* trong nghiên cứu khoa học.

Cấu trúc luận rất có lợi khi nghiên cứu theo lối hành dụng trong khoa học xã hội và nhân văn. Chẳng hạn trước đây tâm lý học nghiên cứu tách rời nào trí nhớ, nào cảm xúc, nào tưởng tượng... thì cấu trúc luận dẫn tâm lý học vào nghiên cứu *con người*, nghiên cứu theo hướng *sự phát triển của một nhân cách hoàn thiện*... nhờ đó mà có con đường nghiên cứu *tâm lý học phát triển*.

Khi nghiên cứu văn chương, cấu trúc luận đưa nhà nghiên cứu vào con đường xem xét tác phẩm và tác giả *như một toàn thể* thay cho nghiên cứu lẻ tẻ về tác phẩm hoặc tác giả. Trình độ “nghiên cứu” văn chương của các nhà nho thời Nguyễn Du chỉ mới dừng lại ở dạng “*bình văn*” thể hiện ở mấy bài *tập Kiều, vịnh Kiều*.

Cấu trúc luận đã định hướng cho tác giả Phan Ngọc có công trình nghiên cứu *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*. Định hướng đó tạo ra những *kỹ thuật nghiên cứu* mà xưa nay chúng ta vẫn quen gọi bằng *phương pháp nghiên cứu*.

Để tìm ra phong cách Nguyễn Du tác giả đã sử dụng *phương pháp phân tích* tương tự như phương pháp phân tích của khoa học tự nhiên và công cụ nghiên cứu là *thống kê*. Phân tích là để khảo sát *kiểu lựa chọn* của riêng Nguyễn Du và thống kê là để xác định *tần suất lựa chọn*. Khi kiểu lựa chọn riêng được lặp đi lặp lại trong tác phẩm với một tần suất nào đó thì nó được *công thức hóa*, trở thành phong cách riêng không thể lẫn lộn với bất cứ tác gia nào. Song nếu chỉ dừng ở thống kê đơn thuần thì sẽ chỉ là những *thống kê hình thức*. Phong cách tác giả phải được đặt trong bối cảnh lịch sử, trong mối quan hệ với các tác giả khác (cả trong quá khứ lẫn đương thời) và đối với *Truyện Kiều* thì còn cả trong quan hệ với văn học cổ có tính “từ chương”, những điển tích, kinh sách Phật, các truyện thần tiên, truyện tình sử, ca dao, tục ngữ tiếng Việt.

Một điểm mới mẻ trong cách nghiên cứu của tác giả Phan Ngọc là “*hệ thống thao tác chặt chẽ*”, tức nghiên cứu với *thái độ khách quan*, khoa học, không theo cảm tính. Vì vậy, cuốn sách trong chừng mực nào đó đã bắt đầu đi vào tìm hiểu *thao tác làm việc, lao động kỹ thuật* của cá nhân nhà thơ Nguyễn Du. Tác giả coi nhà thơ Nguyễn Du là người sản xuất. Vấn đề không phải là sản xuất ra cái gì mà là sản xuất bằng công cụ gì (tác giả Phan Ngọc dẫn lời của Karl Marx).

Nói một cách khái quát, tác phẩm *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* có tham vọng nâng việc nghiên cứu về phong cách lên thành một môn khoa học chặt chẽ. Phong cách là sáng tạo cá nhân song được hiểu là sáng tạo dựa trên việc *kế thừa đồng thời cách tân truyền thống* và sự *cách tân* ấy là không thể lẫn lộn giữa các tác gia và được nhiều người đời sau bắt chước. Giống như với phong trào *Thơ mới* của Việt Nam, cùng cách tân, nhưng phong cách của Tản Đà và Phan Khôi vẫn khác lối cách tân của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu và Huy Cận...

Cuối cùng nhưng không phải ít quan trọng nhất, công trình nghiên cứu của Phan Ngọc thực sự hữu ích đối với công việc tổ chức việc học môn văn ở nhà trường phổ thông. Theo Phan Ngọc thì việc thưởng thức, phê bình văn học là công việc riêng của một vài người. Nhưng khi muốn tạo nên một phong trào quần chúng để sáng tác và thưởng thức, muốn dạy văn học cho hàng triệu con người, thì bắt buộc phải xây dựng một khoa học dựa trên một hệ thống thao tác có thể kiểm tra được. Đây là một đóng góp quan trọng của tác giả Phan Ngọc cho công cuộc giáo dục.

Góc độ nghiên cứu cấu trúc luận giúp tác giả trả lời được câu hỏi “tại sao” (phân tích, minh giải để không rơi vào lối “*phán đoán về giá trị*”¹ (chữ của tác giả Phan Ngọc) – khả năng trả lời “tại sao” đó bổ sung cho cách nghiên cứu khác trả lời được câu hỏi “như thế nào” về *Truyện Kiều* (Mô tả: Đưa ra “*phán đoán về hiện thực*”² – chữ của tác giả Phan Ngọc).

Mỗi cấu trúc với “một chùm những nét khu biệt” được thấy lặp đi lặp lại với một tần suất nhất định (kết quả thống kê) thì tạo thành “phong cách”: phong cách thể loại, phong cách thời đại, phong cách tác giả, v.v... Việc “lặp đi lặp lại” ấy là một sáng tạo chủ động của tác giả, tức các “kiểu lựa chọn tiêu biểu” (Phan Ngọc). Như vậy, theo tác giả Phan Ngọc thì “*Phong cách là một cấu trúc hữu cơ (giữa hình thức và nội dung) của tất cả các kiểu lựa chọn, hình thành một cách lịch sử, và chứa đựng một giá trị lịch sử có thể cho phép ta nhận diện một thời đại, một thể loại, một tác phẩm, hay một tác giả.*”.

Nhưng phong cách không đồng nhất với thời đại. Thời đại được tính bằng năm tháng còn phong cách nghệ thuật của thời đại là biểu hiện của trình độ tiêu biểu của nó mà ta không thấy lặp lại ở các thời đại khác. Phong cách cũng không đồng nhất với thể loại. Hãy lấy ngay trường hợp Nguyễn Du: Thể loại thơ lục bát, thơ chữ Nôm đã có từ xưa nhưng gần như chỉ có Nguyễn Du mới tạo được phong cách được người đời sau gọi là phong cách “Nguyễn Du” trong thể loại thơ lục bát.

Thuyết tài mệnh tương đố trong *Truyện Kiều*

Các công trình nghiên cứu về tư tưởng *Truyện Kiều* đều cho rằng chủ đề tư tưởng của *Truyện Kiều* là thuyết tài mệnh tương đố được Nguyễn Du vay mượn từ tác phẩm “gốc” của *Truyện Kiều* là *Kim Vân Kiều truyện* của Trung Quốc. Tác phẩm của Phan Ngọc chứng minh điều ngược lại. Trong toàn bộ hai mươi hồi của *Kim Vân Kiều truyện* chỉ có một lần có nói đến tài và mệnh trong khi đó tài mệnh tương đố được nhắc tới 16 lần trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Tư

-
- 1 Túc *jugement de valeur* mà lẽ ra nên dịch là *khen chê theo giá trị định sẵn*, chính là cái tròng tác giả Phan Ngọc đã bị chui vào và vì thế sách của ông phải chờ hai mươi năm mới ra đời nổi.
 - 2 Túc *jugement de fait* mà lẽ ra nên dịch là *khen chê theo giá trị thực*, chính là con đường nghiên cứu khách quan không chịu theo định hướng nghiên cứu bằng mệnh lệnh – nó cũng lý giải thêm vì sao sách của Phan Ngọc phải chờ hai mươi năm mới ra đời nổi.

tưởng chủ đạo của *Kim Vân Kiều truyện* là tình và khổ (“Chữ tình là một đại kinh, chữ khổ là một đại vĩ” – sợi dây lớn xuyên suốt theo chiều dọc và sợi dây lớn xuyên suốt theo chiều ngang). Mặt khác, trong tư tưởng Trung Quốc từ Hán về trước cũng không có ai nói đến chuyện tài mệnh tương đố. Tư tưởng tài mệnh tương đố cũng không phải của Phật giáo (Phật giáo coi hễ sống là khổ, “đời là bể khổ” tức ai cũng “khổ”, không cứ có tài hay bất tài). Tư tưởng của Đạo giáo (Lão Tử và Trang Tử) lại càng không. Trang Lão chủ trương sống chết như nhau, sống “vô vi” cho nên không còn chỗ đứng cho thuyết tài mệnh tương đố. Như vậy, tài mệnh tương đố là tư tưởng chủ đạo của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*. Đó là kiểu lựa chọn của Nguyễn Du.

Bây giờ hãy quay trở lại một khái niệm cơ bản về ngôn ngữ được trình bày ở đầu cuốn sách. Ngôn ngữ, khác với các loại tín hiệu khác, có hai mặt: Mặt thông báo và mặt biểu cảm. Các bộ môn khác của ngôn ngữ học (ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, v.v...) chỉ nghiên cứu mặt thông báo. Phong cách học nghiên cứu mặt biểu cảm. Phong cách học khảo sát mặt biểu cảm của ngôn ngữ. “*Phong cách học là khoa học khảo sát các kiểu lựa chọn và giá trị biểu cảm của các kiểu lựa chọn ấy*” (Phan Ngọc).

a) Hãy xem để nói khái niệm “chết”, chẳng hạn, Nguyễn Du có nhiều cách nói:

Khí thiêng khí đã về thân (dùng lối nói ẩn dụ).

Con người thế ấy, thác oan thế này (dùng chữ “thác” để giảm bớt sự đau xót).

Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ (dùng hình ảnh)

b) Sự biểu cảm còn được thể hiện qua sự đối lập giữa kiểu lựa chọn giữa một cách nói “trung tính” (của người thưởng thức) và một cách nói do tác giả lựa chọn. Chẳng hạn Nguyễn Khuyến khóc Dương Khuê:

Bác Dương, thôi đã... thôi rồi... Ta có thể thay thế “thôi đã” và “thôi rồi” bằng những từ khác chỉ sự chết: hóa kiếp, trăm tuổi, qua đời... thì sự biểu cảm cũng thay đổi.

c) Và đây là điểm quan trọng nhất: Phong cách học khảo sát từ vựng trên cơ sở từ được chuẩn bị như thế nào về mặt ngữ cảnh, trong mối quan hệ với ngữ cảnh. Hay, nói khác đi, “mặt biểu cảm chỉ xuất hiện sau khi mặt thông báo đã được đảm bảo” (Phan Ngọc). Nếu không thế, phong cách học sẽ trở thành sự phân tích mang tính hình thức, đúng như trường hợp “bình văn”, tức bị ràng buộc vào từ chương học. Chính vì lẽ này, một điển cổ chỉ là điển cổ phong cách

học khi nó đã được tác giả chuẩn bị trước sao cho người đọc hiểu được ngay, cảm nhận được ngay. Khi diễn cố đòi hỏi phải tra cứu, không được chuẩn bị gì về mặt ngữ cảnh thì lúc đó diễn cố là “diễn cố từ chương học”. Ví dụ câu trong *Truyện Kiều* dưới đây được lấy từ câu thơ của nhà thơ Thôi Hộ bên Trung Quốc “Đào hoa ỷ cội liễu đông phong”, sở dĩ người đọc hiểu ngay là vì Nguyễn Du đã chuẩn bị đầy đủ về bối cảnh cho nó:

Trước sau nào thấy bóng người

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông

Như vậy, ta có thể diễn giải rộng ra thế này: Để cảm thụ một câu thơ thì người thưởng thức phải làm thao tác “ngược” – đi từ sự tưởng tượng ra bối cảnh để đưa ngôn ngữ quay trở về lại vị trí “tự diễn” của chúng thay vì làm ngược lại.

Nghệ thuật của Nguyễn Du

a) Từ một tiểu thuyết chương hồi *Kim Vân Kiều*, Nguyễn Du đã cải biến thành một truyện nôm mang tính tự sự. Tiểu thuyết chương hồi đòi hỏi phải có nhiều chi tiết cụ thể hỗ trợ thì “câu chuyện” mới sống được. *Kim Vân Kiều* truyện phải cần đến 1700 chữ để nói về cách để làm vừa lòng khách làng chơi trong khi *Truyện Kiều* chỉ dùng có tám chữ “Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề” (câu 1210). Nguyễn Du đã thu rút câu chuyện dài lê thê theo lối “kể lể” (thích hợp với cách đọc không đòi hỏi nhiều trí tưởng tượng) thành một câu chuyện có những “tình huống” đòi hỏi nhiều trí tưởng tượng và sự liên tưởng. Chính vì lẽ này ta có thể thấy tiểu thuyết chương hồi *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung, chẳng hạn, giàu “sử liệu” hơn song ít “tính văn chương” hơn kịch được gọi quen là “kịch lịch sử” của William Shakespeare như kịch *Vua Richard* chẳng hạn. Cũng chính vì *Truyện Kiều* mang đậm chất tự sự cho nên ta thấy *Truyện Kiều* có ngôn ngữ của tác giả và ngôn ngữ của nhân vật, điều mà trước đó chưa hề có.

b) Bố cục của *Truyện Kiều* đáp ứng yêu cầu của kịch. Tại sao *Truyện Kiều* chỉ hơn ba ngàn câu nhưng có thể được coi như một bộ bách khoa thư về muôn vàn tâm trạng. Nếu chỉ đơn thuần “cắt dán” những điển tích hay, những chữ “đắt” thì ai cũng có thể làm được. Trung Quốc có hẳn một pho sách đồ sộ nhan đề *Uyên giám loại hàm* để dùng cho việc ấy. Điểm mấu chốt là cách xây dựng một “cấu trúc”. Cấu trúc của *Truyện Kiều* là cấu trúc của kịch. Một thí nghiệm nho nhỏ có hai người tham gia (Phan Ngọc): Hai người này “đóng vai” Nguyễn Du, người thứ nhất thủ vai người tự sự đơn thuần, người thứ hai phân tích,

lên tiếng thay mặt Nguyễn Du, sau đó mỗi người đóng vai một nhân vật trong *Truyện Kiều*. Bạn sẽ thấy chỉ thay đổi đôi chút về ngôn ngữ là có vở kịch hay. Cách thử nghiệm này chỉ có thể thực hiện với *Truyện Kiều*, không thể thực hiện với bất cứ tác phẩm nào khác.

Câu thơ Truyện Kiều

a) Nhịp điệu của câu thơ: *Truyện Kiều* là thể thơ lục bát, một thể thơ bình dân tuy cách gieo vần tương đối nghiêm ngặt song dễ làm nhưng mặt khác cũng rất dễ rơi vào sự đều đặn, nhàm chán. Nguyễn Du đã thay đổi nhịp điệu hay là cách ngắt mạch cho các câu thơ trong *Truyện Kiều*, do đó đã đem lại tính đa dạng cho thơ Kiều. Nhịp cơ bản của thơ lục bát là nhịp đôi, được thể hiện như sau: 2-2-2 cho câu lục và 2-2-2-2 cho câu bát. Ví dụ:

Trăm năm/ trong cõi/ người ta

Chữ tài/ chữ mệnh/ khéo là/ ghét nhau

Các câu thơ theo nhịp 3-3 cho câu lục hoặc 4-4 cho câu bát chiếm tỉ lệ khá lớn (câu nhịp 3-3 chiếm tỉ lệ 4,9% tổng số các câu bát còn câu nhịp 4-4 chiếm tỉ lệ 19,1% tổng số các câu bát), ví dụ:

Làn thu thủy/nét xuân sơn (nhịp 3-3 của câu lục)

Những điều trông thấy/mà đau đớn lòng (nhịp 4-4 của câu bát)

Nhịp thơ 1-5 được dùng để mở đầu một câu chuyện kể (xuất hiện 28 lần). Ví dụ:

Rằng:/ Trăm năm cũng từ đây

Nhịp thơ 2-4 dùng để giới thiệu một lời nói:

Nàng rằng/ “Xin hãy rón gối

Nhịp thơ 3-5 (xuất hiện 12 lần):

Vạch da cây/vịnh bốn câu ba vần

Nhịp 2-6:

Nàng rằng: Này thực tình thành chẳng xa

Nhịp 6-2 (xuất hiện 8 lần):

Oan này còn một kêu trời... nhưng xa

Nhịp 3-3-2 (xuất hiện 23 lần):

Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy năm canh

b) *Truyện Kiều* sử dụng các khổ thơ độc lập để phá vỡ sự đơn điệu, phân biệt thơ với ca dao hoặc vè. Cách làm này mượn cấu trúc của thể thơ song thất

lục bát (hai câu bảy chữ một câu lục bát), một thể thơ Việt rông (tiêu biểu là *Chinh phụ ngâm*):

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên
Xanh kia thăm thẳm từng trên
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này*
(Song thất lục bát *Chinh phụ ngâm*)

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh, khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*
(Lục bát *Kiều*)

Về ngôn ngữ *Truyện Kiều*

Điểm độc đáo và cũng là đóng góp to lớn của Nguyễn Du là ông đã tìm cách dịch các điển cố chữ Hán và các từ ngữ Hán Việt sang tiếng Việt.

Nguyễn Du không nói “Hàng Nga” mà nói “ả Hàng”, không nói “hồng trần” mà nói “bụi hồng”...

Nguyễn Du đã dịch nhiều từ ngữ Hán Việt sang tiếng Việt: cửa thiền, chín suối, chấp cánh liền cành...

Vài lời kết thúc

Nếu phải chọn ra một cách nhìn xưa nay đối với *Truyện Kiều* khác với thường thức *Truyện Kiều* theo lối bình văn thì đó là quan điểm của Nguyễn Bách Khoa vào những năm 1940. Nguyễn Bách Khoa (cuốn *Văn chương Truyện Kiều* in lần đầu năm 1942) có lẽ là người đầu tiên tiếp cận văn bản *Truyện Kiều* từ góc độ tâm lý học, cụ thể là phân tâm học. Nguyễn Bách Khoa đã đề cập đến các yếu tố cấu tạo nên *Truyện Kiều*: đó là cái ao ước, cái đòi hỏi từ tính khí của Nguyễn Du bị chìm xuống song vẫn cứ vươn lên...

Nguyễn Bách Khoa đã phê phán lối bình luận (hay có thể là “bình chú”) *Truyện Kiều* theo một mô hình thành nếp kể từ Mộng Liên Đường là người cùng thời với Nguyễn Du cho tới Phạm Quý Thích, Chu Mạnh Trinh rồi tới những học giả lừng danh thời hiện đại như Trần Trọng Kim, Phan Kế Bính...: Người

ta tả lại Truyện Kiều như thể đang tả lại một bức tranh đẹp. Hoài Thanh còn cho rằng không thể phân tích được cái đẹp của *Truyện Kiều* vì thiên tài là cái gì huyền bí, thuộc địa hạt u uẩn của tâm hay *linh hồn*, không thể dùng *khoa học* để phân tích.

Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều của Phan Ngọc có lẽ là một ao ước muốn tìm ra một cách để thoát ra khỏi cách nhìn quen thuộc cổ truyền đối với *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

Luyện tập

1. Thảo luận: Nghiên cứu theo *cấu trúc luận* nghĩa là gì? Các bạn hãy đặt tên cho đường lối nghiên cứu trái với *cấu trúc luận*. Hãy hình dung hai đường lối nghiên cứu trái nhau đó với một đề tài ví dụ như *gia đình, giải trí, trẻ em*.
2. Thảo luận: Chương trình Cánh Buồm định nghĩa *Giáo dục là tổ chức sự trưởng thành của thanh thiếu niên dân tộc* có mang ảnh hưởng cấu trúc luận không?
3. Thảo luận: Chương trình Cánh Buồm hướng dẫn các bạn học các môn *Tiếng Việt và Văn* theo định hướng như thế nào?
4. Thảo luận và viết tiểu luận: Bạn cảm thấy sách *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* của Phan Ngọc có điều gì hay? Bạn có ý định sẽ đọc toàn bộ cuốn sách đó không? Vì sao?

BÀI 6

NGÔN NGỮ NHÂN VẬT TRONG *TRUYỆN KIỀU*

Hướng dẫn học

Bài 5 này là một bài nghiên cứu trong giáo trình Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ 18 – nửa đầu thế kỷ 19, NXB Giáo dục, Hà Nội. Các bạn sẽ dùng bài này như một cái mẫu (nên nhớ *phương pháp tự học* Cánh Buồm ở bậc phổ thông cơ sở luôn luôn dựa trên một cái *mẫu tiêu biểu*) từ đó mà tự mình tìm ra những cách nghiên cứu tương tự hoặc trái ngược – đó là cách học tiết kiệm phù hợp với thời gian được phép ngồi trên ghế nhà trường.

Tinh thần của Bài 5 này có thể gói lại trong câu hỏi sau: Qua lời lẽ của nhân vật *Truyện Kiều* như đã được Nguyễn Du “đặt vào miệng” họ, chúng ta nhìn thấy nhân vật đó như thế nào, tính cách ra sao?

Lời lẽ của các nhân vật trong *Truyện Kiều* được đúc kết lại thành những kiểu loại sau:

1. Ngôn ngữ mang tính chất ước lệ, mà chúng ta thường thấy trong ngôn ngữ văn học của thế kỷ 18 và nửa đầu thế kỷ 19. Tính chất ước lệ trong ngôn ngữ biểu hiện ở chỗ việc diễn đạt thường thông qua những điển cố, những ẩn dụ, hoán dụ hoặc những công thức biểu hiện, những từ ngữ có tính chất quy phạm. Lưu ý: Ngôn ngữ ước lệ đã có ngay từ trong ca dao, ở *thể tỷ* mà các bạn đã học trong sách *Tiếng Việt Lớp 7 Cánh Buồm*.

2. Ngôn ngữ mang tính chất hiện thực, hiểu theo nghĩa là đã không dùng cách ước lệ nữa, để nói thẳng, nói thực, nói trắng ra, nói toạc ra. Trong khi va chạm với hiện thực cuộc sống, tính chất ước lệ trong nghệ thuật biểu hiện dần dần bị phá vỡ, để thay thế vào đó một nghệ thuật có tính chất hiện thực chủ nghĩa.

3. Đặc điểm khác nữa trong ngôn ngữ Thúy Kiều là sự tinh tế, chính xác trong việc sử dụng từ ngữ. Đối với Thúy Kiều, việc dùng từ này mà không dùng từ khác, nhiều khi có một ý nghĩa rất sâu sắc. So sánh cách dùng từ “cậy” và từ “chịu” trong lời Thúy Kiều nhờ Thúy Vân thay mình lấy Kim Trọng “*Cậy em, em có chịu lời/ Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa*” thì thấy một cái mẫu về tính chất tinh tế đó.

Cả ba kiểu loại nói năng này của các nhân vật trong *Truyện Kiều* sẽ giúp các bạn không chỉ hiểu và cảm nhận vẻ đẹp của tác phẩm mà còn hành dụng trong cuộc sống, đặc biệt là cách dùng ngôn ngữ *tinh tế, chính xác, uyển chuyển*.

Mời các bạn bắt đầu.

NGÔN NGỮ NHÂN VẬT TRONG *TRUYỆN KIỀU*

Ra đời vào cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19, *Truyện Kiều* đã cố gắng vươn lên rất nhiều trên truyền thống chung của truyện thơ lúc bấy giờ. Nhưng sự vươn lên ấy không cắt đứt với truyền thống. *Truyện Kiều* vẫn có nhiều liên hệ khăng khít với văn học đương thời nói chung và truyện thơ Nôm nói riêng. Chỉ riêng về phương diện ngôn ngữ nhân vật, yếu tố truyền thống và những sáng tạo riêng của nhà thơ, biểu hiện rất rõ rệt.

1.

Trong ngôn ngữ các nhân vật *Truyện Kiều*, có yếu tố hiện thực chủ nghĩa nhưng có khá nhiều yếu tố có tính chất ước lệ mà chúng ta thường thấy trong ngôn ngữ văn học của thế kỷ 18 và nửa đầu thế kỷ 19.

Có một điều phải tính đến, là ngôn ngữ trong thơ ca, cả xưa lẫn nay bao giờ cũng có tính chất cách điệu hóa. Đây là một đặc điểm thuộc loại hình. Nó phụ thuộc vào vần luật, tiết tấu, nhịp điệu và cả số chữ (trong những thể thơ cố định) của câu thơ, khác với tản văn và nhất là kịch, là những loại hình văn học mà ngôn ngữ gần với tự nhiên hơn. Nghệ thuật so với đời sống đã có tính chất cách điệu nhưng thơ ca lại còn cao hơn một bậc. Tính chất ước lệ trong ngôn ngữ nhân vật *Truyện Kiều* có phần là do cách điệu hóa của loại hình thơ lục bát, với số chữ và vần điệu chặt chẽ. Nhưng chủ yếu, nó là một đặc điểm có tính chất loại biệt trong nghệ thuật biểu hiện của văn học phong kiến.

Khá nhiều trường hợp trong *Truyện Kiều*, tính chất cách điệu hóa của ngôn ngữ nhân vật được đẩy lên rất xa, mà chúng ta không thể nào tìm thấy trong ngôn ngữ của đời sống hàng ngày. Kim Trọng tỏ tình với Thúy Kiều đã dùng một loạt những từ ngữ đầy điển cố và ẩn dụ:

Xương mai tính đã rũ mơn
Lần lữa ai biết hầy còn hôm nay
Tháng tròn như gửi cung mây

Trần trần một phận ấp cây đã liễu
Tiền đây xin một hai điều
Đài gương soi đến dấu bèo cho chăng?

Thúy Kiều đang đem một mình đến nhà Kim Trọng cũng đã nói:

Nàng rằng: quăng vắng đêm trường
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa

Và Vương Bà khi nghe Kiều khóc, thức dậy ân cần hỏi con:

Cớ sao trần trọc canh khuya
Màu hoa lê hầy dầm dề giọt mưa...

Những người quen đọc các tác phẩm cũ đều hiểu những điều các nhân vật nói. Nhưng rõ ràng ngôn ngữ ấy không phải là sự diễn tả trực tiếp những điều mà nhân vật quan sát hay suy nghĩ. Tính chất ước lệ trong ngôn ngữ biểu hiện ở chỗ việc diễn đạt thường thông qua những điển cố, những ẩn dụ, hoán dụ hoặc những công thức biểu hiện, những từ ngữ có tính chất quy phạm.

Ngôn ngữ nhân vật có tính chất ước lệ trong *Truyện Kiều* cũng biểu hiện bằng một số phương thức nhất định có tính chất chung của ngôn ngữ văn học đương thời. Chúng ta gặp khá nhiều điển cố trong lời nói của nhân vật: Thúy Kiều nói với Kim Trọng, việc nhân duyên là do cha mẹ định đoạt, đã dùng điển “lá thắm chỉ hồng”; khi nàng khuyên cha để nàng bán mình, Kiều lại nhắc đến tích “nàng Oanh ở Lý”. Kim Trọng khen Thúy Kiều hay thơ đã so sánh nàng với Ban Chiêu, Tạ Đạo Uẩn. Và viên quan xử kiện, khi dẹp cơn thịnh nộ lôi đình, toan đứng ra xe duyên cho Thúc Sinh-Thúy Kiều, đã lấy tích Châu Trần để khen ngợi tình yêu của họ. Có nhiều điển cố khác nữa trong ngôn ngữ của các nhân vật. Dùng điển cố có tác dụng làm cho ngôn ngữ súc tích, bác học hơn. Nó mở ra những cuộc đời nhiều khi phong phú đằng sau vài ba chữ nhưng mặt khác, nó khó hiểu và có thể làm giảm sức rung cảm của người đọc. Ngòi bút tài năng và sáng tạo của Nguyễn Du thường đã vượt qua được những trở ngại ấy, và chúng ta vẫn có nguyên vẹn những cảm giác và xúc động khi lắng nghe tiếng nói của nhân vật. Những điển cố Nguyễn Du dùng được chọn lọc kỹ càng, có khi nó trở thành phổ biến trong đời sống văn học Việt Nam, có khi do tương quan về văn cảnh nên chúng ta vẫn có ý niệm đầy đủ về nó, mặc dù có thể chưa thật hiểu hết.

Bên những điển tích, các nhân vật *Truyện Kiều* còn dùng nhiều câu lấy ý từ các bài thơ cũ. Thúy Vân khuyên chị nối lại tình xưa với chàng Kim đã nói:

*Quả mai ba bảy đương vừa
Đào non sớm liệu xe tơ kịp thời*

chính là những lời lấy trong bài *Phiếu hữu mai* của Kinh Thi. Hay khi Kiều khuyên Kim Trọng:

*Vẽ chi một đóa yêu đào
Vườn hồng ai dám ngăn rào chim xanh*

cũng là những lời lấy ý trong bài *Đào yêu* của tác phẩm trên. Nhưng ở đây, hình tượng trong bài thơ cổ Trung Quốc được dùng lại một cách sáng tạo tựa như một lời ví von trong ca dao vậy.

Một đặc điểm về tu từ của việc dùng từ ngữ Hán-Việt là làm tăng phần trang trọng, tạo ra một không khí cổ kính. Nếu thay các từ Hán-Việt trong các bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan bằng những từ ngữ hàng ngày, chúng ta sẽ không thể tìm thấy cái không khí trang trọng, đỉnh đặc, nhớ cổ thương kim của các bài thơ ấy. Cùng một xuất phát điểm ấy, ngôn ngữ nhân vật trong *Truyện Kiều* cũng có nhiều yếu tố Hán-Việt. Nhưng phổ biến hơn cả là việc sử dụng các hình thức ẩn dụ, hoán dụ. Hình thức đơn giản nhất của hoán dụ trong *Truyện Kiều* là dùng những từ ngữ có tính chất quy phạm thay thế những từ ngữ thông tục: Dùng “*khuôn thiêng*” chỉ trời, “*lượng xuân*”, “*cối xuân*” chỉ bố mẹ; “*bóng tùng quân*” chỉ người chồng; “*thân cát đằng*” chỉ phận lẽ mọn, “*mảnh hồng nhan*”, “*hồng quần*” chỉ người phụ nữ... Và cao hơn, là một hệ thống ẩn dụ:

*Nàng rằng: chiếc bách sóng đào
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may
Chút thân quần quai vũng lầy
Sống thừa, còn tưởng đến rầy nữa sao
Cũng liều một giọt mưa rào
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay
Xót vì cầm đã bén dây
Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta...*

Một đặc điểm của việc xây dựng nhân vật của văn học phong kiến là sự thiên về tính chất lý tưởng hóa ở các nhân vật chính diện. Mỹ học phong kiến quan niệm nhân vật chính diện thuộc phạm trù cao cả, cho nên, nó phải là những nhân vật phi thường. Hoàn cảnh xã hội phong kiến, nhất là trong giai đoạn xuống dốc của nó, không thể đẩy các nhân vật chính diện đến phạm trù anh hùng như trong văn học cổ đại nhưng nó cũng không thể thừa nhận nhân

vật chính diện là con người bình thường trong đời sống hàng ngày, chí ít, phải là con người có nguồn gốc xã hội cao quý, có phẩm chất đạo đức cao quý. Và, để thích ứng với một đối tượng phản ánh như vậy, mỹ học phong kiến chọn cho nó một phương thức biểu hiện thiên về tính chất ước lệ, tượng trưng. Nó đem cái trang trọng, hài hòa, có tính chất quy phạm thay thế cho sự sinh động, sắc cạnh, độc đáo trong việc nhận thức và tái hiện cuộc sống.

Chinh phụ ngâm và *Cung oán ngâm khúc* là tác phẩm nói về nỗi lòng của một chinh phụ, một cung nữ- những phụ nữ quý tộc. Nỗi đau khổ và bi kịch trong cuộc đời của họ rất thực nhưng không phải bình thường, nó có màu sắc cao quý (một người phụ nữ quý tộc “*Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước*” phóng tầm mắt đến một phương trời xa thẳm trông ngóng tìm chồng, và một cung nữ “*Đêm năm canh tiếng lắng chuông rền*” đang khắc khoải chờ đợi quân vương). Trong việc biểu hiện thế giới nội tâm của họ, các nhà thơ đã dùng rất nhiều yếu tố ước lệ trong các phương tiện nghệ thuật, trong đó có ngôn ngữ.

Các nhân vật chính diện trong những truyện thơ Nôm đương thời, từ *Hoa Tiên* đến *Phan Trần*, từ *Sơ kính tân trang* đến *Nhị độ mai*, *Tây sương ký*... đều xuất thân từ tầng lớp trên của xã hội và đều mang phẩm chất đạo đức cao quý như: chung thủy trong tình yêu, hiếu thảo với bố mẹ, trung với vua... Vì vậy, khi miêu tả họ, các nhà thơ cũng thiên về khuynh hướng biểu hiện có tính chất ước lệ.

Ở *Truyện Kiều*, chúng ta có thể tìm thấy những nét rất thực của đời sống hàng ngày trong bản chất tâm lý Thúy Kiều, nhân vật chính diện trung tâm của tác phẩm. Và tận đáy sâu tâm hồn Kim Trọng, Từ Hải vẫn có những rung cảm rất thực về tình yêu, về công lý... Nhưng rõ ràng, Nguyễn Du chưa phải đã thoát khỏi quan niệm truyền thống trong việc xây dựng nhân vật chính diện. Việc Kiều bán mình chuộc cha, nhân danh chữ “hiếu”; Kiều khuyên Từ Hải ra hàng, nhân danh chữ “trung”; và mười lăm năm lưu lạc, không lúc nào thôi nhớ thương Kim Trọng nhưng khi tái ngộ với chàng, Kiều lại nhân danh chữ “trinh” để cự tuyệt việc kết tóc xe tơ với người yêu cũ. Còn Kim Trọng, một người chung thủy trong tình yêu và được đẩy lên thành con người lý tưởng trên bình diện này: Vì tình yêu chung thủy mà không lúc nào chàng cảm thấy hạnh phúc, chàng lấy Thúy Vân là theo lời dặn của Thúy Kiều, Kim Trọng định từ quan để đi tìm Thúy Kiều, khi gặp lại nàng, Kim Trọng không những không hề băn khoăn về cuộc đời đã qua của nàng, mà còn hết lời khen ngợi: “*Hoa tàn mà lại thêm tươi/ Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa*”. Từ Hải, hình tượng của

công lý, của tự do. Từ Hải nói là làm, muốn là được, đánh là thắng. Từ Hải thoát đến, thoát đi, đến đâu cũng được ca ngợi là “anh hùng”.

Tóm lại, các nhân vật chính diện trong Truyện Kiều, tuy mức độ khác nhau nhưng ít nhiều đều có tính chất lý tưởng hóa. Chính đặc điểm này đã quy định việc miêu tả của nhà thơ cũng *thiên về tính chất ước lệ*. Sắc của Thúy Kiều được so sánh với “*Làn thu thủy, nét xuân sơn*”, với hoa với liễu; tài năng của nàng được giới thiệu là “*cầm, kỳ, thi, họa*”. Vẻ hào hoa của Kim Trọng được miêu tả là “*Tuyết in sắc ngựa câu dòn*”/ “*Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời*” và “*Hài văn lần bước dặm xanh*”. Còn hình ảnh người anh hùng lý tưởng là Từ Hải thì được ghi nhận với dáng vẻ bề ngoài “*Râu hùm hàm én mày ngài/ Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao*”, với phong độ “*Giương đàn nửa gánh, non sông một chèo*” và được ghi nhận trong ký ức Thúy Kiều “*Cánh hồng bay bổng tuyệt vời*”. Những nhân vật chính diện được miêu tả với những nét có tính chất ước lệ như vậy thì ngôn ngữ của họ cũng có nhiều yếu tố ước lệ.

Chúng ta có thể nêu lên một kết luận: *Ngôn ngữ có nhiều tính chất ước lệ trong Truyện Kiều chủ yếu được sử dụng cho các nhân vật chính diện.*

Nhưng thực ra, ngôn ngữ của các nhân vật chính diện trong Truyện Kiều không phải lúc nào cũng thiên về tính chất ước lệ. Cuộc đời Thúy Kiều chia làm đôi khi nàng dấn thân vào mười lăm năm lưu lạc. Các hình thức ước lệ trong nghệ thuật biểu hiện cũng như trong ngôn ngữ nhân vật bị phá vỡ đi nhiều trước những biến cố phức tạp của cuộc đời. Song trước đó, trong đoạn đời “*êm đềm trướng rủ màn che*” và sau đó, trong cuộc tái hồi Kim Trọng là hai đoạn đời trang trọng và tương đối bình yên, thì hơn lúc nào khác trong tác phẩm, ngôn ngữ các nhân vật chính diện không chỉ Thúy Kiều, Kim Trọng mà cả Thúy Vân, Vương Quan, Vương Ông, Vương Bà đều mang rất nhiều tính chất ước lệ. Vì vậy, chúng ta có thể bổ sung cho kết luận trên như sau: *Ngôn ngữ có nhiều tính chất ước lệ trong Truyện Kiều, chủ yếu được sử dụng cho các nhân vật chính diện. Và nhân vật chính diện dùng ngôn ngữ ước lệ nhiều hơn cả là trong những hoàn cảnh trang trọng, bình yên.* Nói một cách khác, việc sử dụng nhiều ngôn ngữ có tính chất ước lệ là dấu hiệu của nhân vật chính diện, nhân vật tích cực. Chính vì vậy, những nhân vật phản diện một khi muốn ra vẻ chính diện thì ngôn ngữ của chúng cũng thay đổi. Chúng không dùng thứ ngôn ngữ thông thường mà lại dùng nhiều lời lẽ có tính chất ước lệ. Đó là trường hợp Sở Khanh và Tú Bà. Sở Khanh là một tên lưu manh, một kẻ đầu trộm đuôi cướp đã thông đồng với

Tú Bà, “*Một tay chôn biết mấy cành phù dung*”. Lập mưu lừa dối Thúy Kiều, y giả dạng là một thư sinh (“*Nghĩ rằng cũng mạch thư hương*”), cho nên trong ngôn ngữ của y, thành phần từ ngữ ước lệ rất lớn:

*Than ôi! Sắc nước hương trời
Tiếc cho đâu bỗng lạc loài tới đây
Giá đành trong nguyệt trên mây
Hoa sao hoa khéo đọa đầy mấy hoa
Tức gan riêng giận trời già
Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng
Thuyền duyên ví biết anh hùng
Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi.*

Tú Bà cũng vậy. Khi làm ra vẻ lương thiện, hiền lành, biết thương xót Thúy Kiều, thì ngôn ngữ của mụ cũng tăng nhiều yếu tố ước lệ:

*Một người dễ có mấy thân
Hoa xuân đương nhụy ngày xuân còn dài
Cũng là lỡ một lần hai
Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây
Lỡ chân trót đã vào đây
Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non...*

Truyện Kiều là một tác phẩm dựa rất sát vào cốt truyện của một tác phẩm Trung Quốc nhưng chúng ta luôn cảm thấy rất gần gũi, thấy như cuộc đời ấy, con người ấy không phải là cuộc đời và con người của “*Năm Gia tinh triều Minh*” nào xa xôi mà chính là cuộc đời và con người Việt Nam cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19. Đó là sáng tạo lớn nhất của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*. Ngôn ngữ nhân vật trong truyện có nhiều yếu tố ước lệ nhưng chúng ta luôn cảm thấy chúng rất chân thật. Đó là thành công của Nguyễn Du trong việc xây dựng ngôn ngữ nhân vật. Đạt được điều đó vì Nguyễn Du không phải xuất phát từ quan niệm hình thức chủ nghĩa, ước lệ vì ước lệ mà xuất phát từ nội dung, từ tình cảm chân thật. Cái độc đáo và sáng tạo của Nguyễn Du so với nhiều nhà thơ đương thời là tính chất ước lệ ở tác giả chỉ là những biểu hiện có tính chất hình thức, còn nội dung tình cảm thì bao giờ cũng rất chân thực.

Vả lại, trong *Truyện Kiều*, ngôn ngữ có tính chất ước lệ của nhân vật không phải là sự lạc lõng, mà nó thống nhất với ngôn ngữ tự sự của tác giả, thống nhất với đặc điểm nghệ thuật biểu hiện chung của tác phẩm vốn cũng có khá nhiều

tính chất ước lệ. Sự hài hòa ấy đem lại một cảm giác hoàn chỉnh thông suốt trong nhận thức, cho nên chúng ta không cảm thấy có gì là giả tạo.

Xét cho cùng, tính chất ước lệ trong ngôn ngữ nhân vật *Truyện Kiều* nói riêng, hay nghệ thuật biểu hiện có tính chất ước lệ của văn học phong kiến nói chung có một truyền thống khá vững vàng trong văn học quá khứ của ta, không riêng gì văn học thành văn mà cả văn học dân gian nữa. Thể tỷ trong ca dao đẩy lên đến chỗ cố định hóa đối tượng so sánh, đó là mầm mống của ngôn ngữ có tính chất ước lệ. Truyền thống văn học từ bao đời nay đã tạo nên ở người thưởng thức một “quan điểm lịch sử tự phát” trong khi nhận thức và đánh giá nó. Thực tế, vấn đề đặt ra không phải là tại sao văn học quá khứ lại nhiều yếu tố ước lệ, mà vấn đề là, dùng ước lệ như thế nào mới thành công

2.

Đặc điểm thứ hai trong ngôn ngữ nhân vật *Truyện Kiều* là thành phần ngôn ngữ có tính chất hiện thực trong tác phẩm. Sự tồn tại của thành phần này không phải tách rời hay đối lập với thành phần ngôn ngữ có tính chất ước lệ, mà nó bổ sung cho nhau. Ở nhân vật chính diện, như phần trên đã nói, ngôn ngữ sẽ tăng thành phần hiện thực chủ nghĩa khi nó đi sâu vào những mâu thuẫn gay gắt của đời sống. Ngôn ngữ Thúy Kiều trong mười lăm năm lưu lạc mang rất nhiều chất muối mặn của đời sống thực. Dĩ nhiên, không thể đòi hỏi Thúy Kiều thay đổi hẳn ngôn ngữ của mình. Sự thay đổi như thế sẽ làm cho nhân vật thiếu tính thống nhất. Nhưng rõ ràng chúng ta có thể tìm thấy sự phá vỡ các nguyên tắc ước lệ trong ngôn ngữ Thúy Kiều khi nàng đối đáp với Tú Bà, mắng nhiếc Sở Khanh hay than thở với Thúc Sinh chẳng hạn. Trong những trường hợp này, ngôn ngữ Thúy Kiều nhiều khi đạt đến mức độ sinh động của lời ăn tiếng nói hàng ngày:

Nàng rằng, thôi thế thì thôi

Rằng không thì cũng vâng lời rằng không

Khi Sở Khanh định hành hung thì nàng mắng lại:

Đem người đẩy xuống giếng khơi

Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay

Còn tiên tích viết trên tay

Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai

Ở Kim Trọng và Từ Hải, chúng ta cũng thấy có sự phá vỡ ấy. Cũng như

Từ Hải, ngôn ngữ Kim Trọng căn bản mang tính ước lệ. Nhưng khi trở lại nhà Thúy Kiều, nghe Vương ông kể cảnh ngộ Thúy Kiều phải bán mình chuộc cha, Kim Trọng đau đớn, vật vã: “Đau đòi đoạn, ngất đôi hồi/Tĩnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê”, thì chính lúc này, ngôn ngữ Kim Trọng tăng thành phần hiện thực lên rất nhiều:

*Rằng: tôi trót quá chân ra
Để cho đến nỗi trôi hoa dạt bèo
Cùng nhau thể thốt đã nhiều
Những điều vàng đá phải điều nói không
Chưa chẵn gối cũng vợ chồng
Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang
Bao nhiêu của, mấy ngày đang
Còn tôi, tôi một gập nàng mới thôi.*

Với Từ Hải thì xung đột nội tâm cao độ nhất là lúc Từ đấu tranh tư tưởng để quyết định việc nhận lời đầu hàng triều đình. Mâu thuẫn giằng xé ở đây là giữa một bên hiện tại huy hoàng đã nắm chắc trong tay và một bên là tương lai mờ mịt “Hàng thần lơ lảo, phận mình ra đâu”, giữa một bên là chí khí ngang dọc “Đội trời đạp đất” với một bên là lòng yêu thương vô hạn con người đau khổ là Thúy Kiều:

*Xót nàng còn chút song thân
Bấy lâu kẻ Việt người Tần cách xa
Sao cho muôn dặm một nhà
Cho người thấy mặt là ta cam lòng*

Vì vậy, hơn hết trong mọi trường hợp, ngôn ngữ Từ Hải lúc này có rất nhiều yếu tố hiện thực:

*Một tay gậy dựng cơ đồ
Bấy lâu bể Sở sông Ngô tung hoành
Bó thân về với triều đình
Hàng thần lơ lảo, phận mình ra đâu
Áo xiêm ràng buộc lấy nhau
Vào luồn ra cúi công hầu mà chi
Sao bằng riêng một biên thù
Sức này đã dễ làm gì được nhau
Chọc trời khuấy nước mặc dầu
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai.*

Có thể nói, từ việc nghiên cứu ngôn ngữ nhân vật trong *Truyện Kiều*, chúng ta có thể rút ra một kết luận khá lý thú, có tính chất quy luật, không những đối với ngôn ngữ nhân vật có tính chất ước lệ, mà đối với toàn bộ nghệ thuật biểu hiện có tính chất ước lệ của văn học phong kiến, là: *Trong khi va chạm với hiện thực cuộc sống, tính chất ước lệ trong nghệ thuật biểu hiện dần dần bị phá vỡ, để thay thế vào đó một nghệ thuật có tính chất hiện thực chủ nghĩa*. Đặc điểm của nghệ thuật tiến bộ là trong khi đồng hóa cuộc sống theo một lý tưởng thẩm mỹ nhất định, thì, đồng thời, chính cuộc sống cũng khắc phục những yếu tố chủ quan không phù hợp với quy luật cuộc sống của bản thân nghệ thuật. Chúng ta thấy ở đây sự thống nhất giữa chân lý cuộc sống và chân lý nghệ thuật.

Nhưng, sử dụng ngôn ngữ có nhiều thành phần hiện thực hơn, chủ yếu là ở các nhân vật phản diện. Ta có thể tìm thấy nguyên nhân của nó trong đời sống cũng như trong những nguyên tắc được xác định qua thực tiễn của mỹ học phong kiến.

Với quan niệm cái cao thượng được coi là vĩnh cửu, nên việc biểu hiện thiên về tính chất ước lệ, thì, trái lại, cái xấu, cái hài hước là có tính chất tạm thời, không vĩnh cửu, nên việc biểu hiện thiên về tính chất hiện thực chủ nghĩa, tính chất trào lộng, khôi hài. Đó là hai mặt của một quan điểm. Vả lại, trong xã hội phong kiến, nhất là ở giai đoạn suy tàn của nó, thì cái cao thượng, dù quan niệm theo phương thức nào, cũng đều rất hiếm. Sáng tạo nên những nhân vật có phẩm chất cao thượng trong giai đoạn này, các nhà văn đã đưa vào khá nhiều yếu tố chủ quan của mình. Phương thức biểu hiện có tính chất ước lệ có khả năng thích ứng với một đối tượng phản ánh như vậy. Nhân vật phản diện, trái lại, nó “muôn hình, nghìn vẻ”, các phương tiện hạn chế của nghệ thuật biểu hiện có tính chất ước lệ không thể dung nạp hết, nó đòi hỏi phải được miêu tả “dưới hình thức của bản thân đời sống”. Đó là lý do tại sao trong văn học phong kiến, *nhân vật phản diện thường có bộ mặt hiện thực hơn các nhân vật chính diện*.

Chúng ta có thể lấy rất nhiều ví dụ để chứng minh cho luận điểm trên trong văn học quá khứ, từ Hồ Xuân Hương đến Nguyễn Khuyến, Tú Xương, từ *Sãi vãi* của Nguyễn Cư Trinh đến *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái, *Nhị độ mai*, các tác phẩm khuyết danh...

Các nhân vật phản diện trong *Truyện Kiều*, so với các nhân vật phản diện trong những truyện Nôm đồng thời, có bộ mặt hiện thực rõ rệt hơn: Mã Giám

Sinh ngoài 40 tuổi mà vẫn ăn diện lối lãng. Y đến nhà Thúy Kiều, dắt theo một lũ tôi tớ lau nhau. Y không biết đến chút lịch sự tối thiểu, vừa vào đến nhà đã “Ngồi tốt số sàng” lên ghế giữa. Còn Tú Bà, chỉ cần nhắc đến tên là đã hiện ra ngay trước mắt ta một cụ đàn bà phì nộn, da dẻ nhợt nhạt vì chuyên sống về đêm. Và, tên mất dạy Sở Khanh, ta có thể tóm được gáy hẳn trong cử chỉ: “Lặng nghe lẩm nhẩm gật đầu” và trong hành động: “Đẩy song đã thấy Sở Khanh lên vào”. Ở các nhân vật phản diện thuộc tầng lớp trên, nhà thơ dường như nể nang hơn nhưng chúng ta cũng biết được cụ mẹ Hoạn Thư trong tư thế: “Ban ngày thấp sát hai bên/ Giữa giường thất bảo ngồi trên một bà”. Còn quan “tổng đốc trọng thần” Hồ Tôn Hiến thì: “Nghe càng đắm, ngắm càng say/ Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình”.

Những nhân vật phản diện được miêu tả một cách hiện thực và có ít nhiều màu sắc trào lộng như vậy, thì, ngôn ngữ của chúng cũng có nhiều yếu tố hiện thực, nhiều yếu tố hàng ngày. Điều đó có thể dễ dàng tìm thấy trong tác phẩm. Có điều, khi bản chất của các nhân vật phản diện càng bộc lộ rõ rệt chừng nào thì ngôn ngữ của chúng càng hiện thực, càng sinh động chừng ấy. Xin lấy nhân vật Tú Bà làm ví dụ. Tú Bà là nhân vật phản diện được giới thiệu khá nhiều trong tác phẩm. Nhưng bộc lộ sâu sắc nhất bản chất của cụ là lúc cụ đánh mắng Thúy Kiều. Có thể coi đây là một đoạn điển hình của ngôn ngữ nhân vật có tính chất hiện thực trong tác phẩm:

Này này! sự đã quá nhiên
 Thôi đà cướp sống chồng mình đi rồi
 Bảo rằng đi dạo lấy người
 Đem về rước khách kiếm lời mà ăn
 Tuồng vô nghĩa, ở bất nhân
 Buồn tình trước đã tần mần thử chơi
 Mâu hồ đã mất đi rồi
 Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma
 Con kia đã bán cho ta
 Nhập gia phải cứ phép nhà tao đây
 Lão kia có giở bài này
 Chẳng văng vào mặt mà mày lại nghe
 Cớ sao chịu tốt một bề
 Gái tơ mà đã ngựa ghề sớm sao!
 Phải làm cho biết phép tao.

Qua những từ ngữ mục dưng: những từ lặp lại “này này”, “thôi thôi”; những từ chửi mắng: “con kia”, “lão kia”, “chẳng văng vào mặt”, “Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao”; những từ mang tính nghề nghiệp: “đem về rước khách kiếm lời mà ăn” hay “thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma”, và, cả câu sáu kết thúc đoạn nói một cách đột ngột, cả cái giọng đay nghiến, chì chiết trong toàn đoạn, giúp chúng ta hình dung rõ nét con người lẫn tính khí của mục. Ta như thấy mục ngồi xếp bằng tròn trên giường đang hả hê với món buôn hời của Mã Giám Sinh, thì bỗng nghe Thúy Kiều nói rằng nàng lấy lẽ Mã Giám Sinh và đã thất thân với hắn, thế là mục đứng phắt dậy như bật lò xo, rồi nhảy tót xuống đất, mắng nhiếc, xỉa xối hết Thúy Kiều đến Mã Giám Sinh.

Chúng ta có thể nêu ở đây kết luận thứ hai: “Ngôn ngữ có nhiều thành phần hiện thực trong Truyện Kiều được sử dụng nhiều hơn cho các nhân vật phản diện. Đối với các nhân vật chính diện, thì thành phần ước lệ trong ngôn ngữ bị phá vỡ dần và thành phần hiện thực được tăng cường khi con người đi sâu vào cuộc sống nhiều xung đột”.

3.

Chúng ta đã nghiên cứu các đặc điểm trong ngôn ngữ nhân vật của Truyện Kiều và sơ bộ nêu lên việc sử dụng nó. Nhưng nghiên cứu ngôn ngữ nhân vật trong tác phẩm văn học mà chỉ dừng lại ở đó thì chưa phải đã giải quyết xong toàn bộ vấn đề.

Sự khác biệt của việc nghiên cứu trong tác phẩm văn học với việc nghiên cứu của bộ môn ngôn ngữ học là ở chỗ, với ngôn ngữ học thì việc tìm hiểu các thành phần cấu tạo của ngôn ngữ, các quy luật ngữ pháp, ngữ âm, tu từ... là đối tượng và là cứu cánh của nó, còn trong văn học thì việc nghiên cứu ngôn ngữ là phương tiện để tìm hiểu một lĩnh vực khác có ý nghĩa đặc thù, tìm hiểu hình tượng văn học và phong cách của nhà văn. Cho nên việc nghiên cứu ngôn ngữ trong tác phẩm nói chung, và nghiên cứu ngôn ngữ nhân vật nói riêng, chỉ có ý nghĩa thực tiễn khi ta xét nó đã phục vụ như thế nào cho việc xây dựng tính cách nhân vật, nghiên cứu nó trong một hệ thống hoàn chỉnh của việc nghiên cứu hình tượng tác phẩm.

Đặc điểm có tính chất khái quát trong ngôn ngữ nhân vật Thúy Kiều như đã trình bày ở phần trên, là nhiều thành phần ước lệ khi còn ở nhà hay khi tái hồi Kim Trọng, và tăng thành phần hiện thực khi nàng dấn thân vào

cuộc đời mười lăm năm lưu lạc. Đi sâu vào những hoàn cảnh cụ thể khác nhau của đời nàng, chúng ta sẽ thấy ngôn ngữ Thúy Kiều còn nhiều lần thay đổi.

Lần đầu tiếp xúc với Kim Trọng, một người từng làm xao xuyến trái tim non trẻ của Thúy Kiều “*Người đâu gặp gỡ làm chi/ Trăm năm biết có duyên gì hay không*”, Thúy Kiều ăn nói duyên dáng, tình tứ biết bao! Ngôn ngữ của nàng thể hiện rất đúng với tâm lý của nàng. Những từ ngữ của Kiều, cách đặt câu trong khi nói (*dù khi, nên chăng thì cũng*) hay cái lúng túng, mâu thuẫn trong diễn đạt (“*Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa*” mà lại “*Nặng lòng xót liễu vì hoa*”). Thúy Kiều nói với Kim Trọng “*Trong buổi mới lạ lòng*” nhưng lại “*Nể lòng có lẽ cầm lòng cho đang*” và nể nang đến nỗi “*Một lời vàng tạc đá vàng thủy chung!*”)... Tất cả đã nói lên tính cách tinh tế, duyên dáng, thoáng chút ngại ngùng rất thực của con người Thúy Kiều, đồng thời nói lên bản chất thiết tha, mãnh liệt trong tình yêu của nàng.

Về sau, bước chân vào sóng gió, tính cách Thúy Kiều có rất nhiều biến chuyển. Bị dập vùi bởi thực tế cay đắng, những nét ngây thơ, duyên dáng trong tính cách Thúy Kiều không có dịp bộc lộ nữa. Nhiều lúc, phải đương đầu với một cảnh ngộ bức bách, o ép, Kiều không thể buông lỏng tình cảm mà phải cần đến lý trí để kìm giữ. Lúc này, ngôn ngữ của nàng trở nên rạch ròi, dứt khoát, mặc dù phía sau lời nói là cả một trời chua chát.

Trước cảnh cha, em bị bắt, bị đánh “*Rường cao rút ngược dây oan*” và gia đình bị cướp phá sạch sành sanh, là người con gái cả trong gia đình, Thúy Kiều thấy mình có bốn phận cứu nguy cho gia đình. Không còn cách nào khác, nàng quyết định bán mình chuộc cha. Lời lẽ Thúy Kiều khuyên cha để mình bán mình vừa có tình vừa có lý, tình lý rạch ròi, dứt khoát:

*Thà rằng liễu một thân con
Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây
Phận sao đành vậy cũng vậy
Cầm như chẳng đậu những ngày còn xanh
Cũng đừng tính quẩn lo quanh
Tan nhà là một, thiệt mình là hai*

Từ buổi dấn thân vào cuộc đời ô nhục, Kiều luôn luôn phải chống đỡ lại, không phải với một con người nào, mà với cả một xã hội bất công, tàn bạo. Từ một cô gái dịu dàng, thùy mị, nàng đã trở nên một con người rắn rỏi, cương

ngợi. Giờ đây, lời nói của nàng không còn vẻ hồn nhiên thuở nào, mà thường pha lẫn chua chát, mỉa mai:

*Nhưng tôi cố sá chi tôi
Phận tôi đã vậy vốn người để đâu
Thân lươn bao quản lấm đầu
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa*

Hay là:

*Thiếp như hoa đã lìa cành
Chàng như con bướm liệng vành mà chơi
Chúa xuân đành đã có nơi
Vấn ngày thôi chớ dài lời làm chi...*

Một đặc điểm khác nữa trong ngôn ngữ Thúy Kiều, là sự tinh tế, chính xác trong việc sử dụng từ ngữ. Đối với Thúy Kiều, việc dùng từ này mà không dùng từ khác, nhiều khi có một ý nghĩa rất sâu sắc.

Nhiều người đã phân tích từ “cậy” và từ “chịu” trong lời nói của Kiều khi nàng nhờ Thúy Vân thay mình lấy Kim Trọng: “*Cậy em, em có chịu lời/ Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa*”. Chúng ta có thể tìm thấy nhiều ví dụ khác nữa.

Cũng là tình yêu cả nhưng khi nói đến tình yêu của nàng đối với Thúc Sinh, Kiều chưa bao giờ gọi đó là “tình” mà gọi đó là “nghĩa”:

*Đôi ta chút nghĩa đèo bông
Đến nhà trước liệu nói sòng cho mình*

Hay:

*Nàng rằng: nghĩa trọng nghìn non
Lâm Tri người cũ, chàng còn nhớ không*

Điều đó không lạ. Ngay buổi đầu gặp gỡ, nàng chỉ mong trong quan hệ của nàng với Thúc Sinh là một “*tình thương*”, chứ không phải một “*tình yêu*”:

*Thương sao cho vẹn thì thương
Tính sao cho vẹn mọi đường thì vâng.*

Trái lại, với Kim Trọng, Kiều có một thái độ khác hẳn. Kiều gọi Kim Trọng là: “*người tình chung*”, là “*người yêu*”. Khi thất thân với Mã Giám Sinh, Kiều nghĩ:

*Biết thân đến bước lạc loài
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung*

Và khi tái hồi Kim Trọng, nàng đã thốt lên:

*Người yêu ta xấu với người
Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau*

Ta còn thấy sự tinh tế, chính xác trong ngôn ngữ của Kiều, khi nàng cay đắng và tự hào nói với Kim Trọng:

*Chữ trinh còn một chút này
Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan...*

Nhìn chung, việc vận dụng ngôn ngữ nhân vật để góp phần cá thể hóa nhân vật là một đặc điểm trong Truyện Kiều, ở nhân vật chính diện cũng như nhân vật phản diện. Nhưng sắc sảo hơn là ở các nhân vật phản diện.

Tú Bà là chủ nhà chứa, mở miệng là nói đến tiền. Biết Kiều thất thân với Mã Giám Sinh, mụ chỉ lo “vốn liếng đi đời nhà ma”, Thúy Kiều tự tử nhưng không chết, mụ nghĩ “Người còn thì của hãy còn” và khi khuyên Kiều ra tiếp khách, mụ lại nói “Người ta ai mất tiền hoài đến đây”. Giọng của mụ đưa đẩy, ngọt ngào khi dụ dỗ, nanh nọc, đánh đá khi chửi mắng, lấp bắp giả hoạt khi cầu khẩn. Và đoạn mụ dạy nghề cho Thúy Kiều “Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề”, thì giọng mụ hối hả, các đoạn trong câu thơ như đuổi bắt nhau:

*Chơi cho liễu chán hoa chê
Cho lăn lóc đá, cho mê mẩn đời
Khi khéo hạnh, khi nét ngài
Khi ngâm ngợi nguyệt, khi cười cợt hoa
Đều là nghề nghiệp trong nhà...*

Có cảm giác mụ đang “sống” với những điều mụ nói. Cái say sưa, cái sôi nổi của Tú Bà khi dạy Kiều làm đi khiến ta cảm thấy như mụ đang hồi tưởng dĩ vãng “oanh liệt” một thời của mụ. Tất cả những điều ấy chỉ có thể xảy ra với Tú Bà, một kẻ vốn từng làm đi và giờ đây “làng chơi đã trở về già hết duyên”, chứ không thể ở bất cứ ai khác.

Còn nhiều nhân vật phản diện khác mà ngôn ngữ cũng “sống” không kém gì ngôn ngữ Tú Bà, chẳng hạn Mã Giám Sinh, Sở Khanh... Nhưng ta chỉ đi sâu vào lời ăn tiếng nói của cặp vợ chồng Thúc Sinh, hai nhân vật có những nét cá tính đặc biệt sinh động.

Nguyễn Du giới thiệu Thúc Sinh là một tay “...quen thói bốc trời/ Trăm nghìn đổ một trận cười như không”. Vì vậy, khi Thúc Sinh hứa hẹn với Thúy Kiều:

*Sinh rằng: hay nói dè chừng
Lòng đây lòng đấy chưa từng hay sao?*

Đường xa chỗ ngại Ngô Lào

Trăm điều hãy cứ trông vào một ta

thì chúng ta cảm thấy có cái gì mâu thuẫn với bản chất Thúc Sinh, có cái gì trống rỗng, lớn lối. Thúc Sinh nói rất khẳng định mà người đọc lại ngỡ vực. Đặc điểm ngôn ngữ Thúc Sinh chính là ở đây.

Lúc Kiều ở Quan Âm các, nhân buổi Hoạn Thư vắng nhà, Thúc Sinh đến tự tình với Kiều. Thúc Sinh khóc nức nở (*"Giọt châu tâm tã đầm tràng áo xanh"*) và tỏ ra rất đau khổ khi thấy Kiều bị hành hạ. Chàng phân trần cảnh ngộ của mình và khuyên Kiều trốn đi nơi khác. Thúc Sinh cố nói cho tha thiết, xúc động nhưng tác dụng khách quan của lời nói lại tạo ra sự hài hước:

Vì ta cho lụy đến người

Cát lăm ngọc trắng thiệt đời xuân xanh

Quản chi lên thác xuống ghềnh

Cũng toan sống thác với tình cho xong

Câu nói khoa trương ấy khiến ta nghi ngờ cái quyết tâm *"Sống thác với tình"* của Thúc Sinh. Nhưng rồi Thúc Sinh nói tiếp:

Tông đường chút chữa cam lòng

Nghiến răng bẻ một chữ đồng làm hai

khiến ta không những không xúc động với cái *"nghiến răng"* của Thúc Sinh mà ngược lại, còn nhận ra sự lộ bịch trong những lời nói ấy. Thực ra, với Thúc Sinh, Nguyễn Du không có dụng ý trào lộng, mà trong chừng mực nào đó, nhà thơ còn có cảm tình với nhân vật này. Trong mười lăm năm lưu lạc của Thúy Kiều, Thúc Sinh vẫn là người biết đưa cánh tay mình ra – dù là một cánh tay yếu đuối – để cứu lấy đời nàng. Có điều, mặc dù có cảm tình với nhân vật, nhà thơ đã không can thiệp vào nhân vật mà để nhân vật tự phát triển, hành động, nói năng theo quy luật riêng của nó. Nguyễn Du không có dụng ý trào lộng nhưng chính sự yếu đuối của Thúc Sinh đã biến chàng thành một nhân vật, nhiều khi như là đối tượng của sự trào lộng, khôi hài.

So với Thúc Sinh, phải nhận là, về tính cách cũng như ngôn ngữ, Hoạn Thư sâu sắc, kín đáo hơn rất nhiều. Về tính cách của Hoạn Thư, Thúy Kiều đã có một nhận xét rất xác đáng: *"Người đâu sâu sắc nước đời."*

Có khá nhiều điều lý thú khi đi sâu phân tích tâm lý, tính cách nhân vật quý tộc phản diện *"sâu sắc nước đời"* này, nhưng chúng ta chỉ dừng lại ở lĩnh vực ngôn ngữ. Vì là người *"sâu sắc"* nên ta rất khó tìm thấy một đặc điểm tâm lý nào

nổi bật biểu hiện trong ngôn ngữ của mẹ. Máu ghen của Hoạn Thư là “đâu có lạ đời nhà ghen”, thế mà trước mặt Thúc Sinh, Hoạn Thư vẫn ăn nói ngọt ngào:

Cách năm mây bạc xa xa

Lâm Tri cũng phải tính mà thân hôn

Thấy Thúc Sinh – Thúy Kiều tự tình ở Quan Âm các, Hoạn Thư vẫn “Cười cười nói nói ngọt ngào/ Hỏi rằng: chàng ở chốn nào lại chơi”.

Đến khi bị xử tội trước tòa án Thúy Kiều, Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu mà ngôn ngữ vẫn bình tĩnh, mực thước:

Rằng: tôi chút phận đàn bà

Ghen tuông thì cũng người ta thường tình

Nghĩ cho khi các viết kinh

Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo

Lòng riêng riêng những kính yêu

Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai

Trót lòng gây việc chông gai

Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng...

Có thể nói tính chất “không đặc điểm” ấy (không bộc lộ tình cảm thật, ý nghĩ thật, nhiều tính chất lý trí trong ngôn ngữ) là đặc điểm ngôn ngữ đối thoại của Hoạn Thư. Trái lại, khi suy nghĩ một mình hay khi than thở với người tin cẩn (với mẹ chẳng hạn) thì ngôn ngữ của Hoạn Thư mới bộc lộ chân tướng của mẹ:

Ví bằng thú thật cùng ta

Cũng dung kẻ dưới mới là lượng trên

Dại chi chẳng giữ lấy nền

Hay chi mà rước tiếng ghen vào mình

Lại còn bưng bít giấu quanh

Làm chi những thói trẻ ranh nực cười

Tính rằng cách mặt khuất lời

Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho

Lo gì việc ấy mà lo

Kiến trong miệng chén có bò đi đâu

Làm cho nhìn chẳng được nhau

Làm cho đầy đọa cát đầu chẳng lên

Làm cho trông thấy nhãn tiền

Cho người thăm ván bán thuyền biết tay

4.

Trên đây, chúng tôi đã cố gắng nêu lên một số đặc điểm trong ngôn ngữ nhân vật *Truyện Kiều* và việc vận dụng nó. Cần phải nói thêm rằng các đặc điểm ấy không tồn tại một cách tách bạch, có ranh giới rõ rệt trong tác phẩm như những kết luận mà nhiều khi chúng xen kẽ, bổ sung cho nhau. Cũng cần phải nói rõ, sự khái quát trên đây là nhằm vào những hiện tượng chính, nổi bật và tương đối phổ biến, chứ không bao hàm tất cả mọi hiện tượng, mọi cá biệt.

Về việc vận dụng nó, nếu chúng ta so sánh với ngôn ngữ nhân vật trong tác phẩm văn học hiện đại thì có thể thấy rõ, ngôn ngữ nhân vật trong *Truyện Kiều* còn hạn chế về phương diện cá thể hóa nhân vật. Thành phần ước lệ trong ngôn ngữ bản thân nó trái với tính chất sinh động, sắc cạnh, độc đáo trong việc cá thể hóa nhân vật. Thành phần hiện thực có ưu thế hơn nhưng lại ít nhiều bị hạn chế do loại hình thơ ca. Thêm nữa, *Truyện Kiều* tuy có chú ý nhiều đến việc xây dựng hình tượng, phân tích tâm lý nhân vật nhưng dù sao cũng chưa thoát khỏi phong cách của một chuyện kể: Vai trò thuyết minh của tác giả khá lớn trong tác phẩm và ngôn ngữ tác giả có khi đã xâm nhập vào ngôn ngữ nhân vật. Vãi Giác Duyên và sư Tam Hợp là những nhân vật phát biểu trực tiếp quan điểm triết học của tác giả, ngôn ngữ của họ nhiều khi cũng chính là ngôn ngữ của tác giả, không có màu sắc riêng biệt. Ở một số nhân vật khác, sự xâm nhập của nhà thơ cũng có nhưng mức độ ít hơn rất nhiều. Những hạn chế ấy phần nào gây trở ngại trong việc cá thể hóa nhân vật.

Nhưng so sánh với các truyện Nôm đương thời, thì ngôn ngữ nhân vật trong *Truyện Kiều* là một bước phát triển rất cao. Chúng ta nghe thấy từ cửa miệng nhân vật *Truyện Kiều* có khi là một ngôn ngữ có tính chất ước lệ nhưng lại tràn đầy nội dung hiện thực, không công thức, không giả tạo mà súc tích, sinh động tuyệt vời.

Sử dụng ngôn ngữ nhân vật trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du có ý thức rõ ràng về việc vận dụng nó như một phương tiện để bộc lộ tính cách nhân vật. Không thoát ly truyền thống nhưng Nguyễn Du đã sáng tạo rất nhiều trên cơ sở truyền thống ấy.

Cần phải nghiên cứu nhiều mặt nữa mới có thể đi đến một kết luận chính xác, khoa học về sự phát sinh và phát triển của chủ nghĩa hiện thực ở Việt Nam. Nhưng ở đây, qua việc nghiên cứu ngôn ngữ nhân vật trong *Truyện Kiều*, ta có thể sơ bộ nêu lên một kết luận có tính chất giả định là: Trong văn học Việt Nam,

chủ nghĩa hiện thực chỉ có thể ra đời khi nó phá vỡ toàn bộ những phương thức biểu hiện có tính chất ước lệ tượng trưng của nghệ thuật phong kiến, và *Truyện Kiều* là một tác phẩm đang ở giai đoạn cuối cùng của quá trình biến chứng ấy.

Luyện tập

1. Thảo luận: Bạn hiểu thế nào là tính chất ước lệ khi mô tả một người, một hoàn cảnh, một giải pháp, một kết quả...? Mỗi bạn lấy một ví dụ bằng vài câu trong *Truyện Kiều* để minh họa cho ngôn ngữ ước lệ.
2. Thảo luận: Trong thời hiện đại, chúng ta có còn dùng cách ước lệ khi nói và viết không? Mỗi bạn hãy lấy một nhân vật trong *Truyện Kiều* để nói về tính cách, diện mạo, hành động... của một hạng người bạn đã gặp trong cuộc sống.
3. Tìm ví dụ: Mỗi bạn hãy lấy một nhân vật trong phim ảnh, trên sách báo, trong giới showbiz để nói về tính cách, diện mạo, hành động... của một hạng người bạn đã gặp trong cuộc sống.
4. Thảo luận: Cách diễn tả bằng ngôn ngữ hiện thực khác với cách diễn tả ước lệ như thế nào? Hãy lấy một ví dụ từ *Truyện Kiều* và chuyển cách nói ước lệ đó sang cách nói hiện thực.
5. Thảo luận: Thế nào là sự tinh tế trong nói năng? Hãy nhắc lại và giải thích sự tinh tế của Kiều qua ví dụ đã cho trong bài mới học. Mỗi bạn hãy tìm thêm một ví dụ khác và phân tích sự tinh tế của cách nói đó.
6. Thảo luận: Sự tinh tế được thể hiện chủ yếu ở cấp độ từ ngữ hay ở cấp độ khác? Tinh tế thể hiện ở cấp độ nào nhiều hơn? Mỗi bạn hãy tìm một ví dụ bằng hai câu nói cùng một ý nhưng một câu thô kệch và một câu tinh tế.
7. Thảo luận: Trong câu Kiều “*Lòng đâu sẵn mối thương tâm/ Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm châu sa*”, có thể thay chữ “*thoắt nghe*” bằng chữ “*nghe xong*”, “*vừa nghe*”, “*mới nghe*” được không? Tại sao? Có thể thay chữ “*đầm đầm*” bằng chữ “*âm âm*”, “*thì thầm*”, “*lầm bầm*” được không? Tại sao?
8. Viết tiểu luận theo một ý tùy chọn sau khi thảo luận.

PHẦN 2

Tác phẩm *Faust* của Goethe

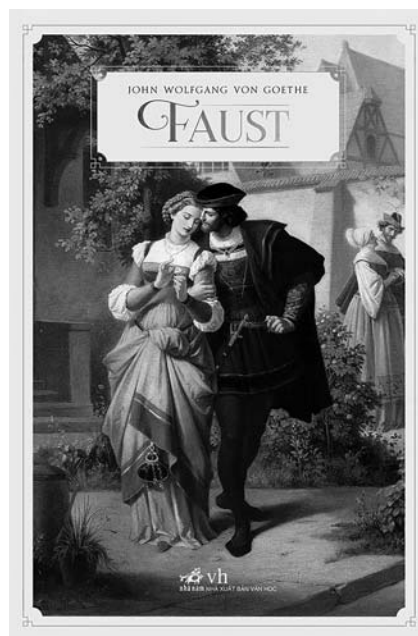
BÀI NHẬP

TẠI SAO HỌC *FAUST*?

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Phần trước của môn Văn Lớp 9 đã dành cho bạn năm tháng liền sống hết mình trong *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du. Là người Việt Nam, bạn không thể nên người nếu thiếu Nguyễn Du và *Truyện Kiều*. Nguyễn Du và *Truyện Kiều* nhắc nhở bạn rằng tất cả chúng ta có một tổ quốc Việt Nam nói tiếng Việt. Nguyễn Du và *Truyện Kiều* luôn luôn thì thầm vào tai bạn hãy nhớ bát canh rau muống quả cà dầm tương đầm mồ hôi và nước mắt của dân tộc. Học Nguyễn Du và *Truyện Kiều* là để yêu, không học để đi thi – yêu mình, yêu người, và sống tiếp cuộc đời mình cho mình, cho cộng đồng, cho tương lai của đất nước này.

Bây giờ các bạn sẽ học sang một phần khác mà chúng ta sẽ gọi tên mục tiêu của giai đoạn học Văn này là *học mơ tưởng hái sao trên trời*. Chúng ta sẽ cùng nghiên cứu tác phẩm *Faust* của thi hào Đức Goethe (Quang Chiến dịch từ nguyên bản tiếng Đức, NXB Văn học, 2001). Đừng nghĩ học *Faust* chỉ xui ta mơ mộng. Người biết hái sao trên trời là người trước hết biết hái sao trong lòng mình. Đó là con người luôn luôn vươn cao theo một lý tưởng. Và trên con đường đến với và dần dần gần như đạt tới lý tưởng, con người ấy luôn luôn phải nhìn sâu vào nội tâm mình, nơi đó luôn luôn xảy



ra tranh chấp giữa cái Thiện và cái Ác, giữa cái Đẹp và cái Thô lỗ, giữa Khoan dung và Thù hận.

Trước hết, xin bạn hãy hiểu qua tác phẩm *Faust* đôi chút.

Trong vòm trời văn học Đức, Johann Wolfgang von Goethe (1749–1832) là một trong những vì sao sáng nhất – nếu không muốn nói là vì sao sáng nhất. Và trong sự nghiệp đồ sộ của thiên tài đa năng này – ông là thi sĩ, tiểu thuyết gia, kịch tác gia, nhà nghiên cứu nghệ thuật, khoa học và còn là chính khách nổi tiếng của công quốc Weimar – vở bi kịch *Faust* được nhiều nhà nghiên cứu coi là kiệt tác vĩ đại nhất của văn học Đức mọi thời đại.

Đề cập đến văn hóa – văn học Đức, không thể không nhắc tới tác phẩm bất hủ này. Từ một truyện dân gian Đức nổi tiếng hồi thế kỷ 16, với nhiều dị bản khác nhau – câu chuyện về số phận nhà bác học Faust ràng buộc với quỷ Lucifer bởi một hợp đồng kỳ dị: *Giao kèo bán linh hồn* – Goethe đã dựng nên một công trình kỳ vĩ hàm chứa cả triết học và nghệ thuật, lịch sử và xã hội, nhân học và khoa học tự nhiên, một tượng đài sừng sững trong văn hóa nhân loại suốt hai thế kỷ nay.

Faust của Goethe là một vở bi kịch chia làm hai phần: *Faust – Phần một* (chính thức ra mắt năm 1808) và *Faust – Phần hai* (xuất bản năm 1832 ít lâu sau khi Goethe qua đời), gồm tất cả 12.111 câu thơ. Giữa hai thời điểm xuất bản hai phần ấy, là 24 năm: Goethe đã dành gần trọn một phần tư thế kỷ còn lại của đời mình để hoàn thành tác phẩm trước khi khép mắt vĩnh viễn. Thực ra, Goethe đã khởi thảo tác phẩm từ năm 1772 dưới cái tên là *Urfaust*, gồm 22 màn, phần lớn là bằng thơ xen lẫn một số đoạn văn xuôi, nhưng ông không thỏa mãn, đã vứt bỏ. Vậy là *Faust* đã “ngốn” sáu mươi năm của cuộc đời đại văn hào!

Trong quãng thời gian hơn nửa thế kỷ thai nghén tác phẩm, biết bao biến cố xã hội – lịch sử đã diễn ra cùng những chuyển động trong quá trình châu Âu bước vào thời kỳ đại công nghiệp, dội những âm hưởng đa thanh vào tâm thức tác giả, chuyển hóa thành những chiều kích phong phú bất ngờ. Nếu như ở *Faust – Phần một*, chuyện kịch chỉ diễn ra nơi “hạ giới”, với một nhân vật Faust, do thất vọng trong những cố gắng khám phá bí mật của vũ trụ không thành, đành nhắm mắt bán linh hồn cho quỷ Méphistophélès, một Faust lầm lạc do bị “ma đưa lối quỷ đưa đường” (ma quỷ ở đây hiện thân là Méphisto) dẫn vào cuộc phiêu lưu tình ái đầy oan trái với Gretchen, thì không gian của *Faust – Phần hai* lại là tiên giới, là *macrocosmos* “đại vũ trụ”, trong đó Faust thấy mình thức

dậy giữa các thánh thần, tiên nữ, thay vì dưới địa ngục như trong truyện dân gian khởi nguyên. Khác với *Faust* – Phần một chỉ tập trung vào chuyện bán linh hồn – hệ quả của vụ đánh cược điên rồ của Méphisto với Thượng Đế: Cạm bẫy “bề tôi sùng ái” của Người là Faust –, năm hồi của Phần hai đề cập những chủ đề khác nhau: triết học, lịch sử, tôn giáo, những phạm trù huyền bí, tâm lý học. Trước một Faust thỏa mãn, đắm chìm với người vợ mới cưới là nàng Hélène thành Troie, Méphistophélès quyết định đoạt lấy linh hồn nhà học giả, nhưng linh hồn ấy không bị đẩy địa ngục nhờ lời cầu nguyện của Gretchen. Và như các thiên thần, sứ giả sự khoan dung của Chúa, thông báo: “Những kẻ vươn lên đáng được cứu chuộc”. Phần hai kết thúc bằng câu thơ bất hủ: “Cái Hằng Nữ nâng chúng ta lên (*das Ewig-Weibliche zieht uns hinan*)”.

Có biết bao kiến thức minh tuệ trong nội hàm mệnh mông của kiệt tác này mà người ta coi như một bộ bách khoa toàn thư. Trải qua hơn hai thế kỷ, hàng ngàn công trình nghiên cứu khoa học đã khai thác “mỏ vàng” bất tận này. Nhà văn Mỹ gốc Đức Paul Carus (1862–1919) nhận định *Faust* của Goethe có tầm ảnh hưởng “chỉ thua chút ít so với Kinh Thánh”. Faust, “bề tôi của Chúa”, “càng vươn lên càng lầm lạc”, thể hiện ý niệm nhị nguyên của Goethe, đúng như khẳng định của một nhà văn Mỹ gốc Đức khác, Walter Kaufmann (1921–1980): “Goethe đã sáng tạo một nhân vật mà nhân dân Đức đã chấp nhận như là nguyên mẫu lý tưởng của mình”.

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Chắc hẳn có bạn sẽ nghĩ tác phẩm *Faust* của Goethe thì có liên quan gì đến mình, thì có ý nghĩa gì trong giai đoạn chuẩn bị vào đời hay cho cả cuộc sống mưu sinh sau này? *Faust* của Goethe là tuổi thanh xuân vĩnh cửu, là niềm khát khao, niềm say mê hiểu biết bất tử, là TÌNH YÊU ở ý nghĩa bay bổng, lãng mạn của từ này. Đó là lý do Cánh Buồm chọn *Faust* của Goethe tặng các bạn. Chương trình Cánh Buồm tin tưởng vào “công cụ tinh thần” tự học – tự giáo dục đã trao vào tay các bạn dù chỉ qua hai môn học “làm mẫu” (học giỏi tiếng Việt trên nền tảng ngôn ngữ học, am tường nghệ thuật trên cơ sở biết làm ra tác phẩm nghệ thuật), nghĩ rằng các bạn đủ sức đến với *Faust* của Goethe.

Chủ nghĩa Lãng mạn ở nước Đức hồi thế kỷ 18 sang đầu thế kỷ 19, trong đó có trào lưu *Bão táp và xung kích*, quy tụ những gương mặt lỗi lạc của văn hóa Đức: Đó là những triết gia đồng thời là thi sĩ hoặc thi sĩ đồng thời là triết gia, trong đó nhất thiết phải kể đến Friedrich Schiller (bạn đã học

trong *Văn Lớp 6 Cánh Buồm*), bạn tri kỷ của Goethe và cũng là người đã động viên Goethe hoàn tất tác phẩm *Faust*. Các triết gia Đức ở thời kỳ này là các triết gia duy tâm, nhưng không nên hiểu theo nghĩa duy tâm đối lập với duy vật (như cách đặt câu hỏi tinh thần hay vật chất cái nào có trước). Các nhà duy tâm này phân biệt hai thế giới: Một thế giới của những “ý niệm”, của “cõi trời”, tách rời khỏi thế giới của kinh nghiệm, của “cõi trần gian”. Vì thế triết học, văn chương, và cả âm nhạc nữa (tiêu biểu là nhạc Beethoven) đều nói tới “tình yêu”, “cuộc sống” ở cấp độ cao nhất, mà điều cao siêu nhất là tình yêu tự do, Thượng đế, tình bằng hữu (*Tụng ca niềm vui* của Schiller, Beethoven đã đưa bài thơ này vào bản giao hưởng số 9 của ông, bản giao hưởng cuối cùng của ông, và là bản giao hưởng đầu tiên trên thế giới có sử dụng dàn hợp xướng).

Hãy đọc một đoạn trích vở kịch *Wilhelm Tell* của Schiller dưới đây: Hóa ra những kẻ “hái sao” lãng mạn ấy lại là những nhà tiên phong cho nền dân trị cụ thể sau này trên trái đất, trong đó có “tám giấy khai sinh” của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gần 200 năm sau đó, trong đó ghi rõ những quyền “bất khả chuyển nhượng” của con người:

Vậy là trên đất tổ tiên truyền hưởng tự ngàn năm
Ta họp nhau phải lén lút, phải vụng thắm
Như kẻ giết người. Phải nương vào đêm tối
Màn hắc ám chuyên dành cho tội lỗi
Cho âm mưu vốn sợ ánh dương quang,
Để tìm lấy quyền ta, quyền lợi đảng hoàng
Và thanh khiết như ngày trời rực rỡ.

...

Không! Bạo chính cũng chỉ có chừng nào mức độ,
Khi con người bị ức tìm không ra công lý nơi nao,
Khi dưới sức đè không chịu nổi gắt gao
Thì, họ sẽ với tận trời, lòng đầy tự tín,
Để đòi lấy lợi quyền, vẫn treo cao vĩnh viễn
Như vòm sao trên đó không chuyển không dời.

(Kịch *Wilhelm Tell* của Friedrich Schiller, Tất Thắng, Nguyễn Đình Nghi, Thế Lữ dịch, NXB Lao động và Trung tâm Văn hóa Đông Tây xuất bản năm 2009).

Không! Bạo quyền chuyên chế có một giới hạn
Khi kẻ bị đàn áp không biết tìm công lý ở đâu
Khi gánh nặng trở nên không chịu đựng nổi
Kẻ bị áp bức đứng cảm lên tận trời cao
Lấy xuống những quyền hạn vĩnh cửu của mình
Những quyền hạn bất khả xuất nhượng
Được treo lên trời cao
Và bất hoại như những vì sao

(Kịch *Wilhelm Tell* của Friedrich Schiller, Bùi Văn Nam Sơn trích dịch đưa vào *Trò chuyện triết học*, NXB Tri thức, 2012).

Cũng chính vì lẽ ấy mà các nhà lãng mạn Đức rất có thiện cảm với cuộc Cách mạng Pháp, cuộc cách mạng dân quyền mang đậm màu sắc lãng mạn đầu tiên của loài người. Các nhà lãng mạn cũng hưởng thiện cảm của họ tới những nhân vật lịch sử có tính cách “khổng lồ”. Năm 1808, Beethoven viết bản Giao hưởng số 3 cung Mi giáng trưởng, thoát đầu định đề tặng Napoléon mà khi đó ông ngưỡng mộ như là tiêu biểu cho tinh thần dân chủ. Sau khi được tin Napoléon xưng vương, ông thất vọng, quyết định bỏ ý định ấy, song vẫn giữ tên là bản Giao hưởng Anh hùng (*Sinfonia Eroica*)

Các nhà lãng mạn Đức tỏ ra tương phản với các nhà Khai minh (xưa nay ta vẫn quen gọi là “Khai sáng”). Các nhà Khai minh đề cao lý trí, đề cao sự nhận thức bằng lý trí, kêu gọi sự “dám biết”. Nhưng đồng thời các nhà Khai minh lại nhận ra sự giới hạn của nhận thức con người. Các nhà lãng mạn Đức đề cao con tim, bản năng, cảm xúc, kêu gọi sự “dám yêu”. Chính vì lẽ này mà các tác phẩm của các nhà lãng mạn Đức thấm đượm chất “bay bổng”, chất “hiệu triệu”, và có thể nói ở *Faust* của Goethe còn là chất “sử thi” nữa. Có thể nói không ngoa rằng *Faust* của Goethe là sử thi vĩ đại nhất kể từ *Illiad* và *Odyssey* của Homer.

Nhưng xin lưu ý các bạn một chỗ. Con quỷ Mephisto nếu không được kiềm chế nó dễ trở thành kẻ “hư vô chủ nghĩa” đấy, tức là kẻ tự coi có thể làm bất cứ điều gì miễn là theo đúng tiếng gọi của con tim! Các nhà lãng mạn Đức cũng là những triết gia. Họ đã nhìn thấy lý tưởng “tự do” của Cách mạng Pháp dễ biến thành sự “phóng túng” cực đoan. Vì thế con đường của *Faust* rốt cục vẫn phải là quay trở về với KHOA HỌC, tức khả năng hành động dựa vào lý tính, nhưng đồng thời bỏ ngỏ khả năng cho CON TIM bay bổng.

Luyện tập

1. Thảo luận: Đọc thầm xong bài dẫn nhập, các bạn hiểu khái niệm *lãng mạn* như thế nào? Trong lịch sử Việt Nam, các bạn nhìn nhận nhân vật nào, hành động nào của nhân vật đó là mang tinh thần lãng mạn như chúng ta cần hiểu?
2. Thảo luận và viết tiểu luận: *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có đem lại cho bạn một tinh thần lãng mạn theo quan niệm như chúng ta vừa hiểu không?
3. Thảo luận và viết tiểu luận: Trong cuộc sống hiện thời, bạn thấy hiện tượng gì xứng đáng được coi là lãng mạn? Bạn nghĩ mình có thể làm gì để làm lan tỏa tinh thần lãng mạn như mong muốn?
4. Thảo luận và viết tiểu luận: Hiện nay, cuốn sách nào, bài thơ nào, bài hát nào, bộ phim nào, vở kịch nào... được bạn đánh giá cao theo tinh thần lãng mạn bạn mong muốn?
5. Thảo luận và viết tiểu luận: Trong cách học ở nhà trường của riêng bạn hoặc của người khác, bạn thấy cách học như thế nào phù hợp với tinh thần lãng mạn bạn mong muốn?
6. Bạn có trông chờ học tiếp tác phẩm *Faust* của Goethe không?

BÀI 7

ĐẾN VỚI TIẾN SĨ FAUST

Hướng dẫn học

Các bạn Lớp 9 thân mến,

Các bạn đã học Bài nhập và đã hiểu vì sao chương trình Cánh Buồm lại chọn tác phẩm *Faust* của đại thi hào Đức Johann Wolfgang Goethe cho các bạn học trong cả năm học – coi như tác phẩm lớn này của loài người sẽ cùng với *Truyện Kiều* của Nguyễn Du tạo thành một đỉnh cao kết thúc chín năm học Văn của các bạn.

Kế hoạch học tác phẩm *Faust* của Goethe sau Bài nhập sẽ diễn ra như sau:

1. Phần mở đầu *Đến với tiến sĩ Faust* giúp các bạn có cái nhìn tổng quan về tác giả và tác phẩm, và liền sau đó thì nghiên cứu *các nhân vật* trong vở kịch thơ đồ sộ này. Thực ra việc học một tác phẩm *Faust* cũng cần một thời gian không thể ngắn hơn thời lượng dành cho *Truyện Kiều*. Việc chọn học các nhân vật giúp thu gọn thời gian học lại nhưng vẫn giúp các bạn hình dung diễn biến của toàn bộ vở kịch thơ này.

Do chỗ tác phẩm *Faust* không dễ hiểu (thậm chí khó hiểu, do đó cũng khó học), nên các bạn sẽ được cung cấp bổ sung hai bài đọc thêm liền sau *Lời dẫn*.

Bài đọc thêm thứ nhất là của GS. TS. Volkmar Hansen, Giám đốc Viện Bảo tàng Goethe – Düsseldorf, in làm *Lời bạt* ở cuối sách *Faust* bản tiếng Việt. Bài này giúp các bạn hiểu thêm bối cảnh Goethe soạn tác phẩm *Faust*. Từ một câu chuyện dân gian thông thường như bao nhiêu chuyện kể dân gian khác, Goethe đã xây dựng mới thành một tác phẩm với tư tưởng sâu sắc về Thiện và Ác trong tâm lý con người. So với những gì các bạn đã học trong tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thì *Faust* đưa chúng ta tới một chân trời khác. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đưa chúng ta tới lòng đồng cảm với những *thân phận người khác*, thì *Faust* đưa chúng ta tới suy tư và đồng cảm với *thân phận người trong bản thân mỗi con người chúng ta*. Một tác phẩm ở tầm con người của Việt Nam, và một tác phẩm ở tầm con người của nhân loại.

Bài đọc thêm thứ hai được cung cấp tiếp cho các bạn để bổ sung tư liệu về *các nhân vật* trong tác phẩm *Faust*. Lẽ ra, như các bạn đã học trong phần Kịch

nghệ (sách *Văn Lớp 7 Cánh Buồm*), việc học kịch cần diễn ra theo lối chơi kịch. Nhưng vì nhiều lý do, chúng ta sẽ giới hạn việc chơi kịch *Faust* ở hình thức đọc kịch bản – và ngay cả đọc kịch bản thì cũng rất hạn chế vì tài liệu rất dài (hơn 700 trang). Dầu sao, bài đọc thêm thứ hai về các nhân vật trong kịch *Faust* cũng tạm đủ để các bạn hình dung sự diễn biến của vở kịch.

2. Phần tiếp theo là *Màn giáo đầu ở nhà hát* sẽ giúp các bạn hiểu lý tưởng nghệ thuật của Goethe qua nhân vật Nhà thơ và những cuộc tranh luận với Giám đốc nhà hát cùng vai Hề. Hai nhân vật Giám đốc nhà hát và anh Hề là hai phát ngôn phản biện để Nhà thơ bộc lộ hết mình. Các bạn sẽ nhận ra tính chất *lý tưởng chủ nghĩa* của con người mà Nhà thơ muốn cùng vươn tới.

3. Phần tiếp theo nữa là *Khúc dạo đầu ở Thiên đường* sẽ giúp các bạn hình dung sự giằng giạt linh hồn một con người giữa “Chúa” và “Quỷ” song thực ra đó chính là sự tranh chấp trong nội tâm của từng con người, ở một con người, trong mỗi con người.

Ngay từ *Bài mở đầu* về việc học Văn ở Lớp 9 của các bạn – lớp kết thúc chín năm học trường phổ thông – thời điểm đánh dấu sự trưởng thành của các bạn để sẽ vào đời theo một trong ba hướng (kiếm sống, học nghề, học lên cao), trong năm học này, các bạn sẽ chỉ học hai tác phẩm lớn: *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và *Faust* của Goethe. Hai tác phẩm đó đủ “gói ghém” quá trình học Văn của các bạn suốt chín năm học. Những năng lực nghệ thuật được gây dựng cho các bạn từ Lớp 1 (lòng đồng cảm) và trong những năm tiểu học (các thao tác làm ra tác phẩm nghệ thuật) qua những năm trung học cơ sở (cảm hứng và cách làm ra các thể loại tác phẩm khác nhau) nay được vận dụng vào chỉ hai tác phẩm – hai cái mẫu của sự trưởng thành về nghệ thuật của con người.

Một cái mẫu mang tính dân tộc – qua *Truyện Kiều*, chúng ta nhận ra rõ ràng tiếng Việt của dân tộc chúng ta đã là một ngôn ngữ đủ sức diễn đạt một cách hấp dẫn thân phận và tình cảm người Việt. Ngôn ngữ đó cũng đủ sức chuyển ngữ *Faust* để nhận ra từ tác phẩm này thân phận và tình cảm loài người – loài người trong mỗi con người, những sinh mệnh tuyệt vời luôn luôn tiến lên trong lầm lạc.

Xin mời các bạn bắt đầu.

ĐẾN VỚI TIỀN SĨ FAUST

Lời dẫn

J. W. Goethe (1749–1832) được vinh danh là người Đức vĩ đại nhất. Ông là nhà thơ xuất chúng, nhà nghiên cứu lý luận văn học nghệ thuật, triết học và nhiều ngành khoa học tự nhiên nổi tiếng của công quốc Weimar trong thế kỷ 19 và là người đại diện tiêu biểu nhất của nền văn học cổ điển và văn học quốc gia Đức. Hơn nữa, với tư cách là một quan thượng thư của triều đình Weimar, ông cũng có những đóng góp quý báu cho sự phát triển của vương quốc, nhất là trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, tài chính, giao thông, khai thác mỏ...

Ở tuổi 25, với tiểu thuyết đầu tay *Nỗi đau của chàng Werther*, Goethe sớm trở thành ngôi sao sáng trên vòm trời văn chương châu Âu, tạo nên những dư chấn sâu ở nhiều nước ngoài biên giới Đức, khiến trong nhiều thập kỷ, bạn đọc trẻ đua nhau ăn mặc theo một thời trang của hai nhân vật chính là Werther và Lotte, cũng như hành hương đến mộ chí của Jerusalem là hình mẫu của tác phẩm.

Ở tuổi 83, trước khi khép lại cuộc đời đầy sáng tạo và cống hiến, Goethe để lại cho dân tộc Đức một tác phẩm vô cùng sâu sắc và uyên bác, một công trình văn chương đậm chủ nghĩa nhân văn và nhân học triết học mà ngày nay được suy tôn là tượng đài uy nghi và đặc sắc của nền văn học cổ điển Đức: Tác phẩm *Faust*, một vở kịch thơ với 12.111 câu thơ hết sức phong phú và đa dạng về thể loại, và về nội dung... được giới nghiên cứu nhiên quốc gia nhìn nhận như một bách khoa thư, hàm chứa trong đó toàn bộ tri thức của thời đại mà tác giả sống cũng như những dự báo về xu thế phát triển của xã hội trong tương lai.

Hơn hai thế kỷ đã trôi qua kể từ khi *Faust – Bi kịch*, phần thứ nhất được xuất bản (1808). Hàng vạn công trình nghiên cứu văn hóa ở Đức, các hiệp hội Goethe trong nước và quốc tế vẫn tiếp tục tìm hiểu và khám phá những điều mà vĩ nhân Goethe đã đề cập trong tác phẩm của ông. Thực tế là, việc lý giải, cắt nghĩa, bình luận về *Faust* không dễ, bởi vì Goethe không viết vở kịch trong một khoảng thời gian nhất định, mà ông sáng tác gần như theo suốt cuộc đời mình: 60 năm! Bản thảo đầu tiên được viết cùng thời gian với tiểu thuyết *Nỗi đau của chàng Werther*, theo tinh thần của trào lưu văn học *Bão táp và xung kích*. Đó là bản thảo *Faust* khởi nguyên (*Urfaust*), viết năm 1773. Nhưng Goethe không hài lòng với bản thảo này, và ông đã vứt bỏ. Mãi đến khi có quan hệ mật

thiết với Schiller, Goethe mới quyết tâm viết *Faust* và kịp kết thúc công trình đồ sộ này trước khi qua đời năm 1832.

Sáu mươi năm là một khoảng thời gian dài với biết bao biến động lịch sử lớn song hành cùng quá trình hình thành nền dân chủ tư sản và thế giới bước vào thời đại công nghiệp. Tất cả những biến động lịch sử ở Đức và châu Âu đã được Goethe hết sức cố gắng đưa vào hệ thống đề tài đa dạng đa tầng của tác phẩm, khiến cho vở kịch *Faust* có tính chất tổng hợp và khái quát lịch sử rất lớn. Tuy nhiên, xử lý các dữ kiện lịch sử trong quãng thời gian trải qua nhiều thế kỷ là việc khó. Chúng ta thấy *Faust* trong màn độc thoại mở đầu tác phẩm hiện thân là một học giả thời trung cổ, nhưng đến cuối tác phẩm đã trở thành ông chủ của thời kỳ tiền tư bản, có các thương thuyền và những lao công đập đê chắn biển. Suốt con đường đời của *Faust* luôn ẩn hiện nhiều sự kiện lịch sử, qua nhiều thời đại khác nhau: Ví dụ như nghệ thuật hùng biện vốn được coi như lý tưởng giáo dục của thời kỳ Baroque cuối thế kỷ 17, khát vọng bay cao vào vũ trụ bằng khinh khí cầu của anh em nhà Montgolfier (1783), cách mạng tư sản Pháp, sự kiện phát minh ra tiền giấy hoặc sự lớn mạnh về kinh tế của giai cấp tư sản châu Âu...

Để có thể chuyển tải lịch sử và nhiều kiến thức uyên thâm của mình về triết học, xã hội, văn chương, khoa học tự nhiên... vào tác phẩm, Goethe sử dụng vô số hình ảnh, biểu tượng, sự tích thần thoại, các phép ẩn dụ, phúng dụ hoặc tục ngữ, cách ngôn xuất xứ từ văn hóa nghệ thuật thời cổ đại, từ Kinh Thánh, từ truyền thống văn hóa xã hội của châu Âu, các nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng dân gian, văn học dân gian... Điều này cũng lý giải vì sao ngày nay, tác phẩm tâm huyết của Goethe, nhất là phần thứ hai của bi kịch, không dễ đọc dễ hiểu với bạn đọc Đức trẻ tuổi. Hay nói một cách khác, tác phẩm uyên bác của thiên tài văn chương Đức rất kén chọn độc giả, đòi hỏi người đọc phải có một tầm cao văn hóa, phải đọc nhiều biết rộng, thì mới đạt sự tiếp cận sâu và thấu đáo với *Faust*.

Ngoài nội dung phê phán sâu sắc, hóm hỉnh và đôi khi mang màu sắc châm biếm hài hước của tác giả đối với xã hội đương thời, chế độ phong kiến bất nhân và các đại diện tham lam, lạm quyền của Thiên Chúa giáo, tác phẩm có đề tài xuyên suốt là con người, mà *Faust* chính là đại diện. Thông qua nhân vật này, Goethe kết hợp thể hiện tư tưởng của F. Schiller, người bạn văn chương của ông, về đặc tính nhị nguyên của bản chất con người và sự cố gắng đầy bi

kịch để hòa hợp cái thần thánh và cái thân xác trần tục trong con người. Hơn nữa, *Faust* còn thể hiện quan điểm và tư tưởng của Goethe. Theo ông, sự đối lập biện chứng trong bản chất “có hai linh hồn cùng túc trực” của con người hàm chứa sức mạnh sáng tạo, hướng đến một cấp độ phát triển cao hơn, nếu khát vọng sinh tồn bảo toàn được tiềm năng không ngừng vươn lên, nếu con người không tự mẫn buông mình vào sự tĩnh lặng không có cơ hội tiến hóa và phát triển... Nhân vật Faust của Goethe trong tác phẩm không được anh hùng hóa hay lý tưởng hóa, mà thực sự là người đại diện của nhân loại, một bản thể không ngừng vươn lên và không ngừng phạm sai lầm, đường đời (của Faust) gắn liền với tội lỗi. Faust là một kẻ lầm lạc, nhưng chính nhờ bản chất không ngừng vươn lên mà cuối cùng đạt đến chân lý, tìm được mục đích cuộc sống có ý nghĩa trong hành động vì cộng đồng, trong khát vọng “muốn được cùng nhân dân tự do đứng vững trên mảnh đất tự do”. Nói theo ngôn ngữ của Chúa Trời trong màn *Khúc dạo đầu trên Thiên đường* thì Faust, hình ảnh đại diện cho nhân loại chính là:

Một người tốt trong khát vọng tối tăm

Vấn ý thức được con đường chính nghĩa!

Và *Faust* của Goethe là hiện thân cho chân lý CON NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH TRONG BỊ KỊCH.

BÀI ĐỌC THÊM 1

FAUST – MỘT ANH CHÀNG QUỶ SỬ

Một anh chàng quỷ sứ (ein Teufelskerl) – thành ngữ này trong tiếng Đức chuẩn hóa đương đại trước hết thể hiện sự tôn trọng đối với một con người làm được chuyện phi thường. Ý nghĩa đánh giá tích cực đó (đối với Faust – Q.C.), ngoại trừ một chút e sợ gây nên bởi chữ quỷ, chính là điểm kết thúc tạm thời của một quá trình phát triển ngôn ngữ mà trong đó các trọng lực đã chuyển dịch có tính chất quyết định. Tuy nhiên, khi quỷ sứ còn được cảm nhận như một mối đe dọa hiện hữu và trực tiếp, thì khía cạnh sợ hãi trước những hiểm họa đối với linh hồn và sự đầy ải nơi địa ngục vẫn còn mang tính quyết định.

*

Tính chất hai mặt, vừa quyến rũ mê hoặc vừa gây sợ hãi đã xác định hình ảnh lấp lánh của bản thân nhân vật Faust (Johann hoặc Georg Faust) trong lịch sử. Faust, có lẽ sinh khoảng năm 1480 ở Knittlingen và mất vào khoảng 1540 ở Staufen/Breisgau, từng là nhân vật bí hiểm ở thời điểm khởi đầu của một thời đại mới. Có chín bằng chứng của người đương thời xác nhận sự tồn tại của Faust và chỉ ra rằng: ông là một nhân vật gây nhiều tranh cãi trong dư luận công khai, một thầy lang có tiếng tăm, một người am tường thuật xem tướng số và các ngón nghề ma thuật chữa bệnh, đã thu hút không chỉ các nông dân và thợ thủ công mà hấp dẫn cả các chức sắc cao cấp bên thế tục lẫn trong giáo hội. Trong các diễn văn bên bàn tiệc của nhà cải cách tôn giáo Luther, người ta cũng nghe đến danh tiếng của nhà chiêm tinh và nhà kim thuật – ảo thuật, con người vừa được tán dương đồng thời bị bài bác một cách quyết liệt này.

(*Faust – Dấu vết của một cuộc đời đầy bí hiểm,*
Günter Mahal, Bern, München, 1980)

*

Điều ngạc nhiên là: sau khi Faust mất, mối quan tâm của người đời đối với ông không chấm dứt. Hơn nữa, do có một số nội dung trong truyện dân gian, vốn liên quan đến các nhân vật khác giờ lại được gán cho Faust, nên hình tượng này càng ngày càng thêm nhiều yếu tố yêu ma quái dị. Việc yêu ma hóa một nhân vật thường có nhiều ý nghĩa. Trong các truyện chép tay về “khổ hình nơi địa ngục” thì những kẻ hành động theo hình mẫu các nhân vật trong truyện, ví

dụ như Faust chẳng hạn, thường lợi dụng địa ngục làm phương tiện để giành quyền lực, tiền của hoặc phụ nữ.

*

Bước đột phá quyết định trong việc định hình hình tượng Faust là tác phẩm *Historia von Dr. Johann Fausten* xuất hiện vào mùa thu năm 1587 tại Frankfurt am Main. Vì người ta chỉ biết tên của bác thợ in sách Johann Spies nên cuốn sách dân gian này được lấy nhan đề theo tên ông. Ở đây, các truyền thống văn học thành văn và truyền khẩu đã hòa nhập vào nhau tạo nên tiểu sử hư cấu về một học giả, thể hiện vai trò của nhân dân với tư cách là những người kể chuyện. Cách nhìn của tác giả nói chung mang dấu ấn của đạo Tin Lành, đối lập với giáo hoàng và Thiên Chúa giáo, nhưng đồng thời cũng chống lại sự phục hưng và chủ nghĩa nhân văn. Những tình tiết hấp dẫn trong tác phẩm, như việc gọi hồn nàng Helena xinh đẹp hay những chuyến chu du thiên hạ của nhân vật thuộc vào những dữ kiện được người đọc yêu thích, tuy nhiên, nỗi khiếp sợ địa ngục cũng tăng lên, trở thành khúc thán ca có ý nghĩa cảnh tỉnh, và tác phẩm kết thúc với những cảnh rừng rợn. Ở đây, nhân vật Faust cũng đã luôn luôn có một bạn đồng hành là Mephisto, kẻ đã cùng ông ký giao kèo liên minh ma quỷ với thời hạn 24 năm. Tính phê phán và sức hấp dẫn hòa quyện trong tác phẩm dân gian chắc đã gây được sự chú ý trong bạn đọc, nên sau đó không lâu xuất hiện nhiều bản in lại và những truyện kể song hành tương tự. Một bản dịch tác phẩm nói trên sang tiếng Anh đã gợi nguồn cảm hứng cho Christopher Marlowe viết kịch *Tragicall History of D. Faustus*. Chính bi kịch này đã đưa nhân vật Faust vào văn học thế giới. Nhờ các đoàn kịch lưu động Anh, với việc diễn kịch rối (điều khiển bằng các đầu ngón tay hoặc bằng dây) thịnh hành thời đó tại các chợ phiên, và sau cùng là qua các ấn phẩm hội chợ, nhân vật Faust của Marlowe đã hồi hương về nước Đức.

Tác giả Khai sáng G.E. Lessing đã mở đường thay đổi cách đánh giá hình tượng Faust. Những chỉ dẫn của ông khích lệ cả một thế hệ các nhà văn thời Bão táp và Xung kích, gồm cả Goethe, trong việc sáng tạo và làm mới hình tượng này, kể từ năm 1771. Hình ảnh một người đàn bà trẻ tuổi, bình dị, dâng mình cho tình yêu được phác họa sơ khởi trong cuốn truyện dân gian đã trở thành một dữ kiện chủ yếu đối với nhà văn. Sau vụ một người mẹ giết con bị tử hình ở Frankfurt am Main năm 1772, luật sư trẻ tuổi Goethe đã thực sự bắt tay vào sáng tác vở kịch đề cập đến sự chán chường cuộc sống của một nhân vật

phi thường và về Gretchen, một người vì yêu mà phạm tội. Bản thân Goethe, những năm 1774 – 1775 đã xuất chúng trên văn đàn Đức. Tại Weimar, ông nhiều lần đọc cho bạn bè nghe tác phẩm ông viết về Faust, sau này được gọi là Faust khởi nguyên. Rồi việc sáng tác Faust bị bỏ dở. Mãi tới khi sang Ý (1787 – 1788), Goethe mới viết tiếp tác phẩm, đó là các phần “Bếp phù thủy”, “Rừng và hang động”. Và khi Faust còn ở dạng chưa hoàn chỉnh, Goethe đã cho công bố. Tuy nhiên, phải nhờ có những đóng góp đầy khích lệ và cương quyết của F. Schiller, từ năm 1797 trở đi, Goethe mới thực sự xem bị kịch Faust là công việc chủ yếu trong sự nghiệp văn chương của ông. Việc quyết định chia tác phẩm thành hai phần đã tạo điều kiện cho Goethe kết thúc bi kịch Faust – phần thứ nhất, vào năm 1806, công bố năm 1808.

*

Cái Đẹp đối với Goethe là “cái sống động theo quy luật khi ta nhìn thấy nó trong sự vận động lớn lao nhất và hoàn thiện nó”. Là cái “mà nhờ nó chúng ta cảm thấy mình được kích thích để tái tạo, đồng thời cảm thấy mình sống động và cuốn theo vào những vận động cao cả nhất” (*Campagne ở Pháp*, 11.1792). Cũng theo tinh thần ấy mà biết bao bạn đọc đã tiếp nhận cái Đẹp ở Faust và cảm thấy mình được khích lệ để sáng tạo. Việc tiếp nhận Faust còn biểu hiện qua các bức tranh minh họa, trong đó đặc biệt phải nhấn mạnh đến tranh của các họa sĩ cùng thời với Goethe như Peter Cornelius và Eugène Delacroix, và cả những phác họa của Moritz Rentzsch. Sang thế kỷ 20, đó là những loạt tranh về Faust của Ernst Barlach, Max Slevogt và Max Beckmann. Faust của Goethe cũng đã được các nhạc sĩ như Ludwig Spohr, Hector Berlioz, Robert Schumann và Charles Gounod phổ nhạc. Trong bản giao hưởng số 8, nhạc sĩ Gustav Mahler đã mang đến cho phần kết của bi kịch Faust một vẻ uy nghiêm cao quý đầy xúc động. Các sáng tác của nhạc sĩ Anton v. Radziwill, được bắt đầu từ năm 1808, đã dẫn đến buổi công diễn Faust lần đầu tiên ở Berlin vào năm 1819. Còn với tư cách là một vở kịch nói thì mãi tới năm 1829 Faust mới được công diễn ở nhiều thành phố Đức, sau khi sự thần thoại hóa quốc tế nhân vật Faust đã diễn ra từ lâu. Tác phẩm *Về nước Đức* của văn sĩ Pháp, bà de Staël, đã góp phần đáng kể vào việc này. Bà đã vinh danh Goethe trên văn đàn thế giới với tư cách là một nhà thơ Đức vĩ đại nhất. Riêng ở Đức, nhiều nhà thơ cũng đã được khích lệ sáng tạo, như: Achim v. Armin, Dietrich Grabbe, Nikolaus Lenau hay Heinrich Heine. Việc nghiên cứu khoa học toàn bộ chất liệu Faust được đẩy mạnh, đưa

đến nhiều công trình xuất bản trong những năm 40 của thế kỷ 19. Các công trình này nắm bắt tốt hơn truyền thống sách dân gian cũng như kịch múa rối. Nhân vật Faust không những càng ngày càng trở thành hình tượng của một thời đại mới, mà còn là một hiện thân cho bản sắc dân tộc Đức.

*

Thực hiện kế hoạch sáng tác của mình, từ giữa những năm 1820 trở đi, Goethe viết phần hai bi kịch, coi đó là “hoạt động chủ yếu” của ông và kết thúc tác phẩm vào năm 1831. Theo ước nguyện của Goethe, *Faust – phần thứ hai*, chỉ được công bố sau khi ông mất (năm 1832). Việc Faust được cứu rỗi trong phần kết tác phẩm của Goethe đã có tác động đến nhiều nhà văn, khiến họ tìm lại và sử dụng *Faust khởi nguyên* với việc Faust bị đày xuống địa ngục làm chất liệu sáng tác. Nhờ đó Thomas Mann đã giành được vinh quang trên văn đàn thế giới bằng tiểu thuyết *Tiến sĩ Faustus* (1947).

*

Điều gì đã khiến cho *Faust* của Goethe đặc sắc đến như vậy? Đối với một nhà thơ, trước hết đó là sức mạnh của thứ ngôn từ có khả năng biểu đạt một cách đầy ấn tượng những tư tưởng và ý niệm quen thuộc, nhờ đó vô số các câu cách ngôn ngắn gọn hàm súc trong Faust dễ dàng được ghi nhớ và đã đi vào kho tàng những danh ngôn Đức vẫn còn được ưa dùng trong thời gian này. Chẳng hạn:

*Vẻ hào nhoáng ánh lên chỉ dành cho khoảnh khắc
Còn cái Đẹp chân thuần nguyên vẹn đến mai sau.*

hoặc:

Chừng nào còn vươn lên, con người còn lầm lạc.

và:

Ta nghe thấy truyền tin, nhưng đức tin chẳng có.

hay:

A, hóa ra đây là chân tướng chú chó xù!

Trong *Faust – phần thứ hai*, các câu châm ngôn ít hơn nhiều, chẳng hạn như:

Trong tiếng Đức người ta nói dối khi người ta lịch sự.

hoặc:

*Dấu vết những tháng năm ta sống trên trần thế
Không thể nào tiêu tan, chìm xuống cõi vĩnh hằng.*

Ngoài bản dịch *Kinh Thánh* của Luther, không có một tác phẩm nào trong tiếng Đức đã để lại nhiều dấu ấn ngôn ngữ như *Faust* của Goethe.

*

Các nhân vật chính trong *Faust* cũng có những tác động tương tự. Faust hiện thân cho sự phi thường vĩ đại, là thiên tài mang tính chất Prometheus được đặt vào những giới hạn của nó. Đối lập với những cách tôn vinh, anh hùng hóa nhân vật giản đơn, tác giả đã đề cập đến những mối đe dọa về đạo đức và tinh thần. Goethe cũng làm sáng tỏ tính đa tầng, đa dạng đã dẫn đến việc Faust phạm tội đối với Gretchen, và ở phần hai, phạm tội đối với Baucis và Philemon. Về mặt tinh thần, do thiếu thốn vật chất (của cải, tiền bạc) và sự công nhận vị trí xã hội (danh tiếng, vinh quang, quyền lực), Faust đã lâm vào một cuộc khủng hoảng và muốn giải thoát khỏi nó nhờ sự trợ giúp của những sức mạnh quỷ thần. Nhưng khi niệm chú gọi thần Đất lên rồi bị vứt bỏ lại trong nỗi tuyệt vọng, Faust đã quyết định tự tử và chỉ từ bỏ ý định đó trong khoảnh khắc cuối cùng. Sự tuyệt vọng của Faust tăng dần mãi lên tới mức ông đã nguyện rửa niềm hy vọng muốn tìm đến chân lý phía sau các hiện tượng, nguyện rửa tình yêu và niềm tin, rồi sẵn sàng liên kết với quỷ sứ, kẻ hứa hẹn mang lại cho ông những gì đã mất mát, thiệt thòi, với điều kiện là ông rời bỏ thế giới cũ của ông, một thế giới muốn phát triển lên cao mãi, muốn nỗ lực vươn lên không ngừng. Tuy nhiên, ngay cả trong những giờ phút cay đắng nhất của mình, khi Faust không thể nào cứu nổi Gretchen thoát chết, và kêu lên: “Trời ơi, giá như ta đừng cất tiếng chào đời!” thì lương tâm của ông không phải là đã mất hết. Thất bại của Faust với tư cách một học giả và một người tình được lặp lại ở mức cao hơn trong các phần tiếp theo thông qua các nhân vật như Wagner và Helena. Người đồng nghiệp hoạt động khoa học của ông là Wagner đã chế ra một người tí hon chỉ có khả năng sống trong một môi trường nhân tạo. Với Helena, hiện thân cho sắc đẹp phụ nữ, và trong một không gian huyền thoại thời Trung cổ, Faust cũng đã có được những năm sống trong sự hòa hợp giữa cổ đại và hiện đại.

*

Nhân vật đối lập với Faust là Mephisto, một hình tượng của địa ngục, trong màn *Khúc dạo đầu trên Thiên đường*, hình tượng này đã xuất hiện trong đám mây tối của Chúa Trời, rồi teo tóp lại thành hiện thân cho linh hồn hưởng lạc. Thông thường Mephisto là kẻ đồng hành của Faust, là kẻ phát ngôn những chân lý, những sự thật bài bác tính lý tưởng đơn thuần. Trong một màn kịch duy nhất

bằng văn xuôi “Ngày u ám” còn giữ lại từ Faust khởi nguyên của Goethe, nhân vật Faust, ngay trước khi chuyển sang cảnh “Nhà giam” đã tìm cách phủ tay mọi tội lỗi, nhưng, bằng một sự duy lý lạnh lùng, Mephisto đã quy trách nhiệm cho Faust. Ở đây, kẻ ác đã sắp xếp Faust vào phạm vi cái ác, và phản bác: “Ông tìm búa rìu sấm sét phải không? May mà bọn phàm trần khốn khổ các ông lại không được trao vào tay thứ đó. Nghiền nát kẻ vô tội đi ngược đường mình, đấy là cách mà bạo chúa vẫn thường làm khi lúng túng phân vân”. Gắn liền với Mephisto là một bình diện ngôn ngữ châm biếm và thô tháo, dẫn lối đưa đường vào một thứ chủ nghĩa thực dụng tầm thường. Nhưng chính với Mephisto, ta mới có thể lĩnh hội được thế giới trong toàn bộ tính hiện thực của nó.

*

Nhưng Faust sẽ ra sao đây nếu không có Gretchen, người con gái đáng yêu, hấp dẫn đã đánh mất mình trước sức mạnh cám dỗ của Faust, để rồi vì trốn tránh sự phỉ báng của xã hội mà trở thành kẻ giết con? Nhân vật này không được lý tưởng hóa. Cô thêm khát đối với của cải vật chất, háo hức với những nữ trang được tặng. Quan hệ yêu đương ngây thơ và vô tội của cô không những đưa cô tới pháp trường mà còn gây nên cái chết cho mẹ và anh cô. Còn Faust, không phải vì thế mà kém phần tội lỗi; tuy nhiên, so với Faust của truyền thống, cách nhìn nhận tội lỗi giờ đây đã thay đổi. Trong thế kỷ 16, vấn đề trừng phạt được đặt lên hàng đầu, còn trong tác phẩm của Goethe lại là tội lỗi của cá nhân. Với việc hủy hoại cuộc đời của Gretchen, tội lỗi đã mang đến một nạn nhân cho chính nó mà Faust gọi đó là địa ngục (câu 3361). Từ điểm nhìn này, Goethe, có thể nói là vượt cả những quan điểm hiện sinh hiện đại, coi địa ngục là chính bản thân chúng ta.

Một bộ sưu tập tranh gồm 26 phác họa của Rentsch xuất bản lần đầu tiên năm 1816 đã nắm bắt được hồn cốt của Faust. “Lời nói đầu” dành cho tập sách tranh này có đoạn viết: *Faust* là một cuốn “giáo khoa” toàn diện, không phải thứ “văn bản pháp quy”. Và, “nếu ta đưa một người trẻ tuổi bước vào thế giới, muốn lưu ý về mọi tảng đá ngầm đe dọa con thuyền đời bé nhỏ của người ấy, chỉ cần trao cuốn *Faust* vào tay anh ta và nói: Anh bạn hãy đọc và suy ngẫm! Còn nếu một cụ già muốn kể các trải nghiệm trong cuộc đời trường thọ của mình nhưng ngại lời bởi những hoài niệm xúc động, cụ sẽ hơi đỏ mặt, nom như trẻ ra, rồi chỉ vào cuốn *Faust* mà thốt lên: “Tất cả có ở trong sách ấy!”

Một cuốn sách giáo khoa mang tính chất nhân loại. Đó là vở bi kịch về “anh chàng quỷ sứ” của Goethe.

BÀI ĐỌC THÊM 2

VỀ CÁC NHÂN VẬT CHÍNH TRONG TÁC PHẨM

CHÚA TRỜI

Chúa Trời xuất hiện ở màn *Khúc dạo đầu trên Thiên đường*. Tuy nhiên, chúng ta không được đánh đồng nhân vật này với Chúa Sáng thế theo quan niệm Cơ Đốc giáo. Trong quá trình sáng tác, Goethe sử dụng khá nhiều hình ảnh và biểu tượng Cơ Đốc giáo, mặc dù vậy tác phẩm không phải là một áng văn chương theo nghĩa biểu đạt những nội dung tín ngưỡng hay các giáo lý của nhà thờ.

Để có thể tiếp cận hình tượng “Chúa Trời” của Goethe, chúng ta cần hiểu quan điểm của ông về tôn giáo. Quan điểm này được Faust bộc lộ khi bị Gretchen lục vấn:

*Người là đáng bao trùm lên tất cả,
Là sự chở che, gìn giữ muôn loài,
Chẳng phải chính Người đang gìn giữ hai ta
Và gìn giữ chính Người?*

Ở đây, Faust của Goethe đại diện cho học thuyết về sự thống nhất của thế giới dựa trên quan niệm triết học của phái Plato mới, quy nạp tất cả những mặt đối lập giữa tự nhiên và tinh thần vào nguyên tắc chung của một linh hồn thể giới bao trùm lên tất cả, vật chất chỉ là cái toát ra từ linh hồn thể giới, “toàn bộ linh hồn thể giới đều hàm chứa trong từng linh hồn, và mỗi linh hồn đều mang trong nó toàn bộ vũ trụ” (Plotinos, 205–270).

Trong màn kịch này, Goethe khắc họa hình ảnh Chúa Trời với diện mạo của một quân vương thời Trung cổ, vây quanh Chúa là các thánh thiên thần ngồi ca sự sáng thế, tập trung vào Thái Dương hệ (thánh Raphael), tiếp đến là hành tinh Trái Đất (Gabriel) và những sức mạnh thiên nhiên ngự trị trên Trái Đất (Michael). Ở đây, Goethe đã sử dụng cả hai vũ trụ quan, coi Trái Đất là trung tâm vũ trụ (Ptolemaios, hoặc Ptoleme) và học thuyết thiên văn học hiện



đại khẳng định Mặt Trời là trung tâm vũ trụ (Kopernik, 1473–1543). Cả hai quan điểm này hợp lại tạo nên một sự thống nhất phản ánh nhận thức của con người về sự sáng thế và vũ trụ.

Mephisto, với tư cách là một “anh hề” trên thiên đình – như nhân vật ta thường thấy trong các cung vua phủ chúa ở trần gian – cũng có mặt trong đám quần thần của Chúa Trời. Mephisto phê phán sự sáng thế của Chúa, nhưng không phải là một sự phê phán toàn cục (vì không biết gì về Mặt Trời hay về vũ trụ nói chung) mà chủ yếu phê phán sự sáng tạo ra con người trên Trái Đất. Lời phê phán gay gắt của Mephisto đã bị Chúa bác bỏ bằng cách nêu tên tiến sĩ Faust, “một bề tôi của ta” tức là một con người cụ thể có tính chất điển hình. Như vậy là Faust được giới thiệu với công chúng và trở thành đối tượng tranh luận giữa Chúa và quỷ sứ, thực chất là tranh luận về bản chất con người. Mephisto khẳng định việc sáng tạo ra con người và ban cho người lý trí là một sai lầm, còn Chúa, qua ví dụ cụ thể là Faust, đánh giá sự sáng tạo của mình:

Chúa so sánh con người với một cái cây non sẽ hoàn thiện trong quá trình trưởng thành, nói về sự nỗ lực vươn lên của con người và sự lầm lạc của con người (*“Chừng nào còn vươn lên, con người còn lầm lạc.”*) Chúa cũng khẳng định kết quả sáng tạo của mình: Là *“một người tốt”*, và người ấy dù có bị bủa vây bởi *“khát vọng tối tăm”*, nhưng vẫn *“ý thức được con đường chính nghĩa”*. Vậy là, bản chất của con người là sự vươn lên, con người có khả năng vươn lên vì con người có lý trí đã được Chúa ban cho. Mephisto bác lại và phủ định. Tuy nhiên, theo quan điểm của Đấng Sáng thế, thì lý trí ấy không phải là lý trí thánh thần, mà là lý trí của con người với giới hạn của nó, vì vậy, con người lầm lạc trong khi nỗ lực vươn lên, nhưng điều tốt đẹp ở nơi con người chính là con người ý thức được con đường chính nghĩa, ngay cả trong dục vọng tối tăm. Vì vậy, một người như Faust không thể bị Mephisto chinh phục, không thể bị Mephisto lôi kéo, cám dỗ rời khỏi cội nguồn của mình. Vì lẽ đó, Chúa lặng lẽ chấp nhận sự thách đố của Mephisto, đồng ý cho phép Mephisto tìm mọi cách dụ dỗ Faust rời khỏi con đường chính nghĩa, cho phép y làm mọi thử nghiệm và dùng mọi mưu kế đưa Faust vào địa ngục: *“Ta không cấm đoán người, cứ việc làm cho thỏa sức!”* Chúa hiểu rõ rằng:

*Cho dù hôm nay hấn chỉ phụng sự ta trong mê đại,
Nhưng ta sẽ sớm dẫn hấn đi tới quang minh, chính đại.*

Hơn nữa, Chúa còn vui vẻ cho Mephisto làm bạn đồng hành của Faust, vì Chúa cũng biết rằng: Con người vốn thường hay thỏa mãn, bằng lòng với chính mình, thường thích an nhàn, tĩnh tại, trễ nải trong hoạt động.

Bởi vậy, ta cho hẳn một bạn đường ngang trái

Là quỷ sứ tác thành, kích thích hẳn không ngừng.

Và để con người luôn luôn vươn lên như bản chất của mình, con người cũng cần đến những sức mạnh đối kháng, những hành vi khiêu khích sự an nhàn, tĩnh tại và những thử thách để hoàn thiện, để tìm đến chính đạo.

Chúa Trời trong màn *Khúc dạo đầu trên Thiên đường* còn là sự nhân cách hóa một nguyên tắc đã sáng tạo ra thế giới như nó hiện hữu, nghĩa là từ hỗn mang trật tự đã được lập thành. Nguyên tắc này đồng thời cũng tác động để giữ vững trật tự vũ trụ, không để nó rơi trở lại hỗn mang. Bằng cách xác định hai cấp độ ngữ nghĩa của khái niệm được gọi là Chúa Trời trong tác phẩm và nêu lên hàng loạt những biểu tượng và hình ảnh cũng như quan niệm về lĩnh vực này, tác giả đã tìm cách đưa ra câu trả lời cho một trong những vấn đề trung tâm mà lý trí con người luôn tìm cách lý giải: Đó là ý nghĩa của thế giới và ý nghĩa của cuộc sống con người. Có thể Gretchen bằng lòng với những lời giải thích của cha cố, nhưng Faust, với tư cách đại diện cho con người không ngừng vươn lên, không thể bằng lòng với những cách lập luận hay giải thích như vậy. Cũng như nhân vật Faust của mình, Goethe luôn tìm cách giải đáp những vấn đề trên đây và bày tỏ với những người cùng thời của ông. Và Goethe đã sử dụng thi ca làm phương tiện biểu đạt. Cơ sở thế giới quan của tác phẩm chính là những ý tưởng của thi nhân về toàn bộ sự sáng tạo và những nguyên tắc – theo giác độ của ông – làm nền tảng cho các ý tưởng đó. Nhưng đó không chỉ là những kết quả nghiên cứu một cách trừu tượng và mang tính triết học xuyên suốt toàn bộ hệ vấn đề về Chúa, về thế giới cũng như về con người, mà phần nhiều là những kinh nghiệm sống đầy thông tuệ và cảm hứng mà Goethe muốn truyền đạt cho khán giả.

MEPHISTO

Trong màn *Phòng làm việc*, Mephisto từ phía sau lò sưởi bước ra trong làn sương khói đang tan đi, ăn mặc như một chàng sinh viên đi du học và tự giới thiệu về mình:

*Là một phần của uy lực nọ,
Nó luôn mong điều ác, lại luôn tạo điều lành.*

.....

*Tôi là yêu ma luôn luôn phủ định!
Mà điều này phải lắm,
Vì mọi cái sinh ra,
Đều đáng phải tiêu ma.
Cho nên tốt nhất là
Chẳng có cái gì sinh thành hết cả.
Mọi cái mà các ngài gọi là tội nọ,
Là phá hủy, diệt vong, tóm lại là cái Ác trên đời,
Đó chính là bản chất của tôi.*

Hoặc trong một đoạn khác, Mephisto đã định nghĩa mình là một phần của bộ phận khởi đầu tất cả, là một phần của Tối tăm đã sinh ra Ánh sáng cho đời. Faust tự nhận là “*đứa con lạ lùng của Hỗn Mang*”. Nhân vật này xuất hiện trên thiên đình cũng như trên trái đất không với tư cách là một đối thủ bình đẳng với Chúa Trời mà là một bộ phận của sáng tạo, một phần của các hung thần theo đuổi mục đích khác Chúa, mặc dù vậy vẫn thuộc về toàn bộ sự sáng tạo.

Ở thiên đình, với tư cách “một anh hề”, Mephisto cũng giống mọi anh “hề cung đình” khác có chức năng nói cho vua chúa biết những sự thật và chân lý dưới dạng khôi hài, bông lơn. “Chân lý” mà Mephisto nói với Chúa Trời là sự phê phán cơ bản công trình sáng tạo của Chúa. Y nói con người đang khốn khổ, thậm chí y còn “ái ngại... mùi lòng, nên không nỡ hành hạ họ”, nguyên nhân là Chúa đã sai lầm ban cho con người lý trí để phân biệt với loài vật. Nhưng con người lại lạm dụng lý trí “để rồi còn súc sinh hơn mọi loài súc vật”. Ở đây ta thấy rằng, trước khi triển khai đề tài thực sự của bi kịch Faust, tác giả đã đề cập đến một vấn đề có tính nguyên tắc liên quan đến *Tồn tại* và *Thế giới*. Rồi chúng ta lại được biết – qua màn tự giới thiệu của nhân vật – Mephisto là một phần của sự sáng thế. Vậy là phần nào mà chính nó lại phủ định sự sáng tạo của

Chúa? Điều này có thể hiểu được nếu phân tích mọi phát ngôn của Mephisto. Tuy nhiên, ta cũng cần biết ý đồ sáng tác khởi đầu của tác giả. Trong các kế hoạch sáng tác của Goethe (1769 – 1770), nhân vật Mephisto được dự kiến là một đầy tớ của Luzifer, chủ soái của Tối tăm, của Màn đêm, Luzifer nguyên là một thiên thần xinh đẹp nhưng làm ngược lại ý Chúa nên bị đày vào Bóng tối vĩnh viễn. Thông qua hình tượng Luzifer, tác giả muốn đề cập tới huyền thoại về Adam và Eva và việc ăn trái cây Nhận thức (*Cựu Ước*)... Sau này Goethe đã từ bỏ ý đồ sáng tác ban đầu. Là “đứa con của Hỗn Mang”, Mephisto là đối cực của sáng tạo, nghĩa là đối cực với sự hài hòa đã được sắp xếp, hay với vũ trụ. Hỗn Mang đe dọa sự hài hòa, nhưng lại là một bộ phận của sáng thế, bởi cái trật tự phải được cách ly, phân biệt với cái không trật tự. Sự sáng tạo với tư cách là một cái gì đó *Tồn tại* chỉ có nghĩa nếu nó phân biệt được với những gì không phải là chính nó. Không có các thành tố của hỗn độn phi trật tự thì cái hài hòa, trật tự cũng không tồn tại. Vì thế, xét tổng thể, Mephisto với tư cách là một đối cực cần thiết đối lập với cái tốt đẹp của sự sáng tạo, có chức năng chỉ cho con người luôn luôn thấy cái xấu xa, sự hủy diệt, thấy cái mặt trái của sự vật, và hơn nữa, ngược lại cả ý muốn, nó góp phần làm cho con người không ngừng hoạt động, sáng tạo và vươn lên. Cái tiêu cực là xung lực kích thích cái tích cực phát triển, là đối trọng cần thiết của Faust trong quá trình tìm đến chân lý.

Sau khi đánh cược với Chúa, khẳng định “*Người mất hẳn, đó là cái chắc!*”, Mephisto sẽ phải hành động, tìm mọi cách dụ hoặc Faust để chứng minh rằng Chúa đã sai và y đã đúng, rằng Faust còn “súc sinh hơn mọi loài súc vật”, cũng sẵn sàng vì sự hoan lạc và dục vọng mà chối bỏ cội nguồn và đắm chìm trong sự hưởng thụ vật chất. Việc ban lý trí cho con người sẽ được chứng minh là một sai lầm, nếu Mephisto khiến được Faust trở nên không khác gì một con vật, khiến Faust ngừng vươn lên, dù là vươn lên trong lầm lạc như Chúa khẳng định.

Logic của tổng thể tác phẩm *Faust* hàm chứa tư tưởng thần chính luận, một trào lưu triết học muốn chứng minh sự sáng thế, như nó hiện hữu, không mâu thuẫn với sự Toàn năng và Toàn ái của Chúa Trời. Bởi vì, nếu như ta theo dõi bước đi của Faust cùng những tội lỗi đã gây ra như việc hủy diệt Gretchen và cả gia đình cô, giết hai vợ chồng ông lão Philemon và Baucis (trong phần hai) thì dường như Mephisto có lý khi khẳng định con người còn súc sinh hơn cả con vật. Sự sáng thế trở nên đáng nghi vấn và những lời tụng ca của ba thánh thiên thần là vô nghĩa.

*Bao công trình của Chúa thực cao cả, bí huyền
Vẫn tuyệt vời như trong buổi đầu tiên.*

Bản chất nhị nguyên của Faust cũng như của con người, là một nhục thể trong một nguyên thể có lý trí chỉ có ý nghĩa nếu nỗ lực vươn lên của con người đạt tới kết thúc tốt đẹp. Trong phần hai của tác phẩm, Chúa Trời cũng đã dẫn dắt Faust đến với khai sáng. Đó là nhận thức rằng nỗ lực vươn tới một cái đích có sẵn ở ngoài cõi thế tục không phải là ý nghĩa của cuộc sống con người, và cũng chỉ có thể tìm được ý nghĩa của *Tồn tại* ngay trong sự vươn lên của chính mình. Hai câu thơ ở phần kết tác phẩm:

*Ai nỗ lực vươn lên không nghỉ
Sẽ được ta cứu rỗi linh hồn*

cũng chứa đựng điều giác ngộ mà Faust đạt đến lúc cuối đời: Đó là, chỉ trong sự liên tục vươn lên, liên tục sáng tạo, con người mới có thể tìm được sự hài lòng và mãn nguyện. Mephisto không hiểu điều cơ bản này của bản tính người. Trường hoạt động của Mephisto hoàn toàn nhằm vào nhục thể. Trong phần một, Mephisto đóng vai trò chủ động trong mối quan hệ với Faust. Chính y đã phù phép, giúp Faust dụ dỗ Gretchen, và giết mẹ, anh trai của Gretchen. Hành vi của Mephisto ở trần gian biểu hiện một cách thô lỗ, đê tiện, nhục dục và hủy diệt. Y đã đạt được mục đích của mình: Hủy diệt cái quý giá nhất của sự sáng tạo biểu trưng qua tính ngây thơ trong trắng của Gretchen, đã dụ hoặc Faust làm đổ vỡ cả một thế giới nhỏ bé, hài hòa và yên bình. Riêng ở đây, Mephisto đã thành công khi biến Faust thành con người theo quan niệm của y, tuy nhiên, y vẫn không hiểu nổi bản tính đích thực của Faust. Điều này thể hiện trong cảnh giao kèo giữa người với quỷ, khi Faust lấy *sự vươn lên của con người* làm mục tiêu thách thức.

Trong tác phẩm đồ sộ này, Mephisto là một nhân vật đa dạng, thực hiện nhiều chức năng: Hiện thân cho nguyên tắc phủ định, đồng thời là nhân vật hề như trong các hài kịch cổ đại và là bạn đồng hành của con người. Với vai hề, như truyền thống, Mephisto thực sự đã điều hành tiến trình của vở kịch và hành động kịch. Nhiều yếu tố hài thể hiện qua nhân vật Mephisto. Trong các kịch truyền thống, điểm nổi bật ta nhận thấy là nhân vật hề thường nói lời cuối cùng khi kết thúc màn biểu diễn. Trong Faust cũng vậy. Trong màn *Bếp phù thủy*, sau khi Faust uống thuốc trẻ hóa, Mephisto bình luận: thuốc ngấm rồi thì nhìn người đàn bà nào mà chẳng thấy đó là một nàng Helena! Khi Faust muốn có quà tặng cho Gretchen, Mephisto nói với khán giả:

*Chà, một thằng điên si tình như thế đó,
Không chừng sẽ đốt cả trăng sao, đốt cả mặt trời,
Cho người tình tiêu khiển, chứ chẳng chơi!*

Là một nhân vật hề, Mephisto còn kết hợp trong vai diễn của mình hình ảnh một nhà bình luận sắc sảo, châm biếm và khôi hài. Nhà bình luận gắn chặt với chức năng phủ định, với một hệ thống giá trị đối lập với các thánh thiên thần:

Thiên thần	Mephisto
Hình thành	Hủy diệt
Ánh sáng	Bóng tối
Trưởng thành	Tàn phá
Toàn thể	Bộ phận
Một ít	Hoàn toàn không/hư vô

Ngoài chức năng đại diện cho nguyên tắc phủ định, Mephisto còn thể hiện vai trò của kẻ dụ hoặc, cám dỗ Faust, hoặc nói một cách khác, Mephisto còn là *biểu trưng cho nguyên thể thứ hai* trong nhị nguyên Faust, đó là sức mạnh cám dỗ tự thân của nhục thể, của bản năng, cản bước vươn lên cái cao cả và tốt đẹp như Chúa Trời đã phán định về bản chất con người.

Cặp nhân vật Faust – Mephisto tiềm ẩn *bản chất nhị nguyên* của con người. Với một học giả như Faust, Mephisto là một bạn chơi tương xứng, thông minh, ranh mãnh và có lúc, có khi còn “cao tay” hơn cả học giả trong những phán xét và bình luận. Trong mỗi con người đều có chất Faust và chất Mephisto như hai mặt của một thực thể người. Trong tác phẩm, ta thấy tính chất Mephisto thường thắng tính chất Faust và kéo ông ta xuống. Nhưng lần nào cũng vậy, cứ mỗi khi tưởng như Mephisto chiến thắng thì lại có một bước ngoặt. Mephisto muốn cùng Faust ký giao kèo mang đến cho Faust những lạc thú trần gian, Faust lại biến nó thành một sự thách đố, đánh cược và khẳng định mình sẽ luôn luôn là con người vươn lên. Với Gretchen, Mephisto muốn dẫn Faust vào hoan lạc nhục dục, Faust lại chuyển thành tình yêu, Mephisto muốn biến Faust thành một bạo chúa, Faust lại trở thành một hình mẫu như thể lý tưởng của kẻ trị vì... Mọi hành vi tội ác khủng khiếp của Mephisto đều diễn ra sau lưng Faust, nhưng vì thế Faust cũng là kẻ tòng phạm. Mephisto tác động cùng hướng với Faust, nhưng kết quả Faust vận hành theo hướng khác. Và bao giờ cũng vậy, hễ Faust theo Mephisto là lại có một sự đảo chiều. Tính chất Mephisto luôn luôn là đối trọng và lực tác động ngược lại trong quá trình *con người trưởng thành trong bi kịch*.

FAUST

Faust đại diện cho một bộ phận của nhân loại mà theo quan điểm của Chúa Trời thể hiện sự sáng tạo trong sáng nhất của Chúa. Chúng ta thấy Faust (phần một) sống trong sự tuyệt vọng sâu xa nhất. Faust là một nhà khoa học, đã nghiên cứu tất cả các bộ môn khoa học đặc trưng cho thời đại mình: triết học, y học, luật học, thần học. Bản thân trưởng thành từ một sinh viên thành một giáo sư và học giả, nhưng Faust đã nhận thức được rằng: Các ngành khoa học của con người luôn luôn vấp phải những giới hạn, lý trí của con người tưởng như vô hạn cuối cùng cũng đã chứng tỏ là hữu hạn, và cánh cửa nhận thức về toàn bộ sự thật của vũ trụ cũng như về sự tồn tại của con người vẫn luôn khép kín. Đó là nguyên nhân dẫn đến sự tuyệt vọng của nhà khoa học Faust, dẫn đến việc quyết định dâng mình cho ma thuật – với hy vọng khám phá những bí ẩn của thế giới. Nhưng rồi Faust cũng nhanh chóng hiểu ra rằng: Bằng ma thuật, con người cũng không thể khám phá nổi vũ trụ, thậm chí không thể nâng mình lên ngang hàng với các thần linh. Mọi nỗ lực vươn lên đều bị hất trở lại với cuộc sống thảm hại và sự nghi hoặc đối với khả năng nhận thức của con người. Điều này không minh chứng sự bất lực của con người cùng khả năng nhận thức của họ như Mephisto khẳng định, vì Chúa Trời đã nói đến sự tăm tối trong quá trình vươn lên của con người và những lầm lạc tất yếu của sự trưởng thành.

Faust chưa thấy điều đó. Ông khốn khổ vì tuyệt vọng, muốn giải thoát, nhìn nhận cái chết là khả năng cuối cùng để vượt qua giới hạn của con người. Tuy không tin vào một cuộc sống khác sau khi chết và việc tự kết thúc cuộc sống có thể là một sai lầm; nhưng viễn cảnh được giải thoát khỏi một nỗi hành hạ càng ngày càng dồn ép tâm can đã khiến Faust dần thân vào “bước đi cuối cùng và nghiêm túc” để “tìm đến bến bờ xa”. Những hoài niệm về tuổi thơ tươi vui và hạnh phúc đã ngăn Faust trong bước đi cuối cùng và trả Faust về cho trần thế.

Cuộc du ngoạn trong ngày lễ Phục sinh đã lôi kéo nhà khoa học ra khỏi những suy tư khốn khổ và tự hủy hoại. Faust hòa mình vào dòng người náo nức đón mùa xuân cùng với sự phục sinh của muôn vật. Nhưng tiếp xúc với những người dân thuần phác, nghe những lời ca tụng của họ, Faust hận vì y học không đủ khả năng để cứu bao người đang chết trong cơn dịch bệnh, Trong tâm trạng ấy, Faust đã thổ lộ cùng Wagner nguồn cơn những nỗi khổ của mình:

Ôi! Trong lồng ngực ta đây hai linh hồn cùng trú ngụ,
Mà linh hồn này muốn tách bỏ linh hồn kia;
Một bên, khát tình đời đến bạo liệt, si mê
Bằng mọi giác quan bám riết vào trần thế;
Một bên, quyết dứt bụi trần, vươn mình lên mạnh mẽ
Đến với tổ tiên cao quý chốn thiên đàng.

Ở đây, Faust đã đề cập tới quan niệm xem con người là một bản thể nhị nguyên: Một phần hồn gắn bó với cuộc sống trên trái đất, đó là cội nguồn của mọi niềm vui và đau khổ, là bản nguyên của sự hữu hạn và của mọi giới hạn. Còn phần hồn khác lại nỗ lực vươn lên để vượt qua cõi thế tục. Đây chính là nét đặc thù bản ngã, là lý trí gắn bó con người với cái thần thánh. Tuy nhiên, theo cách nhìn nhận của Mephisto và những thế lực của Bóng Tối, thì đó chính là gốc rễ của mọi tai ương và bất hạnh, cũng là nguyên nhân dẫn đến bi kịch của nhà khoa học Faust. Bản thân Faust cũng nhận thức được rằng: Sự hành hạ giày vò trong ông bắt nguồn từ tính nhị nguyên của con người. Bản chất nhị nguyên ở Faust chính là kết quả của những nỗ lực vươn lên muốn phá vỡ và vượt khỏi mọi giới hạn vây chặt lấy con người. Nhưng Faust không thành công, vì nhận ra mình không thể vượt qua hoặc phá vỡ những giới hạn đó, ông trở nên tuyệt vọng. Faust cũng chưa tìm ra khả năng nào khác để hoàn thiện mình.

Đúng lúc Faust rơi vào trạng thái tuyệt vọng sâu sắc đó thì Mephisto xuất hiện. Faust nghĩ mình có thể liên kết với đại diện của địa ngục để thực hóa ước mơ. Ở đây, tác giả không đề cập đến “liên minh ma quỷ” hay bản hợp đồng giữa quỷ với người như trong truyện dân gian, mà chú trọng vào cuộc thách đố: Faust thách Mephisto, lấy sự vươn lên của con người làm mục tiêu thách thức.

Faust tuyệt vọng vì giới hạn của nhận thức. Nhưng Mephisto không chào mời đối tượng mà hẳn phải mời chào theo hướng ấy, nghĩa là không chịu giúp Faust phá vỡ và vượt qua những giới hạn của con người. Điều này đi ngược lại ý đồ mà Mephisto biểu lộ trước Chúa. Mephisto muốn dẫn dụ Faust đắm chìm trong khoái cảm nhục thể để đưa Faust theo con đường của hắn. Trong lần gặp thứ hai với Mephisto, ta thấy Faust đã trong tâm trạng khác: Faust vẫn nói đến những đọa đày khốn khổ giằng xé trong tâm can, đồng thời thổ lộ rằng mình không thể chịu đựng cảnh huống ấy thêm, và, không muốn phải hy sinh như trước đây, không muốn mình “không có ước vọng nào được toại nguyện”.

Ông nói:

*Vậy nên, Hiện hữu đối với ta là gánh nặng trần ai,
Cái chết ta ước mong, cuộc đời ta oán ghét.*

Ở đây, vấn đề không còn là tri thức hay nhận thức và giới hạn nữa, mà là cuộc sống, là hiện sinh nơi thế tục, là một bộ phận của sự sáng tạo mà Chúa coi là tốt đẹp, và cái phần sáng tạo ấy sẽ khẳng định mình trong cuộc sống của một con người vươn lên. Nhưng con người vươn lên ấy, Faust lúc này đã bị quan tuyệt vọng đến mức phải nguyên rửa:

*Ta nguyên rửa chùm nho có chất rượu say lòng!
Nguyên rửa thú yêu đương với mê đắm tội cùng!
Ta nguyên rửa Niềm tin, nguyên rửa niềm Hy vọng!
Và trên hết,
Ta nguyên rửa tính Kiên trì trong cuộc sống!*

Như vậy là Faust đã nguyên rửa ba khái niệm cực kỳ quan trọng đối với một con người thiết tha yêu cuộc sống, đó là Niềm tin, Tình yêu và Hy vọng. Lời nguyên của Faust còn khốc hại tới mức phủ nhận hoàn toàn mọi yếu tố có ý nghĩa quan trọng và quyết định cho sự vươn lên của con người, đó là lòng kiên trì, vì để vượt qua được những dục vọng tối tăm, những lầm lạc và vươn lên trong suốt cuộc đời mình, con người không thể thiếu sự kiên trì.

Chính trong lúc Faust tuyệt vọng phủ định cuộc sống thì Mephisto tình nguyện phục vụ ông, hứa hẹn sẽ mang đến cho ông một cuộc sống dễ chịu, hay nói khác đi, sẽ mang đến cho ông những khoái lạc và hưởng thụ nhục cảm. Hẳn cũng rất đặc ý sau khi giao kèo và thấy Faust nguyên rửa tất cả:

*Cứ để hấn coi khinh khoa học và lý trí
Là sức mạnh tối cao của con người trần thế,
Cứ để quỷ Dối lừa làm hấn thêm vững tin
Vào hào nhoáng bên ngoài, vào ma thuật bí huyền,
Và thế là, ta đã tóm được hấn một cách vô điều kiện
Số phận ban cho hấn một tinh thần cầu tiến,
Nó luôn luôn bất kham, vươn lên mãi không ngừng.
Nhưng khi hấn vươn lên chân gấp vược vội vàng
Thì hấn cũng bỏ qua bao thú vui trần thế,
Nay ta dẫn hấn đi qua cuộc đời dâu bể,
Qua những cảnh chán chường, vô vị ở trần gian.*

.....

Thế nhưng mọi sự thụ hưởng mang tính nhục thể hoặc sự giải trí vô vị mà Mephisto mang đến cho Faust (như ở “Quán Auerbach” hoặc trong “Đêm hội yêu ma”) không phải điều Faust mong ước. Faust chất vấn kẻ đồng hành:

Một con quỷ tội nghiệp như anh có gì đem hiến chủ?

Chả lẽ các người là yêu ma quỷ sứ

Lại hiểu được hồn người khi nó muốn vươn lên?

Như vậy là Faust đã bác bỏ khả năng của Mephisto, y không thể đem đến cho Faust những gì mà Faust muốn vươn lên đạt tới, đó là sự hòa hợp của hai phần tâm hồn đối lập nhau trong lồng ngực, là sự hài hòa của những xung đột giằng xé tâm can trong *Tồn tại*. Mâu thuẫn, nghịch lý của tồn tại lại được nhắc đến khi Faust đặt ra những yêu cầu đối với Mephisto:

Chắc anh có món ăn, ăn mãi, vẫn thấy thèm,

Hay là có một thứ vàng màu đỏ

Như thủy ngân, trên tay ta nó không ngừng tan rữa,

Hay anh có trò chơi để người ta không thắng được bao giờ,

Hoặc một ả, áp đầu vào ngực ta, nhưng con mắt lẳng lơ

Dan díu với ông bạn láng giềng đầy tình tứ,

Hay cho ta thú vui đầu tiên của Vinh quang, Danh dự

Những thứ như sao băng vụt biến giữa bầu trời?

Thôi thì, anh cứ chỉ cho ta trái cây nào chưa chín đã thối rồi,

Và những cây nào từng ngày xanh trở lại!

Những đòi hỏi trên đây không thể đáp ứng được vì Faust đã nêu lên trong mỗi câu hỏi một cặp khái niệm đối lập, loại trừ nhau. Chẳng hạn: Trái cây biểu trưng cho sự hoàn thiện của quá trình trưởng thành, nó không thể cùng một lúc trưởng thành và hủy diệt, hay một món ăn, ăn mãi, vẫn thấy thèm tức là vẫn không nó, điều đó là nghịch lý. Ở đây, Faust nêu lên những nghịch lý trong thế giới mà mình đã trải nghiệm. Ông cũng hiểu là những nghịch lý ấy không có khả năng làm cho chúng mất đi. Nhưng Mephisto không hiểu được điều đó. Y nói không hề sợ hãi trước những công việc được giao phó, rồi khẳng định, sẽ đến một lúc con người mong muốn được an nhàn, thanh thoi hưởng lạc thú nơi trần thế. Faust khẳng định điều này sẽ không bao giờ xảy ra đối với mình, không bao giờ có chuyện ông sẽ nằm dài trên chăn nệm lười nhác và hưởng thụ, bởi lẽ, sự yên bình và mãn nguyện đối lập với bản chất vươn lên của con người. Faust sẵn sàng đánh cược với Mephisto rằng ông sẽ không bao giờ nói

với thời khắc, xin hãy dừng lại đi, vì người đẹp quá chừng, bởi dừng lại đồng nghĩa với mẫn nguyện, với việc rời bỏ bản chất vươn lên đặc trưng người.

Ở đây, Goethe không để cho Faust bị ràng buộc vào một “hợp đồng” với các cam kết, các nghĩa vụ mà hai bên phải thực hiện. Goethe đã để Faust thách thức Mephisto, đổ y lồi kéo được mình xa rời bản chất không ngừng vươn lên của con người, để đắm chìm vào trạng thái yên bình và mẫn nguyện. Hoặc nói theo ngôn ngữ của Mephisto thì Faust đã thách thức hẳn “*trị được thói tham lam không bao giờ mẫn nguyện*” ở nơi ông. Như vậy là ở đây, sự khởi đầu cho một cuộc thách đố được gợi mở trong màn *Khúc dạo đầu trên Thiên đường* giữa Chúa Trời và Mephisto được xác định và tiếp diễn. Trong khi trên thiên đường, Mephisto là phía khởi sự muốn đánh cược với Chúa Trời rằng y có thể chứng minh cho Chúa biết là y nói đúng, rằng y có khả năng dẫn dụ Faust vào sự yên bình, mẫn nguyện và quy thuận sự sống nhục thể thì ở dưới trần gian, Faust đã thách đố điều hoàn toàn ngược lại, nghĩa là Mephisto sẽ thất bại trong việc dụ hoặc ông theo con đường của y. Trên thiên đường, Chúa Trời đã không công khai chấp nhận chuyện thách đố của Mephisto, vì xem đó không xứng đáng với uy phong của một vị chúa tể, nhưng Chúa cho phép Mephisto tự do hành động theo ý mình. Điều mà Chúa chối từ đã được Faust thực hiện với tư cách người đại diện cho một bộ phận của nhân loại mà theo ý Chúa, bản chất con người là tốt đẹp, dù “*trong khát vọng tối tăm, vẫn ý thức được con đường chính nghĩa*”.

Trong cuộc thách đố này, Faust không lấy linh hồn mình làm cái để đánh cược, vì đối tượng của sự thỏa thuận trong tác phẩm, cho dù theo kiểu cách thời Trung cổ có được xác nhận bằng máy đi nữa, không phải là chuyện “bán linh hồn cho quỷ” mà duy nhất là cuộc sống ở thế giới bên này. Mephisto không hiểu nổi điều đó. Ở cuối phần hai, Mephisto nhận ra mình là con quỷ bị lừa, khi y nói trước đây:

Tôi muốn cam kết rằng, ở đây, nơi Cõi thế,
Xin hầu hạ ông hết sức chẳng nghỉ ngơi,
Nhưng sang Cõi bên kia, khi gặp lại nhau rồi,
Tôi hầu ông ra sao, ông đáp đền như vậy.

Liệu Faust có sang Cõi bên kia hay không, điều này duy nhất do Chúa Trời phán định, mà Chúa lại tin tưởng và sự trưởng thành, hoàn thiện của con người khi so sánh con người với một chiếc cây non:

*Người làm vườn thấy mầm cây non xanh
Đã biết chắc mai sau hoa trái sẽ đầy cành!*

Sự thách đố trong tác phẩm không đặt cái bất tử (nghĩa là linh hồn) của Faust làm đối tượng mà là toàn bộ sự sáng tạo, một vấn đề quan trọng gây tranh luận giữa Mephisto và Chúa. Kết quả của nó đã được định đoạt ngay trong màn *Khúc dạo đầu trên Thiên đường*. Chúa đã nói trước cái kết cục sẽ tới: Mephisto sẽ phải hổ thẹn khi phải thú nhận rằng con người dẫu trong tâm tối vẫn ý thức được con đường chính nghĩa. Ý tưởng cơ bản này đã được triển khai trong bi kịch phần thứ nhất và phần thứ hai. Một điểm quan trọng khác cũng cần được nhắc lại là Faust sau khi đập tay giao kèo với Mephisto, đã nhấn mạnh:

*Toàn bộ sức vươn lên trong nghị lực ta đây,
Chính là điều mà ta vừa mới hứa.*

Nghĩa là Faust đã nói rõ thứ ông đem ra đánh cược, không phải linh hồn, mà là cái quý giá đặc trưng cho bản chất con người, sự vươn lên. Faust kỳ vọng gì ở việc liên kết với Mephisto? Hiển nhiên không phải là những thú vui nhục thể như Mephisto hứa hẹn mang đến cho ông. Faust cũng nói rõ điều này cho Mephisto, nhưng y đã không hiểu:

*Ô hay, anh nghe đấy, ta đâu có nói gì đến Niềm vui,
Ta chỉ muốn dâng mình cho ngây ngất trên đời,
Cho tốt cùng khổ đau trong Khoái lạc,
Cho mê đắm Hận thù và Nỗi buồn làm dịu khát.*

Một lần nữa Faust lại sử dụng những khái niệm mâu thuẫn, đòi hỏi những nghịch lý. Từ đó suy ra rằng, kỳ vọng duy nhất của Faust trong mối liên kết với Mephisto là giải tỏa những sự hành hạ, hy vọng thay thế lòng ham hiểu biết không bao giờ được mãn nguyện bằng những trải nghiệm đau khổ trong hoan lạc. Sự trải nghiệm này không phải là phương thuốc chữa cho Faust khỏi mọi sự hành hạ vì lòng ham hiểu biết, để trong ông không còn khát vọng nhận thức nữa, không còn ham muốn vươn lên như bản chất con người. Faust muốn đưa mình ra khỏi tình trạng khốn đốn vì bất lực trong khoa học, trong tìm kiếm nhận thức về vũ trụ và thế giới, muốn giải tỏa theo một hướng khác, hoặc nói một cách khác, liên kết với Mephisto, Faust muốn đánh lạc hướng chính mình, muốn “gây mê” chính mình.

Chính vì vậy, lần thử nghiệm đầu tiên, Mephisto đưa Faust đến quán Auerbach để tìm những thú vui, đã thất bại. Đám sinh viên ăn nhậu và vô vị

không làm Faust phấn hứng. Mephisto lập tức đổi phương sách, đưa Faust đến bếp nhà phù thủy, làm cho Faust trẻ lại, cho uống thứ “thần dược” để biến một nhà khoa học già lão thành một chàng trai trẻ hùng hực lửa dục tình, thậm chí cho Faust nhìn qua gương thấy được Helena, biểu tượng Đẹp hoàn mỹ của nữ giới. Mephisto hy vọng với thứ thuốc kỳ diệu ấy Faust sẽ thấy bất kỳ người đàn bà nào cũng là một Helena.

Gặp gỡ Gretchen, Faust trải nghiệm thú vui nhục thể, nhưng từ đây nhà bác học biết đến thứ hạnh phúc bình dị và yên ấm trong một gia đình thị dân, hiểu ra rằng nơi cõi thế vẫn có những con người mãn nguyện, sống thanh thản và bằng lòng với những điều kiện sinh hoạt mình có được. Mặc dù lối sống ấy không thích hợp với Faust và ý chí vươn lên vô hạn của ông, nhưng chính ở môi trường ấy, ông có những trải nghiệm mới mẻ: Được tận hưởng tình yêu trong sáng của Gretchen, để rồi ông đã phá hoại cuộc sống hạnh phúc của những con người bình dị ấy. Tội lỗi là một trải nghiệm mới với nhà bác học này.

Xét cả cuộc đời của Faust, từ khi liên kết với Mephisto cho đến lúc ông chết, ra thấy đó là một chuỗi dài những lầm lạc tăm tối: Là người tình, Faust đã hủy diệt cả một gia đình (Gretchen, bà mẹ, anh trai Gretchen); Là nghệ sĩ, Faust đã thất bại, không có khả năng giữ gìn được hình ảnh lý tưởng về cái Đẹp cổ đại (Helena); Là bề tôi của hoàng đế, Faust góp sức làm vương quốc sụp đổ; Là chủ nhân cai quản cả một vùng duyên hải khi khai hoang và mở rộng đất đai, Faust đã sử dụng lao động khổ sai, đã giết hại người vô tội, chinh phục thiên nhiên một cách tàn bạo... Cuộc đời ấy, trong quá trình vươn đến chính nghĩa, gắn liền với bao lầm lạc và tội lỗi. Điều này minh chứng cho tư tưởng được phát ngôn bởi Chúa Trời ngay từ đầu tác phẩm: *“Chừng nào còn vươn lên, con người còn lầm lạc”*. Đó cũng là chủ đề xuyên suốt và bao trùm bi kịch Faust của Goethe: Vươn lên trong lầm lạc, lầm lạc trong vươn lên, lầm lạc và vươn lên là hai yếu tố gắn bó mật thiết với nhau trong quá trình trưởng thành của con người. Và sau cùng, chìa khóa mở cửa cứu rỗi Faust không ở nơi những sức mạnh huyền bí, mà ở chính bản chất của con người, không ngừng vươn lên là điều kiện để cứu rỗi:

Ai nỗ lực vươn lên không nghỉ,

Sẽ được ta cứu rỗi linh hồn

Và Faust đã được các thiên thần đón lên thiên đường.

Cuối đời, Faust bị quỷ Lo Âu làm cho mù mắt, đứng trong sân trước tòa lâu

đài, nghe tiếng cuốc, tiếng mai của các vong hồn đang đào huyệt cho mình theo lệnh Mephisto, ngộ đó là những người thợ đang hăng hái làm việc theo lệnh của mình, trong lòng đầy cảm hứng và phấn khích:

*Tiếng cuốc, tiếng mai, nghe xiết bao khoan khoái!
Mọi người đang vì ta mà dốc lòng hăng hái,
Bắt đất đai phải hòa giải, liên kết,
Bắt con sông xô bờ không vượt quá đường biên,
Dựng bức tường trang nghiêm ngăn biển khơi hung dữ.*

Chìm đắm trong ảo ảnh huy hoàng thuộc về tương lai, với khát vọng kiến tạo cả một vùng đất an cư mới cho hàng triệu người dân, rút cạn các đầm lầy và lấn biển, Faust phấn chấn cao giọng:

*Chính vì ý tưởng này ta đã hiến đời ta,
Kết luận sau cùng của mọi điều thông thái, đó là:
Chỉ xứng đáng hưởng tự do và cuộc sống
Ai kia biết ngày ngày đấu tranh giành lấy!*

Như vậy, Faust đã nói lên và khẳng định ý nghĩa của Hiện hữu con người; con người phải hằng ngày giành giật lấy tự do và cuộc sống. Sự nỗ lực vươn lên có vẻ như vô nghĩa của Faust ở phần đầu tác phẩm đến cuối đã thực sự có ý nghĩa, thực sự là chính nghĩa: Vươn lên không chỉ có ý nghĩa khám phá nhận thức và tri thức, vươn lên còn có ý nghĩa là hành động (theo tinh thần “Khởi thủy là hành động”). Những hành động của Faust trong phần cuối vở bi kịch là những hoạt động sáng tạo, là một sự vươn lên không chỉ có ý nghĩa bởi mục đích của nó mà còn có ý nghĩa ngay trong quá trình diễn ra. Faust đã mừng tượng ra một tương lai tốt đẹp khi ước nguyện đã hoàn thành:

*Nhưng tuổi thơ, tuổi xuân và tuổi già đều muốn sống ở đây,
Và sẽ sống những tháng năm đáng sống.
Ôi, ta ước mong được thấy đám nhân quần sôi động,
Muốn được cùng nhân dân tự do đứng vững trên mảnh đất tự do!*

Với viễn cảnh như vậy, Faust tiếp tục hào hứng:

*Vào thời khắc này đây ta muốn được nói ra:
Xin hãy dừng lại đi, người đẹp quá!
Dấu vết những tháng ngày ta sống trên trần thế
Không thể nào tiêu tan chìm xuống cõi vĩnh hằng.
Trong tiên cảm tràn trề niềm hạnh phúc lâng lâng
Lúc này đây, ta tận hưởng phút giây cao đẹp nhất!*

Faust đã nhắc lại những thỏa thuận với Mephisto, nhưng với ý nghĩa hoàn toàn khác! Chỉ dựa theo câu chữ đơn thuần, người ta có thể cho rằng Faust đã mãn nguyện và thua cuộc Mephisto. Tuy nhiên, sự mãn nguyện của Faust trong viễn cảnh xán lạn của tương lai không mấy may có nghĩa là mãn nguyện như Mephisto quan niệm và đã thách đố trên thiên đường: Mãn nguyện theo y là sự chối bỏ bản chất vươn lên để ngập chìm trong hoan lạc nhục thể và bằng lòng với lối sống đó. Nhưng Faust mãn nguyện không phải vì hoan lạc mà vì cuối cùng ông đã nỗ lực vươn lên vì lý tưởng cao cả, để được cùng nhân dân tự do đứng vững trên mảnh đất tự do! Faust đã nhận thức được rằng, dù với tính chất nhị nguyên, với hai linh hồn trong lồng ngực, con người vẫn có khả năng mãn nguyện trong hoạt động sáng tạo. Những điều Chúa Trời tiên tri trong màn *Khúc dạo đầu trên Thiên đường* trở thành hiện thực ở phần cuối bi kịch: Faust đã được dẫn dắt tới quang minh chính đại. Và cuối đời, Faust đã nhận thức được ý nghĩa của *Tồn tại*: vươn lên của con người không chỉ biểu hiện và cạn nguồn trong sự tìm kiếm nhận thức mà còn phải trở thành một hoạt động sáng tạo. Kẻ bầy tôi của Chúa chỉ có thể bảo tồn và phát huy bản chất của mình nếu biết sử dụng lý trí để giải quyết một cách sáng tạo những công việc nơi trần thế, nghĩa là, thông qua hoạt động thực tiễn, thông qua lao động sáng tạo để tiếp tục phát triển nền văn minh nhân loại. Theo tinh thần đó thì Mephisto đã thua cuộc trước Faust, và sẽ phải hổ thẹn trước Chúa Trời. Và đề tài vươn lên trong lăm lặc xuyên suốt tác phẩm đã đi tới hồi kết, minh chứng rằng Chúa đã đúng khi phán định:

*Một người tốt, trong khát vọng tối tăm
Vẫn ý thức được con đường chính nghĩa.*

GRETCHEN

Gretchen sống trong thế giới nhỏ bé, trật tự, ngăn nắp và bình dị của những thị dân. Cô đại diện cho thế giới này. Cuộc sống và môi trường sống của Gretchen đã bị Faust phá vỡ. Tuy nhiên, nhờ có Gretchen, Faust cũng đã biết đến một thế giới khác, một khả năng khác của tồn tại và mãn nguyện.

Ngay trong lần đầu tiên sau khi được trẻ hóa, Faust đã cư xử với cô gái trinh trắng này không lịch thiệp và xúc phạm cô. Gretchen phản kháng. Nhưng cú hích đầu tiên cho một tình cảm mới mẻ chớm nở trong cô đã được thực hiện. Và từ đó trở đi là sự mối lái quý quai dưới bàn tay đạo diễn của Mephisto, dồn dập và bạo liệt, khiến Gretchen không còn khả năng cự tuyệt.

Vì xuất thân từ môi trường thị dân nên Gretchen lúc này vẫn còn là một cô gái rất ngây thơ, trong trắng và sống giản dị, luôn bằng lòng với thế giới mình đã quen. Cô không được học hành mấy. Cô cũng không suy nghĩ sâu xa gì về thế giới hay về ý nghĩa của cuộc sống; việc này cô để cho các cha cố làm thay mình. Mặc dầu còn rất trẻ, nhưng Gretchen cũng đã có sự trải nghiệm quan trọng: Cô phải thay mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng đứa em nhỏ và chứng kiến cái chết tội nghiệp của nó. Như vậy là Gretchen đã có những kinh nghiệm cơ bản của cuộc sống con người, đã cảm nhận hạnh phúc khi chăm sóc, yêu thương người khác và đã trải nghiệm cái chết của đứa em gái thương yêu. Đó là hai thái cực trong cuộc sống của con người, cái sinh và cái tử. Nhưng sống trong một thế giới nhỏ bé, hạn hẹp như vậy mà Gretchen vẫn bằng lòng với cuộc sống của mình, đó cũng là một nhận thức mới mẻ đối với Faust, một khả năng sống mà bản thân Faust chưa từng biết đến. Điều này có ý nghĩa đặc biệt trong mối quan hệ của Faust với Gretchen, cho dù cô không am hiểu gì về các ngành khoa học, không hiểu những điều trừu tượng liên quan đến niềm tin của nhà khoa học Faust. Gretchen hiện thân cho một bộ phận khác của nhân loại mà Chúa đã sáng tạo. Bộ phận này chấp nhận những điều kiện và môi trường sống Chúa ban, biết nghĩa vụ và bổn phận của mình và tự nguyện làm tròn sứ mạng của mình với khả năng tốt nhất. Và như vậy, họ vẫn có thể có được một cuộc sống mãn nguyện, vẫn phân biệt mình với thế giới loài vật nhờ có lý trí và hiện hữu đầy đủ bằng cả cảm tính lẫn thực thể. Faust đã tàn phá đời sống này một cách tàn nhẫn. Những người như Gretchen cũng được dẫn dắt ra khỏi khát vọng tối tăm để đến với chính đạo: những gì Gretchen đã làm, như anh trai cô nói lúc lâm chung, là sai lầm, tội lỗi, nhưng xuất phát từ cảm xúc chân thành của tình

yêu nên dù Gretchen giết con và có tội với những người thân, nhưng cuối cùng vẫn được cứu rỗi.

Trong các cuộc trò chuyện tại nhà Marthe, Gretchen tỏ ra rất thơ ngây và thậm chí ít hiểu biết. Nhưng với màn *Nhà giam*, Gretchen đã biến đổi và trở thành người kết tội Faust, chỉ cho Faust thấy những hành vi tội lỗi và bản chất của ông. Sau khi tự lên án mình đã gây tội với người thân, Gretchen nhìn thấy máu trên tay người yêu, bèn trời trăng bằng những lời đáng sợ:

Không, anh cần sống chứ?

Em muốn nói cho anh nơi đặt mộ.

Gretchen muốn Faust sống để nhìn tận mắt hậu quả hủy diệt do tay mình gây ra, để không chỉ bị hành hạ vì những giới hạn của cuộc sống cũng như những giới hạn ngăn cản vươn lên, Faust còn dần vật lương tâm bởi tội ác phá hoại thế giới nhỏ bé hài hòa nơi cô đã sống. Gretchen cũng cảm thấy tình yêu nơi Faust đã tàn lụi, thứ ràng buộc Faust với cô không còn là tình yêu mà là sự thương hại và cảm giác tội lỗi đối với số phận mình. Vì vậy cô khước từ lời thỉnh cầu của Faust, lên án Faust và tự nguyện dâng mình cho Chúa Trời phán xử, khi bình minh lên và Faust đã cùng Mephisto chạy trốn.

(T.S.G. Eversberg, *Faust I và II*, Nxb. C. Bange, 1991;

E. Hermes, *Faust – phần I và II*, Nxb. Klett, 1992 và

GS. TS. Theodor Friedrich:

Kommentar zu Goethe Faust, Reclam UB-Nr.7177, Stuttgart, 1985.

QUANG CHIẾN biên soạn)

Luyện tập

Lưu ý: Mỗi mục luyện tập thực hiện trong ít nhất 1 hoặc 2 tiết học.

1. Thảo luận và ghi chép riêng: Các bạn đã đọc xong lời dẫn và lời giới thiệu ban đầu về tác phẩm *Faust*. Các bạn cho biết cảm tưởng riêng đầu tiên về tác phẩm này. Các bạn thấy tác phẩm *Faust* có vẻ gì khác với những tác phẩm các bạn đã học?
2. Thảo luận và viết ghi chép riêng: Sau khi đọc Bài đọc thêm 1, các bạn đã biết *Faust* vốn là một câu chuyện dân gian Đức. Chuyện dân gian này chỉ kể về Faust là một học giả tài ba, tính tình ngạo mạn, chuyên giao du với những kẻ đồi bại, vô thần. Để thỏa mãn lòng mong muốn mở mang trí tuệ, Faust kết thân với quỷ Mephisto ở dưới địa ngục và hiến đi linh hồn của mình. Sau khi mở mang được rất nhiều kiến thức, thỏa mãn mọi dục vọng ở trần gian thì Faust bị Mephisto xé tan xác khiến cho máu, óc Faust vung vãi khắp nơi. Các bạn nghĩ gì về sự thay đổi chuyện dân gian thông thường cũ thành một vở kịch thơ hoàn toàn khác. Nói những cảm nghĩ ban đầu về sự khác biệt đó.
3. Thảo luận và viết ghi chép riêng: Sau khi đọc Bài đọc thêm 2, các bạn có thấy Chúa Trời là sự nhân cách hóa một nguyên tắc đã sáng tạo ra thế giới như nó hiện hữu, nghĩa là từ hỗn mang trật tự đã được lập thành, nguyên tắc này đồng thời cũng tác động để giữ vững trật tự vũ trụ, không để nó rơi trở lại hỗn mang. Bạn hiểu nhân vật Chúa Trời trong kịch *Faust* có giống với Chúa Trời của đạo Thiên Chúa không?
4. Thảo luận và viết ghi chép riêng: Mephisto khẳng định việc sáng tạo ra con người và ban cho người lý trí là một sai lầm, còn Chúa, qua ví dụ cụ thể là Faust, đánh giá sự sáng tạo của mình: Chúa so sánh con người với một cái cây non sẽ hoàn thiện trong quá trình trưởng thành, nói về sự nỗ lực vươn lên của con người và sự lầm lạc của con người (*“Chừng nào còn vươn lên, con người còn lầm lạc.”*). Các bạn hiểu ý nghĩa những lời vừa rồi như thế nào?
5. Thảo luận và viết ghi chép riêng: Chúa cũng khẳng định kết quả sáng tạo của mình: Là “một người tốt”, và người ấy dù có bị bủa vây

bởi “khát vọng tối tăm”, nhưng vẫn “ý thức được con đường chính nghĩa”. Vậy là, bản chất của con người là sự vươn lên, con người có khả năng vươn lên.

6. Thảo luận và viết ghi chép riêng: Chúa còn vui vẻ cho Mephisto làm bạn đồng hành của Faust, vì Chúa cũng biết rằng: Con người vốn thường hay thỏa mãn, bằng lòng với chính mình, thường thích an nhàn, tĩnh tại, trể nải trong hoạt động.

Bởi vậy, ta cho hẳn một bạn đường ngang trái

Là quỷ sứ tác thành, kích thích hẳn không ngừng.

Các bạn hiểu ý nghĩa của chi tiết trên như thế nào?

7. Thảo luận và viết ghi chép riêng: Sau khi đánh cược với Chúa, khẳng định “Người mất hẳn, đó là cái chắc!”, Mephisto sẽ phải hành động, tìm mọi cách dụ hoặc Faust để chứng minh rằng Chúa đã sai và y đã đúng, rằng Faust còn “súc sinh hơn mọi loài súc vật”. Hình tượng Mephisto tìm mọi cách sai khiến được Faust trở nên không khác gì một con vật mang ý nghĩa gì?
8. Thảo luận và viết ghi chép riêng: Faust tự nhận là “đứa con lạ lùng của Hồn mang”. Sự hành hạ giày vò trong ông bắt nguồn từ *tính nhị nguyên* của con người. Bạn hiểu tính nhị nguyên ở Faust là gì? Đó có là kết quả của những nỗ lực vươn lên muốn phá vỡ và vượt khỏi mọi giới hạn vây chặt lấy con người? Bạn hiểu điều đó như thế nào? Nếu Faust không thành công để vươn lên, điều đó có ý nghĩa gì?
9. Thảo luận và viết ghi chép riêng: Các bạn nghĩ gì về điều Chúa nói:
Ai nỗ lực vươn lên không nghỉ
Sẽ được ta cứu rỗi linh hồn?
10. Thảo luận và viết tiểu luận: Bạn biết gì về *Ngày phán xử cuối cùng* theo Công giáo? Bạn hãy nói ý nghĩ của mình với những lời sau:
Vậy nên, Hiện hữu đối với ta là gánh nặng trần ai,
Cái chết ta ước mong, cuộc đời ta oán ghét.
11. Thảo luận và viết tiểu luận: *Truyện Kiều* và *Faust* đem lại những giá trị gì cho con người nói chung? Cho chính bạn? Cho những ước vọng của bạn đối với tương lai con người ở khắp nơi?

BÀI 8

MÀN GIÁO ĐẦU Ở NHÀ HÁT

Hướng dẫn học

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Các bạn đã biết rằng nếu có điều kiện thì tác phẩm *Faust* nên được học trong thời gian dài hơn, ít ra cũng gần bằng thời lượng đã dành cho *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Nhưng thời gian dành cho bậc học phổ thông không cho phép chúng ta kéo dài hơn. Vì vậy, chúng ta chỉ có thể học *Faust* qua ba việc: (1) Tìm hiểu chung nhất về các nhân vật trong vở kịch thơ này; (2) Học mẫu *Màn giáo đầu ở Nhà hát*; và (3) Học mẫu *Khúc dạo đầu trên Thiên đường*.

Nói cách khác, chúng ta chỉ có thể học trong thời gian hữu hạn để đến với *phong cách tượng trưng* của vở kịch thơ này.

Tính tượng trưng trong *Màn giáo đầu ở Nhà hát* này thể hiện như thế nào?

Nó thể hiện ở những đối thoại giữa ba nhân vật: Giám đốc nhà hát, Nhà thơ tác giả kịch bản, và anh Hề.

Ba nhân vật này đối thoại với nhau, mỗi nhân vật thể hiện một thái độ, nhưng thái độ của cả ba nhân vật tựu trung chỉ nói lên điều này: *Thực trạng nền nghệ thuật nước Đức*. Nhân vật Giám đốc muốn duy trì nguyên trạng, ve vuốt thị hiếu tầm thường của công chúng – cái công chúng thể hiện sinh động những thói xấu của chàng Faust. Nhân vật Nhà thơ kịch tác gia thì muốn cải tạo đám công chúng kia, mong sao cho chàng Faust đó vươn lên thành một kiểu người lý tưởng khác. Còn vai Hề chỉ là vai dắt dẫn cho câu chuyện không nặng nề, căng thẳng.

Khi học Bài 8 này, các bạn sẽ thảo luận để hiểu tinh thần màn kịch đồng thời cũng diễn lại với cách diễn xuất riêng của mình, cố gắng lột tả được tinh thần màn kịch.

Mời các bạn làm việc.

MÀN GIÁO ĐẦU Ở NHÀ HÁT

Giám đốc nhà hát, Nhà thơ kịch tác gia, diễn viên sắm vai Hề.

GIÁM ĐỐC:

Ô, hai ông bạn hiền
vẫn sát cánh bên tôi trong nguy khó, ưu phiền,
35 Xin hãy nói đi, các vị hy vọng gì
Về nghề nghiệp của chúng ta trên nước Đức?
Tôi rất muốn chiều lòng cái đám người đông đúc,
Bởi họ sống cùng ta và nuôi sống chúng ta.
Thấy rạp được dựng lên,
40 Ai cũng mong một buổi hội diễn ra.
Kìa, họ đã ngồi kia đến thán nhiên, nhướng mắt nhìn nhao nhác
Và chỉ mong được trầm trồ, kinh ngạc.
Tôi biết cách nuông chiều thị hiếu của chúng dân,
Nhưng chưa bao giờ như hôm nay, tôi bối rối bối phần:
45 Thực ra, họ đâu có sành những áng văn tuyệt cú
Nhưng mà khốn thay, họ lại đọc quá nhiều sách vở.
Ta phải làm gì đây
Để diễn trò vừa mới, vừa hay,
Vừa ý nghĩa, lại vừa lòng khán giả?
Lẽ dĩ nhiên, tôi rất khoái được nhìn thấy họ
50 Lũ lượt kéo nhau đến rạp của chúng ta
Chịu đau đớn trăm chiều, vẫn cố cố lách qua
Khuôn cửa hẹp dẫn vào nơi thụ phước;
Trời còn sớm, chưa bốn giờ, mà người chen chúc
Kín cả quầy bán vé, xô đẩy, đâm huých nhau
55 Giành tấm vé vào xem, suýt gãy cổ, bươu đầu,
Như giành chiếc bánh mỳ thời xảy ra nạn đói.
Với đám người hỗn tạp này, điều kỳ diệu chỉ nhà thơ làm nổi;
Nào, ông bạn của tôi: ông hãy trở tài đi!

NHÀ THƠ:

Ô, cái đám người tạp nham kia, ông nói đến làm gì!
60 Chỉ thấy bóng họ thôi là hồn xiêu phách lạc.

Hãy che khuất mắt tôi lớp sóng người chen chúc,
 Họ kéo chúng ta vào dòng xoáy, trái ngược cả ý mình.
 Ô, không đâu! Xin hãy đưa tôi tới góc trời riêng tĩnh lặng, yên bình,
 Nơi với thi nhân, đời chỉ trở bông một niềm vui thuần khiết;
 65 Nơi phước lành của con tim tình bạn và tình yêu tha thiết
 Được bàn tay các thánh thần vun xới, sáng tạo ra.
 Ôi, những gì được khơi nguồn trong sâu thẳm hồn ta
 Mấp máy trên làn môi điệu ngập ngừng e ấp,
 Có thể giờ đây được tác thành hoặc tan biến mất,
 70 Chỉ một thoáng phũ phàng là tất cả tiêu tan.
 Tác phẩm sẽ hiện lên với dáng vóc vẹn toàn
 Chỉ khi đã kinh qua bao tháng năm thử thách.
 Vẻ hào nhoáng ánh lên chỉ dành cho khoảnh khắc
 Còn cái Đẹp chân thuần nguyên vẹn đến mai sau.

DIỄN VIÊN HỀ:

75 Thôi thôi, chuyện đời sau, tôi chẳng muốn nghe nói đến nữa đâu.
 Bởi nếu *chính* tôi cũng lo về hậu thế
 Thì còn ai cho khán giả đương thời những lớp trò giải trí?
 Họ muốn có trò vui và cần được mua vui.
 Có được một gã trai sốt sắng giỏi gây cười
 80 Như thế, theo tôi, cũng đủ là quý giá.
 Ai biết cách phô diễn mình thực tự nhiên, rôm rả
 Thì công chúng cũng chẳng để anh ta phải ngậm đắng nuốt cay;
 Anh ta sẽ ước mong phòng khán giả chật đầy,
 Để càng thêm vững lòng làm người xem xúc động.
 85 Vậy nên, xin thi nhân hãy can trường và trở tài cao rộng,
 Hãy để Trí tưởng tượng vang lên mọi cung bổng, cung trầm
 Với Lý trí, với Thông minh, với Xúc cảm lẫn Mê công,
 Nhưng cũng xin nhớ cho, đừng có quên sự Khôi hài, Rồ dại!

GIÁM ĐỐC:

Và nhất là trò diễn nên thừa thãi!
 90 Người ta đến để xem và thích nhất được nhìn.
 Cứ diễn thật nhiều trò trước con mắt người xem
 Khiến đám đông há hốc mồm, kinh ngạc,

- Thế là ông đã là người thắng cuộc,
 Ông thành người được lắm kẻ mến yêu.
- 95 Muốn chinh phục Số nhiều cần dùng đến Số nhiều,
 Để mỗi người có thể chọn cho mình một cái mà mình ưng ý.
 Ai có thể đem cho, sẽ cho được mỗi người một tí,
 Để đến lúc ra về, ai cũng thấy hân hoan.
 Một vở diễn đưa ra nên nhiều cảnh, nhiều màn!
- 100 Cái món hổ lớn này chắc ông làm được
 Vừa dễ cho diễn trò, vừa nhẹ nhàng sáng tác.
 Diễn một vở vẹn toàn, đâu có ích cho đời?
 Công chúng cũng xé tan thành muôn mảnh tả tơi.
- NHÀ THƠ:
- Ông không thấy hay sao, làm như thế quả là trò nhơ nhuốc!
- 105 Nó đâu xứng với nghề nhân chân thực!
 Hóa ra, cách làm ăn tặc trách của những kẻ đái bôi
 Đã trở thành phương châm hành động của ông rồi.
- GIÁM ĐỐC:
- Ông có chê trách tôi, tôi cũng chẳng phiền lòng:
 Người nào muốn hành nghề cho đắc sách
- 110 Thì phải biết dùng đồ nghề tốt nhất.
 Xin ông nhớ cho: ông phải chẻ gỗ mềm,
 Ông viết cho ai nào? Kìa, ông hãy nhìn xem!
 Kẻ đến rạp vì nhàn cư, buồn chán,
 Người thì đến để tiêu cơm sau bữa ăn thịnh soạn,
- 115 Và, tôi tặc nhất lại là – có những kẻ đến đây
 Sau khi đọc no nê các báo chí hàng ngày.
 Như đi hội hóa trang, họ đứng đứng đến rạp,
 Chỉ vì tính tò mò họ mới đi xem hát.
 Các quý bà thì khoe mình, ăn diện thật thời trang,
- 120 Họ diễn kịch cùng chúng ta nhưng không lấy tiền công.
 Vậy thì nơi đài cao, hời thi nhân, ông còn mơ chi nữa?
 Một nhà hát chật người, hỏi còn có gì mới làm ông thích thú?
 Ông ngắm kỹ họ xem, đấy, đấy, rất gần –
 Toàn người bảo trợ với ân nhân.

Một nửa thì lạnh lòng, một nửa thì thô lỗ.
125 Kẽ thì mong, sau vỡ diễn, lao vào trò đỏ đen,
Kẽ nghĩ đến một đêm thác loạn bên ngực ả giang hồ.
Để đạt mục đích này, hỡi các bạn điên rồ,
Làm gì phải dọa đầy Nàng Thơ nhiều đến thế?
Tôi bảo này, cứ cho họ xem nhiều vào, nhiều hơn, nhiều vô kể,
130 Thế là ông không trật đích bao giờ,
Cứ làm cho người xem thấy rối rít, rối mù,
Còn thỏa mãn họ ư? Chà! Rất khó, –
Ông làm sao thế kia? Đau lòng hay thích thú?

NHÀ THƠ:

Ông đi đi! Đi mà tìm cho mình một tay hầu bút khác,
135 Chẳng lẽ lại vì ông, nhà thơ sinh đốn mạt,
Để mất đi cái quyền cao quý nhất trần gian,
Là quyền làm con người mà Tạo hóa đã ban?
Nhờ đâu mà nhà thơ làm xúc động mọi con tim, khối óc?
Nhờ đâu mà mọi vật bị anh ta thu phục?
140 Chẳng phải vậy sao? Sự hòa điệu từ lồng ngực phát sinh
Đã thâm tóm cả thế gian về với trái tim mình!
Và nếu như Thiên nhiên vô tình quay, quay mãi
Bắt tơ trời vô tận cuộn tròn vào ống sợi,
Nếu như âm thanh của tạo vật muôn loài
145 Hồn động vang lên nhức nhối bên tai –
Hỏi ai đã tách dòng thanh âm vốn đều đều vang vọng
Thành tiết tấu nhịp nhàng, ngân rung đầy sức sống?
Ai đã gọi cái Riêng hòa nhập với cái Chung
Để trong khúc hòa âm tuyệt diệu nó cất lên tiếng hào hùng?
150 Ai đã biến phong ba thành si mê cuồng nộ?
Nơi tâm trí náo nùng, ai khiến hoàng hôn rừng rực lửa?
Và trên nẻo đường người yêu vẫn bước chân,
Ai rắc lên muôn vạn cánh hoa xuân?
Từ những chiếc lá xanh bình thường và vô nghĩa,
155 Ai đã đan mừng công biết bao vòng nguyệt quế?
Ai gìn giữ đỉnh Olym? Ai tụ hội các thánh thần?

Chính là sức mạnh loài người thể hiện ở thi nhân!

DIỄN VIÊN HỀ:

Vậy xin ông hãy sử dụng sức mạnh tài hoa ấy,
Ông hãy tiến hành đi, việc của thi nhân đấy,
160 Như thể dẫn thân vào tình ái phiêu lưu:
Tình cờ gặp gỡ nhau, lòng cảm thấy yêu yêu,
Rồi cứ thế lần hồi bị cuốn vào mê mải;
Hạnh phúc lớn mãi lên, rồi tình đầy ngang trái,
Người ta sống ngất ngây, tiếp đến chuyện đau lòng,
165 Ông chưa kịp hoàn hồn... thì tác phẩm đã xong.
Hãy cho chúng tôi được diễn trình một vở trò như vậy!
Ông cứ xọc mạnh tay vào kiếp người mà vùng vẫy!
Đời ai cũng sống qua, nhưng mấy kẻ biết đời,
Ông tóm bắt vào đâu là chỗ ấy thành lý thú ngay thôi!
170 Hình ảnh nhiều màu sắc, một đôi phần sáng tỏ,
Chân lý một tí ti, nhưng nhiều pha lằm lờ,
Đó là cách chế ra thứ nước uống tuyệt vời,
Giải khát cả nhân gian, làm tươi tỉnh mọi người.
Rồi gái sắc, trai tài sẽ đua nhau hăm hở
175 Đến xem kịch của ông, nghe điều ông tâm sự,
Mỗi tâm hồn đa cảm sẽ cố uống vào lòng
Chất dinh dưỡng ưu sâu từ tác phẩm của ông,
Rồi người ta xúc động xem màn này, cảnh nọ,
Ai cũng thấy cái mình xem, trong tim mình sẵn có.
180 Giờ thì đám thanh niên còn dễ khóc, dễ cười,
Còn quý sự bốc đồng, còn thích vẽ bề ngoài;
Nhưng chẳng có gì làm vừa lòng kẻ lối đời, từng trải,
Trừ kẻ đang trưởng thành là biết ơn ông mãi.

NHÀ THƠ:

Nếu vậy, hãy trả lại cho tôi những năm tháng xuân xanh,
185 Khi chính tôi đang ở tuổi trưởng thành,
Khi suối nguồn thi ca,
Luôn tuôn trào, giục giã
Khi thế giới quanh tôi còn mơ màng sương phủ

190 Và mỗi chồi non còn hứa hẹn sự thần kỳ,
 Khi các lòng thung rục rờ bởi hoa kia
 Tôi đã hái biết bao là hoa thơm, cỏ lạ.
 Khi tôi chẳng có gì mà đủ đầy tất cả:
 Khát khao tìm chân lý, thích thú cõi huyền mơ.
 Hãy trả lại cho tôi những động lực ngày xưa,
195 Niềm hạnh phúc thăm sâu nhưng cũng đầy đau khổ
 Sức mạnh của căm thù, uy lực của tình yêu đôi lứa,
 Hãy trả lại cho tôi cả tuổi trẻ của tôi!

DIỄN VIÊN HỀ:

 Ô, ông bạn hiền ơi, ông chỉ cần tuổi trẻ,
 Khi ông bị quân thù uy hiếp ngoài chiến địa,
200 Khi có các cô nàng đáng yêu nhất trần gian
 Ôm ghì lấy cổ ông thực mãnh liệt, nồng nàn.
 Khi có vòng nguyệt quế từ phía xa vẫy gọi,
 Mà cái đích cuộc đua ông khó lòng vươn tới,
 Hay sau khi ông khiêu vũ cuồng điên
205 Còn tiếp tục tiệc tùng, uống cho cạn trời đêm.
 Nhưng mà chơi bản đàn vốn quen tai thiên hạ
 Vẫn với vẻ can trường, phong nhã,
 Vẫn với cả điệu đàn lạc phách cực hào hoa,
 Mà đến được mục tiêu chính mình đã vạch ra,
210 Thì đó là phận sự của các ông, thưa quý ngài già cả!
 Vì lẽ đó, chúng tôi sẽ kính trọng các ngài chẳng kém phần danh giá,
 Tuổi già – như thường nói, không làm ta thành con trẻ ngây ngô,
 Mà ở tuổi già ta mới thực trẻ thơ.

GIÁM ĐỐC:

 Thôi, lời qua tiếng lại, thế đã là quá đủ,
215 Hãy để cho tôi thấy các ông hành sự!
 Trong lúc các ông mải tán tụng lẫn nhau
 Lẽ ra có thể làm việc hữu ích từ lâu.
 Nào có ích chi đâu, khi nói mãi về chuyện tìm thi tứ?
 Nó đâu có viếng thăm một con người do dự.

220 Ông đã nhận mình là thi sĩ kia mà,
Xin hãy chỉ huy truyền lệnh gọi thơ ra.
Hắn ông rõ điều chúng tôi cầu cạnh:
Chúng tôi muốn rượu ngon cực mạnh;
Xin hãy bắt tay ngay, nấu rượu đó cho nhanh!
225 Việc không làm hôm nay, ngày mai cũng chẳng thành,
Chớ có để một ngày nào uống phí,
Hãy đem Quyết Tâm ra và mau lẹ,
Nắm bắt lấy Khả Năng, tóm chặt lấy tóc tai,
Không để nó qua đi, vượt mất khỏi bàn tay,
230 Và tiếp tục vận hành và phải làm bằng được.

*

Ông biết đấy, trên các sân khấu Đức
Ai thích gì cứ thể nghiệm tha hồ;
Vậy từ nay xin ông chớ đắn đo,
Cứ sử dụng phong màn cùng máy móc!
235 Cả ánh sáng mặt trăng, mặt trời dùng thỏa sức,
Cứ việc vung tay phung phí các vì sao;
Rồi vách đá, sườn non, lửa cháy, nước trào,
Không được thiếu cả chim trời thú dữ,
Sàn diễn chật trong một khung nhà gỗ
240 Ông mặc sức trưng ra cả vũ trụ, nhân quần,
Và bước đi thận trọng, nhanh chân
Từ thiên đường qua trần gian vào địa ngục!

Luyện tập

1. Chuẩn bị cá nhân và viết tiểu luận: Mỗi bạn chọn và trích những lời lẽ tiêu biểu nhất của nhân vật Giám đốc, Nhà thơ, cho thấy sự đối lập chan chát giữa hai người, thể hiện *quan điểm* của họ đối với nền nghệ thuật nước Đức. Mỗi bạn nêu ý kiến mình về *mặt đen tối của Faust* thể hiện ở công chúng, và trong cả cách nhìn công chúng và đời sống nghệ thuật nước Đức.
2. Diễn cùng nhau *Màn giáo đầu ở Nhà hát*. Các nhóm tự hình thành với nhau gồm ba diễn viên, một bạn thiết kế mỹ thuật và trang phục, một bạn phụ trách ánh sáng và âm thanh. Các nhóm lần lượt diễn vui với nhau nhưng cần có một vài bạn đóng vai bình luận viên (sau đó cùng ra một số báo có bài bình luận, có ảnh minh họa... cho sự kiện này).
3. Viết tiểu luận: *Màn giáo đầu ở Nhà hát* của vở *Faust* và vai giáo đầu như khi diễn chèo của Việt Nam có gì khác nhau?
4. Viết tiểu luận: *Màn giáo đầu ở Nhà hát* của vở *Faust* giúp bạn suy nghĩ gì về văn hóa và nghệ thuật của nước ta hiện nay?
5. Chuyển thể: Hãy viết lại *Màn giáo đầu ở Nhà hát* của vở *Faust* thành một bài thơ hoặc một truyện ngắn. Làm kỷ yếu chung của cả lớp.

BÀI 9

KHÚC ĐẠO ĐẦU Ở THIÊN ĐƯỜNG

Hướng dẫn học

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Tác phẩm *Faust* của thi hào Goethe đặt ra những câu hỏi vô cùng khó cho con người và cũng là cho cả loài người.

Con người tiến lên trong lầm lạc!

Đó là ý Chúa hay đó là suy ngẫm của thi hào Goethe đầy niềm tin vừa lạc quan vừa bi quan trong cuộc sống trần gian này?

Con người có quấy ra khỏi Định mệnh đã gán con người với khát vọng vươn lên tìm Ánh sáng và Hạnh phúc – gán con người vào với những sai lầm mang tính hủy diệt cá nhân và loài? Hãy nghĩ đến nhà máy điện hạt nhân và bom nguyên tử. Hãy nghĩ đến những vụ tàn phá rừng để có gỗ làm nhà, có củi đun, có đất trồng trọt và cũng những hành động vì hạnh phúc con người đó đã kéo theo những thảm họa môi trường.

Con người có thoát ra khỏi con đường tiến lên trong lầm lạc đó hay không? Cái giá phải trả sẽ như thế nào?

Bài 9 này kết thúc loạt bài học *Faust* của Goethe.

Nếu bạn đã có trong lòng những câu hỏi nung nấu như vừa nêu – một vài câu hỏi trong cả trăm nghìn câu hỏi, và đã có bao nhiêu câu trả lời?

Hết Lớp 9, đến độ trưởng thành rồi, đó là những câu hỏi do nền giáo dục phổ thông đem lại, hay đó là những câu hỏi của chính bạn, người đã đến độ trưởng thành?

Xin mời cùng học tiếp.

KHÚC ĐẠO ĐẦU Ở THIÊN ĐƯỜNG

Chúa Trời, các thiên thần, rồi đến Mephisto.

Ba thánh tiến lên phía trước.

THÁNH RAPHAEL:

Vầng thái dương, theo điệu đàn vạn cổ
Cất tiếng đua ca cùng anh em tinh tú,
245 Vẫn hành trình theo lời Chúa phán truyền,
Hoàn tất chuyến đi bằng chớp giạt, sấm rền.
Quang cảnh ấy cho quần tiên sức lực.
Dù không ai đủ trí tài hiểu được:
Bao công trình cao cả, bí huyền
250 Vẫn tuyệt vời như trong buổi đầu tiên.

THÁNH GBRIEL:

Và trái đất nguy nga rực rỡ
Vẫn quay nhanh, nhanh quá, khôn lường;
Vừa chói chang ánh sáng thiên đường
Đã chuyển sang đêm dày, khủng khiếp;
255 Và biển cả sôi trào gào thét
Nơi cửa sông, bên ghềnh đá cheo leo,
Ghềnh đá, biển khơi cùng bị cuốn theo
Vào vòng quay vĩnh hằng Trái Đất.

THÁNH MICHAEL:

Và bão tố đua nhau gầm thét
260 Từ biển khơi vào bờ, từ bờ tới biển khơi,
Cuồng nộ tạo ra liên tiếp khắp nơi
Những tác động hủy tàn, sâu xa nhất.
Cảnh tàn phá sáng lên trong ánh chớp
Đến soi đường cho sét nổ, sấm vang;
265 Nhưng tôi tớ của Người, hỡi Chúa vinh quang
Vẫn tôn kính bước nhịp nhàng trong mỗi ngày của Chúa.

CẢ BA THÁNH:

Hình ảnh Chúa cho quần tiên sức lực,
Cho dù họ chẳng tài nào hiểu được

Bao công trình của Chúa thực cao cả, bí huyền
 270 Vẫn tuyệt vời như trong buổi đầu tiên.
 MENPHISTO:
 Lạy Chúa, bởi lẽ người đã có lòng hạ cố
 Và hỏi thăm cơ sự chốn trần gian,
 Với riêng tôi, thường tình ra Chúa vẫn ưa nhìn,
 Nên Chúa cũng thấy tôi đứng trong hàng tôi tớ.
 275 Xin lỗi, tôi không nên nói những lời cao nhã,
 Dù mọi người thường hay chế nhạo tôi;
 Tôi mà nói văn hoa chắc Chúa cũng phì cười
 Nếu Người chưa bỏ được thói quen cười thích thú.
 Tôi chẳng biết nói gì về Thái dương hay vũ trụ
 280 Mà chỉ thấy con người đang khốn khổ ra sao.
 Cái ông Thánh con của trần gian chẳng thay đổi chút nào,
 Vẫn như buổi đầu tiên thật lạ lùng, kỳ dị
 Lẽ ra hẳn có thể sống khá hơn như thế
 Nếu Chúa không ban cho hẳn ánh sáng thiên linh
 285 Mà hẳn gọi là Lý trí và sử dụng riêng mình
 Để rồi còn súc sinh hơn mọi loài súc vật.
 Tôi thấy hẳn, vâng, xin Người thể tất,
 Chẳng khác một loại ve ngoằng ngoằng bộ chân dài,
 Vừa bay vừa nhảy lại vừa nhảy vừa bay
 290 Rồi rúc xuống cỏ hôi ca bài ca cổ lỗ;
 Chà, giá như hẳn biết thân cứ nằm im trong cỏ!
 Đằng này, không, mọi chốn bùn nhơ hẳn đều cắm mũi vào.

CHÚA:

Người không còn gì khác để nói nữa hay sao?
 Sao lần nào đến đây cũng không ngời khiêu nại?
 295 Phải chẳng đối với người, chốn trần gian luôn là điều ngang trái?

MEPHISTO:

Thưa Chúa, vâng! Tôi thấy trần gian vẫn tồi tệ khôn lường
 Và ái ngại cho con người sống ngày tháng thê lương
 Nên cũng thấy mũi lòng, không nỡ hành hạ họ.

CHÚA:

Thế còn Faust, người biết chứ?

MEPHISTO:

Tay tiến sĩ ấy à?

CHÚA:

Là bề tôi của ta!

MEPHISTO:

300

A, phải rồi! Hẳn thờ Chúa theo cách riêng kỳ cục!
Uống cũng như ăn, gã điên ấy chẳng như người phàm tục.
Lòng bốc men say, hẳn khao khát toàn những chuyện xa vời.
Mà hẳn cũng phần nào nhận biết hẳn điên rồi;
Hẳn đòi lấy của trời những vì sao đẹp nhất,
305 Đòi hưởng mọi sướng vui tốt cùng trên trái đất.
Nhưng mọi cái ở gần hay chốn xa xôi
Cũng không sao thỏa mãn một trái tim đầy khát vọng trong đời.

CHÚA:

310

Cho dù hôm nay hẳn chỉ phụng sự ta trong mê đại,
Nhưng ta sẽ dắt hẳn đi tới quang minh, chính đại,
Người làm vườn thấy mầm cây non xanh
Đã biết chắc mai sau hoa trái sẽ đầy cành!

MEPHISTO:

Chúa đánh cược gì nào? Người mất hẳn, đó là cái chắc!
Nếu như tôi được phép,
Tôi sẽ dẫn hẳn đi vào con đường của tôi!

CHÚA:

Một khi hẳn còn sống ở trên đời
Ta không cấm đoán người, cứ việc làm thỏa sức.
Chừng nào còn vươn lên, con người còn lầm lạc.

MEPHISTO:

320

Xin đội ơn Người! Vì quả thật
Tôi chẳng bao giờ thích cái xác con người,
Tôi yêu nhất má hồng còn đầy đặn xinh tươi.
Còn cái xác khô rồi, tôi chẳng mong đón tiếp.
Tôi cũng giống chú mèo không ưa vờn chuột chết.

CHÚA:

Thôi, được rồi! Để ta cho người thỏa sức tung hoành
Lôi kéo linh hồn kia rời khỏi cội nguồn mình,
325 Nếu người có khả năng dụ hấn ta quy phục,
Thì cứ dẫn hấn đi theo người vào địa ngục,
Rồi người sẽ phải hổ thẹn khi phải thú nhận rằng:
Người tốt, trong khát vọng tối tăm
Vẫn ý thức được con đường chính nghĩa.

MEPHISTO:

330 Vâng, để coi! Không lâu đâu thưa Chúa!
Trong cuộc thách đố này, tôi chẳng sợ cho tôi,
Nhưng nếu tôi đạt cái đích kia rồi,
Chúa hãy cho tôi hả hê mừng thắng lợi.
Hấn sẽ phải vui mừng ăn cát bụi.
335 Như di tôi, một con rắn lừng danh.

CHÚA:

Còn người vẫn được phép lên đây theo ý mình,
Với những kẻ như người, ta chẳng bao giờ giận,
Trong cả đám quỷ ma chuyên phủ nhận
Thì Quỷ Khôi hài ít phiền nhiễu ta hơn.
340 Hoạt động của con người hay uế oải là thường,
Hấn chỉ thích sớm an nhàn, tĩnh tại;
Bởi vậy, ta cho hấn một bạn đường ngang trái
Là quỷ sứ tác thành, kích thích hấn không ngừng.
Còn các người, hồi bấy con chân chính của thánh thần,
345 Hãy vui mừng vì cái Đẹp sẽ sinh sôi muôn hình vạn trạng!
Và cái Sinh thành, cái Sáng tạo vĩnh hằng, sống động
Vây bọc các con trong âu yếm, yêu thương,
Còn những gì là hình ảnh chập chờn,
Các con hãy mãi mãi khắc sâu vào tâm tưởng.
(Cửa thiên đường khép lại. Các thiên thần tản đi)

MEPHISTO: (Một mình)

350 Thỉnh thoảng được thấy mặt cụ già, cũng thú,
 Mình cố giữ không tuyệt giao với cụ
 Kể cũng hay hay: có một đấng Tối cao
 Nói chuyện với quỷ ma mà nhân ái biết bao!

Luyện tập

1. Thảo luận: Ba thiên thần cất tiếng nói hồn nhiên như thế nào về vẻ đẹp của thiên nhiên như đã được “Chúa” sáng tạo nên? Hãy bắt chước thiên thần ca tụng thiên nhiên. Hãy bắt chước thiên thần cất lời lo lắng cho sự hủy diệt của thiên nhiên.
2. Thảo luận: Những đối đáp giữa Mephisto và Chúa Trời cho thấy niềm tin của Ác và Thiện như thế nào? Tại sao Chúa Trời lại chấp nhận lời thách thức của quỷ? Hãy dùng một câu nói của Mephisto và của Chúa Trời để chứng minh ý kiến của bạn.
3. Thảo luận: Hãy dùng những sự kiện có thật để chứng minh “con người tiến lên trong lầm lạc”. Con người liệu có rũ bỏ được lầm lạc hay không? Rũ bỏ như thế nào?
4. Chuyển thể loại nghệ thuật: Hãy viết một truyện ngắn hoặc một bài thơ hoặc một vở kịch dựa trên truyện cổ tích *Tám Cám* hoặc bất cứ truyện cổ tích nào khác đủ sức gợi cảm hứng cho bạn.

PHẦN 3

Tổng kết con đường học văn bậc Giáo dục phổ thông

NHẮN GỬI NHỮNG CHÀNG TRAI CÔ GÁI SẮP HOÀN THÀNH BẬC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CƠ SỞ

Các bạn thân mến,

Những lời chân tình này sẽ chia sẻ với các bạn về việc học Văn để tạo năng lực nghệ thuật, một trong những thành phần năng lực người trưởng thành.

Sau chín năm học sách Văn Cánh Buồm, các bạn sắp có bài học cuối kết thúc chín năm học môn học rất khó đó.

Xin nói luôn để khỏi hiểu lầm về mấy chữ “bài học cuối” và “bài học kết thúc”. Mục đích của giáo dục và giáo dục phổ thông là *tổ chức sự trưởng thành* của thanh thiếu niên cả dân tộc. Chương trình giáo dục của nhóm Cánh Buồm dắt dẫn các bạn đi con đường ấy. Và đây là điều chúng ta nên ghi nhận: Sự trưởng thành của các bạn đã diễn ra ngay từ bước chân đầu tiên đặt trên con đường vạn dặm đó, chứ không phải đến nơi rồi chúng ta mới chợt nhận ra là chúng ta đã trưởng thành. Ngay từ tiết học đầu tiên ở Lớp 1, chúng ta đã cùng nhau đi vào *con đường trưởng thành* đó. Dùng một hình ảnh, ta có thể ví “con đường” ấy như chuyến đi từ mỏm Đồng Văn thuộc tỉnh Hà Giang vào mũi Cà Mau tận cùng phía Nam đất nước. Vậy thì, ngay khi cùng nhau đứng ở đó và hô “Lên đường!”, thì mỗi bước đi là một lần gần đến đích, và dọc đường đi là những chặng đường tới đích.

Cái gì bảo đảm cho chuyến đi tới đích? Hai điều: Một là nhớ đến *mục đích* của chuyến đi. Và hai là thực hiện *phương pháp* đi. Xa rời mục đích thì không đến đích. Và phương pháp đi không đúng thì sẽ không bao giờ đến đích. Trong công cuộc đồng hành của các bạn với công cuộc giáo dục quốc dân, các bạn đừng bao giờ nghĩ sai về mục đích. Mục đích của giáo dục là *tổ chức sự trưởng thành* của các bạn

– chứ không phải là những kỳ thi. Và trên con đường đi đến đích của công cuộc giáo dục vì các bạn, cho các bạn, bởi các bạn, hãy nhớ tới *phương pháp học*, vì xa rời phương pháp thì không bao giờ có được cái phương tiện duy nhất để đi đến đích.

Vậy nên, khi đọc những lời này gửi các bạn, mặc dù nói đây là “bài học cuối kết thúc” chín năm học phổ thông cơ sở, xin đừng nghĩ đây là bài “ôn tập”, thậm chí là bài “luyện thi”. Bài học cuối của năm học Lớp 9 này giúp bạn hiểu vì sao mình đã trưởng thành, và công cụ nào đã giúp các bạn trưởng thành. Một công cụ tốt sẽ giúp các bạn dùng để đi tiếp con đường vào đời mệnh mông mổi mẻ và không ai giúp bạn được ngoài cái năng lực đã tự hình thành bằng cái công cụ *phương pháp học* mà bạn sẽ dùng cả đời. Tài sản của chương trình giáo dục Cánh Buồm đang tặng các bạn không chỉ là những kiến thức này khác, mà là một *phương pháp học*.

Chúng ta hãy cùng xem xét phương pháp học quan trọng như thế nào. Xưa nay cả học sinh và giáo viên đều coi hai môn Văn và Tiếng Việt như là những “cửa ải” khó khăn nhất hạng trên con đường tạo năng lực tiếng Việt và Văn. Tiếng Việt thì nổi tiếng khó và được ví với “phong ba bão táp không bằng ngữ pháp tiếng Việt”! Còn Văn thì ai ai cũng thấy nó “dễ” nhưng có chuyện hiểu nhầm này chỉ vì chưa hiểu biết thực sự *đối tượng* đó mà thôi. Ban đầu, nghĩ là dễ nên chính các thầy giáo cô giáo cũng đã có câu “dạy Toán học Văn” với hàm nghĩa là học Toán thì khó nhưng khi đi dạy Toán thì dễ, còn học Văn thì dễ, nhưng ra dạy thì khó vô cùng. Vì rõ ràng là đã có hiện tượng học sinh ngại học Văn, không thích học Văn, thậm chí có những em ghét học Văn. Nếu phương pháp học Văn chỉ dừng lại ở cách giảng giải, cách “dạy” cho sâu sắc và hấp dẫn, thì nhất định có lúc học sinh sẽ từ chối việc học Văn.

Vì bị trói trong phương thức giảng giải văn chương, nên cách dạy văn đã coi *đối tượng* văn là con “thuyền chở đạo”. Xác định mục đích dạy văn theo hướng đó sẽ dẫn tới chỗ lấy cái gọi là “Văn” làm công cụ truyền bá đạo lý. Sẽ không thể lý giải được hai người cùng “chở đạo” như nhau, một bên là Cao Bá Quát bị bêu đầu vì chống lại triều đình và một bên là Tự Đức đã ra lệnh tru di ba họ nhà Cao. Lại càng khó lý giải hơn nữa nếu xét hiện tượng cụ Đề Thám chưa từng bao giờ được khen là giỏi văn, nhưng lại có cái “đạo” rỗng rã nhiều năm rỗng chống chính quyền thực dân Pháp!

Cũng phương thức giảng giải văn chương ấy nên về sau văn đã được nâng lên thành công cụ “dạy người” – con người có năng lực sống với cái đẹp ngôn từ. Song cái Đẹp như một thành phần của năng lực người trưởng thành không phải

là riêng môn Văn tạo ra, mà mọi môn học đều để đem năng lực sống với cái Đẹp của con người. Môn Toán cũng dạy cái Đẹp của tư duy toán học theo một logic chặt chẽ trong con người. Môn kỹ thuật cũng dạy cái Đẹp của phần khéo tay hay làm trong con người – và không chỉ khéo tay, còn là "khéo đầu óc" hiểu bản thiết kế hoặc làm ra thiết kế nữa. Thể dục cũng dạy cái Đẹp của cơ thể người. Cả những ngày nghỉ cũng dạy người, con người biết nghỉ ngơi. Và phong trào "nét chữ nét người" đâu có riêng ở môn Văn?!

Các bạn thân mến,

Giờ đây, chính các bạn đã có thể nhìn rõ chính mình như là những sản phẩm của sáng kiến giáo dục Cánh Buồm ở những chàng trai và cô gái sau chín năm học sách *Văn* và cả sách *Tiếng Việt* của nhóm Cánh Buồm.

Bài học Văn kết thúc chín năm học trường phổ thông cơ sở sẽ làm công việc xác định *năng lực văn của các bạn*. Nội dung bài học sẽ giúp các bạn hệ thống hóa *quá trình và phương pháp tạo năng lực* đó. Nói cho dễ hiểu, xác định hoạt động tạo năng lực văn của các bạn diễn ra như thế nào và bằng cách học như thế nào đã dẫn tới năng lực ấy.

Trước hết, xin hãy nhớ lại nhiệm vụ của công cuộc giáo dục nhằm *tổ chức sự trưởng thành của thanh thiếu niên cả dân tộc*. Sự trưởng thành đó là cả một quá trình, có sự tham gia của nhiều yếu tố, mà trong phạm vi trách nhiệm của nhà trường, là tạo ra ở thanh thiếu niên sự trưởng thành về *phương pháp học* – trong đó có phương pháp học hai môn tiếng Việt và Văn.

Học xong Lớp 9, các bạn sẽ vào đời theo một trong ba hướng như đã nói nhiều lần: vào đời kiếm sống, hoặc học nghề, hoặc học lên bậc tập nghiên cứu để vào Đại học. Hành trang của người thanh thiếu niên trưởng thành sẽ vào đời theo hướng nào thì cũng sẽ không chỉ là kiến thức, mà sẽ bao gồm (a) một tư duy về phương pháp tìm kiến thức, (b) những kỹ năng tìm kiếm thông tin, và (c) năng lực thực thi những điều đã học được và sẽ còn học được thêm nữa trong đời. Hành trang đó đã chuẩn bị cho các bạn ngay từ Lớp 1 với cách tự học và tự đánh giá.

Các bạn Lớp 9 thân mến,

Bài học Văn cuối chín năm hưởng thụ *Giáo dục phổ thông cơ sở* này sẽ giúp các bạn tự tổng kết: Các bạn đã có *năng lực văn* ở trình độ hành dụng như thế nào. Các bạn sẽ nhìn lại *quá trình tự học* như thế nào. Các bạn sẽ tự rút ra con đường tự học văn tiếp theo như thế nào.

Xin mời cùng học.

CHÍN NĂM GIÁO DỤC PHỔ THÔNG: BIẾT CÁCH HỌC VĂN ĐỂ TẠO NĂNG LỰC NGHỆ THUẬT

Sau chín năm học văn ở nhà trường theo bậc phổ thông cơ sở, năng lực văn của mỗi người chúng ta được thể hiện như thế nào? Năng lực đó liên quan đến cách học trong suốt chín năm qua như thế nào? Cách học đúng có ích cho bản thân, cho hoạt động sống thiết thực, và còn được nâng cao trong đời sống thực như thế nào. Đó là ba điều bàn bạc cùng các bạn trong bài học kết thúc này.

1. Môn Văn – công cụ giáo dục nghệ thuật

Chương trình giáo dục bậc phổ thông cơ sở chín năm của nhóm Cánh Buồm trước hết xác định mục đích của việc *học Văn* – xin lưu ý: Công việc “*học Văn*” chứ không phải công việc “*dạy Văn*” – trong công cuộc *tổ chức sự trưởng thành của thanh thiếu niên dân tộc*.

Mục đích đó được nhắc lại ở đây như sau: Môn Văn trong nhà trường phổ thông cơ sở có mục đích dùng *vật liệu văn truyền thống để tổ chức năng lực nghệ thuật – năng lực đến với và sống trong cái Đẹp nghệ thuật* của học sinh.

Phương pháp tổ chức năng lực văn là tổ chức cho người học *biết cách làm ra sản phẩm nghệ thuật* – thay vì nghe giảng về các sản phẩm nghệ thuật và nhắc lại những “hiểu biết” về vẻ đẹp của các sản phẩm nghệ thuật.

2. Phương pháp làm ra sản phẩm nghệ thuật

Phương pháp làm ra sản phẩm nghệ thuật được tìm thấy ở đâu? Phương pháp đó nằm trong các *hoạt động và các thao tác* của người đi trước – những nghệ sĩ, những nhà hoạt động nghệ thuật.

Các nhà hoạt động nghệ thuật có những *việc làm và thao tác giống nhau* trên những *vật liệu khác nhau* để cùng tạo ra một tình cảm người giống nhau.

Âm nhạc thì dùng vật liệu là nhịp điệu và âm thanh.

Nhảy múa thì dùng vật liệu là cơ thể người. Hội họa (tạo hình) thì dùng màu sắc và hình khối.

Thơ thì dùng những con chữ chất lọc để nói thật ngắn thay cho tâm trạng con người – vì thế mà người ta nói “*thi trung hữu họa*” (trong tranh có hội họa) hoặc “*thi trung hữu nhạc*” (trong lời thơ có cái du dương của âm thanh và nhịp điệu).

Văn xuôi thì dùng cả một câu chuyện kể lại (và viết lại) những điều con người đã có thể kể lại bằng nhịp và âm thanh, bằng cơ thể người, hoặc bằng màu sắc và hình khối. Những bức tranh ở hang động tiền sử có thể được kể lại bằng những sử thi, những đêm kể *khan* về *Đam San* hoặc chuyện thần linh tạo ra đất trời khác. Một bức tranh *Guernica* của Pablo Picasso có thể kể lại bằng những tiểu thuyết dài, như *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh hoặc cả nghìn trang *Chiến tranh và hòa bình* của Lev Tolstoy...

Và kịch thì dùng lời thoại (kịch nói) và động tác (kịch câm) và cả những động tác quy ước nữa (nhạc kịch, tuồng, chèo...) để kể lại cả một câu chuyện dài của con người qua những xung đột kịch mang những sắc thái tâm lý người.

Tất cả những *cách biểu đạt* khác nhau đó đều có chung một động lực tinh thần mang tâm hồn, tình cảm, dẫn tới một thái độ thể hiện ở tấm lòng người nghệ sĩ – hạt nhân của tinh thần đó là sự *đồng cảm* mà chương trình giáo dục Cánh Buồm đã dắt dẫn học sinh thực hiện từ tiết học Văn đầu tiên ở Lớp 1. Học đồng cảm từ lớp 1 là học *làm lại* cái tinh thần, cái tâm hồn, cái tình cảm, dẫn tới cái thái độ của bất cứ người sáng tạo tác phẩm nghệ thuật nào.

Các cách biểu đạt khác nhau của mỗi hình thức nghệ thuật khác lại có chung những *thao tác giống nhau* mà chương trình giáo dục Cánh Buồm đã dắt dẫn học sinh thực hiện từ đầu: Thao tác tưởng tượng, thao tác liên tưởng và thao tác sắp xếp (hoặc bố cục).

Năng lực văn

Với môn Tiếng Việt, tổ chức cho học sinh học ngôn ngữ học với vật liệu tiếng Việt mẹ đẻ sẽ phải dẫn tới một *năng lực ngôn ngữ* mẹ đẻ (tác động cả sang cách học ngoại ngữ), mà cuối cùng sau chín năm rèn luyện, học sinh phải có năng lực diễn đạt mọi vấn đề nghệ thuật, khoa học và chính trị – xã hội bằng tiếng mẹ đẻ sao cho *đúng, hay* và *đẹp*. Biểu đạt đúng là nói và viết chính xác, rõ ràng, mạch lạc. Biểu đạt *hay* là nói và viết bằng từ ngữ phong phú, logic chặt chẽ. Còn biểu đạt *đẹp* là nói và viết uyển chuyển, đúng mực và hài hước khi cần thiết.

Với môn Văn, tổ chức cho học sinh học văn–nghệ thuật sẽ phải dẫn tới một *năng lực văn–nghệ thuật* như thế nào?

1. Trước hết là một năng lực tự mình biết cách tìm hiểu để cảm nhận cái đẹp trong tác phẩm nghệ thuật thuộc mọi thể loại. Có một trình độ nghệ thuật

phổ thông sẽ giúp ích rất nhiều một khi định học chuyên ngành nghệ thuật sau khi ra trường sau Lớp 9.

2. Biết cách làm ra tác phẩm nghệ thuật để làm cho đời sống tinh thần của riêng mình được phong phú. Học sinh Cánh Buồm ngay từ lớp 1 và suốt những năm tháng còn trên ghế nhà trường đã thích làm thơ, đã thích đóng vai, và lên cao từng lớp đã có năng lực diễn kịch, ra báo, vẽ tranh...

3. Biết cách dùng tác phẩm nghệ thuật để tổ chức cuộc sống của riêng mình và cho cộng đồng (bắt đầu từ cộng đồng lớp học, cộng đồng gia đình mình rồi lan tỏa sang cộng đồng rộng lớn hơn).

Năng lực văn đó dĩ nhiên cũng thể hiện ra cả trong việc nghiên cứu nghệ thuật. Những cuộc hội thảo nghệ thuật với những sản phẩm thu hoạch hoặc đánh giá tác phẩm và tác giả thể hiện năng lực văn-nghệ thuật suốt dọc chín năm học trường phổ thông cơ sở. Những biểu đạt năng lực văn-nghệ thuật cũng cho phép học sinh thể hiện quan điểm riêng, đồng thời khiêm nhường và khoan dung trước những cách tiếp nhận giá trị nghệ thuật của người khác.

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Bây giờ mời từng bạn và chung tất cả các bạn hãy tiến hành công việc *đánh giá và tự đánh giá* kết quả học văn-nghệ thuật của mình.

BÀI HỌC CUỐI NĂM

ĐÁNH GIÁ VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ

Các bạn hãy dùng những hoạt động sau để tổ chức những tuần lễ học Văn cuối năm Lớp 9 sao cho vui vẻ, nghiêm túc và bổ ích.

Lưu ý: những hoạt động đánh giá và tự đánh giá này có thể thực hiện trong suốt năm học, không nhất thiết chờ đợi cuối năm học.

Hoạt động 1 – Làm việc cá nhân học nhóm: Tìm một tác phẩm và chuyển thể tác phẩm đó sang một thể loại khác. Các bạn có thể dùng những tác phẩm đã cho trong sách Văn từ Lớp 1 đến Lớp 9 để làm công việc chuyển thể này. Làm xong thì tổ chức báo cáo (đọc truyện ngắn, đọc thơ, đọc kịch bản) hoặc biểu diễn (tổ chức đêm vui có đọc thơ, diễn kịch, biểu diễn âm nhạc và múa). Về tranh và tượng, nên tổ chức triển lãm dài ngày.

Hoạt động 2 – Tổ chức sinh hoạt và hội thảo *Thể loại nghệ thuật* với các chuẩn bị cá nhân xoay quanh chủ đề thơ. Gợi ý chọn đề tài:

- (a) Thơ là gì theo cảm nhận của tôi.
- (b) Làm thơ và viết tự sự giống nhau và khác nhau như thế nào?
- (c) Kịch bản và vở diễn giống nhau và khác nhau như thế nào?
- (d) Từ bức tranh gợi hứng cho một ý thơ và bài thơ, và từ bài thơ gợi hứng cho việc vẽ một bức tranh như thế nào?

Hoạt động 3 – Tổ chức sinh hoạt và hội thảo *Hồn thơ* với các chuẩn bị cá nhân xoay quanh chủ đề thơ. Gợi ý chọn đề tài:

- (a) Tâm hồn nhà thơ theo hiểu biết và trải nghiệm của tôi.
- (b) Nhận thức của tôi về phong trào Thơ mới những năm 1930.
- (c) Thơ hiện nay trong yêu thích của tôi.
- (d) Tính thơ trong một truyện viết bằng văn xuôi mà tôi có ấn tượng.
- (e) Giới thiệu bài thơ tôi mới làm.

Hoạt động 4 – Tổ chức sinh hoạt và hội thảo *Hãy chăm đọc truyện* với các chuẩn bị cá nhân xoay quanh chủ đề tự sự. Gợi ý chọn đề tài:

(a) Giới thiệu cuốn truyện hay tôi mới đọc tháng này. (Chú ý có thể là truyện cũ, không phải truyện mới xuất bản).

(b) Giới thiệu một truyện của tôi viết sau khi nghe bản nhạc... (hoặc sau khi thưởng thức một tác phẩm khác).

(c) Giới thiệu sự đồng cảm và đồng điệu trong một truyện văn xuôi do ba bạn chúng tôi cùng viết. Một bạn mở đầu bằng một chương. Bạn thứ hai đọc và cảm nhận ý tưởng của bạn trước và viết tiếp. Tiếp tục bạn thứ ba (không nên thêm bạn thứ tư, vì kéo dài quá sẽ khó thể hiện năng lực đồng cảm giữa những người bạn thân).

Hoạt động 5 – Tổ chức sinh hoạt và hội thảo *Điều bất ngờ cuối năm học tặng cô giáo và thầy giáo*. Hoạt động này sẽ do các bạn bí mật tổ chức, đừng để lộ cho cô giáo và thầy giáo biết.

Hoạt động này nên có các nội dung sau.

(a) Tổ chức trình diễn đọc thơ và văn cuối năm và cuối Lớp 9 hoàn toàn do học sinh sáng tác.

(b) Tổ chức trình diễn kịch cuối năm và cuối Lớp 9, đề tài hoàn toàn từ chuyện có thực ở trường và do học sinh sáng tác.

(c) Tổ chức tặng giáo viên và nhà trường những sản phẩm như kỷ yếu hội thảo, thơ văn sáng tác, tranh và bộ ảnh kỷ niệm.

**Tạm biệt và chúc các bạn vào đời
may mắn, hạnh phúc!**

Bảng chỉ mục

B

Bão táp và xung kích 136

Beethoven 138

Bill Clinton 91

Bói Kiều 55

C

Cách mạng Pháp 138

Câu thơ Truyện Kiều 112

khổ thơ độc lập 112

Nhịp điệu 112

cấu trúc luận 107

công thức hóa 108

Ferdinand de Saussure 107

kiểu lựa chọn 108

phương pháp phân tích 108

tần suất lựa chọn 108

thái độ khách quan 108

thống kê 108

Chinh phụ ngâm 119

chữ Nôm 11, 45, 57

chữ Quốc ngữ 11, 17

Cung oán ngâm khúc 21, 119

D

Duy Minh Thị 83

Đ

Đặng Thai Mai 85

Đào Duy Anh 84, 86

Khảo luận về Truyện Thúy Kiều 86

Đào Nguyên Phổ 19, 48, 55

Đến với tiến sĩ Faust 140

anh em nhà Montgolfier 143

Nỗi đau của chàng Werther 142

thời kỳ Baroque 143

Đố Kiều 49

F

Faust 134, 135

Bản chất nhị nguyên 156

Chúa Trời 151

Faust – Bi kịch 142

Gretchen 167

Hy vọng 160

Mephisto 154

Niềm tin 160

Tình yêu 160

Faust – Một anh chàng quỷ sứ 145

Christopher Marlowe 146

Historia von Dr. Johann Fausten 146

Prometheus 149

Rentsch 150

Tragicall History of D. Faustus 146

Friedrich Schiller 136

Wilhelm Tell 137

G

giới bác học 81

giới bình dân 81, 96

H

Hoàng Xuân Hãn 84

Hội đồng hòa bình thế giới 25

Homer 138

Illiad và Odyssey 138

J

Johann Wolfgang von Goethe 135
Faust 135

K

Khúc dạo đầu ở Thiên đường 141
kiểu lựa chọn 108
Kiều Oánh Mậu 55

L

Lấy Kiều 90
Liễu Văn Đường 83

M

Mai Quốc Liên và Nguyễn Quảng Tuân 84
Màn giáo đầu ở Nhà hát 141
Mistral 99
Mireille 99

N

ngôn ngữ nhân vật 116
tính chất hiện thực 122
tính chất ước lệ 116
tinh tế, chính xác 115, 128
Nguyễn Bính 89
Nguyễn Du 15
Long thành Cầm giả ca 29
Nguyễn Nghiễm 15
Tố Như 15
Truyện Kiều 16
Kiều cổ 17
Kiều Nôm 17
Văn tế thập loại chúng sinh 37
Nguyễn Huệ 16
Nguyễn Khuyến 92
Nguyễn Tài Cẩn 84

Nguyễn Thế Anh 11

P

Phạm Quỳnh 96
Phan Ngọc 87, 106
Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong
Truyện Kiều 106
Phật giáo 110
phong trào Thơ mới 108
phương pháp phân tích 108

Q

Quân Tây Sơn 29

T

Tầng lớp trí thức 46
Tập Kiều 89
thành ngữ và tục ngữ 23
Thanh Tâm Tài Nhân 83
Kim Vân Kiều truyện 16, 83
thống kê 108
Thuyết tài mệnh tương đố 109
Tiên Phong Mộng Liên Đường 19
Trần Đình Sử 87
Thi pháp Truyện Kiều 87
triều Lê-Trịnh 16
Trương Từ 85
truyền khẩu 81, 146
từ đồng nghĩa 21, 23
Chén rượu 22
Cửa sổ 22
Đàn bà 22
Giấc ngủ 21
Mặt trăng 22
Nước mắt 21
Tấm lòng 22

V

văn đàn thế giới 17

Abel des Michel 17, 100

Ahn Kyong Hwan 19

De Anza 18

Johan Dichman 18

John Swensson 18

Komárek 18

Triệu Ngọc Lan 19

Trường Đại học Chosun 19

Vũ Thế Khôi 18

Viện Ngôn ngữ học 21

Việt Nam thi văn hợp tuyển 19

Việt văn hợp tuyển giảng nghĩa 19

Vịnh Kiều 91

Volkmar Hansen 140

W

Walter Kaufmann 136

William Shakespeare 111

Vua Richard 111

Mục lục

Bài mở đầu	Nội dung và cách học Văn Lớp 9	7
Phần 1	TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU	10
Bài nhập	Một cách học <i>Truyện Kiều</i>	10
Bài 1	Tổng quan về <i>Truyện Kiều</i>	14
Bài 2	Cách thức <i>Truyện Kiều</i> lan tỏa trong đông đảo nhân dân	45
Bài tập lớn 1	Chơi đồ <i>Kiều</i>	61
Bài tập lớn 2	Chơi bói <i>Kiều</i>	76
Bài 3	Cách thức <i>Truyện Kiều</i> lan tỏa trong giới trí thức	81
Bài 4	<i>Truyện Kiều</i> một giá trị văn hóa Việt Nam đặc sắc	96
Bài 5	<i>Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều</i> của Phan Ngọc	106
Bài 6	Ngôn ngữ nhân vật trong <i>Truyện Kiều</i>	115
Phần 2	TÁC PHẨM FAUST CỦA GOETHE	134
Bài nhập	Tại sao học <i>Faust</i> ?	134
Bài 7	Đến với tiến sĩ Faust	140
Bài 8	<i>Màn giáo đầu ở Nhà hát</i>	171
Bài 9	<i>Khúc dạo đầu ở Thiên đường</i>	180
Phần 3	TỔNG KẾT CON ĐƯỜNG HỌC VĂN BẬC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG	186
	Chín năm giáo dục phổ thông: biết cách học Văn để tạo năng lực nghệ thuật	
Bài học cuối năm	Đánh giá và tự đánh giá	192